

Daniel Pezeril

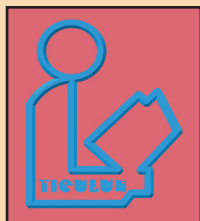


Linh mục nghèo và thánh thiện xứ Ars



LINH MỤC NGHÈO VÀ THÁNH THIÊN XỨ ARS

DANIEL PEZERIL



Ngày nay, có ích gì khi trình bày diện mạo vị linh mục nhỏ bé thời Phục hưng này, lạc lõng giữa đất đai khô cằn, với đôi ủng to và chiếc mũ lố bịch không lồ mà cha luôn kẹp dưới cánh tay, khi mà các giáo xứ và linh mục, - ngay cả vùng nông thôn - đã phát triển rất nhiều kể từ đó ? Giữa các cuộc gọi điện thoại, những di chuyển bằng xe hơi, các phương pháp giáo lý, nghiên cứu phụng vụ, nghiên cứu xã hội học, các cuộc tụ họp của những người ủng hộ và hoạt động của các nhà hoạt động, giờ đây, trong một ngày làm việc kéo dài 24 giờ, người ta có thể tìm được chỗ nào cho Jean-Baptiste-Marie Vianney ? Hãy bình tĩnh lại : không phải cha, thật tội nghiệp, là người sẽ phản đối. Miễn là chúng ta còn chỗ cho Chúa. Ngay cả trong thời của cha, nhiều linh mục khác vẫn coi cha là người có chút đặc biệt và một số khác thì khá thờ ơ với cha. Trong khi Rome phong thánh cho cha và sau khi cách điệu trang phục của cha, dựng hình ảnh cha trên các bàn thờ, trong khi các linh mục Công giáo toàn thế giới vui mừng vì cuối cùng cũng có được một vị thánh bốn mạng, thì theo nhiều cách, người chặn cừu trước đây vẫn là người phục vụ bí ẩn của một ngôi làng hẻo lánh và yên tĩnh. «Chúa ơi, làng nhỏ quá !» cha đã nói như vậy khi đến - nơi mà sự phô trương chính thức cho đến nay chỉ giới hạn sự tàn phá của nó trong việc xây dựng, trên đỉnh nhà thờ

làng khiêm nhường và thân thương của cha, thành một vương cung thánh đường không thể chấp nhận mà cha đã chấp thuận kế hoạch, than ôi ! trước khi qua đời, nhưng để kính Thánh nữ Philomena.

Chúng ta phải tìm thấy vị linh mục xứ Ars nơi ngài ở. Có khoảng cách từ cha đến chúng ta. Một người không đức tin có thể mạo hiểm đến Ars mà không sợ hãi. Họ sẽ không cảm thấy nổi day dứt ở Lourdes, nơi phép lạ thực sự hằng ngày khi các cuộc tụ họp đức tin có thể diễn ra ở vùng ngoại ô của một con đường mà các cánh cổng phải tránh xa đền thờ : đúng là từ một năm qua, sự nghèo khổ đã có chỗ đứng ở Đền thánh Phêrô. Ở đây, việc dọn dẹp này không cần thiết. Ars vẫn là nơi định cư của những người nông dân lao động. Họ kiếm sống bằng nghề nông.

Con đường, một khi rời khỏi Ambérieux, dẫn về phía ngôi làng và rẽ khỏi những nơi buôn bán : nó hầu như không báo về một vài ngôi nhà đang chờ chúng ta, nhưng tương ứng với quy mô của cuộc hành hương. Con đường đã được mở rộng có nghĩa đôi chút đối với những căn nhà và rất lớn đối với chúng ta. Những cánh đồng được chăm sóc tốt, những tòa nhà đẹp, một vài khách sạn sẽ sớm xuất hiện, không có gì cho thấy sự nghèo đói. Không có sự giả dối nào trong nghèo khổ

hơn trong lòng nhiệt thành. Ars không kiêu ngạo. Ars biết cách sống hằng ngày với một vị thánh. Cộng đồng nhân loại tụ họp như thế, không hoàn hảo nhưng trang nghiêm và giản dị, vẫn làm chứng cho giáo xứ thánh Jean Vianney vào lúc cuối đời. Chính xác, sự khác biệt với Lourdes - ngoài sự bồi rối gây ra ở đó do sự kiện quá mức - có lẽ xuất phát từ thực tế này : Bernadette, nếu chúng ta tin vào các nhà sử học, hầu như không có giáo xứ nào xung quanh cô, mà là một đất nước khủng khiếp bị các chính trị gia, kẻ đầu cơ và Hội Tam Điểm xâm chiếm. Họ phát triển, hòa mình vào những hạt giống tốt, cùng với cuộc phiêu lưu của cô gái chần chừ trẻ tuổi ; họ đã nắm lấy cơ hội đen tối của mình. Than ôi ! điều này luôn xảy ra trong lịch sử nhiều lần cho đến Ngày Phán Xét Cuối Cùng.

Ars trước hết là một nhóm gồm vài gia đình. Bất chấp sự tiến bộ - vì ngôi làng này đã không sợ hãi trở thành chính nó, chúng ta nhanh chóng nhận ra cảnh quan như xưa. Việc phục chế mô hình thu nhỏ mà cha Nodet đã thực hiện đầy hứng thú. Điều đáng ngạc nhiên là nó có vẻ không cần thiết. Không khó để đoán được sự chuyển động nguyên thủy của vùng đất chưa có con đường nào đi qua, cũng như việc tái hiện lại sự ra đời và phát triển cuộc sống nơi đây. Chúng được tái sinh trước mắt.

Trên gò đất đầy cỏ, nhà thờ với vài chục chiếc ghế chỉ tượng trưng cho một nhà nguyện nông thôn. Phía sau nhà thờ là quảng trường có hai mươi hai cây óc chó. Vào thời điểm đó, chúng ta có thể tưởng tượng ra quang cảnh buổi chiều chiều xuống dòng nước Fontblin chảy, xuống những vườn cây ăn quả và những ngôi nhà thấp. Trong khi những ngôi nhà này đón nhận bóng tối dần đến như lời cam kết về sự yên bình của những ngôi nhà, và trong khi những mái tranh rộng của một số nhà kho vẫn còn trải dài, thì tháp chuông không ngủ, một tháp chuông tạm thời, - tháp chuông đã bị Cách mạng phá hủy, - bốn thanh dầm và một thanh ngang để đỡ chiếc chuông bị nứt. Người bảo trợ, dù đau khổ, với thực sự hiện diện, cha vẫn ở đó. Cha chứng thực rằng một dân tộc không cần phải đông đảo mới được quyền có sự trọn vẹn của lời cầu nguyện. Cha trung thành đảm bảo cho toàn bộ xứ sở nhỏ bé này, giống như những thánh đường vươn cao trên khắp toàn vùng nông thôn, lời nhắc nhở về *Kinh Truyền Tin* và tiếng chuông ngân vang của các giờ kinh.

Cách đó vài bước, cũng trên bờ kè, là nhà xứ của cha. Đó là một ngôi nhà bằng đất sét giống như những ngôi nhà khác, có một khoảng sân nhỏ ở phía trước. Vì vị trí của nó hơi cao nên có lẽ màn đêm xâm chiếm nó chậm hơn so với những ngôi nhà nằm rải rác xung quanh và

nó hẳn đã nằm một mình trong một thời gian khi hoàng hôn buông xuống - một mình với nhà thờ. Dĩ nhiên, ngôi nhà có vẻ độc lập. Có lẽ đây là điều gây ấn tượng sâu sắc nhất với cha Jean-Baptiste-Marie Vianney khi ngài bước vào đây lần đầu tiên vào ngày 9 tháng 2 năm 1818.

Đây rồi. Là «cha» đó. Tại sao để chỉ một linh mục ba mươi hai tuổi, khá khác thường với vóc dáng rất nhỏ, gầy gò đáng sợ, mái tóc quá dài, dù vào thời đó, những cử chỉ lo lắng và quảng đại của cha ? Tôi muốn nhắc lại trên hết rằng cha là «mái ấm của sự dịu dàng và lòng thương xót», theo lời một nhân chứng. Bằng thủ đoạn quỷ quyệt nào, dưới ngôi nhà của cha, khuôn mặt người nông dân và thánh nhân này như làm bằng sáp ? Như thể cha chỉ tìm cách làm chai sạn và khép kín mình, như thể dù đức hạnh cao cả và đức tin của mình, ông đã chia sẻ với Voltaire nhiều hơn là chiếc mặt nạ - một sự lạnh lẽo nhất định của tâm hồn...

Ngược lại, cha đã hiến dâng chính mình. Bằng chứng tốt nhất là chúng ta hầu như không cần phải hỏi bất kỳ ai về những yếu tố cốt yếu trong tiểu sử của cha. Điều này khá hiếm. Thế là cha lên tiếng. Cha đang nói về chính mình. «Cha thường nói với chúng tôi rằng...» «cha thích nhớ lại những gì chúng tôi nghe cha nói»: những từ này

liên tục được thốt ra từ miệng những người biết cha. Trong khi đó, các cuộc điều tra sau khi chết và mọi tìm kiếm gián tiếp hầu như không tiết lộ được điều gì. Tuy nhiên, để cha bộc lộ, người ta cũng phải ít nhiều chia sẻ đời sống của ngài.

Nhưng đó là chuyện khác và nó đã đi vào cuộc đời cha...

Jean-Marie Vianney chỉ là một trong vô số trẻ em ở vùng nông thôn của chúng ta trong thời kỳ Cách mạng. Em gái cha, Marguerite, gọi là Gothon, đã tuyên bố tại Lễ phong thánh : «Tôi không thể nói chính xác năm sinh của anh trai tôi» ; là một người nông dân tốt, ít nhất bà cũng nhớ rằng anh đã bước vào thế kỷ bất hạnh của mình vào khoảng nửa đêm : giờ phút này gần như là một biểu tượng. Sổ đăng ký Công giáo cũ ghi nhận anh sinh ngày 8 tháng 5 năm 1786. Do đó, anh mới bảy tuổi vào năm 1793, anh sẽ mười lăm tuổi khi Napoleon lên ngôi và hai mươi chín tuổi khi ông này sụp đổ. Anh thụ phong linh mục một tháng rưỡi sau trận Waterloo. Người ta có thể muốn viết từ trường hợp của anh cuộc phiêu lưu của một người nông dân trẻ thời đó: những sự kiện lịch sử, đặc biệt là nếu chúng có chút gì giống như mặt trời đỏ máu, không bao đến từ nét mặt của những người bình dân.

Nhưng chính trong một màn sương mù giống như vùng Rhone, số phận kỳ lạ này bắt đầu. Hầu như không có gì đáng nói về nó. Không có hình ảnh sống động. Tai họa chung không ảnh hưởng nghiêm trọng đến trang trại rộng vài hecta mà cha mẹ Jean-Marie quản lý ở Dardilly, cách Lyon tám cây số, và là trang trại họ sở hữu. Gia đình này luôn có những điều tốt đẹp. Theo truyền thống, bà cũng chia sẻ nó với những người ăn

xin : đây là điều đã giúp ông nội có cơ hội được tiếp đón, trong một buổi tối đáng nhớ, thánh Benoit Labre và nhận được, để đáp lại, một lá thư cảm ơn tuyệt đẹp.

Vào thời đó, người ta không tiếp đón người nghèo đằng sau quầy hàng, trong phòng làm việc : họ có một chỗ trong nhà. Không thể tránh khỏi sự bí ẩn đáng lo ngại trong những cuộc gặp gỡ giữa con người với họ. Chúng ta tưởng tượng những đứa trẻ ngồi cùng bàn với những người khách đáng thương, và vào mùa đông, khi ánh sáng không ổn định làm khuôn mặt chuyển động và cử chỉ mở rộng, hình bóng của những vị khách buổi tối này gần với lời tiên tri của Phúc âm hơn với những giấc mơ. Những đứa trẻ không còn rời mắt khỏi bất cứ điều gì, ở độ tuổi này, khiến người lớn ngạc nhiên - liệu bọn trẻ ăn với trái tim đầy những câu hỏi không? - từ lòng mọc khắp nơi và chiếc mũi méo mó ngộ nghĩnh, đến cách nhìn khi để lộ đôi mắt trần kém sắc hoặc ngược lại, ngoảnh đầu đi một cách xấu xí khi trả lời. Ngày hôm sau, một ngày trời quang đãng, kẻ lang thang lại tiếp tục ra đi.

Bất chấp sự hỗn loạn, anh Vianney không hề bị đói hay lạnh. Nhưng môi trường ở đó rất khắc nghiệt. Từ năm bảy tuổi, anh đã được giao nhiệm vụ chăn thả gia súc trên đồng cỏ : «Ba con cừu và con lừa của tôi ! Con

lừa xám nhỏ tội nghiệp, nó đã ba mươi tuổi khi chúng tôi mất nó.» Sinh ra là nông dân, anh đã làm việc hết sức mình. Tay cầm cuốc, anh lật những dây nho «từng dây từng dây», anh hái quả, dọn sạch nương rãnh, cắt bó. Khi thu hoạch, anh thấy cả nhà ở ngoài đồng. Đến trưa, «chúng tôi nghỉ ngơi sau bữa ăn, trước khi quay lại làm việc. Tôi nằm dài dưới đất như những người khác, giả vờ ngủ.» Vào cuối ngày, sau khi chăm sóc đàn gia súc và ăn tối, anh ngủ chung, trong một góc chuồng ngựa, trên chiếc giường của François, người anh cả, - một trong những chiếc giường gỗ thô mà người ta thường coi đồ bên trong, vì sàn đất đen, đầy đá và nhão bùn, không chịu được việc ta đặt chân lên đó. Người ta để guốc bên dưới hoặc, ngồi trên chần, ném từng đôi giày lớn, đôi giày mà ta giặt được. Sau đó, bạn không còn nhiều quần áo để coi trước khi thu mình vào góc. Giấc ngủ sẽ đến gần như cùng lúc. Trong khi hơi thở của bọn trẻ không là gì so với hơi thở mạnh mẽ và cảnh giác của các loài động vật, trong khi sự thống trị tuyệt đối của nơi này đang âm thầm đảo ngược, «chúng ta hãy thật ngoan, Jean-Marie thì thầm với anh trai mình, để không phải bị bắt ngờ như những kẻ tội lỗi».

Chính vì niềm tin Công giáo của những người lao động này mà cuộc Cách mạng đã ngu ngốc tấn công. Dù còng lưng trên mảnh đất của mình, họ không hề

không biết rằng họ nợ ai về cảm giác thiêng liêng của công việc, tình yêu và cái chết. Giữa đức tin của họ và cơ chế phức tạp của hệ thống, luật lệ hay thậm chí là máy chém, thứ mong manh nhất không phải là thứ những người đại diện lạm dụng của quốc gia lên án. Chúng ta sẽ thấy một linh mục ở Dardilly. Vị linh mục này không hơn không kém một tiến sĩ Sorbonne. Là lời nguyên của khoa học, cha đã tuyên thệ trung thành với Hiến pháp Dân sự của Giáo sĩ. Giáo dân của cha không phát hiện ra cái bẫy ngay : họ không biết gì về nó. Sau khi bí ẩn được chọc thủng, người tuyên thệ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải rời đi. Chính vì vụ bê bối địa phương này và việc giáo dân từ bỏ vị chủ chăn mà cuộc gặp gỡ đời tu trì đầu tiên của Jean-Marie kết thúc một cách đáng buồn.

Cách đó bốn cây số, giáo xứ Écully, nơi ông bà ngoại của anh sinh sống, là một ví dụ khác. Từ tháng 5 năm 1794, thậm chí trước khi bão Thermidor rút đi, hai tu sĩ Xuân Bích đã bị trục xuất khỏi chủng viện của họ, và một linh mục triều sau này trở thành thư ký của Hồng y Fesch - Cha Groboz. Hai nữ tu dòng Saint-Charles, dường như ăn mặc như giáo dân, đã tìm ẩn nấu nơi đó. Với quyết tâm đáng kinh ngạc, những người phụ nữ này, những người hiểu rằng từ thiện là ở cái đầu hơn cái mũ, nắm tay giáo dân và cùng nhau thực hiện các sáng kiến

trước đây vốn thiếu tổ chức. Một ốc đảo kháng cự tinh thần đã ra đời do các gia đình công giáo nhất ở Dardilly tham gia. «Chúng ta thấy những người nông dân tham khảo ý kiến nhau, cha Monnin kể lại sáu mươi năm sau, rằng buộc họ dưới con dấu bí mật, tổ chức giám sát việc thờ cúng, duy trì và bảo vệ các nhà truyền giáo. Họ gặp nhau trong rừng hoặc trên các trang trại xa xôi.» Họ đã từng đi bộ những quãng đường dài trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhất. Vào những ngày thuận lợi, lính gác sẽ được bố trí dọc theo các con đường và dưới sự giám sát của họ, cộng đồng nhỏ này sẽ cùng nhau hát thánh ca hoặc tái hiện những nghi lễ bị cấm.

Trong thời kỳ Cách mạng, khi người ta biết rằng một linh mục sẽ cử hành các bí tích thánh, vị linh mục già sau này nhớ lại, mọi người nói với nhau : «Có thánh lễ, chúng ta hãy đi tham dự !» Thực vậy, mẹ của anh không bao vắng mặt và thường thì cả gia đình cùng đi. Câu chuyện sau đây đưa ra một bức tranh khá chính xác thời kỳ ấy.

Tất nhiên, gia đình Vianney đến phiên tiếp đón những người trốn tránh. Đi ngang qua trang trại, cha Groboz hỏi Jean-Marie tuổi của anh : «Mười một tuổi». Với sự quan tâm mục vụ chính đáng, cha hỏi đứa trẻ đã bao lâu rồi chưa xưng tội : đứa trẻ chưa bao giờ xưng tội. Marie

Vianney chỉ biết cung cấp cho con trai mình những gì bà có ; tuy nhiên, đối với một đứa trẻ đã chịu phép rửa tội, trong nhiều tháng dài, giữa những nhu cầu nghèo nàn, chỉ là một bí tích mờ nhạt của tấm gương của mẹ mình, đó không phải là một hy sinh nhỏ. Cha Groboz cho cậu bé xưng tội ngay và ban cho cậu ơn tha tội đầu tiên : «Tôi vẫn luôn nhớ, đó là ở nhà chúng tôi, dưới chân đồng hồ.» Trước đó, nhà truyền giáo đã yêu cầu cho cậu bé vào đến ở cùng ông bà nội ở Écully để cậu có thể theo học giáo lý rước lễ lần đầu.

Mặc dù thời buổi khó khăn, những lớp giáo lý này vẫn tồn tại trong hai năm. Các nữ tu tuyệt vời đã chăm sóc lớp giáo lý đầu tiên, sau đó giao lại cho các linh mục. Đối với một đứa trẻ ở độ tuổi đó, người ta có thể tưởng tượng ra sự tôn kém và sự lộng lẫy u ám của những buổi học này, đôi khi được tổ chức ở một ngôi nhà, đôi khi ở một ngôi nhà khác, và luôn luôn dưới ánh nến vào ban đêm. Chính trong đêm này, Jean-Marie đã học cách khám phá những điều huyền bí của đức tin. Anh được rước lễ lần đầu vào năm 1799 - khi anh mười ba tuổi - «vào mùa gặt», vị linh mục tốt bụng chỉ nhớ thế. Cánh cửa của ngôi nhà được dùng làm nhà nguyện đầy những chiếc xe chở cỏ khô, nhằm mục đích đánh lừa và ngăn chặn cuộc đột kích. Marguerite nói, «Tôi đã ở đó, anh trai tôi vui mừng đến nỗi không muốn rời

khỏi phòng».

Bốn năm sau, khi hòa bình tôn giáo được lập lại, giám mục đã bổ nhiệm một người phản nghịch, trước đây là người Genova, cha Belley làm linh mục quản xứ để tưởng thưởng cho giáo xứ Écully. Người nông dân mười tám tuổi sẽ tìm thấy ở ngài người dẫn đường cho cuộc đời mình. Trong khi đó, anh vẫn ở lại trang trại và tiếp tục công việc của mình.

Thật khó để tái hiện bầu không khí gia đình Vianney. Chúng ta không nói hết mọi điều khi nhớ lại Marie đã tự mình đánh thức các con mỗi sáng và hướng dẫn chúng cầu nguyện. Thật tuyệt vời khi, từ chính tình yêu cầu nguyện của mình, vị linh mục thánh thiện đã nhận ra : «Sau Chúa, đó là tác phẩm của mẹ tôi», hay lòng biết ơn của anh được thể hiện bằng những lời rất đơn giản này : «Một đứa trẻ không thể nhìn mẹ mình mà không khóc» : nơi tâm điểm của gia đình Kitô hữu này, anh đã được hình thành, như chúng ta đã nghe anh tuyên bố vô số lần, «gần như không cần nỗ lực». Tuy nhiên, chúng ta cảm thấy rằng có một sự nghiêm khắc ngự trị không chỉ do đạo đức của người nông dân và một tâm trí không có tầm nhìn, mà còn do tính cách của người chủ ngôi nhà, Matthieu Vianney. Rất có thể, Jean-Marie, ở độ tuổi này, không nhận ra điều đó. Anh đã ngẫu nhiên

bước theo. Trong trật tự. Tôi có xu hướng tin rằng anh ít nhiều bị ảnh hưởng mặc dù mẹ của anh ấy rất dịu dàng. Hơn nữa, ai thực sự lên tiếng trong bối cảnh này. Làm sao chúng ta không ngạc nhiên khi thấy vị thánh này hầu như không phát triển sự thân mật tâm linh với anh chị em của mình, ai trong họ là những Kitô hữu tốt ? Những gì còn lại trong thư từ của họ khá thất vọng. Một chế độ áp bức, có lẽ theo phong cách thời đại đó, đã khiến mọi người luôn hướng nội ngay từ khi còn nhỏ. Bức thư nổi tiếng của Jean-Marie, viết ngày 13 tháng 6 năm 1813, xem như viết cho một người thầy hơn là một người cha.

Ôn gọi linh mục chắc chắn sẽ gây ra một số xáo trộn nhất định ; liệu ơn gọi ấy có thể dễ dàng phát triển trong môi trường này không ? Đây là một sự kiện bất ngờ mà không một gia đình Công giáo nào hoàn toàn ngạc nhiên. Tuy nhiên, như chính cha Monnin đã lưu ý, cha mẹ của Jean-Marie không hề có ý niệm này về con trai mình. Họ dẫn chàng trai đi theo một con đường khác, có lẽ là thông qua chuyển động đơn giản của cuộc sống nông dân. Nhưng sẽ đến lúc sự thật trở thành định mệnh. Chắc chắn, bà Gothon tốt bụng đã thu thập cho chúng ta rất nhiều dấu hiệu báo trước và dấu hiệu của tư tế minh họa cho những năm tháng tuổi trẻ của anh trai bà ; bà lão Marion Vincent cũng kể lại rằng, khi

bảy tuổi như Jean-Marie, khi cô đi dạo cùng đàn vật nuôi của mình với cậu, cô đã thiếu thận trọng khi cầu hôn cậu : «Chúng ta đừng bao giờ nói về chuyện đó... đừng bao giờ...» cậu bé thốt lên, tuy nhiên cậu vẫn đủ ngây thơ để tuyên bố : «Tôi nghĩ cả hai chúng ta sẽ hợp nhau»; những người hàng xóm chỉ có một tiếng nói : «Cậu bé này sẽ trở thành linh mục.» Kho tàng của Ars thậm chí còn lưu giữ khoảng hai mươi đồ vật tôn giáo nhỏ bằng thiếc - chân nến, chén thánh, bình đựng lễ, lọ đựng thánh, lư hương - thuộc về người bạn Laverrière của anh, người mà anh đã cùng «chơi thánh lễ» trong những năm đó, và có lẽ vẫn mãi là một người của đồng ruộng. Từ những cảnh báo tương tự đến chính lễ truyền chức còn khá xa.

Vào tuổi mười bảy, liệu Jean-Baptiste Vianney, «một người nông dân ngu dốt», theo lời anh, có dám nghĩ đến chức linh mục không ? Mục tiêu này hẳn có vẻ không thể đạt được đối với anh. Không còn nghi ngờ gì nữa, anh đã được ân sủng chạm đến. Đây chính là điều mà mẹ của anh đã hiểu thông qua sự giao tiếp vô hình của tâm hồn khi bà tâm sự riêng với anh : «Nếu mẹ thấy con xúc phạm đến Chúa, mẹ sẽ đau đớn hơn nếu đó là một đứa con khác của mẹ». Nhưng anh có được gọi để trở thành linh mục không ? Trong nhiều năm, đặc biệt là vào thời điểm có những điềm báo bất thường ở tuổi

mới lớn, Jean-Marie có thể nghi ngờ điều đó. Anh biết rằng Chúa đã yêu anh trước. Ông gọi không được công bố bằng một tình cảm mơ hồ, nhưng theo nghĩa rộng của từ này, bằng một tình cảm, nghĩa là bằng sự mặc khải bên trong về một sở thích. Để khám phá bản thân mình với tư cách là một linh mục, cần có điều gì đó hơn thế nữa, khả năng cụ thể để đạt được điều gì đó. Nhưng cho đến năm 1801, tình hình hỗn loạn với những biến cố mới vẫn chưa có nhiều hứa hẹn...

Đây là lý do tại sao chúng ta phải biết rằng có một người trai trẻ, trong nhiều tháng dài, đã tìm kiếm Chúa như một giáo dân. Ít nhất ngay từ đầu, anh đã nhận ra ơn gọi của mình là lời kêu gọi cầu nguyện và cầu nguyện trong sự cô đơn. Trên thực tế, người ta có thể nhận thấy ở anh một khuynh hướng - cũng nằm trong trình tự của Bài giảng trên núi - là sống bí mật. Khi còn nhỏ, anh thường trốn trong chuồng ngựa để hướng về Chúa. Mẹ của anh đã mắng : «Con biết rõ là chúng ta cùng nhau cầu nguyện mà.» Chúng ta nhận thấy, trong lời khiển trách này, một giọng điệu mà chúng ta biết rõ. Anh đã hứa sẽ không làm điều đó nữa, không quay lưng lại với chính mình. Nhưng đối với một người được tiền định để tìm kiếm đặc ân cho Chúa, thì đó thực sự là một lời thề không thể : Chúa cũng ghen tị. Sự thân mật này, khi anh ở một mình, Jean-Marie lớn tiếng thủ thủ với

Chúa khi anh làm việc ; «khi ở giữa đám đông, tôi cầu nguyện thì thầm.» Trong «giờ nghỉ», vào buổi trưa, cha kể với chúng tôi giờ mà mọi người nằm dài dưới đất để nghỉ ngơi và cha đang giả vờ ngủ, cha vẫn cầu nguyện.

Lời cầu nguyện liên tục này ngay từ đầu đã đi kèm với một ý chí khá cay đắng. Về tính khí, anh có sở thích thích khó khăn, điều này ít nhất đã ảnh hưởng đến lòng tự trọng của anh lúc đầu. Anh đi đến vườn nho cùng François người anh cả, khỏe mạnh hơn, đã thực hiện công việc cách dũng cảm. Khi màn đêm buông xuống, cậu bé Jean-Marie lao vào vòng tay mẹ và phàn nàn dữ dội rằng mình không theo kịp : «Nhưng em con không bắt buộc phải làm nhiều như con, François trả lời một cách đúng đắn. Mọi người sẽ nói gì nếu người anh cả không làm việc nhanh hơn ?» Jean-Marie không chấp nhận lời bào chữa; ngày hôm sau, anh đã kiệt sức và ngang bằng với anh. Anh đã tự nhiên vượt qua chính mình.

Anh rất nhạy cảm. Lòng mộ đạo của anh được thể hiện rất sớm bằng sự dịu dàng đối với những hình ảnh đức tin. Người ta vẫn có thể ghé thăm căn phòng của anh ở Ars được trang trí trên tường bằng những bức ảnh. Món quà đầu tiên anh nhận được từ mẹ khi còn nhỏ là một bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bằng gỗ : «Ôi, tôi yêu

bức tượng này», Ars kể lại, «Tôi không thể rời xa nó cả ngày lẫn đêm, và tôi sẽ không thể ngủ yên nếu không có nó bên cạnh trên chiếc giường nhỏ của mình». Trong khi Triều đại Khủng bố phá hủy các đền thánh giá và giật đổ thánh giá khỏi các gia đình, anh đã giấu chúng trong túi áo cánh của mình. Là một người chần cừ, anh đưa thánh giá đến đồng cỏ ở Chante-Merle : sau khi đặt vào hốc cây hoặc trên bãi cỏ, anh sáng tạo ra cả một nghi lễ. Trong những hy sinh mà ngài đã trả giá «khi còn nhỏ», điều khó khăn nhất là tặng chuỗi tràng hạt cho người em gái muốn có nó. Về sau, anh làm bằng đất sét - vì anh có đôi tay khéo léo - «những vị thánh nhỏ nam và nữ.» Trong trái tim một người được làm từ một loại đất sét khác rõ ràng anh phải để nặn thành hình của hồng ân, trong vòng bảy mươi năm. Tuy nhiên, sự gắn bó thời thơ ấu với Đức Mẹ đã giúp cha đi đến cuối chặng đường. Khi gần cuối đời, người ta nói với cha về Mẹ, cha trả lời : «Tôi đã yêu thương Mẹ ngay cả trước khi tôi biết Mẹ : Mẹ là tình thương lâu đời nhất của tôi.»

Ở một quốc gia Công giáo, trước khi là ngôn ngữ của giáo sĩ, đức tin đó cũng là đức tin người tín hữu.

Việc bổ nhiệm cha Balley đến giáo xứ Écully đầy can đảm không chỉ là một ân huệ dành cho giáo xứ. Chính bằng cách quan sát cha Balley, bằng cách nói chuyện với cha Balley, bằng cách dựa vào cha Balley mà Jean-Marie «tự thấy» mình là một linh mục. Cựu thầy Dòng, người Genovese này, đã bộc lộ những đặc sủng phi thường của một linh mục. Trong khi những hồng ân đón tiếp của cha thu hút những người trẻ, cha đã đảm nhận, để khắc phục những khoảng trống trong nền giáo dục của họ, một loạt các bài giáo lý tại nhà mà cha đã tham gia cùng các phụ huynh. Vào các ngày Chủ Nhật, cha đã cung cấp hướng dẫn vững chắc cho người lớn. Ngoài những nhiệm vụ trước mắt này, sự kế thừa của thiên chức linh mục được thử thách sâu sắc ám ảnh cha và cha nghĩ đến việc biến nhà thờ của mình thành một tiêu chủng viện. Những điều tuyệt vời như vậy đã xảy ra ở ngôi làng Écully : toàn thể Giáo hội với đức tin, sự quan tâm, những bất hạnh và hy vọng của mình, đã hiện diện rõ ràng trong giáo xứ nông thôn bình thường này.

Ảnh hưởng vô thức của cha Balley đối với chàng nông dân trẻ đã dẫn đến hiện tượng thường thấy : Jean-Marie, với một lý do nhỏ nhất, đi đến Écully. Trái tim anh «được đốt cháy» như thể anh đang đi trên con đường tới Emmaus. Mục đích của anh bây giờ rất rõ

ràng : «Giành được nhiều linh hồn cho Chúa». Mặc dù rất nhút nhát, nhưng anh vẫn cố gắng tâm sự. Đầu tiên là với mẹ của anh, sau đó với dì Humbert. Trong giờ nghỉ trưa, giữa giờ làm việc, cuối cùng anh cũng dám đôi chất với cha của mình. Matthieu Vianney là người khó chữa. Tải trọng quá nặng. Catherine, con gái ông, vừa mới kết hôn và phải trả nợ phần của hồi môn ; François, anh cả, rút phải một «con số xấu» phải nhập ngũ và việc thay thế rất tốn kém. Jean-Marie phải chờ đợi. Anh đã đợi gần hai năm, cho đến khi anh biết được từ Catherine, người đã định cư ở Écully, rằng một trường học tại nhà xứ sắp được mở. Dì Humbert có thể nuôi anh và nuôi súp anh. Anh chỉ đơn giản là học hỏi từ các linh mục. Người cha đã nhượng bộ. Nhưng vào lúc đó, cha Balley không còn chỗ nữa. Chỉ cần gặp chàng trai là cha quyết định, sau lần trao đổi đầu tiên này, cha đã có một động lực không thể kìm nén : «Cha sẽ hy sinh bản thân mình cho con, nếu cần thiết». Vì vậy, sau khi rời trang trại, Jean-Marie đến định cư tại gia đình bên ngoại mình, nơi trang trại *Point du Jour*, để học lại chương trình tiểu học.

Tuân thủ luật cộng hòa, anh đã từng đến trường của Công dân Dumas ở Dardilly trong vài học kỳ. Tuy nhiên, «anh ta hầu như không biết gì cả», ông Monnin viết. «Anh ấy chẳng biết gì cả, ông lặp lại, anh ấy hầu

như không thể đọc được tiếng Latin trong Giờ kinh Phụng vụ». Công việc này có vẻ không dễ dàng. Anh hiểu chậm, nhớ kém, không tiến bộ. Sự khởi đầu thật kinh khủng. Nản lòng, kiệt sức, - và với anh thì đây là lời nói lên điều gì đó - có lúc anh yêu cầu cha Balley đến thăm gia đình mình : đây là cách gián tiếp để từ bỏ mọi thứ. Vị linh mục nhẹ nhàng khiển trách chàng trai: «Con muốn đi tìm nỗi buồn. Cha mẹ con không đòi hỏi gì hơn là giữ con ở nhà».

Gần như tuyệt vọng, anh thề, theo sự đồng ý của Bề trên, đi bộ hành hương, khát thực, viếng mộ thánh Phanxicô Régis, tại La Louvesc, ở Vivarais, cách đó khoảng một trăm cây số. Than ôi ! Chuyện gì đã xảy ra trên đường ? Nói cách vui vẻ về sự cố này, vị linh mục xứ Ars đã nói : «Cho đi còn hơn nhận lại... Tôi xin ăn lần duy nhất trong đời, trên đường đến mộ thánh Phanxicô Régis. Tôi cảm thấy điều đó tồi tệ. Họ coi tôi là kẻ trộm cắp và không cho tôi bánh mì hay nơi trú ẩn.» Lòng trắc ẩn của cha đối với người nghèo chắc chắn đã đến từ điều đó. Tuy nhiên, khi đến thánh đường, anh phải thay đổi lời thề và dùng số tiền mang theo làm tiền phòng ngừa cho chuyến trở về. Thánh Phanxicô Régis cũng đoái thương và kể từ ngày đó, những thử thách trở nên ít hơn. Chàng trai trẻ hy vọng sẽ đi đến nơi.

Một sự kiện ý nghĩa đáp lời anh : khi anh được mời đến tư vấn cho một trong những người anh em họ đầu tiên của mình, người đã bị thu hút bởi đời sống tu viện, nhưng lại bị kìm hãm vì lo lắng cho cha mẹ già yếu của mình, cha đã trả lời : «Hãy ở lại nơi anh đang sống. Cha mẹ già của anh cần anh... Đó là ơn gọi của anh.» Sau này, khi đã là một vị linh mục già, với cùng tinh thần đó, cha sẽ tìm thấy câu nói đáng nhớ này cho một người ăn năn : «Xin phước lành của ta thúc đẩy và kìm hãm anh lại !» Nhưng về phần mình, anh muốn được tự do. Anh tin rằng - và đây sẽ là một dòng cảm hứng cho mọi hành vi của anh - đã đạt được, với sự dâng hiến cho Chúa, độc lập hoàn toàn với gia đình. Anh tự đặt ra cho mình một số sự hành xác nhất định và tuyên bố sẽ tuân thủ chúng. Từ thời điểm đó trở đi, anh áp dụng chúng vào thức ăn : «Hãy cẩn thận, anh nói với người em họ Marguerite, hãy trao súp cho anh trước khi thêm bơ hoặc sữa phần em : anh không muốn bơ hoặc sữa». Trên đường đến Dardilly, anh đã tặng đôi giày mới của mình cho một người nghèo, điều này khiến cha mình tức giận. Sau cùng, anh thường dẫn những người ăn xin mà anh gặp đến trang trại Point du Jour.

Hơn năm năm đã trôi qua như thế. Năm tháng được minh họa trong Mùa Chay năm 1807 bởi chuyến viếng thăm Écully của Đức Hồng y Fesch, người đã ban bí

tích thêm sức cho một nhóm trẻ, bao gồm cả thí sinh tu hành và em gái của anh là Marguerite : anh sắp bước sang tuổi hai mươi một. Không chỉ cha Balley mà toàn thể cộng đồng nông dân và tín hữu đều nhận nuôi anh. Một góa phụ tốt bụng, bà Bibost, đã chăm sóc việc giặt giũ cho anh. Đối với việc học của anh, tương lai có vẻ bớt ảm đạm hơn. Đột nhiên, không hề có lời cảnh báo nào, anh nhận được một giấy báo trình diện nhập ngũ, phải tới Bayonne...

Thông thường, với tư cách là một chủng sinh, anh sẽ thoát khỏi lệnh bắt lính của Napoleon và cha Balley đã cẩn thận đến Lyon kịp thời để đăng ký cho anh theo danh hiệu này. Nhưng, như Monnin nói, Chúa đã để anh bị lãng quên trong quá trình thay đổi sổ đăng ký. «Ba năm trôi qua không giấy gọi, vì người ta tin rằng thủ tục này đã được thực hiện» Tuy nhiên, vào cuối các lớp học, khi cha Balley giới thiệu anh ta đến chủng viện để thi tuyển sinh ngành triết học, thiếu sót trở nên rõ ràng. Ban đầu được giữ bí mật, nhưng cuối cùng đã trở thành thông tin công khai và các quan chức bắt đầu quan tâm đến. Họ đòi anh ra trình diện.

Đó là cú sét đánh đối với cả gia đình : cha, mẹ, anh chị em, càng đoàn kết hơn khi bàn tay tàn bạo và giết chóc của Nhà nước chạm vào một trong những người

thân của họ, và lần đầu tiên. Matthieu Vianney, sau nhiều nỗ lực vô ích, đã quyết định trả một khoản tiền thay thế không lồ là ba nghìn quan. Nhưng hai ngày sau khi kết thúc vụ việc này, người tình nguyện đã thay đổi ý định và đến để lại tiền và túi xách của mình ở ngưỡng cửa nhà Vianney.

Jean-Marie, người trong cơn mê sảng đã đồng ý được chuộc theo đúng quy định hiện hành, không còn kiểm soát được bản thân và bị sốt nặng. Chính quyền quân sự, nhận thấy sự vắng mặt của anh, đã cử cảnh sát đến đón anh : họ đưa anh trong tình trạng ốm yếu đến Hôtel-Dieu ở Lyon. Lúc này là ngày 28 tháng 10 năm 1809 và anh đang nằm trên một chiếc giường trong phòng ký gửi. Các chị em gái đến thăm anh. Sau hai tuần - điều ấy cho thấy anh bị ốm nặng - các bác sĩ đánh giá anh có thể chịu được sự mệt mỏi của chuyến đi và vào ngày 13 tháng 11, anh đã được di tản đến Roanne. Chưa đi được nửa đường, anh dường như đã bị chấn động mạnh do chiếc xe đẩy mà anh phải ngồi vì không thể đi được, anh lại lên cơn ớn lạnh và đổ mồ hôi dữ dội : khi đến nơi, anh đã phải vào bệnh viện. Anh đã thông báo cho cha mẹ mình bằng thư. Dardilly và Écully điều hành bên giường bệnh của anh. Sau sáu tuần, các y tá, những người rất gắn bó với anh, đã giúp anh đứng dậy. Nhưng anh sẽ phải gia nhập đội quân tiếp theo tham gia Nội

chiến Tây Ban Nha.

Đó là sự kiện - một thời gian qua, chúng ta tự do theo lời kể của cha Monnin : «Vào sáng ngày 6 tháng 1, ngày đã định cho đoàn quân khởi hành, anh đã đến cầu nguyện trong một nhà thờ ; anh quên mất mình ở đó và để thời gian trôi qua khi anh được cho là đến văn phòng Intendance để lấy tờ lộ trình của mình. Khi anh đến đó, anh bị từ chối. Đội trưởng tuyển dụng, một người đàn ông tên là Blanchard, muốn anh bị còng tay, từ lữ đoàn này sang lữ đoàn khác, đến Bayonne. Các nhân viên đã can thiệp : người lính nghĩa vụ không nghĩ đến việc đào ngũ, vì anh đã đến để trình diện. Cuối cùng, các giấy tờ của anh đã được ký. Về phần mình, anh không có ý định chạy trốn, nhưng anh có «linh cảm rằng anh sẽ không tái gia nhập quân đoàn mình».

Sẽ vô ích nếu cố gắng đơn giản hóa tâm lý của anh. Trên đường đi, anh cảm thấy sự chán ghét của mình đối với một nghề nghiệp khác, đặc biệt với vũ khí, trở lại cùng lúc với khát vọng trở thành linh mục của anh. Chắc chắn anh ghê tởm những đau khổ của chiến tranh: nhiều lần, anh thương hại những người trẻ tuổi cùng độ tuổi với mình khi phải xa gia đình, đôi khi là mãi mãi. Ở Roanne, anh đã gặp một số người bị lực lượng cảnh sát bắt lại, họ đã báng bỏ số phận của mình, coi

thường Chúa và Luật pháp. Những lời đe dọa của đại úy Blanchard đáng sợ lại quay trở lại với anh. Việc chìm đắm vào thế giới vô đạo và man rợ này là điều không thể chịu đựng được đối với anh. Có lẽ thậm chí anh tự hỏi sẽ làm gì ở Tây Ban Nha: «Liệu cuộc chiến này có thực sự chính nghĩa không ?» Theo ngôn ngữ giàu hình ảnh, «cuộc chiến này khá phân vân».

Để thoát khỏi sự bối rối đen tối này, anh bắt đầu vừa đi vừa lần chuỗi mân cô. Không lâu sau, trên đường, một người lạ đến gần, hỏi anh đang đi đâu và tại sao anh lại buồn như vậy... Jean-Marie, một người nông dân nhỏ bé xa rời mọi thứ và mọi người, kể cho anh ấy nghe câu chuyện của mình. Người lạ khuyên anh đi theo mình và đồng thời giúp anh mang chiếc túi quá nặng đối với một người đang dưỡng bệnh. Anh tuân lệnh, không còn biết chuyện gì đang xảy ra nữa, nhưng cam chịu mọi thứ, «ngoại trừ, dùng chính lời anh ta nói, rơi vào tay bọn hiến binh.» Họ đi cùng nhau một lúc lâu, băng qua rừng và núi, tránh những nơi có người ở và những con đường mòn càng nhiều càng tốt. Jean-Marie đã kiệt sức... Cuối cùng, khoảng mười giờ tối, cả hai dừng lại trước một ngôi nhà biệt lập. Người bạn đồng hành của anh gõ cửa, và chẳng mấy chốc, một người đàn ông và một người phụ nữ, đã lên giường, xuất hiện. Người hướng dẫn trao đổi vài lời bằng giọng thì thầm, rồi biến mất : Jean-

Marie không bao giờ gặp lại anh ấy nữa, sẽ không bao giờ nghe nói về anh ấy nữa, và sẽ không bao giờ biết danh tính của anh ấy.

Anh được phục vụ bữa tối. Người phụ nữ trải ga trải giường màu trắng. Đó là một cặp vợ chồng trẻ sống eo hẹp bằng công việc của mình ; người chồng là thợ đóng giày. Họ sẽ nghỉ đêm ở kho cỏ khô. Sáng hôm sau, họ giải thích với người lữ hành rằng họ nghèo, rằng họ không thể nuôi anh, rằng không có đủ công việc để thuê người giúp việc, nhưng họ sẽ đưa anh đến một nơi an toàn.

Người chủng sinh nhút nhát để cho mình bị thuyết phục. Ngôi nhà của người làm guốc gỗ nằm khá xa một ngôi làng tên là Les Noës, ở lối vào khu rừng lớn La Madeleine, trên ranh giới của hai tỉnh Loire và Allier. Người trốn tránh được trình diện với thị trưởng xã; câu chuyện này lại đưa anh đến với một trong những người chị em họ của anh, người vẫn ở góa với bốn đứa con, Claudine Fayot. «Hãy yên tâm... người đàn ông dũng cảm tuyên bố, cảnh sát sẽ không tới tìm anh ở đây đâu. Khi anh sợ họ, anh chỉ cần đến nhà tôi.» Đối với mọi người, từ giờ trở đi, Jean-Marie là anh Jérôme mà thôi.

Nói về ông Balley và bà Fayot, anh nói : «Họ là những tâm hồn đẹp nhất mà tôi từng gặp.» Thời gian

lưu trú tại Les Noës là một trong những khoảnh khắc trong cuộc đời anh cảm nhận được nhiều tình cảm nhất. Sự dịu dàng này vẫn còn tồn tại : năm hoặc sáu năm sau, tại Écully, trong một cuộc họp tôn giáo do các linh mục tổng đại diện chủ trì, một người phụ nữ từ vùng quê xuất hiện trong phòng và, bất chấp đám đông, chỉ bằng một động tác, đã đến ôm Cha Vianney như con trai mình : bà là người nông dân khiêm nhường của thời đại bi thảm. Anh sẽ không bao giờ ngừng viết cho bà những lá thư đầy thư giãn.

Trong những ngày đầu tiên, anh ngủ chung giường với một trong những người con trai, người cùng tên với anh, Jean-Marie, người sau năm mươi năm vẫn nhớ người bạn đồng hành của mình phủ đầy thánh giá, ảnh tượng và áo choàng vai. Chẳng bao lâu sau, góa phụ Fayot, người có bộ lòng của một người mẹ, trở nên lo lắng vì người mới đến gần như không ăn gì. Ban đêm, bà thức dậy để xem anh có bị bệnh không. Để có ích cho làng, vì đang mùa đông, anh làm giáo viên. Khi thời tiết đẹp, anh lại tiếp tục làm việc ngoài đồng. «Công việc nào cũng tốt cho anh ấy, con trai bà Fayot sau này kể lại. Vào mùa gặt, anh ấy làm việc gấp bội đến mức bị nhiễm trùng ngực và phải nằm liệt giường một hoặc hai tuần.» Tuy nhiên, vẫn phải bảo vệ anh ta khỏi cảnh sát. Lúc đầu, vì sợ bị phát hiện, anh đã kiềm chế không đến

nhà thờ vào các ngày Chủ Nhật : «Đừng sợ. Mọi người hãy đi lễ. Tôi sẽ chăm sóc cô bé và hãy cầu nguyện cho tôi». Một ngày nọ, trong một cuộc tìm kiếm, anh phải trốn trong một vựa cỏ khô phía trên chuồng ngựa và nghĩ rằng mình sẽ chết ngạt ở đó, vì cuộc tìm kiếm kéo dài như vậy. Chính trong hoàn cảnh này, anh đã hứa với Chúa, nếu mạng sống của anh được cứu, sẽ không bao giờ phàn nàn nữa : «Tôi gần như đã giữ lời hứa.» Thông thường, mỗi nguy hiểm kề cận. Người đối nghịch đi ra. Dần dần, vị linh mục địa phương, mặc dù là người theo phái Jansen, cho phép anh ta rước lễ nhiều lần một tuần, chỉ xưng tội hai tuần một lần.

Anh Vianney vẫn gắn bó với gia đình Noës đến mức anh muốn được bổ nhiệm làm linh mục giáo xứ : có thể chính tại đó, nếu Giám mục giáo phận Belley đồng ý, thì cuối đời cha sẽ về đây : «Tôi dự định, cha nói với Jean-Marie Fayot vào năm 1841, sẽ đến và qua đời giữa các bạn hoặc tại Grande Chartreuse.»

Trong khi đó, mẹ anh không nhận được tin tức gì. Bà đã ngã bệnh vì đau buồn. Thật không may, cha Balley, người mà bà tìm kiếm sự an ủi, đã quay lưng với bà : «Hãy cố gắng, cố gắng đi, một ngày nào đó con trai bà sẽ trở thành một linh mục.» Còn đối với Matthieu Vianney thì đó lại là một câu chuyện khác. Ông đã phải

chịu sự viếng thăm đột ngột của cảnh sát và bị yêu cầu khai báo nơi con trai ông đang ẩn náu. Người cha bất hạnh phải chịu sự quấy rối liên tục và mọi sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật : «Tôi sẽ bắt ông phải ăn đến đồng xu cuối cùng», viên sĩ quan tuyên dụng đáng sợ đe dọa.

Trong khi đó, bà Fayot cần phải lấy nước Charbonnières cách Écully vài cây số. Người trốn tránh cho bà vay một trăm quan để bà có thể đi tới Dardilly. Vì vậy, bà có thể trấn an người mẹ tội nghiệp và bà mẹ chỉ cần Jean-Marie còn sống là đủ. Đối với Matthieu thì khác: giờ đây kẻ đào ngũ phải gia nhập lại quân đoàn mình. Nhưng góa phụ của gia đình Noës không nghĩ như vậy và đe dọa sẽ giấu nó ở nơi khác. Giấu người cha, Marie Vianney sẽ được góa phụ Bibost ở Écully, người trở thành người đưa tin, thông báo mọi chuyện xảy ra với Jean-Marie bằng thư từ bí mật.

Tuy nhiên, mọi việc được cải thiện. Cậu con trai út trong gia đình, François, cũng đã đến tuổi phải đi nghĩa vụ quân sự. Anh ấy đã may mắn rút được số lớn. Nhưng vì lúc đó mọi người đều đã ra đi nên anh được khuyên nên đi trình diện trước. Cam kết này, được thực hiện thay cho Jean-Marie, đã giải phóng trang trại khỏi việc khám xét nhà cửa và điều chỉnh lại tình hình của chúng

sinh, giờ đây chính thức gạch bỏ khỏi danh sách quân ngũ.

Sau mười bốn tháng vắng bóng, vào tháng 12 năm 1810, anh trở về nhà. Ngôi làng Noës không muốn để anh Jérôme rời đi mà không cung cấp cho anh quần áo. Claudine Fayot đã đưa cho anh những chiếc khăn ăn quà cưới của bà mà bà chưa bao giờ mở ra. Anh buộc phải nhận tiền. Họ muốn anh mặc áo tu hành khi đi xa, đó cũng là một biện pháp an ninh. Anh phải hứa sẽ trở về Noës với tư cách là một linh mục.

Mọi chi tiết về chuyến phiêu lưu kỳ lạ này đều được trích từ lời kể của vị thánh này. Cha kể về chuyến phiêu lưu mà không hề ngại ngùng. Theo Nữ bá tước Garets, cha thậm chí còn nói trên bục giảng: «Khi tôi là kẻ đào ngũ...» Rõ ràng, anh không bao giờ thấy sự hèn nhất trong hành vi của mình. Sự phản kháng hợp pháp đối với việc lạm dụng, đối với anh, điều đó phản ánh nhiều hơn đến ân sủng của Chúa. Bốn mươi lăm năm sau, khi biết rằng Napoleon III đã phong cho anh danh hiệu hiệp sĩ Bắc đầu Bội tinh, anh đã nhận xét với một vẻ bĩu môi khó tả : «Tôi không biết tại sao... trừ khi vì tôi là một kẻ đào ngũ.»

Sau khi gặp lại gia đình ở Dardilly, Jean-Marie trở về Écully. Từ cổng trang trại của cha mình, anh đi xuống con đường dốc bên phải nối với con đường rộng mở. Anh băng qua theo cách riêng của mình, với tốc độ, một quang cảnh vô hồn mà anh đã biết rõ trong lòng mình từ lâu.

Với bước chân vững chắc - chàng trai hai mươi lăm tuổi - tiến về nhà người Bê trên cũ của mình. Không còn quá sớm để thực hiện. Lần này, cha Balley hoàn toàn đón anh, một phần như người hầu, một phần như người làm vườn, một phần như ông từ, nhưng trên hết là như người con mình. Chắc chắn có nhiều lý do cho cử chỉ này, nhưng trước hết là : vài tuần sau khi nhìn thấy ngôi nhà lần nữa, vào ngày 8 tháng 2 năm 1811, chàng trai trẻ không chỉ nhạy cảm mà còn ấn tượng, đã mất mẹ. Bà chỉ mới năm mươi tám tuổi. Liệu bà đã bệnh nặng đến mức khi từ gia đình Noës trở về, anh chỉ đến để chăm sóc và chứng kiến cái chết của bà ? Ngược lại, liệu bà có chết đột ngột khi ông vừa mới đến Écully, vì một trong những căn bệnh tinh vi thường ảnh hưởng đến bản tính hy sinh và đam mê nhiều hơn là tính khí nông dân ? Hơn bao giờ hết, anh cần một mái ấm : anh đã tìm thấy. Giữa các vị thánh khắc khổ, không có điều gì cảm động hơn lòng tốt này.

Cha Balley, sau khi được chấp thuận xem như trình độ tương đương tiểu chủng viện, đã trình diện anh dự Lễ cắt tóc vào ngày 28 tháng 5 cùng năm 1811. Anh đã vượt qua ngưỡng cửa của một ngôi nhà khác, của Ngôi nhà Lớn : anh ta sẽ không chỉ mặc áo chùng thâm, mà còn là thành viên của Giáo hội. Việc còn lại là phải lần lượt leo vượt các bậc thang bên trong. Người Geneva trước đây đủ biết để dẫn dắt Jean-Marie đến thiên chức linh mục. Vào tháng 10 năm 1812, ngài muốn gửi anh đến tiểu chủng viện triết học Verrières, gần Montbrison, để, như cha Monnin kể lại, «hướng dẫn anh với đời sống cộng đồng». Đây không phải là một ý kiến tồi. Thật không may, người mới đến là một người trưởng thành và những người bạn cùng lớp của anh đều là học sinh trung học. Anh lớn tuổi hơn giáo viên của mình. Điều rõ nhất là kẻ đến trễ không khá. Ngay từ câu hỏi đầu tiên được hỏi bằng tiếng Latin, anh đã im lặng : anh không hiểu gì cả. Có một tràng cười lớn vang lên khắp lớp và phần tiếp theo cũng chẳng khá hơn là bao. «Ở Verrières, tôi đã phải chịu đau khổ ít nhiều.» Anh được xếp vào một nhóm gồm bảy học sinh chỉ hiểu tiếng Pháp. Bị cô lập tâm lý, đặc biệt là sau nỗi buồn vừa xảy ra, hẳn là rất cay đắng. Tuy nhiên, cuộc thử nghiệm chỉ bắt đầu. Có phải là hấp tấp khi nghĩ rằng, thậm chí còn hơn cả những trò đùa tàn ác của bọn trẻ, điều khiến

anh rơi vào tình trạng sa sút này chính là cái bóng của sự tầm thường của giáo viên ? Họ nắm giữ chức vụ giáo sĩ và thẩm quyền ; họ thiếu con mắt của cha Balley, ánh mắt mà những linh mục như họ phải có. Đó không phải là một chứng nhận xuất sắc, bản báo cáo tầm thường và lộ bịch mà họ đã ký cho anh vào cuối năm : «Học tập : *Tốt*. Khoa học : *Rất yếu*. Hạnh kiểm : *Tốt*. Nhân cách : *Tốt*.»

Mặc dù anh dần dần giành được tình bạn của một số người - bao gồm cả một người sáng lập tương lai một hội dòng cùng tuổi, thậm chí còn không được ban cho nhiều quyền lợi hơn ông, Marcellin Champagnat - nhưng mối liên hệ này có lẽ đã khiến anh bối rối mãi mãi. Vị linh mục Ars thường nói rằng, trong các buổi họp tôn giáo, ngài «như Bodin» : đó là tên của một gã ngốc trong làng. Anh không còn khả năng ghen tị với bất kỳ ai, cũng không còn khả năng khinh thường khoa học. Ngược lại, anh sẽ không bao giờ ngừng lặp lại khi nghe một loại nhà thuyết giáo nào đó : «Điều làm tôi vui, là người đó có học thức.» Vậy thì sự bất an đến từ đâu ? Thật là nói giảm tránh khi nói Thánh Jean-Baptiste-Marie Vianney là một linh mục xuất thân từ nông dân - trường hợp này rất phổ biến - : anh là một người nông dân đã trở thành linh mục. Trong mười tám năm, anh không có bí quyết nào khác ngoài hiểu biết

về đồng ruộng ; không có sách vở và không biết đọc, anh giải mã môi trường của mình trên hết; nhất là, anh đã đạt được một điều tốt đẹp vô song, sự tương ứng với những con người phát triển trong cảnh túng thiếu. Đó cũng là một chủ nghĩa nhân văn, nhưng không có gì chính yếu, phụ thuộc hay cao hơn : đó là chủ nghĩa nhân văn của sự giản dị. Khi các anh em tu sĩ của anh trưởng thành, sự khó chịu của anh với họ lẽ ra biến mất. Nếu nó vẫn ít nhiều không đổi, thì đó là vì chủ nghĩa tuân thủ của giáo sĩ thật không may có đặc điểm, hôm qua cũng như hôm nay, là phát triển mạnh mẽ dưới những trách nhiệm khủng khiếp nhất và đội vương miện, bằng nhiều thủ đoạn, của những thiếu niên đầy tham vọng.

Vào tháng 7 năm 1813, cha Balley đón người học trò của mình về và trong kỳ nghỉ, cha bắt đầu dẫn dắt anh về thần học. Thoạt thấy, Jean-Marie không gặp nhiều trở ngại. Anh không còn lột bỏ ngữ pháp của ngôn ngữ nữa mà là ngữ pháp của cuộc sống. Giống như nhiều nghề nghiệp sau này, anh hy vọng rằng nền giáo dục trung cấp, được gọi là cổ điển, sẽ là con đường khó khăn nhất đối với anh, nơi mà ân sủng đầu tiên có nguy cơ bị dập tắt vì thiếu củi để bắt lửa. Tuy nhiên, sự ngưỡng mộ có phần ngây thơ của anh đối với những tâm hồn uyên bác luôn khiến anh không khỏi ngạc nhiên trước sức nặng mà một nền văn minh thế tục nào đó áp đặt lên quá

trình hình thành những người của Chúa. Anh chỉ lưu ý rằng, về phần mình, anh vẫn là một người nông dân, và là một người nông dân thiếu hiểu biết. «Học tập ?» anh đã nhanh chóng trả lời cha Monnin vào cuối đời mình, «Tôi không có học thức gì. Cha Balley đã cố gắng dạy tôi điều gì đó trong năm hoặc sáu năm. Ông ấy mất hết tiếng Latin và ngài chẳng bao giờ có thể truyền đạt được điều gì vào cái đầu tội nghiệp của tôi.»

Than ôi ! thần học thông thường yêu cầu những kỹ thuật tiên quyết này. Thầy Vianney sẽ sớm nhận ra điều này. Thầy vào học Đại chủng viện Saint-Irénée ở Lyon vào tháng 10 năm 1813. Kết quả của những nỗ lực của thầy gần như bằng không, bạn cùng phòng thầy giải thích với chúng tôi, vì thầy không hiểu tiếng Latin đủ tốt : «Nhiều lần tôi giải thích cho thầy nhưng thầy không hiểu. Mặc dù vậy, thầy dường như vẫn liên tục nỗ lực.» Người ta không còn hỏi bài thầy trong lớp nữa. thầy phải tìm một gia sư trong số những người giỏi nhất lớp. Một trong những giáo sư, vì lòng trắc ẩn, đã cố gắng giúp thầy học giáo lý thần học của mình trong cuốn sách hướng dẫn bằng tiếng Pháp, vừa rõ ràng vừa sơ đẳng, là Nghi lễ Toulon. Không có cách nào hiệu quả. Đến lễ Phục sinh, bài thi quá kém đến nỗi hội đồng chủng viện quyết định đuổi thầy.

Đã hơn mười năm trôi qua kể từ khi Jean-Marie rời khỏi trang trại của gia đình. Thầy liên tục trải qua những trở ngại không thể vượt qua, thất bại thảm hại, và nơi mà nhờ một cơ hội phi thường nào đó, thầy tìm được cho mình một vị trí, thầy cảm thấy mình như một người ngoài cuộc. Với một con người đầy cảm xúc như vậy, cú sốc do sự sa thải này gây ra chắc chắn sẽ vô cùng khủng khiếp. Theo một số nhân chứng, thầy đã phản ứng với «sự khiêm nhường» và «lẽ thường tình». Chúng ta sẽ không thể tha thứ nếu không nghi ngờ, đằng sau những lời nói điềm tĩnh này, chiều sâu của lời cầu nguyện mà sự bền bỉ này bắt nguồn từ đó. Ngày này qua ngày khác, và chắc chắn là đêm này qua đêm khác, để vượt qua nỗi lo sợ, để vượt qua những thất bại, và cuối cùng là để đối mặt với bản án tàn khốc này, thầy đã phải hoàn toàn phó thác mình cho Chúa. Sự thánh thiện của thầy - sự thánh thiện của một thanh niên - chắc chắn đã rất cao. Trước khi về lại Écully, thầy hướng về thánh Jean với những bước chân vội vã mà chúng ta biết về thầy, mà thầy phải nghe lại quá trình đó, vì đây là lần đầu tiên thầy tìm kiếm nơi ẩn náu. Thầy gõ cửa nhà các «Sur huynh bốn tay» của trường Công giáo, nơi một trong những người bạn thời thơ ấu của thầy đã theo học năm ngoái: đến lúc phải đi lấy đồ ở Écully rồi sẽ quay lại. Nhưng cha Balley không hiểu theo cách đó. Thay vì

chấp thuận sự lựa chọn của người con thiêng liêng, cha lại hăng hái cùng con soạn thảo nhiều chuyên luận khác nhau - bằng tiếng Latin và tiếng Pháp. Trong quyết tâm và thậm chí trong phương diện này cũng có một ví dụ đáng kinh ngạc. Có lẽ vào thời điểm này, câu chuyện ngắn mà chúng ta đang nghe từ cha già xứ Ars đã diễn ra : «Tôi vô cùng đau buồn... Tôi không còn biết phải làm gì nữa... Tôi còn nhìn thấy nơi này ở Écully. Tôi đang đi ngang qua nhà Bibost. Người ta nói với tôi như thể có ai đó nói vào tai tôi : Hãy đi, hãy yên tâm, một ngày nào đó con sẽ trở thành linh mục.»

Thời điểm truyền chức thánh sắp đến. Jean-Marie đã được cắt tóc gần ba năm. Cha Balley, người biết mình muốn gì, quyết định thử lại kỳ thi tại chủng viện. Ở đây chúng ta hãy để người bạn tâm giao tuyệt vời của Jean-Marie Vianney, Catherine Lassagne trình bày : «Người thầy thánh thiện của ngài, cha xứ Écully, hiểu biết về khoa học và công đức của học trò mình, nhưng Chúa muốn đưa thầy đi bằng con đường sỉ nhục. Khi thầy được đưa đến Đức Hồng y để thẩm vấn, sau nhiều câu hỏi, Vianney trẻ tuổi không trả lời. Sau đó, Đức Cha đuổi ngài đi không thương xót. Nhưng một trong những người trợ lý nói : «Có lẽ đó là sự nhút nhát, chúng ta phải đưa thầy ra ngoài và thẩm vấn thầy.» Điều đó đã được thực hiện. Sau đó, người thẩm vấn rất hài lòng về

sự hiểu biết và câu trả lời của thầy. Lời tường thuật hấp dẫn này, được lột bỏ như cuộc sống khi được tóm tắt trong trái tim của những người khiêm nhường, thực sự tương ứng với những sự kiện sau. Đầu tiên, rõ ràng là Hồng y Fesch, đặc biệt là trong những giờ phút bi thảm của cháu trai ông là Napoleon, đã không có mặt. Ban giám khảo đã được chủ trì bởi Bề trên giáo phận, cha Bochard. Trước sự yếu kém của thầy Vianney, người ta quyết định hướng thầy đến một giáo phận khác, nơi còn thiếu linh mục. Cha Balley, ngay sau khi Jean-Marie báo tin không may này, đã vội vã đến Tòa giám mục, gặp lại vị linh mục, mời ông đến Écully vào ngày hôm sau với bề trên của chủng viện, và ở đó, trong một nhóm nhỏ, thử thách đáng sợ đã được lặp lại, nhưng lần này đã thành công.

Tuy nhiên, không phải mọi việc kết thúc. Việc kiểm tra chỉ là bước chuẩn bị để được gọi. Sau khi hoàng đế bị đánh bại và bị bắt, Tổng giám mục Lyon đã tị nạn ở Rome. Hội đồng Chủng viện, đặc biệt nhạy cảm, với thực tế tuyệt vọng khi phải dạy ứng viên tiếng Latin, đã từ chối quyết định vụ việc. May mắn thay, trong nhóm thẩm quyền này có một người đặc biệt, và ngài là Bề trên nhất giáo phận, người quản lý tạm thời giáo phận, cha Courbon. Cha đã đưa ra một tiêu chuẩn cá nhân khá đáng chú ý : «Vianney trẻ tuổi có ngoan đạo không?

Thầy có biết lần hạt Mân Côi không ? Thầy ấy có sùng kính Đức Trinh Nữ Maria không ?... Ân sủng sẽ làm phần còn lại.»

Chính nhờ lời chứng này mà Jean-Marie được nhận vào chức phó tế vào ngày 2 tháng 7 năm 1814 và vào chức phó tế vào ngày 23 tháng 6 năm 1815. Hai tháng sau, ngài đi bộ về phía Isère, băng qua những cánh đồng và núi non, giữa đội quân địch đang chiếm đóng lãnh thổ Pháp. Ngày 13 tháng 8 năm 1815, tại nhà thờ chính tòa Grenoble, do Đức cha phụ tá hồng y Fesch, truyền chức linh mục cho thầy.

Việc truyền chức - còn là một dấu hiệu ? diễn ra chỉ cho riêng mình thầy.

Ngày 14 tháng 8, Cha Vianney đã cử hành Thánh lễ đầu tiên tại nhà nguyện của Đại chủng viện Grenoble, giữa hai cha tuyên úy người Áo dâng thánh lễ ở các bàn thờ gần đó. Sau khi cử hành lễ Đức Mẹ Lên Trời, ngài đi Écully. Như lúc đi, buộc phải một mình vượt qua các đội quân nước ngoài, cha đã nhiều lần tuyệt vọng vì không thể về đến làng. Trên đường lộ, cha trở về với vẻ giống hệt như khi đi, với khuôn mặt đó, bước chân vội vã đó và với một gói đồ nhỏ như vậy; tuy nhiên, cha đã nhận được sự đặt tay, cha bước đi mang dầu thánh, từ nay trở đi cha là một linh mục trong thân xác và trong tâm hồn.

Cha Balley chào đón cha với tin vui: Tổng Giám mục Lyon đã bổ nhiệm cha làm linh mục tại đó. Có cả sự ủng hộ và phản đối. Những người đáng kính trong chính quyền giáo phận đã hình dung ra một hình ảnh khá đau lòng về vẻ ngoài nghèo nàn của cha ; sự tai tiếng không thể tránh khỏi về những bất hạnh của cha đã là quá đủ. Hơn nữa, một số quý ông này đã có cơ hội gặp cha trong những cử chỉ thăm họa của cha, trong đó có một sự im lặng ít nhiều gây sửng sốt. Họ nghi ngờ liệu cha có thể thực hiện được chức vụ thường lệ hay không ; người ta chỉ quyết định sau đó, khi phù hợp, cha có quyền giải tội hay không. Điều khoản hạn chế này cũng đã được đưa vào thư bổ nhiệm chức linh mục của cha. Người ta

nghi ngờ sáng kiến này xuất phát từ cha Courbon : bằng chứng là tốc độ ngài đưa ra sáng kiến này. Cha Bê trên giáo phận, một người bạn của cha Balley, đã trở thành một người cha mới của Jean-Marie, mà việc giúp cho lễ truyền chức được suôn sẻ, đã ràng buộc cha, cũng như một số rủi ro đặc biệt mở ra tâm hồn của những người phụ trách. Thận trọng - tại sao không ? - bởi sự huyền nhiệm thánh thiện của người mới được bầu hơn là sự bất tài của cha, ngài cho rằng tốt nhất là để lại vị phụ tá bán thời gian này ở nơi cha đang làm ơ, với người thầy đầu tiên của cha, linh mục xứ Écully.

Chức vụ của cha Vianney tại chính ngôi làng đã chứng kiến sự khởi đầu đáng kinh ngạc của ngài được đánh dấu bằng một dấu hiệu mà nhiều người đã nhận thấy : một lòng nhiệt thành không gì lay chuyển được, cảm giác rằng cha vẫn chưa làm được gì cho Chúa. Như trong suốt cuộc đời mình, cha đã thu hút được sự chú ý không chỉ từ những người nghèo, những người mà theo cha Balley, «cha đã trao tặng mọi thứ», mà còn từ những nhóm người có địa vị. Ngay khi quyền lực của cha được giải phóng, các tín đồ đã tràn vào phòng xưng tội của cha. Vào đêm trước các ngày lễ lớn, cha hầu như không có thời gian để dâng lễ, đọc kinh nhật tụng và ăn bữa tối. «Cha vẫn chưa thuyết giảng tốt», em gái ông là Marguerite kể với chúng tôi bằng sự thẳng thắn thường

thấy, nhưng khi đến lượt cha phát biểu, mọi người chạy đến nhà thờ». Một số người đã chỉ trích cha vì sự cầu thả về chiếc áo thầy tu : «Tôi sẽ suy nghĩ về điều đó...» Chỉ vậy thôi.

Một trong những sự kiện đáng ngưỡng mộ nhất là sự thân thiết mới của cha với cha Balley. Cho đến lúc đó, một «người hầu trong nhà», một «người làm vườn», một «ông từ», hoặc một «học trò» trong ngôi nhà này, cha chắc chắn là, và luôn luôn là, không gì sánh bằng, người mà ngay từ lần gặp đầu tiên, vị linh mục của Écully đã tuyên bố : «Cha sẽ hy sinh bản thân mình vì con». Tuy nhiên, vị cha già vẫn chưa tiết lộ bí mật cho linh mục trẻ về cuộc sống sâu sắc của mình. Chính bí mật này mà cha phó nhận được ngay lập tức, khi cha có quyền tha tội, vì người xưng tội đầu tiên của cha là cha Balley.

Vị linh mục đáng kính là người có ân sủng cao cả. «Một hình ảnh La Mã», vị linh mục già xứ Ars sau này sẽ nói về ngài, luôn nhạy cảm với một số uy tín nhất định, nhưng cũng : «Đó là một người khôn khéo phủ lên bởi một chiếc áo chùng thâm, vì cha gầy gò và luộm thuộm.» «Muốn yêu Chúa, chỉ cần nghe cha nói: ‘Lạy Chúa, con yêu Chúa hết lòng’. Người lặp lại lời cầu nguyện này khi ở một mình, và vào buổi tối, trong

phòng mình, người không ngừng lặp lại cho đến khi ngủ thiếp đi.» Sự thiếu thận trọng này từ phía sau vách ngăn thật cảm động. Cha xứ mang sự chính xác của tu viện vào chốn tĩnh mịch thôn dã của mình. Cha quyết định rằng cả hai sẽ cùng đọc kinh nhật tụng vào một thời điểm cố định và không thay đổi. Họ tự đặt ra cho mình một ngày tĩnh tâm mỗi tháng và thực hiện các bài tập tâm linh mỗi năm. Đáng tiếc là điều này phải được giữ, nhưng than ôi ! trong một thời gian ngắn. Hai năm rưỡi sau, vào ngày 17 tháng 12 năm 1817, sau khi bị loét ở chân và hoại tử, cha Balley đã qua đời. Cha cũng chịu khuất phục trước chế độ sám hối và ăn chay tàn nhẫn. Vì sự hy sinh của Thánh Jean-Marie Vianney chỉ xuất phát từ sự hy sinh của cha Balley, nên cần phải nói đôi lời về điều đó.

Không có lý do gì để che giấu sự khác biệt giữa người đàn ông sáu mươi tuổi có nền văn hóa sâu rộng, với quá khứ dũng cảm và quyền lực đã được khẳng định, với vị linh mục nhỏ bé, bần thủ của ông. Điều đáng trân trọng ở họ là cả hai đều công nhận nhau trong lòng bác ái anh hùng. Họ sống không cần gì cả. «Khi bạn bắt đầu làm một thứ gì đó, như thịt bò hay khoai tây, sẽ có đủ dùng trong vài tuần. Đôi khi, phần thịt kém chất lượng sẽ chuyển sang màu đen vì để trên bàn.» Vị linh mục xứ Ars, bằng lời lẽ hoa mỹ của mình, nói thêm: «Đó là một

câu hỏi bao quát tất cả.» Các giáo dân sợ hãi đã đến tố cáo vị linh mục và cha xứ với cha Courbon : «Hỡi dân Écully, các bạn thật may mắn khi có những linh mục thực hiện việc sám hối cho các bạn theo cách này».

Cả hai cha cùng nhau tôn vinh lòng thành kính của mình đối với Đức Trinh Nữ bằng cách chép tay những lời cầu nguyện cho ngôi làng, và từ đó trở đi, họ biên soạn chuỗi Mân Côi về Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Ngoài ra còn có những cuộc hành hương của họ.

Họ tiến sát nhau tới Nhà thờ Đức Bà Fourvière, «cả hai đều quá túng thiếu đến nỗi phải trú ẩn dưới cây dù duy nhất của giáo xứ.»

Ở Lyon, cha Balley không thiếu mối quan hệ, bao gồm cả gia đình Jaricot ; cha đã giới thiệu người bạn đồng hành không thể tách rời của mình ở đó. Đây chính là lý do khiến cha Vianney nghe nói về một vị tử đạo trẻ tuổi khoảng mười bốn hoặc mười lăm, người mà xương của ngài đã được các công nhân phát hiện ở Rome vào khoảng năm 1800. Bia mộ ghi : *Pax tecum Philumena*. Việc vận chuyển hài cốt đến một ngôi làng ở Vương quốc Naples đã diễn ra với nhiều phép lạ kỳ diệu. Vào khoảng năm 1815, *Benfratelli*, tức là những Sư huynh ở Saint-Jean-de-Dieu, bị đuổi khỏi bán đảo do cuộc bạo loạn, bắt đầu đi đến đất nước chúng ta để cầu xin cho

các chương trình của họ, và hát không gì khác ngoài Bài than phiền của Thánh nữ Philomena. Cô Pauline Jaricot, 17 tuổi, người mà cuộc sống vẫn chưa từ chối bất cứ điều gì, đã nhận được một thánh tích từ họ. Sau đó, vị linh mục xứ Ars đã nhận được một mảnh thánh tích này. Sau đó, rất lâu sau đó, năm tháng trước khi qua đời, vị thánh nghe thấy một người phụ nữ nghèo gõ cửa nhà xứ của mình : người sáng lập cao quý của Hội Truyền bá Đức tin, già nua, lạnh cóng và kiệt sức. Mỗi quan tâm đáng kinh ngạc : Cha Vianney đưa bà lên phòng mình, định nhóm lửa cho bà, nhưng củi ẩm không bắt lửa. Bà chỉ nói với cha : «Hãy cho con một chút niềm tin và hy vọng.» Sau đó, cha đưa cho bà một cây thánh giá nhỏ bằng gỗ. Sau khi làm phép, ngài để lại cho bà, rồi đi ra với vô số người hành hương vây quanh ngài.

Khi cha Balley, người không cử hành các bí tích trong sáu tháng, cảm thấy sức khỏe của mình suy yếu, cha đã tận dụng chuyến viếng thăm của các anh em linh mục để nhờ con mình giải tội và ban bí tích xức dầu cho cha trước sự hiện diện của họ - một thông lệ phổ biến vào thời điểm đó không may bị nhầm lẫn với bí tích xức dầu cho người hấp hối. Sáng hôm sau, cha phó cử hành thánh lễ cầu nguyện theo ý chỉ của cha xứ và toàn thể dân làng tự nguyện đến tham dự. Nhưng người hấp hối

đã cho gọi cha phó ngay sau đó và, bằng một dấu nháy đơn nhạt nhẽo, dấu duy nhất phù hợp với mối quan hệ giữa họ, đã nói với cha : «Này, cha Vianney tội nghiệp, hãy cất giấu điều này đi !» Ngài đã tiết lộ cho cha phó những dụng cụ sám hối của Ngài. Trong cử chỉ hài hước cuối cùng, một trong những cử chỉ cho thấy sống tốt và chắc chắn nên rời đi, cha phó không hề che giấu mà nói thêm : «Nếu họ tìm thấy tôi sau khi tôi chết, mọi người sẽ nghĩ rằng tôi đã làm điều gì đó để chuộc lại tội lỗi của mình, họ sẽ bỏ tôi lại luyện ngục cho đến tận thế.»

Cha Monnin chứng thực rằng trong các bài giáo lý của mình, vị linh mục xứ Ars thích nhắc đến cha Balley. Người ta thậm chí còn cố gắng đưa cha Balley vào chủ đề. Cha «đáng sợ» khi liệt kê những kỷ luật, những sợi tóc, những chiếc vòng sắt và những phát minh đóng đinh khác của người cha tinh thần ; cha cố tình không bỏ sót bất kỳ «chi tiết gây khó chịu» nào. Về phần cha, cha lấy một chiếc thắt lưng rộng làm bằng dây bện có khảm những chiếc đinh sắt nhỏ ; cha đã gắn những dải vải hẹp có gắn các đầu nhọn vào đó, và chính chiếc áo sơ mi bằng tóc này mà ngày nay chúng ta có thể thấy mà không sợ hãi khi được trưng bày sau tủ kính trong một căn phòng ở giáo xứ Ars : nó không còn nguy hiểm nữa.

Cha Vianney, với ký ức ảo giác đặc trưng về đôi mắt, đã khẳng định cho đến tận cuối đời người cha tinh thần của mình : «Tôi vẫn có thể vẽ chân dung của cha ấy.» Và người nghèo khó nhất nhân loại giữ trong phòng mình, phía trên lò sưởi, chiếc gương trang điểm của cha Balley, với khung gỗ, «bởi vì,» cha nói, «nó phản chiếu khuôn mặt của cha ấy.»

Sự xuất hiện của cha Vianney vào ngày 9 tháng 2 năm 1818, tại ngôi làng nhỏ Ars đã được kể lại hàng ngàn lần. Sau khi cha xứ qua đời, cha càng dễ dàng làm ngơ trước những người bạn tốt ở Écully, những người, trong sự ngây thơ của họ, đã coi cha là cha xứ, mà tổng giám mục Lyon không hề có ý định bổ nhiệm cha vào vị trí đó. Sự tách biệt của cha khỏi cộng đồng quá hạnh phúc này, chẳng hạn như trong những năm đầu đời, ngược lại đã được ghi khắc trong hành trình nội tâm của cha. Cha đã cố gắng chung sống và hợp tác với người kế nhiệm cha Balley, nhưng sự hiểu lầm lẫn nhau trở nên quá lớn đến nỗi sau hai tháng, trải nghiệm này không thể kéo dài được nữa. Như vẫn xảy ra ngày nay, với sự xuất hiện của người mới đến, một Écully khác đã thức tỉnh dưới sự chỉ đạo tâm thường. Vị linh mục trẻ tuổi giờ đây bị buộc tội trốn tránh lời mời dùng bữa tối với lý do cha chỉ có một chiếc áo chùng thâm và nó lại bẩn. Việc còn lại là yêu cầu loại bỏ cha. Việc đó đã được thực hiện.

Đây là cách mà vị linh mục nhỏ bé vụng về này rời bỏ quê hương để đến vùng Dombes với nỗi buồn còn lớn hơn. Một nhà sử học địa phương khẳng định rằng vì thành kiến, cha Courbon đã gửi đến đó «những thần dân ít được đảm bảo nhất». Trong mọi trường hợp, cha Bê trên giáo phận biết rằng khu vực này nhiều dân ngoại.

«Không có nhiều tình yêu thương của Chúa, cha tuyên bố với cha Vianney, cha hãy cố gắng.» Trong kho tài liệu của tòa giám mục, về xứ Ars, tổng giám mục đã có những báo cáo đầy ý nghĩa, trong đó báo cáo hay nhất chắc chắn là báo cáo được viết ra mười lăm năm trước bởi vị linh mục được sai đến, cha Jean Lecourt nổi bật. Một mùi kỳ lạ của chuồng ngựa dần dần xuất hiện trong văn bản này.

«Tất cả cư dân của xã này, tổng cộng ba trăm bảy mươi người, đều theo đạo Công giáo.

«Trong số này, chỉ có những phụ nữ, nữ thanh thiếu niên và trẻ em mà tôi đã ban bí tích rước lễ lần đầu mới tham dự các bí tích; tất cả đàn ông, dù là chủ hay người hầu, đều luôn xa lánh, mặc dù họ thường xuyên được khuyến bảo thay đổi cách cư xử. Tuy nhiên, họ vẫn rất siêng năng trong các buổi lễ.

«Lớp giáo lý được tổ chức ở đó bốn lần một tuần. Không có ai lui tới nơi này ngoại trừ những người đủ tuổi để rước lễ lần đầu. Nó bị gián đoạn từ việc cắt cỏ khô cho đến ngày lễ thánh Martin.

«Có một trường học dành cho con cái của cả hai giới, do một cư dân địa phương điều hành, người này giao phó toàn bộ việc dạy giáo lý cho trẻ em cho linh mục,

điều này trở nên rất khó khăn đối với cha vì sự ngu ngốc và bất lực của những em nhỏ này, phần lớn không có gì để phân biệt chúng với loài vật ngoài phép rửa tội.

«Do đó, không có gì nằm ngoài tầm với của họ hơn giáo lý của giáo phận này, đối với họ, nó vừa quá rộng vừa quá khoa học, và sẽ rất mong muốn nếu có một giáo lý rất ngắn gọn, rất đơn giản và rất rõ ràng dành cho người dân ở nông thôn.

«Nhà thờ rất đàng hoàng, phòng thánh được trang bị khá đầy đủ, nhưng không có tháp chuông và do đó cũng không có chuông.

«Nghĩa trang ở đó trong tình trạng tồi tệ nhất (các bức tường bị xuống cấp đến mức cho phép tất cả các loài động vật ra vào thoải mái) và hoàn toàn có thể bị cấm.

«Tôi dạy thánh ca cho trẻ em, nhưng không dễ để thuyết phục phụ huynh cầu nguyện chung và thậm chí ít đọc Thánh kinh hơn, và có rất ít ngôi nhà có người có khả năng làm điều đó.

«Có một sự lạm dụng rất lớn mà tôi đã lên tiếng rất nhiều lần và rất mạnh mẽ, nhưng không thành công. Tôi lên án nó để tìm ra trong thẩm quyền của Tổng giám mục một phương tiện hiệu quả hơn để hủy bỏ nó. Đây

là những gì nó bao gồm.

«Người dân Ars nuôi rất nhiều gia súc, ngành công nghiệp này khiến họ phải biến con cái mình thành nhiều người chăn cừu và thậm chí còn lấy một số từ các thị trấn lân cận. Tất cả những đứa trẻ và thanh thiếu niên này không hề xuất hiện ở nhà thờ vào các ngày lễ và Chủ Nhật. Tôi không biết mình có sai không khi tôi rao giảng với họ rằng họ nên để đàn gia súc của mình trong chuồng ít nhất là trong thời gian thánh lễ và cho phép tất cả những người chăn cừu này nghe và tham dự buổi lễ, nhưng cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa thể khắc phục được thói quen xấu này vốn chỉ bắt nguồn từ lòng tham. Nếu Đức Cha tìm thấy trong sự khôn ngoan của mình một cách để khắc phục điều xấu này, thì ngài sẽ vui lòng truyền đạt cho tôi...

... «Phương tiện» này chắc chắn là một du khách bí ẩn đã đi khắp khiêng trên một chiếc xe ngựa, cùng với «đồ gia dụng» của cha Balley : một chiếc giường, một bó quần áo, một vài vật dụng linh tinh bao gồm cây dù độc đáo và nổi tiếng, cùng một bộ sưu tập sách. Bị kẹt trong sương mù ở một vùng quê có ít đường đi, cha lang thang khắp làng một thời gian dài mà không tìm thấy. Một cậu bé chăn cừu đã đưa cha trở lại con đường chỉ sau vài phút, và làm sao ở vùng đất của những người

chăn cừu này, cha có thể gặp được một người dẫn đường khác, người đôi khi thừa nhận : «Tôi sẽ làm nghề chăn cừu suốt đời ?» Khi nhìn thấy những ngôi nhà nơi mình sẽ dừng chân tiếp theo, ngài cầu nguyện và thăm ban phước lành cho những ngôi nhà đang ngủ.

Sáng hôm sau, cha đã vội vã máng chiếc chuông nhỏ, mà cha Lecourt thân thiện của chúng ta đã để lại, lên khung cửa rung chuông báo Thánh lễ. Nhờ đó, người dân biết được rằng nơi đây có một linh mục. Về mặt pháp lý, Ars không phải là một giáo xứ : nó chỉ là một nhà nguyện, được quản lý bởi một linh mục tách khỏi giáo xứ Mizérieux, cách đó ba cây số. Vào thời điểm đó, nguyên nhân có phải là do di cư, hay do tổ chức lại lãnh thổ, hay là do tính toán chính xác hơn ? thị trấn chỉ có hai trăm ba mươi cư dân khi điều tra dân số. Mặc dù, nhờ một chút giúp đỡ, cha Vianney đã được «bổ nhiệm» vào Chủ Nhật, ngày 13 tháng 2, dưới danh nghĩa là cha xứ, nhưng việc ngài chuyển từ Écully đến vị trí khiêm tốn này không hề giống một sự thăng chức giạt gân.

Giờ đây, lần đầu tiên cha phải tự mình hành động, không có người hướng dẫn, không có người tâm sự, thậm chí không có bạn đồng hành. Cha có quá nhiều đồng lõa bên trong với sự cô đơn. «Trong sáu hoặc bảy năm sống một mình», cha nhớ lại với nỗi nhớ nhung,

khi tôi làm những gì mình muốn...» Cha muốn điều gì một cách quyết liệt như vậy ? Hy sinh và cầu nguyện. Lúc đầu, cha gặp phải trở ngại trong nỗ lực sám hối của mình, và chúng ta có thể nghe cha khá rõ, về một cái chén mới, lên tiếng phản đối vài người phụ nữ tốt bụng: «Người ta không thể có cuộc sống khó nghèo đói trong nhà mình sao ?» Nhà xứ của cha, được lâu đài trang bị theo kiểu tư sản, đã được chuyển đi theo lệnh của cha. Cha không canh tác khu vườn của mình. Cha cho phép người hàng xóm dắt bò của bà ấy đến đó gặm cỏ. Để ngăn chặn bọn cướp bóc ăn trộm, cha sắp xếp cửa hạ những cây ăn quả. Một loại bỏ bê giáng xuống ngôi nhà nông thôn này, nơi cha hầu như không cho những người tận tụy muốn bảo trì vào. Trong vòng chưa đầy hai tuần, cha đã gần như dọn sạch nó.

«Mười lăm ngày sau khi được tấn phong, em gái Gothon của ngài kể lại không thiếu những hình ảnh trong *Quá trình phong thánh*, tôi muốn đến gặp cha. Tôi đi cùng với góa phụ Bibost xứ Écully. Sợ chỉ có ít đồ ăn nơi nhà người anh, chúng tôi đã mua bánh mì và thịt trên đường đến Trévoux. Khi thấy chúng tôi đến, cha đã tiếp đón chúng tôi rất nồng nhiệt, nhưng cha nói với chúng tôi : «Hỡi các con, cha sẽ cho các con điều gì? Cha không có gì cả.» Sau một lúc suy nghĩ, cha nghĩ đến một giỏ đựng khoai tây đã nấu trong nhiều

ngày ; chúng bắt đầu mọc. Chúng tôi không bao giờ có đủ can đảm để ăn chúng. Còn cha, cha lấy hai hoặc ba củ, ăn chúng trước mặt chúng tôi và nói với chúng tôi: «Chúng vẫn ngon và không bị hỏng». Sau đó, cha nói thêm : «Tôi phải đến nhà thờ, tôi phải đi, hãy cố gắng sắp xếp mọi thứ tốt nhất có thể».

Chúng tôi tìm kiếm khắp nơi nhưng chỉ tìm thấy một ít bột mì mà ai đó đã mang đến cho cha, một ít trứng và một ít bơ. Sau đó chúng tôi quyết định nấu cho cha một ít *matefaims* vì chúng tôi biết cha thích món này. Để bữa tối thêm trọn vẹn, chúng tôi đã lấy hai con chim bồ câu. Khi cha trở về từ nhà thờ, nhìn thấy hai con chim bồ câu trên bàn, ông nói với chúng tôi : «Ôi ! Những sinh vật tội nghiệp này, các con đã giết chúng! Tôi muốn tống khứ chúng đi vì chúng làm hại những người hàng xóm, nhưng không nên nấu chín chúng.» Cha không bao giờ muốn chạm vào chúng, cha hài lòng khi lấy một miếng *matefaim*.

«Chúng tôi giữ hai con chim bồ câu trong hai ngày, nhưng vì cha không muốn ăn chúng, nên chúng tôi phải tự ăn chúng. Trong tám ngày chúng tôi ở với cha, chúng tôi không bao giờ có thể khiến cha chấp nhận thịt. Cha chỉ ăn khoai tây khi đói. Vì cha rất thích sữa, nên chúng tôi muốn cho một ít vào súp. Cha có vẻ rất vui với nó,

nhưng cha hài lòng khi uống một vài giọt. Cha không muốn uống rượu ; sau khi chúng tôi liên tục mời, cuối cùng cha đã cho một ít vào nước. Cha không có loại rượu nào khác ngoài loại rượu mà một người phụ nữ đã đưa cha cho Thánh lễ.

«Khi chỉ còn chúng tôi, góa phụ Bibost nói với tôi: «Tôi sẽ dọn giường cho cha.» Bà thấy dưới tấm trải giường và chăn, thay vì nệm và tấm chăn rơm, là những chồi cây leo mọc khắp thành giường. Cha dùng một bó rơm nhỏ quấn trong tấm khăn trải giường để làm gối đầu. Chúng tôi không làm phiền bất cứ điều gì và cũng không nói gì với anh trai tôi. Cha nói với chúng tôi : «Các con không cần phải lên đó, tôi đã sắp xếp mọi thứ rồi».

«Người ta chờ tôi ở nhà thờ», là lời bào chữa của vị linh mục với hai người phụ nữ để tránh sự việc. Vì họ quan tâm đến việc kiểm kê gia đình, và được giáo dục một cách kín đáo về mọi thứ liên quan đến chức thánh, nên họ không tự hỏi ai đang gọi cha vào lúc đó. Ngược lại, đây chính là điều quan trọng nhất đối với chúng ta, bởi vì hình ảnh Cha sở Ars, trong những khởi đầu này, phụ thuộc vào điều đó : hình ảnh sẽ nhận cú đánh quyết định.

Trên thực tế, không có khả năng là cha Vianney sẽ đến gặp bất kỳ tín đồ nào : sự thờ ơ về tôn giáo của người dân khó có thể gây ra những cuộc gặp này. Cha đang đáp lại một lời kêu gọi khác liên tục, đó là lời kêu gọi của Chúa. Ngay khi đến nơi, cha đã ổn định ở Haut-Lieu như thể đó là ngôi nhà thực sự của mình. Cha không bằng lòng với việc tuân theo quy tắc của cha Balley, đọc kinh nhật tụng vào một thời điểm cố định; Có lẽ, chính xác là hôm nay, cha đã rời đi để đọc một kinh trưa. Trong khi bỏ nhà xứ cha vừa mới đến và bụi bặm, cha sống gần như cả ngày trong Nhà Chúa. Với chiếc đèn bão, cha trở về nhà xứ vào ban đêm. Thỉnh thoảng, một người dân làng, tò mò về những lần đi lại này, lén lút đi theo cha và khi thấy cha nằm dài trên những phiến đá lát đường, đã thốt lên, nửa tin nửa ngờ: «Cha không phải là người như những người khác.» Cha cũng chỉ cần chạy, luôn luôn chạy, qua vài mét ngăn cách nhà thờ với nhà xứ của mình để gây sốc và làm người dân địa phương ngạc nhiên «bằng vẻ ngoài thô tục của mình», như một người quen biết cha không ngần ngại nói, «về e thẹn và ngượng ngùng của ông», chiều cao của cha «dưới mức trung bình» - một mét năm mươi bảy hoặc tám, - cơ thể «yếu ớt» của cha và nhất là khuôn mặt «nhọt nhọt và góc cạnh» mà thật không may dường như không bao giờ trẻ trung. Nhưng

ngay khi cha bước vào tòa nhà cũ với những mặt bên ố vàng, người nhà quê tâm thường, người tự nhận là người bảo vệ tận tụy của Ngôi Nhà trang nghiêm, tìm thấy tất cả tự do của mình, tự do nảy sinh từ bí mật nhất của tuổi thơ, điều đã vượt qua rất nhiều sự chậm trễ và ngày nay ném cha đến trước thánh nhan Chúa. Cuối cùng, cha đạt được, trong sự im lặng và thậm chí trong bóng tối, tất cả các chiều kích của tâm hồn mình.

Có thể nói gì về lời cầu nguyện đơn độc này của cha Vianney ? Chúng ta có thể cảm nhận rằng lúc đầu, mặc dù có được sự ưu ái ban đầu, cha đã gặp phải những khó khăn cay đắng và nản lòng - giống như chúng ta một chút. Khi thỉnh thoảng phải ở nhà và phải nhốt sự nôn nóng mong chờ thiên đường của mình trong căn phòng nhỏ, cha chỉ có thể giữ trái tim hướng về Chúa bằng cách chăm chú nhìn từng bức một, những bức khắc thánh thiện mà cha đã dán đầy trên bốn bức tường và lần lượt được ánh sáng yếu ớt rọi vàng. Sau đó, cha giao cho Catherine Lassagne nhiệm vụ dán ảnh Chúa Ba Ngôi vào đầu sách kinh nhật tụng của ngài. Trong lúc sống thánh thiện, ngài tâm sự với Nữ Bá tước xứ Garets rằng đôi khi ngài thấy mình như đang ở giữa sa mạc. Cha cầu xin và chờ đợi ơn chiêm nghiệm.

Vì thế, lúc đầu, đêm không chào đón cha một cách háo hức và dễ dàng như người ta vẫn nghĩ ; theo thói quen, đêm cũng để mặc cha lặp lại những điều khôn khổ đó với Đấng Vô Hình trong nhiều giờ. Cha giống như một người đi bộ không biết mệt mỏi, đôi khi thất vọng, phải lê bước hàng dặm để nhắc một đồng lá khô còng kèn. Cha bước đi trong bóng tối sâu thẳm, chạm trán với những ngọn lửa phẫn khởi hiểm hoi, và nếu cha nhìn thấy chúng, cha nhận thấy thay vì Bụi Cây Cháy, nó lập tắt đi.

Hãy đi qua, giống như cha, ít nhất một lần, những khung cảnh nội tâm dài đằng đẵng này, nơi mà ngay cả sự mong đợi của trái tim tội nghiệp của chúng ta cũng được biến đổi. Vào khoảng ba giờ chiều, khi người ta cảm thấy như đang đến gần đỉnh cao của cao nguyên, sự tươi mát rơi xuống vai khiến người ta cảm thấy như băng qua một đầm phá mệt mỏi, đôi giày thấm nước và tâm hồn run rẩy. Đến sự trở lại tắt yếu của ánh sáng, đến điều này, vào khoảnh khắc mà muôn loài thường xuyên sinh ra và chết đi, trái đất, giống như một người đang ngủ, hé lộ đôi tay, đôi vai tròn trịa và lồng ngực ấm áp: thế giới của con người đã trở lại. Tất cả những gì còn lại là rũ bỏ những cơn đau nhức, đứng dậy trên đôi chân loạng choạng, và đến dưới vòm tháp chuông để đồ chuông *Kinh Truyền tin*.

Những cửa sổ của nhà thờ, được chiếu sáng liên tục bằng ánh sáng nhật, do đó đã trở thành một dấu hiệu dễ nhận biết đối với cư dân Ars. Vị linh mục nhỏ bé không thể rời xa cung thánh nữa vì Chúa vẫn ở đó. Cha Monnin, người hiểu rất rõ điều này, đã làm chứng một cách mạnh mẽ rằng toàn bộ tôn giáo của Thánh Jean-Marie Vianney xoay quanh Thánh thể đáng kính của Chúa Kitô. Trong khi những giáo dân mới của cha, không giống như những người theo đạo Thiên chúa ở Écully, để lại cho cha sự nhàn rỗi cay đắng vì sự thờ ơ của họ, cha tìm kiếm từ Sự hiện diện thiêng liêng ngay cả sự ấm áp của con người mà cha thiếu ở ngôi làng này. Cha hiến dâng mình cho Chúa với tất cả lòng đam mê và sự mộc mạc của một người trần gian, mà không hề tính toán đến rủi ro.

Điều tuyệt vời là ngài không làm nghèo đi đời sống đức tin đích thực khỏi mọi điều nguyên thủy trong đó, nhưng ngài nuôi dưỡng nó bằng chính đức tin đó. Để diễn tả cảm xúc của mình, ông luôn sử dụng những cách diễn đạt thô sơ. Thật khác biệt biết bao, trong cùng Giáo hội, với một Thánh Gioan Thánh Giá, người mà nền văn hóa, cả nhân bản lẫn thần học, không dung thứ sự đại khái và ngài đã phải tạo ra vốn từ vựng cho trải nghiệm riêng của mình ! Rõ ràng sẽ không có bài thơ huyền bí nào của cha xứ Ars, mà là những lời, đôi khi là

những lời khó hiểu, những lời nông dân khó quên.

Chúng ta không nghĩ rằng ngài từng «nhìn thấy» Chúa qua các đồ vật thánh hiến, mặc dù ngài đã lặp lại : «Có những linh mục nhìn thấy Chúa mỗi ngày trong Thánh lễ». Ngược lại, điều chắc chắn là ngài đã rao giảng Bí tích Thánh Thể bằng cách diễn giải lại Sự Nhập thể. Ngài liên tục nói : hãy nhìn, chạm, nghe..., giống như các nhà truyền giáo đã làm về Chúa Kitô. Chúng ta có thể hình dung ngay sự gọi lên phi thường mà ngài đã đạt được. Không chắc chắn rằng ngài đã phủ nhận màu nhiệm - nếu không thì ngài sẽ là một kẻ dị giáo - nhưng bằng một trong những sự vĩ đại của những trái tim đơn sơ, ngài đã diễn giải những món quà của nó thành những thuật ngữ hợp lý : «ngài thốt lên rằng, các tông đồ đã vui mừng biết bao sau Phục sinh khi được nhìn thấy Thầy mà họ đã yêu mến rất nhiều». Đây là kết quả : «Linh mục phải có cùng niềm vui khi *nhìn thấy* Chúa, người mà ngài đang *cầm* trong tay.»

Cha đã phải chờ đợi khá lâu để được tiến chức linh mục, không quan tâm đến vẻ ngoài - không thể giản lược - của bánh, mà mắt chúng ta chạm vào và ngón tay chúng ta cảm nhận được. Cha vượt qua nó : Đáng ở đó là Chúa Kitô. Do đó, không quan tâm thêm nữa, cha khẳng định rằng chúng ta *thấy* Ngài *khi thấy* các bí

tích. Tương tự như vậy, trong Thánh lễ, linh mục cầm lấy các bí tích hoặc di chuyển chúng, thích nghi với bản chất của chúng, thì về Chúa, ngài thốt lên, bối rối: «*Tôi mang Ngài sang bên phải, Ngài ở bên phải ; tôi mang Ngài sang bên trái, Ngài ở bên trái.*» Luôn luôn, dưới một nguồn cảm hứng giống hệt, cha đến với thử thách tình yêu mà mọi người đều biết : «*Tôi nói với Chúa tốt lành : nếu tôi biết rằng tôi sẽ không bao giờ có Ngài trên thiên đường, tôi sẽ không buông Ngài bây giờ nữa khi tôi có hạnh phúc được giữ Ngài trong bàn tay.*» «Giữ Ngài trong bàn tay», với cha, là «có Ngài».

Vì thế, qua Bí tích Thánh Thể, đã có sự đổi mới không ngừng, trước mắt cha và thường xuyên nhất là qua lời nói hoặc cử chỉ của cha, mẫu nhiệm về sự hiện diện của Thiên Chúa-Con Người, chân thực như đã từng xảy ra giữa các tông đồ trong quá khứ. Trải nghiệm này có vẻ mang tính hướng dẫn cho những người bạn Tin Lành của chúng ta. Cha không đơn độc trong nhà nguyện nhỏ bé của mình : trải nghiệm này theo cách riêng, đã tạo nên một Nhà Tiệc Ly mới của các buổi Hiện Ra. «Chúng ta chỉ có một đức tin cách xa ba trăm dặm, như thể Chúa ở bên kia biển. Nếu chúng ta có đức tin của các thánh, chúng ta sẽ thấy Chúa như các ngài. Với câu chuyện kỳ diệu này về cuộc gặp gỡ của thánh Jean-Marie Vianney với Chúa Kitô trong tâm trí, chúng ta

phải lắng nghe lời khuyên của cha : «Khi bạn đang trên đường và nhìn thấy một tháp chuông, cảnh tượng này sẽ khiến trái tim bạn đập mạnh... Bạn không thể rời mắt khỏi nó».

Sau khi rón rén đi theo người nông dân xứ Ars, đủ tò mò để đẩy cửa nhà thờ và quan sát người gác cửa cầu nguyện trước Minh Thánh Chúa, chúng ta có thể cho rằng thế là đủ. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cảm thấy do dự.

Tại sao cha Vianney lại nói ngôn ngữ tôn giáo khó hiểu như vậy ? Hàng năm, cùng với các ca sĩ của mình, trong các cuộc rước kiệu mừng lễ Minh Máu Thánh Chúa mà ngài rất yêu thích, ngài đã hát bài Landa Sion vinh quang, trong đó thánh Thomas Aquinas nhắc nhở chúng ta rằng trước Sự Hiện Diện Thực Sự, mọi thứ đều thiếu vắng và mọi thứ trong chúng ta đều suy yếu : thị giác, vị giác, xúc giác ; chỉ có đức tin chân thật mới chứng thực được Chúa. Ngay khi vị linh mục xứ Ars mở miệng, ngược lại, dường như đức tin của chúng ta có mất, tai, môi và tay. Để bào chữa cho sự kỳ lạ của ngôn ngữ này, chúng ta có nên nói rằng nó mang tính huyền bí không ? Không ít người có đức tin đã đưa ra những nhận xét không thể hiểu theo nghĩa đen mà không mắc phải những hiểu lầm như trẻ con. Nhưng thực tế có phải như vậy không ?

Để giải thích một phần sự bất thường này, chúng ta không nên ngại nhờ đến sự ảnh hưởng của trí tuệ. Các nhà thần học thế kỷ 18, vẫn chiếm ưu thế, cho rằng

Chúa Kitô, ẩn dưới hình bánh rượu Thánh Thể, thấy mình ở trong trạng thái suy yếu, khi đó, bằng sự hy sinh, Người sẽ từ bỏ các khả năng nhạy cảm thuộc về thân xác Người như thuộc về chúng ta. Vì thế, Người sẽ bị làm nhục trong tay chúng ta, bị đẩy vào cảnh đói khát. Một vị hồng y người Tây Ban Nha thậm chí còn bị sốc bởi giáo lý này đến mức ngài cho rằng nó không thể chấp nhận được và tuyên bố, ngược lại, Chúa Giêsu phục hồi trên bàn thờ sự vận động của các giác quan, Người nhìn thấy chúng ta, Người nghe thấy tiếng rên rỉ của chúng ta, Người trải nghiệm sự tiếp cận của chúng ta... Tất cả họ đều bị ám ảnh về tình trạng thể xác của Chúa Kitô dưới Bí tích Thánh Thể. Các tác giả sùng đạo, đáng chú ý là cha Busée, một tu sĩ Dòng Tên, người mà cha xứ Ars đã suy ngẫm một cách chăm chú, đã tận dụng tối đa hệ thống mơ hồ này, may mắn là hệ thống này đã bị phá bỏ ngày nay. Chúng ta đã nhận thức rõ hơn rằng chính Chúa Kitô vinh quang hiện diện với chúng ta trên bàn thờ : Người không còn có thể chịu bất kỳ sự thay đổi hay hạ nào nữa, và việc được dùng dưới hình thức thức ăn thông thường không làm mất đi điều gì nơi Người hoặc ảnh hưởng đến con người của Người theo bất kỳ cách nào.

Tuy nhiên, thật khó để giảm bớt những đòi hỏi rất cụ thể mà cha Vianney đã đưa ra liên quan đến Thánh Thể

đáng tôn thờ thành một áp lực hoàn toàn bên ngoài, đặc biệt là áp lực thần học. Các áp lực này mang đến với cha những đồng lõa khác. Nếu không có lòng khát khao phi thường của cha đối với Chúa, cha sẽ không bao giờ đối xử với những tấm màn che trong nghi lễ Thánh Thể như vậy, vì người ta gần như có thể nói rằng với cha, chúng phơi bày thay vì che giấu. Ngay từ đầu, vị thánh đã duy trì sự tương ứng không thể tưởng tượng được với mẫu nhiệm đích thực. Đây chính là điều chúng ta phải cố gắng hiểu, ngay cả khi quá trình đào tạo muộn màng, không liên tục và tốn nhiều công sức không cho phép người thụ hưởng đặc quyền này giải thích được sức hấp dẫn đã quyến rũ họ hơn bất kỳ ai trong chúng ta ngay từ khi còn nhỏ.

Chính em bé mười ba tuổi đến dự lễ, đến từ ngôi làng anh hùng Écully, là nhân chứng đầu tiên. Ngày nay, không cần phải có kiến thức khoa học sâu rộng mới có thể nhận ra, trong những bức ảnh thông thường nhất của các bé trai hay bé gái, những dấu hiệu sớm phát hiện mà toàn vận mạng các em phụ thuộc vào - trừ khi những dấu hiệu đã đại diện cho một phần thưởng bí ẩn nào đó. Cũng như vậy nơi cha, sự chiêm nghiệm cái nhìn và chiếc cằm vững chắc, như nơi thánh nữ Têrêsa thành Lisieux. Chúng ta không khó hình dung, vào khoảng năm 1818, những nét «vô ơn» của vị linh mục mới và

vô danh ở Ars, được biến đổi bởi một ánh sáng kỳ diệu còn nguyên vẹn của một tuổi mới lớn chính trực. Ánh sáng này không xứng đáng với hàng ngàn cái tên : đó là Thánh Thể.

Nếu trong sự cô đơn, mỗi con người đều đánh mất cả khuôn mặt của mình và nếu chỉ cần một sự tiếp cận nhỏ nhất, thậm chí là một sự tiếp cận gây khó chịu, cũng đủ để khôi phục lại khuôn mặt đó, thì điều gì sẽ xảy ra khi Sự hiện diện của Chúa can thiệp ? Sự hiện diện ghen tị xé toạc những chiếc mặt nạ trẻ con trên khuôn mặt thoát khỏi sự cảnh giác của một người mẹ ; không giống bất kỳ điều gì khác, nó mang đến cho chúng ta sự nhạy cảm vui tươi và một sự dịu dàng nhất định, sự sẵn sàng và nghỉ ngơi của thiên thần, sự linh hoạt bên trong và sự chú ý lâu dài, bất động này đôi khi dường như không nhận thấy điều gì, bởi vì nó không còn có thể quay lưng lại với bí mật ngọt ngào và khủng khiếp mà nó đoán được. Tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác, biết bao ân sủng đã hình thành nên chúng ta đến nỗi chúng ta không còn có thể thực sự nói được khi nào hình hài con người này được sinh ra từ xương thịt của chúng ta. Cha Jean-Marie Vianney hiện đã ba mươi tuổi và đây là hình ảnh của ngài khi trưởng thành.

Vị tiên tri nhỏ bé của Dombes chỉ có một Tin Mừng đề rao giảng trên quảng trường : *Người đang ở đây, giữa chúng ta.* Ai thế ? Đức Kitô trong Bí tích Thánh Thể. Toàn bộ khoa học của cha có thể được tóm tắt trong vài từ này : nó đủ vĩ đại để làm đảo lộn thế giới. «Tôi nghe ông ấy đưa ra một vài chỉ dẫn mà không nhắc đến Sự Hiện Diện Thực Sự», các nhân chứng lặp lại đến phát ngán. Người đàn ông mệt mỏi của thời đại chúng ta, phủ đầy bụi bặm mặc dù ở trong tiệm xe hơi, hơn là người đàn ông chân đất trong truyền thuyết, không thể gặp gỡ cha xứ Ars - và đã gần mười năm kể từ khi tôi bên cạnh ngài - mà không bị ấn tượng bởi sự chắc chắn rằng, đối với cha, Chúa Kitô, là ngày hôm nay.

Đến một lúc nào đó, chúng ta sẽ phải nói về cái mà chúng ta gọi là trí tưởng tượng của cha, bởi vì cha không bao giờ thiếu. Nhưng nó được kiểm soát. Có một loại mặt trời khiến con chim di cư này bị mê hoặc và giữ chặt nó. Và mặt trời này chiếu sáng từ giữa trái đất của chúng ta : đó là Thân thể của Chúa. Hiện tại của chúng ta được tạo nên từ Sự Hiện Diện thiêng liêng này. Chính Sự hiện diện là người ngăn chặn sự mục nát của thế kỷ này áp đảo chúng ta : «Nếu không có Bí tích Thánh Thể thì sẽ không có hạnh phúc trên thế giới này, cuộc sống sẽ không thể chịu đựng được.» Như thể đã quên mất rằng đức tin vào mầu nhiệm này không phải là tất cả -

vì chúng ta vẫn còn niềm vui thiên đàng đã được hứa ban, - Jean-Marie Vianney kết thúc câu nói như thể cha đã hoàn toàn ứng nghiệm. Thật vậy, còn có thể mang lại ý nghĩa nào khác cho lời thú tội đầy hoài niệm và phi lý, tuyệt vời và yếu đuối, gần như là cơn mê sảng của một người hấp hối, đã vượt khỏi tay cha vào cuối cuộc đời: «Nỗi buồn duy nhất trên thiên đàng là chúng ta sẽ không thể rước lễ ?»

Cha dâng hiến trọn vẹn ngày hôm nay cho Chúa Kitô của ngày hôm nay. Cha đã trải nghiệm một sự táo bạo phi thường trong Bí tích Thánh Thể. Ngài không chỉ thu hút vào đó sức mạnh đã thức tỉnh hoặc đang ngủ yên của trái tim mình, mà còn cả nguồn lực của thứ mà cha không còn dám gọi, trong một cuộc trao đổi tương tự, *xác chết của mình*. Toàn thể con người trong người ấy bị lay động, hay đúng hơn là toàn thể thống nhất bị rung động, bởi vì trong một người đã lãnh nhận phép rửa tội, toàn thể được tập hợp lại với nhau nhanh hơn khi trật tự ngự trị. Mọi thứ đều trả lời cuộc gọi. Làm sao chúng ta không ngạc nhiên khi thấy ở người nông dân khổ hạnh này, các giác quan được thanh lọc lại có thể ngây thơ tham gia vào việc thừa nhận linh hồn ? Để sử dụng ở đây một cách diễn đạt mạnh mẽ của những người đương thời của chúng ta, đối diện với Thân thể của Chúa linh mục xứ Ars là chính thân thể của mình.

Sự sẵn sàng của bản chất và ân sủng hướng đến Bí tích Thánh Thể làm cho Người trở thành chính mình hoàn toàn vào khoảnh khắc đó. Chúng ta không thể quên nguồn gốc của cha và ngôi nhà của cha ông, với những đàn gia súc, đồng cỏ và bùn đất xung quanh đôi guốc. Dù công việc của cha có cao đến đâu, cha vẫn tự khẳng định mình bằng vóc dáng đặc biệt của mình, từ sự căng thẳng lo lắng của bàn tay trên chiếc khăn tay, khi cha bị bạo lực khổng chế, đến mức cố tình xóa đi ánh mắt hoặc nhăn mặt nghiêm trọng : khó có một vị thánh nào, ngay cả trên bàn thờ, mà người ta không thể phần nào ngăn mình không nhìn thấy hoặc nghe thấy. Cha quỳ xuống trước Chúa như thể mình đang tồn tại, một cách tự phát và tự do, trong sự thiếu hiểu biết và ngây thơ, háo hức và trong sáng, với trái tim xác thịt và tất cả đức tin của mình. Mặc dù gầy gò, đầy thương tích và gần như trong suốt, ngài sẽ không bao giờ biến mất khỏi tầm mắt chúng ta : chúng ta sẽ dễ dàng quên đi vị thánh thông thái Thomas Aquinas trong những lời cầu nguyện của cha, dù ngài có béo phì. Trên thực tế, sự thiếu hụt trong quá trình đào tạo học thuyết của cha và sự mơ hồ trong động lực tâm linh của cha tạo nên một ranh giới không chắc chắn xung quanh các hành động và lời nói chân thực nhất của cha, đôi khi khiến người ta nghĩ đến thời điểm không phải ngày cũng không phải

đêm. Qua mọi hành động của cha, một mùi hương bất diệt từ thuở ban đầu vẫn còn lưu lại, tương tự như mùi hương đã làm say đắm khứu giác của Isaac già trong Esau.

Trong khi, giống như hai tông đồ Philip và Andrew, chúng ta muốn chạm vào vai người đàn ông nhỏ bé này, tỉnh táo và kiên trì, để gọi cha trở lại từ xa, cha đứng dậy với tất cả sự nhiệt thành của mình. Không phải là cha đang bị cuốn đi, nhưng nếu được mời, tại sao cha lại không đến dự tiệc thánh ? Cha không tìm cách nào để bảo vệ mình khỏi cú sốc : «Chúng ta buộc phải nói, như Thánh Gioan : Chúa đó.» Nhưng sự tôn thờ không loại trừ sự quen thuộc. Cha Athanasius kể lại rằng một ngày nọ, khi đang cầm bánh thánh trên chén thánh trước *Kính Lạy Cha*, «ngài nhìn bánh thánh này, đôi khi với nước mắt, đôi khi với nụ cười. Ngài dường như đang nói chuyện với bánh thánh, rồi nước mắt lại bắt đầu rơi, rồi những nụ cười lại xuất hiện.» Đó chính xác là khoảnh khắc mà, theo lời của ngài, cha *truyền lệnh* cho Chúa Kitô, khi cha *nhìn vào Chúa, giữ Chúa, di chuyển Chúa, nâng Chúa lên, chia Chúa ra, đặt Chúa ở đây hoặc ở kia và phản chiếu vào đó*. Nếu chúng ta phản đối rằng đó là bản chất hiện ra trong Thánh Thể cho phép linh mục bằng những cử chỉ này truyền lệnh cho Ngài - chứ không phải chính Chúa Kitô - còn Ngài về

phần mình vẫn ẩn giấu, khó nắm bắt và nguyên vẹn, thì cha trả lời không chút nghi ngờ: «Có sao đâu, tôi cầu nguyện xung quanh Chúa.» Và thế là đủ cho cha hạnh phúc.

Thật đáng chú ý - và sự giản lược này cũng đi theo hướng mà chúng ta đã nói - cha đặc biệt coi cử hành Thánh Thể là một tập hợp các nghi thức nhạy cảm xung quanh Sự Hiện Diện. Trong loạt các cử chỉ «xung quanh», cha đã dọn sạch một không gian thiêng liêng, nơi mà sự hiển té thiêng liêng của cuộc gặp gỡ sẽ được hoàn tất. Chỉ có sự thiếu kiên nhẫn này đối với việc cho đi lẫn nhau mới giải thích được tại sao cha đã dạy - điều này bỏ qua sự hy sinh và hiểu theo nghĩa đen là không chính xác - : «Mọi lời cầu nguyện trong Thánh lễ đều là chuẩn bị sự hiệp thông.» Sự biến đổi không thể ngăn cản và hằng ngày của bản thể cha đã đưa ngài đến sự tin tưởng này, nơi mọi thứ đều được sống : «Ngay khi bạn đón nhận Chúa, bạn cảm thấy trong lòng mình một niềm vui, một sự kết hợp mật thiết trong vài khoảnh khắc, một sự khỏe mạnh cuối cùng lan tỏa đến tận cùng. Những tâm hồn trong sáng luôn như vậy..., những ai không cảm thấy gì cả thì thật tội nghiệp.» Hay còn : «Ồ ! các con của ta... Như một loại dầu thơm mịn lan tỏa qua một mảnh vải và lan tỏa đến tận sợi chỉ cuối cùng, đến tận mép vải, thì Bí tích Thánh Thể cũng vậy...

Nhưng chỉ có tâm hồn trong sạch, tâm hồn rực cháy tình yêu, tâm hồn cảm thấy hạnh phúc khi được kết hợp với Thiên Chúa và biến Người thành nguồn nuôi dưỡng của mình... Nếu các tâm hồn yêu mến Thiên Chúa nhân lành, thì Rước lễ sẽ len lỏi vào họ... Toàn bộ cuộc sống của người Kitô hữu phải là sự chuẩn bị cho hành động này.»

Tuy nhiên, niềm vui tâm hồn và niềm vui thân thể chúng ta - cha biết rõ, vì cha nghĩ về điều đó - không là gì so với niềm vui đang chờ chúng ta : «Chúng ta sẽ thấy điều đó, tôi nói cho các bạn biết, cha đã kêu lên về Chúa trong nước mắt, trong một bài giảng đáng nhớ, chúng ta sẽ thấy điều đó thật sự.» Nhưng ngày nay, trong nỗi đau khổ của chúng ta, những niềm vui khởi đầu này là tất cả : «Nếu bạn giữ Chúa sau khi rước lễ, bạn sẽ cảm nhận ngọn lửa thiêu đốt này trong một thời gian dài».

Vị linh mục mới của làng Ars, khi màn đêm buông xuống, một lần nữa ở lại một mình trong nhà thờ, đối mặt với Đấng Hiện Diện duy nhất. Từ sáng đến giờ, các tín đồ không hỏi cha gì nữa. Họ không cần cha chút nào! Gần như không còn việc làm khi đến cuối ngày, mệt mỏi vì không được làm việc, cha chìm vào miền tối tăm rộng lớn với tất cả sự nhiệt thành chưa từng có và niềm

vui cuối cùng khi được hiện hữu. Sau đó, cha sẽ nghĩ đến việc ăn chay và hành xác. Hiện tại, đây là giờ phút mà toàn thể tạo vật bị bỏ mặc trong giấc ngủ, sẽ không thoát khỏi sự toàn năng của Chúa. Bạn cũng không nên ngủ vào thời gian này. Trong khi gió, mưa hay sự tĩnh lặng của sương giá hành hạ, đánh đập hoặc làm cho các cánh đồng kêu lạo xạo, Jean-Marie Vianney, đang quỳ gối, gần ngọn đèn Minh Thánh Chúa, tạo nên xung quanh Chúa sự quy tụ đáng kinh ngạc nhất của Trái đất, Luyện ngục và Thiên đàng. Nếu có thể, cha thậm chí sẽ triệu hồi cả Địa ngục.

Từ những năm đầu tiên của sứ vụ, vì giáo xứ Ars không chiếm nhiều thời gian của cha xứ, nên người ta chỉ có thể nhớ, ngoài sự thiếu kiên nhẫn với Thánh Thể này, những cơn bão lớn của tâm hồn. Nỗi đau khổ của con người đập vào cha trước tiên : ngày 8 tháng 7 năm 1819, cha ngài qua đời ở tuổi sáu mươi sáu. Chỉ có ba người con ông chôn cất. François con út vắng mặt. Người tình nguyện hữu ích, nhập ngũ vì nghĩa vụ gia đình, đã ngừng cung cấp tin tức về anh chỉ vài tháng sau khi anh rời đi, vào đầu chiến dịch năm 1813. Bức thư cuối cùng của anh được viết ở Frankfur-sur-le-Main. Mọi người trong gia đình, ngoại trừ cha bản khoản nghi ngờ, đều cho rằng anh đã mất tích một cách bi thảm trên chiến trường. Thực ra, anh ấy đã quay lại từ lâu và chỉ giữ im lặng với họ. Liệu anh ấy có trách họ vì đã quá khéo léo đẩy anh ấy ra đi không? Ngược lại, liệu anh có cố tình che giấu hành vi của mình như một người xấu không? Các cháu trai của anh vô cùng ngạc nhiên khi biết vào năm 1882, chính xác là liên quan đến quyền thừa kế của ông nội họ, rằng anh đã tự nguyện kết hôn ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự và định cư tại Savoy.

Vài tháng trôi qua sau cái chết của Matthieu Vianney. Chuyện gì đã xảy ra để rồi, vào ngày 8 tháng 4 năm 1820, người mà cho đến lúc đó chúng ta gọi là linh

mục xứ Ars đã thông báo với anh trai mình : «Em sẽ rời Bresse đến Beaujolais, chuyển khởi hành dự kiến diễn ra vào tuần tới ; em được gửi đến một bệnh viện không xa Villefranche. Em hy vọng sẽ sớm đến gặp anh.» Sau một thời gian ngắn làm tông đồ chỉ vồn vẹn hai năm, Bè trên giáo phận bổ nhiệm cha Vianney đến Salles, một giáo xứ lớn hơn một chút - với 350 cư dân - hiếu khách và sùng đạo.

Có rất ít cuộc thảo luận về sự kiện này. Tuy nhiên, những tài liệu này vẫn đáng để nghiên cứu. Với vị thị trưởng Ars, người phản đối việc chuyển mục linh mục của mình, vị linh mục tổng quản, cha Courbon, trả lời vào ngày 17 tháng 4 : «Tôi làm mọi cách có thể để khiến cha Vianney thay đổi chế độ của mình. Tôi chẳng làm được gì cả. Bạn bè của cha cũng chẳng sung sướng hơn tôi. Cha lắng nghe và làm theo ý mình. Hãy để cha đến Salles. Tôi mong muốn cha sẽ tốt hơn ở đó. Tôi không dám hy vọng như vậy.» Đây là lập luận chính thức : lý do sức khỏe. Thoạt nhìn, điều này có vẻ không phải là vô căn cứ : vùng Dombes không lành mạnh, cha Vianney thường xuyên bị sốt nhẹ. Nhưng khí hậu không phải là nguyên nhân duy nhất hay nguyên nhân chính. Cha Courbon chắc chắn không nghĩ rằng vị linh mục khổ hạnh cứng đầu này sẽ dừng việc sám hối của mình bằng cách thay đổi giáo xứ. Theo lời thừa nhận của

chính cha, những can thiệp được ủy quyền của cha vẫn chưa mang lại hiệu quả gì; Bằng những lời văn hoa mỹ của mình, cha đã không thuyết phục được người anh em linh mục trẻ rằng người ta không thể lên thiên đường bằng cách nhin đói.» Từ đó trở đi, biện pháp mà cha quyết định mang một ý nghĩa khác.

Người ta nghĩ về cha Courbon, người chịu trách nhiệm chính chăm sóc Jean-Marie, những sự quan tâm trong tình cha con. Không có điều gì hào phóng là không thể tưởng tượng được, ngay cả ý nghĩ về vị Bề trên, đột nhiên và vô vị lợi, tin tưởng vị linh mục của nhà nguyện nhỏ bằng cách giao phó cho ông một giáo xứ có đầy đủ chức năng. Những lý do biện minh cho sự tiện lợi sẽ xuất hiện sau sự việc. Về phần mình, tôi có xu hướng nghĩ rằng vào thời điểm này, cha Bề trên giáo phận thực sự lo lắng về linh mục của mình.

Đề Tổng giáo phận Lyon đưa ra quyết định nhanh chóng này, không chỉ cần một lý do y khoa mơ hồ : chắc chắn có điều gì đó đã xảy ra. Chúng ta nghe thấy: điều gì đó đã xảy ra với cha Vianney. Bên cạnh đó, cha Vianney tâm sự. Theo lời kể của những người chứng kiến lúc đó, cha đã nói gì ? «Tôi không có việc gì ở đây cả, tôi sợ mình sẽ tự chuốc họa vào thân.» Trái với mọi dự đoán, chính cha lại đổ lỗi cho khí hậu : «Không khí

ôn hòa của đất nước này khiến tôi lo lắng, tôi sợ mình tự nguyện rửa mình vì không làm việc đủ.» Catherine Lassagne đã giải thích rõ trong *Hồ sơ phong thánh* : «Tôi nhớ cha mới ở Ars được chưa đầy hai năm, cha đang nghĩ đến việc rời đi.» Tóm lại, cha bị trầm cảm, chắc chắn là do trầm cảm sau khi khám phá ra sự thật, nhưng chưa phải do ham muốn cô độc, mà là do căn bệnh sốt rét của tâm hồn, căn bệnh mà ngày nay rất nhiều linh mục trẻ năng động mắc phải khi họ bị gửi đến một vùng quê không có tôn giáo như cha.

Mặt khác, người ta có thể phản đối rằng vị thánh của chúng ta cảm thấy sợ hãi trách nhiệm trong giáo triều, và do đó không có khả năng ngài bày tỏ mong muốn nhận được những trách nhiệm rộng lớn hơn. Chúng ta không nên đơn giản hóa quá mức. Nếu có bất kỳ sự bất nhất nào, nó sẽ tái diễn bảy năm sau liên quan đến giáo xứ Fareins, khi mà chắc chắn chính cha đã yêu cầu thay đổi. Khi hiểu rõ hơn về cha, chúng ta phát hiện ra rằng cha sở hữu một trái tim đầy sáng kiến, không biết mệt mỏi và thậm chí là thiếu kiên nhẫn của một người hành động. Không thể không nói rằng cha không bị dấn vạt nội tâm, suy sụp vì thiếu việc làm. Tôi đã nói về một vết nứt trong cha, bởi vì với sự nhạy cảm đầy kiểm chế và nồng nhiệt như vậy, trong suốt cuộc đời, cha đã phải chịu đựng những cơn trầm cảm đột ngột, đột

nhien bị cuốn vào một loại cảm giác trống rỗng. Do đó, cha Courbon, người đã được cảnh báo theo cách nào đó, thậm chí có thể là trực tiếp, lẽ ra phải và muốn kéo cha ra khỏi sự nản lòng, có vẻ hoàn toàn hợp lý. Không quan trọng nếu hình bóng gần như mang tính dân gian của Thánh Jean Marie Vianney có nguy cơ bị thay đổi một chút : nó sẽ không kém phần chân thực.

Ngoài ra, ngoài sự thất vọng về mục vụ này, có lẽ cha đang phải chịu đựng nỗi đau tinh thần khủng khiếp. Theo cha Monnin, chúng ta phải lần ngược về «những ngày đầu tiên ngài thi hành sứ vụ tại Ars», nơi mà sự cô lập chỉ có thể dẫn đến những cảm dỗ tồi tệ nhất, điều mà chính ngài gọi là «thử thách của sự tuyệt vọng».

Từ này thật bất ngờ. Chúng ta có thể ngạc nhiên khi điều đó lại diễn ra trên môi của cha. Tuy nhiên, nó lại tương ứng với nét đặc trưng trong vận mệnh của cha. «Ôi ! Bạn tôi ơi, giá mà tôi không bị cám dỗ đến tuyệt vọng !» là câu cảm thán không chỉ thoát ra khỏi miệng cha trong những tháng cuối đời và trước người viết tiểu sử đầu tiên của cha, mà còn là câu cha thốt lên nhiều lần trước bạn bè mình trong những năm tháng kỳ diệu nhất của cuộc đời. Chúng ta thường chỉ giải thích điều đó bằng nỗi sợ phải xuất hiện trước mặt Chúa với tư cách là một linh mục. Ngược lại, chúng ta phải tự hỏi liệu nỗi

sợ mục vụ này có phải là nguyên nhân gây ra sự tuyệt vọng, nhưng liệu nó đã là kết quả của nó hay không. Nếu nó rơi vào một trái tim ít đau khổ hơn, liệu nó có lớn đến thế không ? Khi về già, vị linh mục xứ Ars đã giải thích với nhiều người trong giáo dân của mình rằng những biểu hiện lo lắng khiến họ buồn phiền thực ra chỉ là những tàn dư dai dẳng trong cha, chỉ là hồi ức về một cuộc khủng hoảng nội tâm đã từng hành hạ cha. Liệu chúng ta không có phương tiện để tái thiết nó sao ?

Có lẽ mọi chuyện bắt đầu bằng một cú sốc. Cha sống trong sự bỏ rơi đơn độc, thiếu vắng một cố vấn giàu kinh nghiệm hoặc có lẽ không lắng nghe cố vấn một cách nghiêm túc, giống như những gì đã xảy ra với cha Courbon. Một tâm hồn nhanh nhẹn và cao thượng, táo bạo như một con nai, trong những điều kiện như thế này khó có thể tránh khỏi những bước đi sai lầm. Người ta lo ngại rằng, trong một phút bất ngờ và liều lĩnh, vị linh mục trẻ đã phạm tội. Nhiều nhân chứng trong quá trình phong thánh xác nhận rằng cha Vianney đã không phải là không có sự kiêu ngạo khi cầu xin Chúa ban cho một ân sủng phi thường mà con người không thể nào chịu đựng nổi. «Con gái tôi, ông tâm sự với bà de Belvey, đừng cầu xin Chúa cho bạn biết hết nỗi đau khổ của mình. Tôi đã yêu cầu một lần và tôi đã nhận được. Nếu lúc đó Chúa không giúp đỡ tôi, chắc hẳn bây giờ

tôi đã rơi vào tuyệt vọng rồi.» Tương tự như vậy với Catherine Lassagne : «Tôi đã cầu xin Chúa biết đến nỗi đau khổ của tôi, tôi biết điều đó và tôi quá choáng ngợp đến nỗi tôi đã cầu xin Người làm giảm bớt nỗi đau mà tôi cảm thấy; với tôi dường như tôi không thể chịu đựng được nữa,» Cuối cùng, với thầy Athanase : «Tôi quá sợ hãi khi biết được nỗi khốn khổ của mình đến nỗi tôi đã ngay lập tức cầu xin ơn để quên nó đi. Chúa đã lắng nghe tôi, nhưng Người đã để lại cho tôi đủ ánh sáng về sự hư vô của mình để khiến tôi hiểu rằng tôi chẳng có khả năng làm được gì cả.»

Có một sự tươi mới chói lọi, một sự trẻ trung nhất định, một chút gì đó của Thánh Gioan thứ nhất, trong cách tiếp cận đầy tham vọng này : «Con có thể uống chén thánh mà Thầy sắp uống không ? - Chúng con có thể.» Liệu cha, vị linh mục nhỏ bé này, có biết cha đang điên cuồng cầu xin điều gì không? Một sự hiểu biết về nỗi khốn khổ của cha không gì khác hơn là «hoàn toàn».

Vì vậy, một giáo xứ bình thường ở Dombes có thể chứa đựng bên trong những bức tường của nó và trong tâm hồn non nớt của người cư ngụ ở đó một thách thức khác thường nhất. Cha không hề biết đến sự táo bạo của mình, người mà đôi giày nông dân to lớn báo hiệu sự trở về nhà chậm chạp và đau đớn vào mọi giờ trong

đêm : sau khi giã nát sỏi hoặc bùn mà họ lê dưới đế giày trên phiến cửa, đế giày kêu rất to, trong cô đơn và im lặng, từng bậc cầu thang gỗ dẫn đến phòng ngủ khắc nghiệt. Trên thực tế, cách tiếp cận cơ bản của người đàn ông này trên con đường tắt đến sự thánh thiện mà cha đã chọn, đã gây ra những tiếng vang thiếu thận trọng và tai hại hơn : cha không biết những quyền năng vừa triệu tập một cách không cân nhắc.

Mộc mạc theo bản chất, nhưng không hề giản dị theo vẻ đẹp. Để giải quyết trường hợp của cha, chúng ta buộc phải tham khảo sách. Giống như bác sĩ lâm sàng lấy ra những thiết bị phức tạp của mình và khởi động một loạt các mạch điện thông thái để kiểm tra phổi, gan hoặc tim của một người nông dân nhỏ bé, khô cằn, ngăm đen, chúng ta phải lấy Thánh Gioan Thánh Giá và tham khảo *Đường lên Carmel*. Ý kiến của Tiến sĩ Giáo hội là dứt khoát : «Muốn biết mọi sự bằng phương tiện siêu nhiên, tôi không thấy làm sao linh hồn tự cho mình có thể được miễn trừ khỏi ít nhất là tội nhẹ.» Tuy nhiên, chúng ta phải bảo vệ vị linh mục của mình : ngài đã tìm kiếm điều tốt, ngài là một vị thánh. « ... Mặc dù linh hồn này có nhiều mục đích tốt đẹp, vị thánh không ai sánh bằng, và đã đạt đến sự hoàn thiện tuyệt vời.» Theo cách này, việc lên án cử chỉ mang tính hình thức.

Vì rõ ràng cần phải có lời giải thích nên Thánh Gioan Thánh Giá đã đưa ra lời giải thích. Ông hỏi, tại sao người ta lại mong muốn có được ân huệ như thế ? «Không cần thiết phải làm thế đâu.» Chúng ta không được vượt quá giới hạn của tình trạng mà Chúa đã đặt để chúng ta. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào nảy sinh, chúng ta có đủ khả năng để giải quyết : «Chúng ta có lý trí tự nhiên, giáo luật và giáo lý Phúc âm.» Và đây là quy tắc được mong đợi : «Chúng ta phải sử dụng lý trí và giáo lý Phúc âm như vậy để ngay cả bây giờ, dù chúng ta có thích hay không, ai đó nói với chúng ta điều gì đó siêu nhiên, chúng ta chỉ phải tiếp nhận từ họ những gì phù hợp với lý trí và giáo lý Phúc âm. Và trong trường hợp này, chúng ta phải tiếp nhận nó, không phải vì nó là một sự mặc khải, mà vì nó là lý trí, gạt sang một bên mọi ý nghĩa thuộc về sự mặc khải. Một lần nữa, chúng ta phải xem xét kỹ lưỡng và kiểm tra lý do này nhiều hơn so với khi không có sự mặc khải nào về nó...» Chỉ riêng chuyển động bất thường của cây bút giữa các ngón tay của nhà huyền bí đã phản đối rằng đây là một chân lý cốt lõi.

Vậy thì việc tìm kiếm ân sủng đặc biệt này đến từ đâu nơi Thánh Jean Marie Vianney? Từ tàn dư của «sự giả định», của «sự tò mò», nhà phân tích tiếp tục không ngừng. Nhà phân tích còn đi xa hơn nữa trong chân

đoán của mình và cho rằng một số sự gấn bó vẫn chưa được xóa bỏ khỏi trái tim : «một nhánh của sự kiêu ngạo như cha Cyprien dịch sang ngôn ngữ tuyệt vời của thế kỷ 16, một gốc rễ và nền tảng của vinh quang phù phiếm», và thậm chí, hoàn toàn vô thức, «sự khinh thường những điều thiêng liêng».

Nếu yêu cầu này quá rối trí thì làm sao Chúa có thể đáp ứng vị linh mục tội nghiệp này ? Sự thật là : cha đã được lắng nghe. Chúng ta đang đi đến điểm nóng nhất của cuộc tranh luận, nhưng cần phải nhiều hơn thế nữa để làm phiền nhà lý thuyết không thể tranh cãi về con đường tâm linh mà chúng ta đang đề cập. Câu trả lời của ngài, có vẻ khó tin, mang đến cho chúng ta một ánh sáng đau đớn kỳ lạ, trong đó nó vạch trần một cách thô bạo những đứa con bất hạnh của Adam và rằng đó là câu trả lời duy nhất bất chấp mọi thứ phù hợp với họ: «Tôi nói, giọng nói tự tin đó tiếp tục, rằng đôi khi chính ma quỷ trả lời. Rằng nếu đó là Chúa, thì đó là vì Ngài thích nghi với sự yếu đuối của tâm hồn muốn đi theo con đường này... Chúa hạ mình xuống trước sự thềm muốn và lời cầu xin của một số tâm hồn tốt lành và giản dị đến mức Ngài không muốn từ chối họ vì sợ làm họ buồn» ; Ngài sợ họ sẽ nản lòng và quay trở lại, hoặc họ sẽ tưởng Chúa tặc với họ và họ sẽ bị ảnh hưởng quá nhiều bởi điều đó, hoặc họ sẽ đầu hàng những cám

đồ khác mà Ngài biết và tất cả đều xuất phát từ sự mong manh của những tâm hồn này. Nhưng điều này không có nghĩa là cha thích nó. Ngược lại : «Cha thường tức giận về điều đó và cảm thấy điều đó một cách sâu sắc.» Ngoài ra, số phận của những người để mình đi chệch hướng theo những cách như vậy thường chỉ là «thất vọng và bối rối». «Bất kỳ ai đã báo cáo điều đó, một tu sĩ dòng Carmelite đáng kính tuyên bố, sẽ biết bằng kinh nghiệm những gì tôi nói».

Thật vậy, nỗi tuyệt vọng của cha Vianney đã đến gần bờ vực tuyệt vọng. Theo lời kể của chính cha, cha chỉ thoát được nhờ sự quên lãng đầy thương xót, nhờ một kiểu che đậy nội tâm kỳ diệu. Từ sự tiết lộ gây sốc này, cha sẽ vẫn là một người cực kỳ dễ bị ấn tượng, một sự yếu đuối về mặt tâm lý quá mức và - hơn nữa, đúng như vậy - một thứ ánh sáng nhất định, một thứ ánh sáng hiếm hoi, tuy nhiên, nhẹ nhàng, thứ mà cha gọi là «ánh sáng đủ», và cho cha thấy cha «có khả năng» như thế nào. Và cha có khả năng làm gì ? Suốt cuộc đời cha sẽ nhớ bằng chứng gần như đã đánh gục cha trong một sự choáng váng khủng khiếp : «hư vô».

Cho đến khi qua đời, những người bạn thân thiết nhất của cha có bao giờ nghe được bất cứ điều gì về cha ngoài những thông tin khác nhau về khám phá cay đắng

này không ? Cha liên tục tự hạ thấp mình. «Chúa đã chọn tôi để trở thành khí cụ ban ơn cho những kẻ tội lỗi vì tôi là kẻ ngu dốt và khốn khổ nhất trong tất cả các linh mục. Nếu trong giáo phận có một linh mục nào ngu dốt và khốn khổ hơn tôi, thì Chúa đã chọn người đó rồi.» Ngay cả khi chúng ta tính đến cách diễn đạt của Jansenist về môi trường, cha không bao giờ ngừng than thở thực sự về *tâm hồn đáng thương, tội lỗi đáng thương, cuộc sống đáng thương* của mình. Với những người thông hỏi : «Tôi có tội nhiều hơn các bạn : đừng sợ buộc tội chính mình». Khi một vị thánh có tầm vóc như vậy tự hạ thấp uy tín và tự lên án mình, điều đó thường chỉ mang lại một nụ cười. Cha thật khó chịu. Chúng ta phần nộ vì cha sử dụng thông thường và lạm dụng các thuật ngữ kịch tính mà sau cùng, vô cùng đáng kính và có thể dành riêng cho chúng ta. Tuy nhiên, giọng điệu ở đây không gây hiểu lầm. Chúng ta đang ở trước mặt một người thực sự choáng ngợp. Nhưng có một điều gì đó là hiểu lầm. Sự thiếu thận trọng trong lời cầu xin mà cha đã trình lên Chúa và tội lỗi cá nhân của cha không thể cấu thành mục tiêu và giới hạn của ân sủng không thể chịu đựng được nhưng thiêng liêng mà cha đã nhận được : điều này tất yếu dẫn cha đến nền tảng của sự khiêm nhường. Bây giờ, theo giáo lý truyền thống của Giáo hội, sự bất trung của chính chúng ta không đáng

kể so với Nơi Chí Thánh, xét theo sự sỉ nhục tội lỗi của toàn thể chủng tộc chúng ta. Chính dưới sự sỉ nhục khủng khiếp này, vì nó ảnh hưởng đến hoàn cảnh của chúng ta, mà vị linh mục trẻ Vianney đã bị bắt gặp, mặc dù không muốn, khi cha đã ngây thơ gõ cửa những điều bí ẩn. Sau đó, cha sẽ có nhiều lý do hơn người ta tưởng để cố chấp gọi cơ thể mình là «Adam». Người ta phải đoán được nỗi kinh hoàng mà cha gửi gắm trong một câu nói thường gặp và đơn giản như thế này : «Chúng ta là những gì chúng ta có trước mặt Chúa và sau đó không còn gì nữa.»

Tại sao, vì khao khát tìm hiểu bí mật của Thiên Chúa, cha Vianney lại gõ cửa ngõ vào sự hiểu biết về tội lỗi, khi chỉ có một cánh cửa, chứ không phải cánh cửa nào khác ? Đó là nó mang lại sự khiêm nhường. Trong sự thánh thiện ban đầu của mình, vị linh mục đã hiểu một cách đáng ngưỡng mộ rằng đó là đức tin đầu tiên của người tin Chúa : «Làm thế nào để yêu Chúa ? À ! bạn tôi ơi, sự khiêm nhường, sự khiêm nhường.» Khi hướng về Thiên Chúa «trong sự nghèo khó của mình, chúng ta chắc chắn sẽ làm giàu cho chính mình, chúng ta có một Người Cha yêu thương chúng ta hết mực.» Từ sự xuống địa ngục một cách liều lĩnh và bi thảm, Cha xứ Ars chỉ thoát khỏi sự sống nhờ sự xác nhận mù quáng của tình yêu thiêng liêng : «Tôi không có cách nào khác

để chống lại sự cảm dỗ tuyệt vọng này», ngài giải thích với cha Monnin, «ngoài việc quỳ xuống chân nhà tạm như một chú chó nhỏ quỳ dưới chân chủ».

Tuy nhiên, cũng dễ hiểu khi cha bị ám ảnh bởi điều đó trong suốt quãng đời còn lại. «Khi nghĩ về điều đó, tôi run rẩy đến nỗi không thể ký tên mình». Đó là lúc ma quỷ can thiệp, vì «nó thông minh». Nó ngay lập tức nắm bắt được cú sốc thần kinh, sự nhạy cảm quá mức của trí nhớ, cơn chóng mặt đau đớn mà vị linh mục gan dạ nghĩ rằng mình đã bị lật úp, và bây giờ nó sẽ mặc một «charivari» thật đẹp.

Những cuộc biểu dương ấn tượng của quỷ dữ làm rung chuyển sự tồn tại của các linh mục xứ Ars đã trở thành huyền thoại : chúng ta thường bỏ qua quá trình lâu dài những cuộc đàn áp hoàn toàn vô hình của cha đã xảy ra trước đó. Con quỷ chỉ hành động ra bên ngoài sau khi bị đánh bại một cách âm thầm. Về thánh Jean Marie Vianney, cha Monnin thực sự chứng nhận : «Ngài tâm sự với chúng tôi rằng trước thời kỳ này... đã có một thời kỳ khác mà ngài bị dày vò nội tâm cách dai dẳng và đau đớn nhất.» Vậy nguyên nhân là gì ? «Những suy nghĩ tuyệt vọng», người đối thoại của cha giải thích. «Cha liên tục nhìn thấy địa ngục dưới chân mình và một giọng nói bảo cha rằng vị trí của cha ở đó đã được

đánh dấu trước. Nỗi sợ bị kết án ám ảnh cha ngày đêm.»

Catherine nói rõ rằng những đau khổ khủng khiếp này đã xảy ra kể từ năm đầu tiên hoặc năm thứ hai cha ở Ars. Cha Monnin cho chúng ta biết rằng chúng đã chấm dứt vào năm 1824 - «cha Vianney đã ở Ars được sáu năm» - nhưng chúng đã xuất hiện «vào những ngày đầu của chức thánh cha.» Do đó, chúng ta phải nghĩ rằng sự ám ảnh về sự kết án này, được kích hoạt bởi sự thiếu thận trọng đáng tiếc của cha và chỉ kéo dài sau này dưới dạng sợ hãi hoảng loạn, trùng hợp với sự suy sụp mà vào năm 1820, do thiếu công việc tông đồ đã đẩy cha vào. Đối mặt với những lời dụ dỗ của ma quỷ, cha đã không thể nói : «Ồ ! Tôi đang dần quen với điều đó !» Nhiều khả năng là cha đang ở giai đoạn đầu mà đô vật không biết cách giữ gìn sức lực của mình và khi mà chính sự nỗ lực mà cha mang đến cho cuộc chiến lại tăng gấp đôi với sự kiệt sức và khó khăn của nó. Vì vậy, từ thời điểm này trở đi, chứng mất ngủ siêu nhiên mệt mỏi bắt đầu xuất hiện. Sự tra tấn này không mất nhiều thời gian để đẩy một chàng trai trẻ đến giới hạn, ngay cả một chàng trai nông dân tầm cỡ này.

Có lẽ chính nhóm người này đã được biết đến hoặc nghi ngờ một cách mơ hồ mà cha Courbon đã ám chỉ khi ngài viết cho Bà xứ Ars : «Hãy để cha đến Salles.

Tôi hy vọng cha sẽ khỏe hơn.» Không còn nghi ngờ gì nữa, giống như những người anh em khác, vị linh mục tổng đại diện đặc biệt nhận ra khía cạnh sức khỏe của thử thách. Không phải là không thể khi một bác sĩ nói về chứng rối loạn thần kinh. Nhưng xét cho cùng, đôi khi một chẩn đoán sai lầm lại hoàn thành công việc của Chúa. Miễn là Chúa bằng lòng...

Chúa không đồng ý. Trong khi các gia đình từ Ars, do bà chủ điền trang chủ trương, đang hội ý để cử một phái đoàn do thị trưởng dẫn đầu đến gặp cha Courbon, thì vị linh mục mới của Salles đã chất đồ đạc tồi tàn của mình lên xe đẩy và rời đi. Ít nhất, cha đã làm những gì có thể để rời đi. Cha đã phải quay lại hai lần vì sông Saône, lúc đó không có cầu treo, đã tràn bờ. Trong khi đó, một số giáo dân khẳng khẳng rằng cha sẽ vui lòng ở lại và nhanh chóng báo tin này đến Tổng giám mục Lyon : Tòa Tổng Giám mục, không còn gì để phản đối nữa - đây cũng là một dấu hiệu - đã nhượng bộ.

Và thế là, lần thứ hai, lần thứ hai, vị linh mục ba mươi bốn tuổi định cư tại nhà xứ Ars. Cha không chỉ trở về đó với hành lý cần dỡ ra và một vài món đồ nội thất cần lắp lại, mà còn với chính cuộc thức đêm này để đi lên ngôi làng đó, vẫn xa lạ mặc dù cha đã cam kết tỏ lòng hữu nghị, vẫn trống trải và hoang vắng. Một lời «xin vâng» khác được yêu cầu từ cha, không còn là lời xin vâng khi mới đến, rụt rè và nồng nhiệt như mặt trời xuyên qua sương mù, mà «xin vâng» khắc khổ của một giờ phút đen tối. Cần phải đảm nhiệm nhà thờ nhỏ với những bức tường bị thiêu rụi trong hai năm bởi những lời cầu nguyện và hy sinh của họ - hãy quen với điều đó, «hãy quen với điều đó» một lần nữa trong nhà xứ, nơi có rất ít người và rất bí hiểm, vì nó bao gồm, cách

xa Bí tích Thánh Thể, phân bị mất mát và xáo động nhất trong đêm của nó - cuối cùng hãy kết nối lại với dân chúng nơi đây, họ không có ác ý, nhưng nhanh chóng đếm được - vài chục hộ gia đình -, nhìn chung rất thực tế và dường như không có tương lai.

Cha thấy nhà thờ của mình đang được xây dựng. Ba tháng trước, vào tháng 1, cha bắt đầu mở rộng và mở thêm một nhà nguyện kính Đức Mẹ Đồng Trinh ở bên phải, đối diện với phòng thánh. Ngay từ năm ngoái, cha đã thay thế bàn thờ chính bị mối mọt vì cha muốn bắt đầu từ đó, sơn lại phần gỗ của ca đoàn và thay chiếc chuông nút trên tháp chuông tạm thời. Để chống lại sự chán nản khi phát hiện ra điều đó, cha đã hình thành thói quen làm việc cùng với những người công nhân : hoạt động thể chất này, vốn là bản chất của cha, có lợi cho cha. Công trình xây dựng hiện tại sẽ hoàn thành ngay trước lễ Đức Mẹ Lên Trời, lễ bốn mạng của Thánh Sixtus, vào ngày 6 tháng 8. Ngay lập tức, cha đã thúc giục thị trưởng xây dựng lại tháp chuông đã bị phá hủy trong cuộc Cách mạng. Các giáo dân đang đến Salles để xem sự trùng hợp ngẫu nhiên này ! những cột trụ La Mã cổ mà cha mua được với giá gần như không đáng kể và chèn vào bức tường gạch vuông chắc chắn. Cùng năm 1820, cha đã mua chiếc chuông thứ hai bằng tiền của mình ; khẩu hiệu được khắc - bằng tiếng Latin - : *Vox*

dilecti mei pulsanis. Nếu các tín hữu hầu như không biết đọc không hiểu gì cả, và nếu đồng không biết nó đang mang gì, thì về phần mình, linh mục đã dành ra một điểm, trong mỗi ngày còn lại của mình, để nuôi dưỡng tiếng gọi vang dội của lòng sốt sắng của Đáng Yêu Dấu.

Những sáng kiến vội vã này phản ánh theo cách riêng của chúng, như cha Monnin nói, rằng sau chuyến đi không thành công đến Salles, «Cha Vianney sẽ ngày càng đồng cảm hơn với giáo dân của mình.» Mọi suy nghĩ của cha sẽ hướng về họ, sự bình an của họ sẽ trở thành sự bình an của cha, nghịch cảnh của họ sẽ trở thành nỗi buồn của cha, sự thánh thiện của họ là vương miện duy nhất mà cha hy vọng. Cha sẽ bám chặt vào tâm hồn họ như người nông nô đã từng bám chặt vào mảnh đất mà ông đã canh tác. Dù chúng ta có ngưỡng mộ một «liên minh» được chấp nhận và ủng hộ mà không thắc mắc đến đâu, chúng ta cũng không thể che giấu sự thật rằng nó xuất phát từ sự hy sinh.

Sự gắn bó của linh mục xứ Ars với giáo xứ nhỏ bé của mình đã đưa đến trước Chúa sự căng thẳng bên trong của một cuộc thánh hiến : vị mục tử tội nghiệp không thể đặt câu hỏi về điều đó mà không phản đối ý nghĩa tiền định của cuộc đời mình. Trước mặt mọi người,

trước những người nông dân tốt bụng trong làng, lòng trung thành của cha từ đó đã mang hình thức quyết định của sự hiện diện, sự dịu dàng và sự giản dị mà tất cả những người cùng thời với cha đều biết nhưng không thể lừa dối chúng ta, vì nó thường chỉ được ban tặng cho chúng ta qua những thử thách đã làm tan nát trái tim chúng ta. Sự gần gũi của con người như vậy trên thế giới này không cần phải chứng minh với chúng ta : nó không «thuộc» về thế giới này.

Cha tiếp tục đi thăm nhiều ngôi nhà ở khắp vùng nông thôn. Đi bộ nhiều, đặc biệt là vào buổi chiều, không bao giờ làm cha sợ hãi. Cha cần đi bộ. Khi đến gần trang trại, cha tự giới thiệu bằng cách gọi ông chủ bằng tên rửa tội của mình. Mandy lưu ý «đôi khi cha đến vào giờ ăn». Catherine Lassagne kể lại : «Một ngày kia, một số người đã mời cha một ít súp mà họ đang ăn ; cha đã nhận một ít để không coi thường lời đề nghị của họ và để làm hài lòng họ» Thói quen cha là không nhận bất cứ thứ gì từ giáo dân của mình. Cha đứng dựa vào một món đồ nội thất. «Cha nói chuyện với họ về các vấn đề cày cấy của họ. Những người tốt bụng rất vui khi thấy vị linh mục tham gia vào công việc của họ và mọi thứ mà họ quan tâm. Sau đó, cha nói chuyện với họ về Chúa nhân lành» và thậm chí về các dự án của riêng cha.

Tuy nhiên, hoàn cảnh làm giảm bớt sự nghiêm ngặt của các dự án của Thiên Chúa. Từ khi trở lại, cha có phần bận rộn hơn. Từ tháng 4 năm 1820 đến tháng 5 năm 1821, chính quyền giáo phận giao cho cha nhiệm vụ chăm sóc tạm thời giáo xứ Mizérieux, cách đó ba cây số, mà về nguyên tắc, cha chỉ là cha sở được ủy quyền. Chẳng bao lâu nữa, «chapellenie» của Ars cũng sẽ thay đổi vị thế của mình. Có phải chỉ để giải quyết khẩn cấp một tình hình bất ổn không ? Trong mọi trường hợp, ngay từ tháng 2 năm 1821, người chủ lâu đài khu vực, M. des Garets, đã đệ trình và ủng hộ một bản kiến nghị lên nhà vua để Ars trở thành một giáo xứ. Để cam kết, ông đã hiến tặng nhà thờ, vốn là tài sản của mình, cho Hội đồng giáo xứ tương lai. Mặc dù một trong những điều kiện pháp lý là không đáp ứng được tối thiểu năm trăm cư dân, một lệnh ban hành ngày 20 tháng 6 năm 1821 vẫn tiến hành xây dựng theo yêu cầu. Cha Vianney, - nhưng đối với cha, mối liên hệ bên ngoài này có ý nghĩa gì khi cha đã bị cuốn vào mối liên hệ bên trong ? Tại sao ngày thơ khép chặt sự cô đơn của mình ? - trở thành một cha chánh xứ theo đúng nghĩa.

Trong cuộc sống ngày càng mầu mịch này, nơi sự im lặng thậm chí còn quan trọng hơn cả cử chỉ vì chúng mang dấu hiệu của sự thân mật với Chúa, có lẽ sau cùng chúng ta chỉ cần thiết lập lại khoảng cách giữa các sự

kiện. Khi cha Vianney lấy lại được chỗ đứng trong giáo dân của mình, thì chức tông đồ của ngài ở đâu ? Nếu cha sống trong thế giới thống kê như hiện nay, cha sẽ đánh giá thế nào về chức thánh của mình sau hai năm này ?

Nhiều khả năng, các con số và tình hình chỉ cho thấy sự tiến triển ít ỏi. Có thể nói, cha Vianney không phải là người nắm giữ giáo xứ của mình bằng cả hai tay và lắc nó bằng quai như lắc một chiếc giỏ hái nho. Quả nho quá giòn. Phải cẩn thận hơn khi làm rượu và mang rượu vào hầm. Tóm lại, cha không có gì giống như một kẻ chào hàng, sau khi chạy từ bắc xuống nam và từ đông sang tây, triệu tập và chạy vào Nhà Chúa cả một dân tộc trong bộ đồ đẹp nhất của họ vào ngày Chủ Nhật. Cha bắt đầu khiêm tốn hơn từ sự huyền bí của cây nho, sự huyền bí về sự tăng trưởng của nó và sự huyền bí của chùm nho.

Không có gì minh chứng rõ ràng hơn về vấn đề này so với những sáng kiến đầu tiên của cha. Một lần, về phần mình, cha đã ổn định cuộc sống, phần lớn thời gian, trong nhà thờ, trước Sự Hiện Diện duy nhất, cha tìm cách tiết lộ ân sủng cho một số ít người. Họ là những người đã phản đối khi cha phải rời đi. Tên của họ ? Dễ thấy nhất nhưng lại nhỏ nhất, thường được gọi là Bà xứ

Ars.

Bà ấy sáu mươi tuổi. Trước đây được học tại Saint-Cyr với Bà de Maintenon, mặc dù rất hoạt bát nhưng bà có vẻ «hơi cổ hủ». Gia đình bà từ lâu đã làm điều thiện và có thể làm đủ tốt để vượt qua cuộc Cách mạng mà không gặp rắc rối gì trong ngôi nhà cũ kỹ, u ám và ẩm ướt của họ. Bà đã che chở, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng và không bị tố cáo, cho những linh mục trốn tránh. Bà trả tiền thuê nhà cho người nghèo, may quần áo cho họ và đến thăm họ. Tuy nhiên, bà sống khá khép kín và dường như không có ảnh hưởng đặc biệt nào đến dân chúng. «Vì bà ấy có địa vị cao trong hoàn cảnh của mình, Catherine Lassagne thẳng thắn, người ta ít nỗ lực bắt chước bà ấy.» Dậy sớm vào buổi sáng, luôn là người đầu tiên, bà ấy tập hợp những người hầu của mình trong phòng khách để cầu nguyện kèm theo đọc một ít sách thiêng liêng và bà ấy cũng làm như vậy vào buổi tối. «Bà ấy đi lễ mỗi sáng, cha Monnin kể với chúng tôi, tự buộc mình đi bộ, vì sự sám hối và giản dị, trong mọi mùa và mọi thời tiết, một phần tư giờ trên con đường xấu giữ nhà bà với nhà thờ. Trở về nhà, thay vì nghĩ về bản thân, bà ấy bận rộn sưởi ấm và nghỉ ngơi cho người hầu già của mình, ‘Ông Saint-Phal’, và bà đọc kinh nhật tụng cùng với ông». Chỉ cần vài ngày đủ để bà nhận ra và tôn vinh sự thánh thiện của vị cha xứ

mới: «Tôi chưa từng biết một linh mục nào ngoan đạo như vậy. Cha không rời khỏi nhà thờ... Trên bàn thờ, cha là một thiên thần, trên bục giảng, cha không phải là một nhà hùng biện như cha Berge (người tiền nhiệm của cha), nhưng cha hoàn toàn tràn đầy tinh thần của Chúa... Cha hầu như không ăn gì. Cầu xin Chúa nâng đỡ cha...»

Xa người đàn bà Chế độ cũ và gần cha Vianney - người ta không thể gần hơn, ngôi nhà nằm sát vách nhà xứ, từ cầu thang có thể nghe thấy mọi thứ xảy ra qua bức tường - nơi ở của góa phụ Claudine Renard với cô con gái lớn và cậu con trai đang hoàn thành việc học tại đại chủng viện Saint-Irénée ở Lyon. Bà không có nhiều thời gian cho việc cầu nguyện như bà mong muốn. Không phải vì công việc dọn dẹp nhà xứ giúp cha Vianney, khiến cô bận rộn. Nhưng bà vẫn làm việc để kiếm sống. Bà Antoinette Pignault có những sở thích khác và mặc dù chật chội, họ vẫn sống chung với nhau. Nói chính xác hơn, cô ấy là du khách mùa hè đến từ Écully. Thỉnh thoảng bà cảm động trước sự thánh thiện của vị linh mục. Khi biết cha được bổ nhiệm đến Ars, bà quyết định bán căn hộ tiện nghi ở Lyon nơi bà đang sống và mặc dù có tài sản lớn, bà vẫn đến sống trong một căn hộ nhỏ của gia đình Renard.

Ngoài ra còn có một người tên là «Sơ» Lacand, người điều hành một cửa hàng nhỏ bán đồ tôn giáo và sau thời kỳ hỗn loạn này, bà được nhầm là một cựu nữ tu vì bà mặc đồ đen. Ở độ tuổi khoảng sáu mươi, bị một chân ngắn hơn chân kia, mắc bệnh tim và sốt thấp khớp, bà vẫn cung cấp mọi dịch vụ có thể. Ngoài những người phụ nữ thánh thiện này, một số gia đình cũng bị thu hút bởi tấm gương của vị linh mục, trong đó có gia đình Lassagnes.

Điều mà cha đề xuất với tất cả mọi người là hãy cầu nguyện. Không chỉ một mình mà còn cùng nhau. Cha Vianney không ủng hộ hệ thống nho mà ủng hộ hệ thống chum nho. Cha gặp họ ở nơi cha thường đến tại nhà thờ. Điều mà cha muốn thiết lập là sự tôn thờ liên tục.

Sau vài tháng, bà Pignault đã dành phần lớn thời gian ở đó. Từ năm 1820, bà chuyển đến nhà nguyện mới của Đức Mẹ Đồng Trinh, trong khi linh mục quản lý thánh đường. Cha Vianney dẫn dắt bà một cách mạnh mẽ, vào một ngày đẹp trời của Thứ Năm Tuần Thánh, đến mức «cắm túc» bà, theo cách nói của cha Monnin, đến một nơi mà bà không thể nhìn thấy «cả đồ trang trí của bàn thờ, cả sự rực rỡ của những ngọn nến, cả sự lộng lẫy của những đồ trang trí», hay thứ dễ thấy hơn nhiều, là mặt nhật. Góa phụ Claudine Renard và bà xứ Ars đã

tham gia cùng bà ít nhiều thường xuyên. Chẳng mấy chốc, vị linh mục quyết định kết thúc một ngày bằng chuỗi mân côi và cầu nguyện buổi tối cùng nhau. Dần dần, những giáo dân khác cũng tham gia cùng những người tình nguyện đầu tiên, nhưng cha Monnin luôn lưu ý rằng, phần lớn họ là những người mới đến khu vực này : vùng đất cũ hầu như không di chuyển. Đặc biệt, rất khó để tiếp cận những cô gái trẻ.

Những người Công giáo thời nay, ít nhất là qua danh tiếng, biết về Thánh Jean Marie Vianney, rõ ràng đang mong đợi được kể lại chi tiết về sự kiện khiêu vũ và dạ hội. Chúng tôi sẽ không thất bại trong việc này. Tuy nhiên, để đặt nó vào bối cảnh của nó - không chỉ là bối cảnh của Dombes với sự uể oải đầy tiếng cười, chửi bới và bài hát, mà còn là bối cảnh của Giáo hội Chúa, nơi giàu những điều bất ngờ, những sự giải thoát đột ngột và kín đáo như ân sủng của mùa xuân - chúng tôi sẽ vui lòng kể lại một sự kiện.

Một ngày Chủ Nhật, chỉ là một ngày Chủ Nhật nữa, kinh tối vừa kết thúc. Theo một phong tục có vẻ kỳ lạ với chúng ta ngày nay, một số cô gái trẻ, và không phải là những người nhiệt thành nhất, đã đảm bảo với Catherine Lassagne, ở lại nhà thờ để xưng tội. Vị linh mục vẫn ở trong nhà thờ như thường lệ. Liệu cha có

biết trước được những linh hồn đang ở đó không ? Cha chỉ cần yêu thương họ thôi. Tuy nhiên, cha vẫn gọi họ, cha gọi ít nhất một người trong số họ. Vì vậy, cha tiếp cận nhóm nhỏ đó và thay vì bước vào phòng xung tội, nơi mà chắc chắn họ đang chuẩn bị đẩy nhanh lời xung tội của mình, *để kể câu chuyện của họ như thể đó là câu chuyện của người khác*, cha chỉ nói : «Chúng ta sẽ cùng nhau lần hạt chuỗi mân côi, để Đức Trinh Nữ có thể ban cho con làm tốt những gì con sẽ làm.» Họ vẫn chưa học cách đọc nó. Một trong những cô gái trẻ, «người đầu tiên trải nghiệm những thú vui,» Catherine Lassagne luôn nói rõ, đột nhiên rất xúc động và bối rối. Cuối cùng, cô thấy mình hạnh phúc, mặc dù cô lo lắng, vì đã tham gia vào nó. Đây là, theo ghi chú của cha Monnin, chiến thắng đầu tiên của cha xứ Ars. «Cha đã hoán cải tôi», cô nói.

Đó là phương pháp rất thiếu phương pháp của cha. Không có công thức nào cả, nhưng là sự cảnh giác của trái tim linh mục hướng đến tất cả mọi người, cho phép họ cảm nhận và dự đoán được ân sủng của riêng mình, tin tưởng vào mỗi người, giống như Chúa Kitô, hơn cả chính mình.

Kể từ ngày đó, cha dễ dàng tập hợp được một hội dòng Mân Côi với một số ít cô gái trẻ, đến nỗi cha thậm chí còn thành lập hội này vào ngày 23 tháng 2 năm 1820, - chỉ thời gian ngắn trước khi xảy ra sự cố ở Salles, - trở thành một chi tiết. Các văn kiện và bằng cấp chính thức, ngay cả khi được đóng khung và trưng bày như thường lệ trong phòng thánh, cũng sẽ không nói lên được điều mà thiên đàng đã chứng kiến với niềm vui như vậy, sự kiên nhẫn và chiến công của người đánh cá trên biển cả kỳ diệu. Đối với tất cả các linh mục ngày nay, ngay cả khi họ có sáu mươi ngàn cư dân trên lãnh thổ của mình, thánh Jean-Marie Vianney dạy rằng không có quy tắc nào khác ngoài việc ra ngoài trời, ngay cả khi chỉ để giúp đỡ một linh hồn. Có lẽ ngài lại nhắc nhở chúng ta về bằng chứng cơ bản này rằng giáo xứ cao hơn mọi linh hồn; không gì có thể thay thế được ý nghĩa sự cứu rỗi của người linh mục.

Chính vì cha ban đầu không bỏ qua hồng ân của họ mà cha triệu tập họ xung quanh Sự Hiện Diện Thánh Thể. Từ đó trở đi, bà Pignault là người dễ gần nhất, cả bên trong lẫn bên ngoài, đã rước lễ mỗi ngày. Phải mất nhiều thời gian hơn để thuyết phục góa phụ Renard và bà xứ Ars, một người có lẽ quá nhút nhát và người kia quá kiêu ngạo.

Tất nhiên, ba hay bốn người là quá ít : nhưng họ vẫn là khởi đầu của một nhóm nhỏ, rồi sau đó là một dân tộc vĩ đại. Tuy nhiên, không chỉ có họ. Sẽ là không thể tha thứ nếu khép lại chủ đề này mà không để cha xứ Ars kể cho chúng ta một trong những câu chuyện đẹp nhất của thời điểm này : «Có một người đàn ông ở đây, trong giáo xứ, đã chết cách đây vài năm. Ông đã vào nhà thờ vào buổi sáng để cầu nguyện trước khi đi làm việc trên cánh đồng của mình. Ông đã để lại cái cuộc của mình ở cửa và đã quên mất mình ở đó, trước Chúa nhân từ. Người hàng xóm của ông, người làm việc cạnh cánh đồng của ông và đã quen nhìn thấy ông ngoài đồng, đã rất ngạc nhiên khi thấy ông vắng mặt. Khi trở về, người hàng xóm tưởng tượng mình đang vào nhà thờ, nghĩ rằng ông có thể ở đó. Thực vậy, người hàng xóm đã tìm thấy ông ở đó và nói với ông : ‘Ông làm gì ở đó lâu thế?’ Ông trả lời : ‘Tôi khuyên Chúa và Chúa khuyên tôi.’ Ông ấy nhìn Chúa và Chúa nhìn lại ông ấy. Chỉ thế thôi, các con ạ.»

Cha Bernard Nodet, theo cha Monnin, cho rằng vị linh mục xứ Ars này không hề quên đi ký ức về thời thơ ấu của mình, để rồi tuyên bố vào cuối đời : «Tôi chưa bao giờ tức giận với giáo dân của mình, tôi thậm chí không nghĩ rằng mình đã trách móc họ.» Điều này không ngăn cản cha thể hiện một cảm nhận hơi khắc nghiệt về sự thật.

Mặc dù cho đến năm 1830, vì không tự tin, cha đã lấy cảm hứng từ các nhà thuyết giáo có thẩm quyền trong các bài giảng của mình, cha đã dành quá nhiều đam mê trẻ con vào việc thu thập các câu trích dẫn từ họ và truyền đạt chúng đến mức nhiều người coi cha là vô nhân đạo. Theo một số người, cha vẫn giữ vẻ ngoài có phần thô lỗ này ngay cả trong phòng xưng tội riêng. Chẳng phải là cô Catherine Lassagne, người sẽ giữ bí mật của cha trong tương lai, người, khi mới mười hai tuổi vào năm 1818, đã cảm thấy sợ cha đến nỗi trong gần mười năm - «mười năm đau khổ» - cô đã cầu nguyện với Chúa để đưa vị linh mục «mà cô bé cảm thấy không thể chịu đựng được sự chỉ dẫn của cha» khỏi Ars hay sao?

Chúng ta không nên coi nhẹ lời tuyên bố của nhân chứng tại *Quá trình phong thánh* : «Chúng ta có thể nói rằng trong một thời gian dài, mọi người đều chống lại cha... Thậm chí còn lâu hơn nữa, cha không tìm thấy

trong vòng những người thân cận bất kỳ ý chí nào chịu nghe theo ý mình, ngoại trừ một hoặc hai trường hợp ngoại lệ.» Ít nhất thì lời khai này cũng có lợi thế là sửa chữa một số quan niệm ngây thơ về những thành công trong sự nghiệp tông đồ của vị thánh.

Cha bước lên bục giảng trong tình trạng kiệt sức vì phải chuẩn bị bài giảng. Trong những buổi canh thức anh hùng, dựa vào tủ ngăn kéo ở phòng thánh, cha đã tham khảo ý kiến của các tác giả, đánh dấu những đoạn cần sao chép và chép lại tới ba mươi hoặc bốn mươi trang. Vấn đề còn lại là phải học thuộc lòng mọi thứ. Vào thứ Bảy, những giáo dân về nhà muộn sẽ nghe thấy cha đi dọc theo bức tường nghĩa trang và đọc lại cuốn sách phép thuật của mình. Theo lời bà des Garets, cha Vianney khi đó đã nói «*rất dài dòng*». Cha hét lên bằng giọng trong đầu, cha Monnin nói rõ là giọng gần giống với giọng của một người phụ nữ hoặc một đứa trẻ hơn giọng đàn ông. «Thưa cha, tại sao khi cầu nguyện, xua nói rất nhỏ nhưng khi rao giảng lại rất lớn tiếng ? - Khi tôi rao giảng, tôi nói chuyện với những người điếc hoặc những người đang ngủ, nhưng khi tôi cầu nguyện, tôi nói chuyện với Chúa, Ngài không điếc». Mặc dù bài giảng của cha rất sinh động, mặc dù cha phát biểu như diễn kịch câm, - «cha vỗ tay, một người nông dân kể lại, cha có khuôn mặt của một người đàn ông sắp bay lên

không trung» đôi khi cha bị lạc trong bài phát biểu của chính mình và kết thúc bằng việc làm mệt mỏi hầu hết mọi người. «Có một số người, cha phàn nàn, ngay khi họ thấy linh mục bước lên bục giảng, họ nhanh chóng đi ra ngoài ; những người khác thì lắng nghe cẩn thận những gì linh mục nói, họ thậm chí còn cố gắng ghi nhớ nó, nhưng để chế giễu lời chỉ dẫn ; họ thậm chí còn bắt chước phong thái của nhà thuyết giáo».

Khi cha đến xứ này, «hầu hết đàn ông không Rước lễ hàng năm : đã mười năm, mười lăm năm, hai mươi năm kể từ lần cuối cùng một số người trong số họ hoàn thành bốn phận thiết yếu này.» Khi vị thánh qua đời, sau bốn mươi năm truyền giáo gần như không thể cưỡng lại, trong số dân số đã tăng lên hơn năm trăm người, vẫn còn bảy hoặc tám người không Rước lễ vào Lễ Phục sinh. Vào Ngày lễ các Thánh, chỉ có khoảng hai mươi người đàn ông hoặc thanh niên rước lễ; Ngược lại, vào dịp Giáng sinh, hầu như mọi người đều quay trở lại. Hầu hết phụ nữ rước lễ một lần mỗi tháng, một số ít rước lễ vào những ngày lễ lớn, một nhóm gần như mỗi ngày. Sự tiến bộ thật đáng kinh ngạc, nhưng đó không phải là thiên đường. Vào năm 1850, bất chấp những phép lạ mà chúng ta sẽ chứng kiến, vị linh mục xứ Ars vẫn buộc phải yêu cầu thầy Athanase, ông từ trong xứ, đi vòng quanh nhà thờ trước khi rảy nước thánh và buộc

những người ngoan cố phải vào trong nhà thờ.

Đến từ một giáo xứ sùng đạo như Écully, cha đã phải đau lòng, vào sáng Chủ Nhật, vào mùa hè, khi chúng kiến rất nhiều đàn ông và phụ nữ ra đồng lúc rạng đông, trong quần áo làm việc, vác lưỡi hái hoặc chĩa ba trên vai, và bỏ lại nhà thờ của cha. Trong thánh lễ, người ta có thể nghe thấy tiếng xe ngựa lăn bánh và tiếng đập của đe thợ rèn. Khi công việc hoàn thành, mọi người sẽ mặc quần áo đẹp, kết thúc một ngày ở một trong bốn quán rượu mà ngôi làng nhỏ này tự hào, hoặc đến quảng trường có cây óc chó, phía sau nhà thờ, để khiêu vũ. Việc uống rượu, đùa giỡn và chơi trò chơi tiếp tục đến tận đêm khuya.

Cha Vianney phải mất tám năm để công việc làm vào Chủ Nhật mới gần như biến mất. Còn về các lễ uống rượu và lễ hội, đặc biệt là vào những ngày lễ thánh, đạt đến mức độ sôi động và táo bạo xứng đáng với Brueghel thông qua âm thanh của đàn vĩ cầm, thì đó lại là một câu chuyện khác. Những buổi khiêu vũ ở thành phố hay ngoại ô, với nhạc jazz, quảng cáo giả hay hệ động vật nhột nhát và sống động, chẳng là gì so với những một thời trang hay hội chợ sôi động này, nơi mà sự mộc mạc dành cho những người có tính khí mạnh mẽ không phù hợp với những biện pháp nửa vời. Ars đã có được danh

tiếng vững chắc trong nước về vấn đề này. Ngôi làng không bỏ cuộc ngay trong một đêm. Theo nhiều nhà biên niên sử, vị linh mục thánh thiện này đã mất hơn hai mươi lăm năm để thắng kiện. Sau mười giờ, cha được chấp thuận rằng các cuộc họp sẽ không còn được tổ chức ở trung tâm thị trấn nữa. Những vũ công kỳ cựu gặp nhau ở những ngôi làng xa xôi. Phát minh mới : năm 1832, lãnh thổ của giáo xứ đã được sơ tán, nhưng những người trẻ đến các xã lân cận. Phải đến năm 1847, tệ nạn này mới chấm dứt.

Hình ảnh của Epinal muốn Thánh Jean-Marie Vianney trang bị cho mình, trong những hoàn cảnh như vậy, tất cả những vũ khí vô lý của sự tức giận và tất cả những lời nguyên rủa. Tuy nhiên, cha Toccanier cho chúng ta biết: «Khi đến giáo xứ Ars, cha đã hành động hết sức thận trọng... hết sức cẩn thận để tránh xúc phạm và cố gắng chiếm được cảm tình bằng cách thuyết phục.» Bà de Belvey : «Cha chỉ có thể ngăn chặn việc khiêu vũ thông qua sự thận trọng và sự dịu dàng của mình.» Jeanne-Marie Chanay, một nhân chứng tốt vì bà hơi đãng trí khi còn trẻ : «Mặc dù cha tỏ ra rất kiên quyết trong việc loại bỏ những hành vi lạm dụng, nhưng cha không bao giờ xúc phạm bất kỳ ai.» Theo Catherine Lassagne, đây là một ví dụ về cách cư xử của cha : «Điều này xảy ra vào năm cha mới đến. Vào một ngày

Chủ Nhật nổi tiếng, cha đã mời những người sám hối trẻ tuổi của mình đến sau buổi cầu nguyện chiều để ăn trái cây trong vườn của cha. Bản thân cha không đến đó. Tôi đã có đủ can đảm để theo đuổi họ mặc dù lúc đó tôi còn trẻ. Vị linh mục ngồi cùng chúng tôi một lúc. Tôi nhớ cha đã nói : ‘Chẳng lẽ các bạn không hạnh phúc hơn những người nhảy múa trên quảng trường sao?’ Sau đó, cha dẫn chúng tôi vào nhà xứ, vào bếp, nơi cha đọc cho chúng tôi nghe về cuộc đời của vị thánh nữ bốn mạng của tôi và nói với chúng tôi những điều về Chúa».

Chắc chắn cha có những phương pháp khác, chẳng hạn như phương pháp cha đã sử dụng sau này, đó là trả cho nhạc sĩ gấp đôi lương để ông ta rời đi và buổi dạ hội sẽ không diễn ra, hoặc bồi thường cho chủ quán trọ để ông ta đóng cửa hàng. Đôi khi cha hài lòng với những điều ít ỏi hơn : một phong tục địa phương đáng ngờ quy định rằng, khi một người phụ nữ đánh chồng mình, một hình nộm sẽ được đưa đi cưỡi trên lưng lừa, sau đó bị một người được cho là vợ của ông đánh đập, khiến mọi người cười lớn. Người ta gọi đó là dắt lừa. Trong khi cảnh tượng vui tươi, truyền thống và tàn khốc đã sẵn sàng ở quảng trường chính, cha Vianney chỉ phải rời khỏi nhà xứ đến nhà thờ mà không nói một lời và bữa tiệc tan rã.

Không phải là cha sợ phải nói ra. Hơn nữa, cha tìm thấy ở những nhà thuyết giáo mà cha lấy cảm hứng tất cả những mô hình cảnh báo mà cha cần, nên thế giới không thay đổi nhiều. Cha không bao giờ quên chỉ ra tội lỗi len lỏi vào đâu, nhưng xét theo những bài giảng mà chúng tôi đã ghi chép lại, cha không hề bị ám ảnh bởi giải trí. Khi đã hiểu rõ hơn về giáo xứ của mình, cha cố gắng thay đổi giọng điệu và chỉ nói một câu ngắn gọn. Vì vậy, trong một trong những nỗ lực định kỳ nhằm khôi phục lại những hội chợ phóng túng này, cha chỉ đơn giản nói nhẹ trước khi bài giảng bắt đầu : «Chủ Nhật tuần trước, tôi đã gặp một số ông trong giáo xứ của tôi, những người mà tuổi tác của họ sẽ khuyên họ nên cư xử đúng mực hơn và nghiêm túc hơn, họ đeo ruy băng trên mũ. Tôi nghĩ họ muốn bán mình...»

Trên thực tế, chính kỷ luật của cha trong tòa giải tội, vừa nghiêm khắc vừa bí mật, đã quyết định mọi thứ. Vì chỉ nhảy một lần tại một đám cưới, Claudine Trève kể lại rằng cha Vianney đã buộc bà phải sám hối và từ chối giải tội cho bà từ tháng 2 cho đến Ngày lễ Thăng Thiên. Chỉ vì «đi về phía các vũ công» mà không tham gia trò chơi của họ, bà Butillon cũng bị cấm rước lễ trong hai hoặc ba tuần. Một người cha phản đối : «Con gái tôi thậm chí không thể xem vũ hội mà không nhảy sao? - Ồ, nếu cô ấy không nhảy múa, vị cha xứ trả lời, trái tim

cô ấy sẽ nhảy múa.» Vào năm 1823 - năm năm sau khi cha được bổ nhiệm đến nhà nguyện Ars - dân chúng đã được thông báo đầy đủ, và có lẽ cũng đủ thẳng thắn với chính mình, để cha có thể khánh thành nhà nguyện phụ thứ hai trong nhà thờ của mình vào ngày 24 tháng 6, nhà nguyện Thánh Jean-Baptist, và khắc trên đầu hồi mà không sợ bị chế giễu : «Đầu thánh là giá của một điệu nhảy.»

Vì vậy, cha đã kiên quyết tham gia trò chơi : cha đang làm việc để ngăn chặn tình trạng lạm dụng. Những người chủ quán trọ coi cha là kẻ thù tồi tệ nhất của họ. Trong khi những bài diễn thuyết trước công chúng của cha gây ra sự tức giận ồn ào của một số người, những người bạn vui vẻ khác, một cách mơ hồ hơn nhưng dữ dội hơn, lại bị ảnh hưởng bởi sự cải đạo mà cha tình cờ mang lại cho các cô gái trẻ. Bằng chứng rõ nhất cho điều này chính là sự căm ghét, phỉ báng và tống tiền mà trong những tháng ngày đau khổ này, cha đột nhiên trở thành mục tiêu và được đánh dấu bằng bản năng trả thù mù quáng. Ở trung tâm của cuộc tranh cãi gay gắt sắp nổ ra, sẽ có những cái tên mà một bên không được mong muốn và bên kia không thể trích dẫn : hình thức cá nhân mà nó đã thực hiện sẽ vẫn là điều không thể giải thích được nếu nằm ngoài giả thuyết này.

Mọi chuyện diễn ra thật bi thảm. Khi vụ bê bối nổ ra, cha Vianney đã rời khỏi giáo xứ của mình một thời gian, cha đang mở rộng phạm vi hoạt động và ảnh hưởng của cha ngày càng tăng. Trên thực tế, từ năm 1820 trở đi, các hoạt động truyền giáo đã diễn ra khắp các ngôi làng nhằm phục hồi đức tin, và các linh mục đã giúp đỡ lẫn nhau trong dịp này.

Vào tháng 1 và tháng 2 năm 1823, vị linh mục xứ Ars sống cách nhà mình vài cây số, tại Trévoux. Mặc dù cha không rao giảng, nhưng cha vẫn bị những người ăn năn vây quanh : «Đám đông quá lớn, cha Monnin kể lại, đến nỗi một ngày nọ, lũ lụt đầy lũ, cuốn trôi tòa giải tội không được cố định chắc chắn của cha». Cha luôn tỏ ra ưu ái những người dân thường, nhưng trên hết là những người có ảnh hưởng đã cầu xin cha : các thẩm phán, tòa án, công chức, phó tỉnh trưởng... Sự kiện này, khiến Écully nhớ lại, sẽ được lặp lại.

Có một bài học ở đây dành cho các linh mục mọi thời đại : không phải bất chấp tinh thần nghèo khó của mình mà cha được «giới khai sáng» tìm đến, để nói như cha Monnin, mà chính là vì tinh thần này. Vào ngày cuối cùng, chúng ta sẽ bị Chúa phán xét rất nghiêm khắc vì đã đối xử cách tư sản với những người tư sản, cách quý tộc với giới quý tộc, cách trí thức với giới trí thức, cách

chính trị với giới chính trị, và do đó góp phần duy trì một thế giới không thể thở được về mặt tôn giáo, trong khi cả hai đều có trong mình một ân sủng mà không có gì ngoài các Phước lành có thể mang lại. Chúng ta sẽ phải thừa nhận trước Chúa rằng sự thiếu can đảm và thiếu phẩm giá đã làm chúng ta tê liệt.

Đây chắc chắn là điều có thể ngăn cản ít nhất vị linh mục tốt lành của Ars, người, từ sâu thẳm tòa giải tội của mình, tha thứ tội lỗi nhân danh Chúa Kitô với sự chân thành và tấm lòng đến nỗi tin tức này, như thể chưa từng nghe thấy, lan truyền từ người này sang người khác và mọi người bắt đầu biết đến cha. Nhóm anh em linh mục vốn hay nghi ngờ bỗng trở nên thân thiết hơn một chút. Về phần cha, cha vẫn giữ khoảng cách vì sự khiêm nhường, gần như không thể tiếp cận được vì sự nhỏ bé của mình. Cha bị chế giễu, và vì lòng thương xót, người ta đã mua cho cha một chiếc quần nhung, sau đó cha đòi nó trên đường đi để lấy chiếc quần của một người nghèo ; người ta cố gắng hiểu cha...

Có lẽ, hơn nữa, mối liên kết giữa các linh mục trở nên chặt chẽ hơn trong những năm này : giáo phận Lyon quá lớn đã bị chia thành hai và Dombes đã gắn bó với Belley. Một giám mục mới, người gốc Drôme, Đức Cha Devie, đã được bổ nhiệm tại đó. Đức Cha vừa mới đến.

Bây giờ, đây chính là thời điểm thích hợp để một lá thư nặc danh gửi đến những người cấp cao lên án và dàn dựng nên cái mà người ta gọi là «vụ bê bối của Ars».

Trong lịch sử, ít có linh mục nào phải thức dậy mỗi sáng và đi ngủ mỗi đêm trong nhiều năm trời, bị tước mất danh dự một cách bất công như cha Vianney. Những thành phần nào trong dân chúng đã kích động âm mưu này ? Nó có thể xuất phát từ sự thô lỗ của một số người lớn cũng như từ sự trả thù của những người trẻ tuổi từ bên ngoài làng, cả hai đều được hỗ trợ bởi các quán rượu nhỏ cần tiền.

Từ đây, chúng ta có thể nhìn thấy cửa hàng rượu sáng mờ với chiếc đèn vàng treo trên trần nhà, người chủ nam hiểm ở quầy kếm, phía sau những chiếc ly, và những khách hàng đang ngồi quanh những chiếc bàn nặng, phì phèo điếu thuốc và uống rượu. Ai là người đàn ông bốn mươi hoặc năm mươi tuổi, với khuôn mặt hồng hào và bộ ria mép rũ xuống, người mà giữa hai lần «phạt tiền», đã dám là người đầu tiên, dưới ảnh hưởng của sự chế giễu của quý dữ, với những lời nói khó nghe như pháo nổ và sự bất chước đáng ghét, để đưa ra sự nghi ngờ khét tiếng ? Tại sao những người khác ở đó, với đủ mọi khuôn mặt và lứa tuổi, thay vì phản đối, lại cùng nhau lên tiếng ? Những phụ nữ không có lời thú

tội sẽ coi đó là một cơ hội bất ngờ. Sự kích thích tình dục quá mức trước điều thiêng liêng, loại thuốc này đã có từ lâu đời như loài người, làm say đắm những con người khốn khổ trên trái đất bằng xương bằng thịt hơn tất cả các loại đồ uống của họ và gần như khiến họ mê mẩn mà không hề hay biết. Họ đột nhiên lớn tiếng, tất cả đều nói cùng nhau trong sự hỗn loạn tột tệ nhất và sự hiểu biết tột tệ nhất ; chúng đã ngân nga rồi : người ta có thể nói rằng chúng đã bị chạm vào, trong hang động khói bụi khủng khiếp này, bởi Lễ Ngũ Tuần của bóng tối.

Cha không nghi ngờ điều gì cả. Lần đầu tiên này, họ sẽ đi đâu để la ó cha, đến nhà thờ hay đến nhà xứ ? Có lẽ ở đó trước. Đối mặt với sự náo loạn khiến cha phải rời khỏi buổi cầu nguyện, cha rời khỏi thánh đường, mang theo chiếc đèn lồng tối màu, như thường lệ qua cánh cửa nhỏ bên hông của tháp chuông. Cha nhìn thấy họ. Người ta rước cha, người ta đưa cha về nhà xứ. Những lời lăng mạ đi cùng với những lời nguyện rửa, chỉ trong vài phút, những cái miệng dính đầy răng hoặc không có răng đã học được ngôn ngữ của thẩm phán ; một bàn tay vụng về đã đi xa đến mức viết bằng mực một tấm biển khét tiếng và ai đó đã treo nó lên cửa nhà, cởi giày ra để đóng đinh bằng chiếc guốc gỗ của họ. Trời ơi, chuyện gì đang xảy ra thế này ? Tiếng ồn sẽ chạy khắp mọi nơi

bây giờ - nhanh chóng và khó nắm bắt như gió - vẻ tái nhợt bất thường của vị linh mục - một người đàn ông sau cùng, mặc dù chỉ lớn bằng một cậu bé, một người đàn ông chưa đầy bốn mươi tuổi - không phải vì những sự sám hối vô t-am, vì những hành vi trụy lạc đáng xấu hổ. Một «phụ nữ trụy lạc» - giống những kẻ mà người ta thường thấy ở mọi làng rượu - được chiêu mộ dọc đường, đến cùng với những người quen và đồng bọn, dưới cửa sổ của vị thánh, để thốt ra lời nói dối cuối cùng với cha : vì cô ta bị phát hiện đang mang thai và mọi người đều biết rằng cô ta đã sinh con, nên cô ta hét lên với hắn : Đứa trẻ là con của cha.»

Thật đáng kinh ngạc khi một sự việc to lớn như vậy lại được nhiều người tin tưởng, thậm chí ngay cả trong số ít người. Ai biết ? Như cha Monnin gợi ý, có lẽ chính sự khắc khổ cực độ trong đạo đức của cha, một cách nghịch lý, đã gây hại nhiều nhất cho cha Vianney và khiến dư luận dễ tin tưởng : một đức tính hiếm có lại dẫn đến sự ngờ vực. Thật là một ý tưởng tuyệt vời khi không phải ngủ ngày hay đêm như bao người khác ! Những lần đi lại liên tục giữa phòng của cha và nhà thờ có ý nghĩa gì ? Người ta có thể sống mà không cần ăn không ? Cha đáng lẽ phải chết từ lâu rồi. Và những người này lại càng gắn bó với cha hơn bao giờ hết ? Đối với một người có lý trí, ở đây không có nhiều bằng

chứng hơn mức cần thiết sao ? Mọi sự tồn tại đảo ngược đều là một.

Tuy nhiên, chắc chắn là toàn thể giáo xứ không hề bị lay chuyển. Nhưng sự vụ không vẫn tiếp diễn dai dẳng. Trong mười tám tháng, người đàn bà thô lỗ theo đuổi cha để giành quyền làm cha đứa nhỏ đã đến chửi rửa cha mỗi tối trước cửa nhà cha. Bốn hoặc năm năm sau, một bác sĩ ở Trévoux, một người không theo đạo, nhưng đã từng chữa trị cho vị linh mục, Bác sĩ Thiébaut, đã phải nổi cơn thịnh nộ trong một quán cà phê ở quê mình vì ông nghe thấy những tin đồn ghê tởm vẫn đang lan truyền. Đó là một màn sương mù dày đặc lan rộng và phủ nặng xuống khu vực xung quanh.

Và cha trả lời thế nào? Không có gì, ngoại trừ : «Các thánh không bao giờ phàn nàn.» Tuy nhiên, cha có rất nhiều điều để nói. Về chính xác những gì cha bị buộc tội, cha có thể trả lời : «Tôi biết rõ rằng điều đó được phép, nhưng đôi khi tôi đã từ chối hôn người mẹ tội nghiệp của mình.» Hơn nữa, cha đang ở giữa những sự hành xác quá mức, trong cái mà cha gọi là «những hành động điên rồ của tuổi trẻ». Các thị trấn và làng mạc xung quanh đã mang đến cho cha danh tiếng là vị thánh «chỉ sống bằng khoai tây luộc». Dưới cái tên này, vào năm 1820, một cậu bé chín hoặc mười tuổi đã gọi cha

như thế với các bạn cùng lớp vào Ngày lễ Thánh Thể.

Lịch sử và huyền thoại của nó gắn liền với nhau. «Thưa cha, cha Toccanier đã ném vào cha một ngày kia để cám dỗ cha, họ nói rằng trước đây cha dễ dàng nhận ăn tám ngày. -Ồ ! Không, bạn tôi ơi, cha Vianney trả lời một cách ngây thơ, họ đang phóng đại. Nhiều nhất tôi đã làm là trải qua một tuần với ba bữa ăn.» «Tôi là một xác chết tốt, cha giải thích ngày kia với Catherine Lassagne, tôi cứng rắn. Sau khi tôi ăn bất cứ thứ gì hoặc ngủ trong hai giờ, tôi có thể bắt đầu lại. Khi người ta cho con ngựa thứ gì đó, nó bắt đầu chạy nước kiệu trở lại như thể không có gì xảy ra, và con ngựa hầu như không bao giờ nằm xuống.» Cha đã từng đọc với sự ngưỡng mộ sâu sắc rằng Thánh nữ Phanxicô thành Romana thường ăn bình thường những ổ bánh mì khô và mốc nằm trong túi của những người ăn xin và bà đã cho họ ổ bánh mì trắng của mình để đổi lại. Ngài không nghỉ ngơi cho đến khi áp dụng được quy tắc tương tự, đến nỗi tinh thần đức tin vẫn không thay đổi qua nhiều thế kỷ. Khi gặp một người lang thang, cha đề nghị mua những thứ trong túi của người đó và trả cho anh ta một khoản tiền hậu hĩnh. «Con trai của Renard, một chủng sinh, cho biết, chúng tôi luôn tìm thấy ở nhà cha một túi đầy loại bánh mì đen khó ăn này». «Thánh nhân kêu lên : hãy vui mừng khi được ăn bánh của người nghèo, họ

là bạn của Chúa Giêsu Kitô. Dường như tôi đang ở bàn tiệc của Chúa chúng ta.»

Hầu như cha ngủ trên nền đất cứng, không có nệm, cam kết thực hiện những hình phạt tồi tệ nhất. «Tôi đã dọn giường cho cha vào buổi sáng khi cha đang ở nhà thờ, Jeanne-Marie Chanay, cô gái ngoan đã ký vào lời khai của mình bằng một chữ thập, tuyên bố tại *Phiên tòa phong thánh*. Chính tôi thường nhìn thấy những dụng cụ sám hối của cha và đặc biệt là kỷ luật của cha. Nó bao gồm ba sợi xích sắt, ở cuối đôi khi được gắn các tấm kim loại giống nhau, đôi khi là những chiếc chìa khóa nhỏ (bu lông, theo Catherine Lassagne). Tôi nhận thấy rằng chúng không ở đó lâu và tôi đã nhặt những mảnh vỡ rải rác trong phòng cha. Có lần cha hỏi tôi về kỷ luật mà cha đã làm mất. Tôi nói với cha rằng tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với nó. Cha yêu cầu tôi mua cho cha một số sợi xích sắt : tôi đã từ chối. Tôi thường xuyên tìm thấy những tấm vải lạnh đầm máu của cha. Người ta biết rằng cha đã tự kỷ luật bằng tay phải của mình, vì có nhiều máu hơn trên vùng vải lạnh của ông so với vai trái. Tôi tin rằng thỉnh thoảng cha đã tạo ra những vết thương khá sâu, vì tôi thấy dấu vết mưng mủ của máu.» Người ta ngạc nhiên vì sao cha hầu như không nhanh nhẹn vào ban ngày ! «Nhiều lần, - như sau này, khi tuổi tác đã làm suy yếu sức mạnh của

cha, - cha Monnin lưu ý, người ta nhìn thấy cha chỉ đi bằng cách lê mình, dựa vào tường và băng ghế của nhà thờ.

Đây chính là tên tội phạm. Người ta có thể tưởng tượng ra cái nhìn trân trọng của một người nông dân dành cho chàng trai trẻ kiệt sức này. Về phần cha, cha sẽ tránh nói bất kỳ điều gì xấu xa nhất về những người phỉ báng mình cho đến chết : «Ồ ! không, họ không có ác ý...» cha vẫn khẳng khẳng tuyên bố với cha Monnin. Cha sẽ giúp họ bằng mọi cách : một trong số họ đã xin cha tiền, cha sẽ đi xa đến mức vay mượn để giúp họ thoát khỏi rắc rối. Điều quan trọng đối với cha là vẫn anh hùng làm mục tử của họ. Hơn nữa, mặc dù nỗi lo lắng, vì họ, không ngừng hành hạ trái tim để bị ảnh hưởng này, cha nhận ra sâu thẳm bên trong rằng cha nợ họ rất nhiều. Cha đã khám phá ra một niềm vui mới : «Tôi chưa bao giờ hạnh phúc đến thế.» Nếu cha hàng ngày mong đợi giám mục đuổi cha đi bằng «những cú đánh bằng gậy», «cắm cha», để cha «kết thúc những ngày trong tù», theo chính lời của cha. Nếu cha sợ hãi khủng khiếp về điều đó, nếu việc ở lại Ars là điều đáng ghét đối với cha vào những thời điểm nhất định, cha vừa học được rằng «người ta làm nhiều hơn cho Chúa bằng cách làm những việc không vui vẻ và không có hương vị». Cha buộc mình và kiên nhẫn để tiếp tục mọi

thứ: «Tôi đã hành động như thể tôi chưa bao giờ phải rời đi». Cha không từ bỏ bất kỳ dự án lớn nào của mình, và vì cha bị ám ảnh bởi việc giáo dục trẻ em theo cách của người tín hữu Thiên chúa, cha cố gắng hoàn thiện việc chuẩn bị cho những nhà giáo dục tương lai của mình, những cô gái trẻ, Catherine Lassagne mới mười bảy tuổi và người bạn của cô là Benoîte Lardet. Cha đã gửi họ vào cuối năm 1822, - năm 1822 này, dưới sự yên tĩnh giả tạo, với nhiều sáng kiến mục vụ táo bạo và không thể đảo ngược của cha, dần dần tạo ra tình huống mà cha đang trả giá ngày nay - đến các Nữ tu Fareins để hoàn thành việc giáo dục của họ và cho họ quen tay. Hôm nay, cha quan sát họ cũng như quan sát những cộng tác viên tích cực của ngày mai. Hơn nữa, sự ủng hộ và tình bạn của gia đình họ rất quý giá đối với cha vào thời điểm đó : vào ngày 15 tháng 7 năm 1823, cha đã toàn tâm toàn ý đến Savigneux để làm lễ rửa tội cho một người cháu trai của gia đình Lassagnes.

Suốt cả đường hướng, cha «duy trì» sự kiên định và táo bạo không gì lay chuyển được, và càng kiên định hơn nữa vì cha chỉ có bầu trời làm điểm tựa. Không đứng về phía những kẻ gièm pha khét tiếng, một số giáo dân đã lợi dụng sự kiện này để nổi dậy chống lại linh mục của họ. Họ tức giận vì sự nghiêm khắc của cha. Đến lượt họ lại gây ra cuộc cãi vã. Cha mẹ của

giáo lý viên là những người đầu tiên muốn cha rời đi : cha đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc học, cha yêu cầu trẻ em học từng từ một trong giáo lý này, - hơn nữa, có lẽ là các mệnh lệnh của giám mục hoặc các bài học theo yêu cầu của cha Balley hơn là của chính cha. Cha nhận tâm trì hoãn họ khi cha phán đoán họ là bất tài hoặc không có ý định tốt. Khi xưng tội, cha đã từ chối tha tội cho một số người và đồng thời, rước lễ lần đầu của họ bị hoãn lại cho đến năm sau hoặc sẽ diễn ra ở nơi khác. «Pierre Cinier, Étienne Perroud, Cinier des Gardes thành danh khi mới 16 tuổi. Cinier des Gardes đã đến làm việc đó ở Ambérieux. Còn tôi, theo lời cha già Drémieux sau này, họ phải đưa tôi đến Mizérieux.» Bị vu không và chỉ trích, cha Vianney không hề nhượng bộ. Cha vẫn duy trì ảnh hưởng bí mật, kiên nhẫn và nghiêm ngặt đó trên toàn giáo xứ.

Để hiểu được công tác mục vụ của cha Vianney trong mười năm đầu tiên này, điều cần thiết là phải ngồi, ít nhất là trong vài phút, trên băng ghế nhà thờ giữa những người dân địa phương, những người, dù muốn hay không, đều tham dự vào mỗi Chúa Nhật, dưới chân bục giảng, trong gần một giờ, nghi lễ thấp sáng một ngọn đuốc sống. Ánh sáng, vừa khổi vừa chói, bộc lộ từng cơn buồn chán, sự ghê tởm và sự chấp thuận của họ : ánh sáng tìm kiếm và bao trùm những cái đầu nông dân này một cách tàn nhẫn và chắc chắn hơn Dreyer, trong thời đại điện ảnh của chúng ta, đã bộc lộ khuôn mặt của Falconnetti trong vô số biểu cảm của ông. Vị linh mục nhỏ bé vừa mới trèo lên chiếc thang nhỏ trên bục giảng khốn khổ của mình, cha vừa mới đứng trong chiếc hộp gỗ được sơn màu nâu thô tục, thì vở kịch của giáo xứ bắt đầu.

Do đó, vị linh mục đọc thuộc lòng những văn bản mà cha đã ghi chép suốt buổi tối bằng nét chữ thô ráp và vội vã của mình. Chúng tôi có bản gốc gồm tám mươi lăm bài giảng được đưa ra từ năm 1820 đến năm 1829. Nội dung được mượn từ các tác phẩm của thế kỷ 17 và đầu thế kỷ 19. Thông thường, tính trung thực của người sao chép là theo nghĩa đen, nếu có thể nói như vậy khi xét đến vô số lỗi chính tả ; cha sáng tác văn bản của mình từ một bức tranh ghép từ các câu được cắt ra. Mỗi

lần, cha phải mất bao nhiêu giờ để hoàn thành bản thảo này ? Để hiểu được điều này, chỉ cần biết rằng về chủ đề này, cha đã tham khảo ý kiến của ít nhất bảy tác giả. Các công trình gần đây của bà Genêt, người đã thành công với sự siêng năng gương mẫu trong việc nhận ra nguồn gốc của vị thánh, mở ra những góc nhìn hoàn toàn mới về phương pháp cũng như mối quan tâm của ngài. Những đoạn cha giữ lại từ các mô hình của mình, những đoạn cha loại bỏ, chỉnh sửa hoặc phát triển, cho phép chúng ta nắm bắt được tính cách của cha, - tính cách của thời kỳ đau thương này, phần nào xuất hiện từ bí ẩn.

Lạc lõng trong một góc phố Dombes, hẳn cha cảm thấy rất an ủi khi được tham gia cùng các linh mục, những người, giống như ngài, gần đây hoặc trong quá khứ, ở Autun, Gap, Besançon, Angers hoặc những nơi khác, đã trải qua những thử thách của người mục tử chăm sóc tâm hồn, thông qua bộ sưu tập các hướng dẫn ngày Chủ Nhật. Cha Nodet cho rằng, theo nhiều cách, cha cần phải giới thiệu mình với những tác giả được công nhận. Tôi không nghĩ đó là lý do chính khiến cha tìm đến giáo viên. Sự thận trọng này có thể được giải thích tốt hơn bằng phương pháp làm việc mà cha Balley đã dạy cha trong quá khứ, nếu không muốn nói là áp đặt cho cha, để khắc phục sự thiếu hụt về mặt thần học của

cha. Một phần nhờ những cuốn sách thân thiện này mà trong những giờ phút đen tối nhất, người đàn ông mù chữ này đã thoát khỏi sự cô độc của chức linh mục. Nếu tình cờ chúng ta cầm trên tay những tập sách nhỏ cũ có gáy mạ vàng, phần lớn vẫn còn lưu giữ trong thư viện Ars, chúng ta nên nhớ rằng những nhân chứng thầm lặng này chắc chắn đã an ủi, thông qua hiệu ứng của sự hiệp thông vô tận của các vị thánh, một trong những nỗi đau khổ lớn nhất của con người.

Từ năm 1775 đến năm 1820, vùng nông thôn nước Pháp không thay đổi nhiều đến mức có thể tái diễn tình trạng như cũ. Mặc dù các linh mục liên tục than thở về «thế kỷ bất hạnh mà chúng ta đang sống», và về điểm này, cha Vianney không phản bác họ, nhưng dấu vết của Kitô giáo vẫn còn rõ ràng. Họ làm việc này cũng là để duy trì đạo Kitô giáo. Đây chính là nguồn gốc của giọng điệu thuyết giáo này. Vị chủ chăn là người cha và là người lãnh đạo tất cả mọi người : cha nói với thẩm quyền vừa mang tính nhân bản vừa mang tính linh mục. Cha không chỉ dạy các giáo điều hay luân lý của Phúc Âm : cha còn nhắc lại các phong tục truyền thống của giáo xứ, và giáo xứ ở đây là một với làng quê ; thậm chí còn đi sâu vào chi tiết của một kỷ luật cá nhân, gia đình hoặc chung. Lời rao giảng của cha nhất thiết phải cụ thể vì nó diễn ra trong một «thế giới», trong khi ở thời đại

vô «thế giới» của chúng ta, nhà truyền giáo dễ dàng trở thành một nhà tư tưởng. Vào thời điểm đó, người giáo dân, theo gương thầy dòng, vẫn có một quy tắc sống : tinh thần của thánh Benoît làm sống động, thậm chí họ không nhận ra, cách cư xử hàng ngày của họ. Ngôi làng nhấn mạnh sự tồn tại của mình như một ngôi nhà cầu nguyện, làm việc và hòa bình.

Các linh mục hăng hái vừa mới được giáo sứ mạng thì, theo sự nhất trí chung, họ đã lập ra trước hội đồng quy tắc vàng của thời đại Kitô giáo : «Đừng bao giờ làm bất cứ điều gì trước khi cầu nguyện». Đây, các bạn nói, là nhiệm vụ cấp bách - như thể cầu nguyện không phải là phần quan trọng nhất trong công việc của các bạn ! Do đó, cần phải hoãn các công việc khác lại trong vài phút. Cha Vianney, vì sự tiện lợi của người thân, đã liệt kê một số điều : «Chẳng hạn như dọn giường, một số công việc nhà, đặt nồi lên bếp, gọi người hầu hoặc con cái của bạn, đi cho gia súc ăn.» Giống như người ta đang bắt gặp những cử chỉ bản năng đầu tiên của người nội trợ, nghe giọng nói của ông chủ vào sáng sớm, tiếng vó ngựa vang khắp nhà và khu vực xung quanh. Cha xứ Ars cũng chỉ rõ rằng chúng ta «không bao giờ nên ra lệnh gì cho con cái hoặc người hầu trước khi họ cầu nguyện» : đây không phải là thái độ gia trưởng, mà là sự tôn trọng đối với trẻ nhỏ, và chúng ta cần phải

bảo vệ chúng. Tất nhiên, người ta sẽ không cầu nguyện «khi mặc quần áo hoặc nằm trên ghế», nhưng «phải cầu nguyện khi quỳ gối, sau khi uống lãnh nhận thánh và trước cây thánh giá». Lời cầu nguyện của giới trẻ cũng có những yêu cầu nghi lễ tương tự : «Nếu bạn khiến họ cầu nguyện với Chúa trong khi làm việc, họ sẽ nhìn và nghĩ về những gì bạn đang làm chứ không phải những gì họ đang làm. Để khơi dậy trong họ lòng tôn kính sâu sắc đối với sự hiện diện của Chúa, người ta phải quỳ xuống bên cạnh họ và hướng họ vào một hình ảnh nào đó».

Nhiệm vụ này đã hoàn thành - giờ cầu nguyện *Prime* - được mở ra. Không phải là những chỉ dẫn để thánh hóa các giờ kinh bị đình chỉ. «Khi bạn đi làm, thay vì lo lắng về hành vi của người này hay người kia, cha Vianney nói, hãy nghĩ đến một số điều tốt đẹp.» Với Bonnardel, cha gợi ý một số điều : «Ví dụ như cái chết, sự phán xét, địa ngục hay sự xấu xa của tội lỗi.» «Nhưng, những người nông dân Ars phản đối, chúng tôi không thể thực hiện tất cả những suy niệm này được!» Vị linh mục không ngạc nhiên : «Hãy xem lòng nhân từ của Thiên Chúa. Bạn không biết cách suy ngẫm về những chân lý vĩ đại này sao ? Hãy cầu nguyện và lần hạt. Hãy nói điều này vì con cái của bạn. Và con cái phải nói điều đó thay cho cha mẹ của mình. Hoặc cầu nguyện

cho sự hoán cải của tội nhân».

Những ai trong chúng ta đã từng chứng kiến các tu sĩ dòng Trappist ra đồng vào những ngày này có thể dễ dàng hình dung rằng dưới lớp mũ trùm đầu của họ, họ không nghĩ đến điều gì khác. Ở đây, những người ra đường là những người dân làng thô lỗ, gầy gò với đất đai, không chỉ yêu đất đai hay phục vụ đất đai mà còn sở hữu đất đai và đất đai luôn bắt đầu chiếm hữu ít nhiều. Ngay khi đến nơi làm việc, người ta phải «làm dấu thánh giá để dâng công sức của mình cho Chúa», ngay cả khi người ta «có mặt với người khác». Đây không phải là đôi tay của các tu sĩ, tất cả đều thánh thiện và vẫn còn thơm tho từ Bí tích Thánh Thể mà họ đã lãnh nhận, được gọi để nhanh chóng ghi lại lời nhắc nhở về thập giá này trên thân xác con người, nhưng là đôi tay của sự dịu dàng của vợ chồng và sức mạnh của người cha, đôi tay được tạo ra cho công cụ và bởi công cụ, đôi tay biết cách chỉ huy và đếm từng xu, đôi bàn tay tội nghiệp của thế gian này - nhưng đôi bàn tay của người đã lãnh nhận bí tích rửa tội. Giống như những người tiền nhiệm của mình, cha Vianney nỗ lực phát triển trong tâm hồn người nông dân những khởi đầu của đời sống nội tâm, một loại giấc mơ về Chúa. «Không cần thay đổi bất cứ điều gì trong những gì bạn làm, cha nhân mạnh, hãy làm việc để tuân theo các điều răn của

Người, là các điều răn ra lệnh cho bạn phải kiềm miếng ăn bằng mồ hôi nước mắt, và đó là một hành động vâng lời. Nếu đó là để đền tội, bạn đang thực hiện một hành động sám hối. Nếu đó là để có được một số ân sủng cho bản thân hoặc cho người khác, đó là một hành động tin tưởng và bác ái».

Những người có tâm hồn cảnh giác sẽ không bao giờ ngừng tìm hiểu về những bí ẩn của lịch sử thiêng liêng. Vào chín giờ sáng, - tức là *giờ thứ ba* - họ sẽ nghĩ về sự hiện xuống của Chúa Thánh Thần trên các Tông đồ diễn ra vào thời điểm đó. Vào buổi trưa, khi tiếng chuông reo, chúng ta đọc *kinh Truyền Tin* để cảm tạ Chúa vì niềm vui lớn lao đã đến với chúng ta khi Đức Trinh Nữ trở thành mẹ của Chúa Giêsu. Trước bữa ăn, chúng ta đọc *kinh Benedicite* để tạ ơn vì bánh đã được ban cho chúng ta. Vào lúc ba giờ, chúng ta phải tập trung lại để tưởng niệm cái chết của Đấng Cứu Thế.

Dần dần, màn đêm buông xuống, một ngày đã kết thúc. Trước khi đi ngủ, chúng ta phải cùng nhau cầu nguyện, vì lời Chúa : «Nếu hai hoặc ba người họp lại cầu nguyện nhân danh Ta, Ta sẽ ở giữa họ». Ngoài ra, cần phải thêm phần xét mình, nghĩa là dừng lại một lát để nhìn thẳng vào tội lỗi của mình. «Vì vào mùa đông, lễ canh thức kéo dài, nên mong muốn bạn đọc một chút

kinh cầu nguyện. Trong những ngôi nhà mà mọi người không biết đọc, thì bạn có thể đọc kinh Mân Côi, điều này sẽ thu hút sự bảo vệ của Đức Trinh Nữ Maria». Sau đó, mọi người có thể nghỉ ngơi trong bình an và ngủ thiếp đi trong Chúa. Nếu một người thức dậy vào ban đêm, đó sẽ là cơ hội tốt để lặp lại : «Lạy Chúa, xin ban cho con ơn yêu Chúa hết mức có thể.»

Vì mỗi ngày của người Kitô hữu đều tươi sáng, vậy chúng ta có thể nói gì về mặt trời ẩn đi sẽ mọc vào Chủ Nhật ? Sự im lặng bao trùm khắp các trang trại, hầu như không bị phá vỡ bởi tiếng đi lại của đàn gà mái, tiếng trò chuyện nhỏ của đàn vịt hay tiếng kêu tình cảm phát ra từ chuồng ngựa. Con người sẽ sớm đổi đôi guốc của mình để lấy đôi giày tốt nhất : sàn đá của ngôi nhà sẽ hỗ trợ các sinh vật trên không. Suốt buổi sáng, người ta chỉ nghe thấy tiếng ồn ào phát ra từ những chiếc xô của người chăn bò. Những cánh đồng đang nghỉ ngơi dường như hướng thẳng về phía bầu trời và hơi thở của sự sống chỉ chiếm giữ bầu ngực của trái đất. Mặc dù nhu cầu tham gia hội chợ rất lớn nhưng các con đường chủ yếu vẫn dẫn đến nhà thờ. Đã quen với cuộc họp đông người, những chiếc xe ngựa có bánh sắt báo hiệu nhau và có thể nhận ra nhau từ xa qua tiếng vó ngựa phi nước kiệu. Ngựa là loài động vật sống có nguồn gốc từ huyết hiệu của chủng tộc nông dân này : nó đánh dấu

sự khác biệt của mỗi gia đình. Trong số những người ít giàu có, nó được sử dụng để cày ruộng và đưa ngựa ; Khi đưa chủ nhân của mình đi dự tiệc, ngựa cố gắng đi nhẹ nhàng hơn và làm cho dáng người mềm mại hơn, nhưng không thể che giấu được công việc đầy tớ của mình : ngày mai người ta sẽ được thấy ngựa đang cày ruộng hoặc kéo xe, mang trên mình những bộ dây cương nặng mà ngựa biết cách mang. Những con vật đẹp và nhanh nhẹn, được chải chuốt cẩn thận, dễ dàng chiếm lấy vị trí của mình trên con đường nhỏ nhất, thuộc về những người nông dân lớn ; hần không được điều khiển bằng cách cầm dây cương như vậy, và cái đầu của hần, thường rất đẹp, được tiết lộ là cực kỳ nhạy cảm với áp lực nhỏ nhất lên bàn tay điều khiển hần ; hần không chỉ là niềm tự hào của chủ sở hữu : đất tiền và mong manh, hần còn thỏa mãn ngay cả những bản chất thô sơ nhất và thậm chí là hạn hẹp nhất, một loại sở thích nghệ thuật và một sự hoang phí không thể cưỡng lại được.

Trong khi những người lái xe buộc những con vật của họ lần lượt vào những chiếc vòng cố định trên tường nghĩa trang hoặc vào những cái cây ở quảng trường, những người hàng xóm của nhà thờ trèo lên gò đất gần cách họ chỉ trong vài bước. Trên những con đường nhỏ giữa các hàng rào, những người trung thành khác vội vã: họ đến thành từng nhóm, gồm cha, mẹ, con cái và

đôi khi là ông bà. Vào mùa thu, họ nhảy từ hòn đá cuội này sang hòn đá cuội khác để tránh bùn, và vào mùa hè, trong bóng râm, giữa những cây dâu tây hoặc quả mâm xôi đen dại, họ có xu hướng nán lại.

«Hãy bắt đầu chuẩn bị cho Thánh lễ, cha Vianney nhắc lại với mọi người, ngay khi bạn thức dậy». Sự ra đời kỳ diệu vào ngày này và lời cầu nguyện mang dấu ấn của sự hòa hợp Kitô giáo cổ xưa giữa giờ của trái đất và giờ của thiên đàng, theo câu tục ngữ nguyên thủy : «Thế giới là của bạn, nhưng bạn thuộc về Chúa Kitô và Chúa Kitô thuộc về Thiên Chúa.» «Hãy bắt đầu gột rửa tâm trí của mình đi, cha tiếp tục với giọng điệu bình thường hơn của một người nông dân đang giám sát việc giặt giũ cho gia đình nhỏ của mình. Toàn bộ diện mạo của bạn phải báo hiệu cho tất cả những ai nhìn thấy bạn rằng chúng ta đang chuẩn bị cho một điều gì đó vĩ đại. Khi tiếng chuông reo, ... hãy nghĩ rằng chính Chúa Giêsu Kitô đang gọi bạn : hãy rời đi ngay lập tức. Đừng nói, giống như những người không tôn giáo, rằng bạn có nhiều thời gian, rằng bạn sẽ luôn ở đó sớm thôi.» Trên đường đi, «đừng trò chuyện : hãy nghĩ rằng bạn đang theo Chúa Giêsu Kitô, vác thập giá lên đồi Canvê và Người sẽ chết để cứu chúng ta». Vì thế, ở cuối con đường, trong nỗi thống khổ trang nghiêm, những người mà vị linh mục thánh thiện nhìn thấy là một đội quân

mới của Thứ Sáu Tuần Thánh tụ họp lại.

Tuy nhiên, ở đây ghi chú thần học không chính xác: Con Thiên Chúa đã chết một lần và mãi mãi tại đồi Golgotha và sẽ không ai có thể đâm thủng chân hoặc tay Người nữa. Hơn nữa, điều khó hiểu là khó khăn này đã được khắc phục, vì câu hỏi : Thánh lễ là gì ? Câu trả lời ngay lập tức xuất hiện : trên hết là «khoảnh khắc hạnh phúc». Trước tiên bạn nên nhận ra điều gì ở nó? «Sự vĩ đại của hạnh phúc của bạn.» Tiếp theo là lời khuyên cá nhân của cha Vianney mà bản thân nó không thể giải thích được : «Chúng ta phải đến đó trong khi chay tịnh nhiều nhất có thể, điều này rất đẹp lòng Chúa. Vào thời kỳ đầu của Giáo hội, tất cả các Kitô hữu đều đến đó trong khi chay tịnh». Như vậy và tách biệt khỏi bối cảnh hiệp thông, lời khẳng định này cấu thành một sự thật lịch sử không đúng được tưởng tượng ra một cách kỳ lạ từ sở thích sám hối. Điều này không ngăn cản nhà thuyết giáo thốt lên với sự ngạc nhiên : «Khi chúng ta bước vào (nhà thờ), hãy để chúng ta tràn ngập suy nghĩ rằng đó là nơi chứa đựng tất cả các ân sủng của thiên đàng.»

Việc trình bày Thánh lễ mà cha tuân thủ không có gì đặc biệt mang tính phụng vụ hay thần học : về mặt tâm linh, nó không thoát khỏi những thiếu sót hoặc thủ đoạn

thường thấy vào thời đó. Để nhận ra chính mình qua các nghi lễ, trên thực tế, các tín hữu được mời gọi tuân theo ba ví dụ, may mắn thay được lấy từ Kinh thánh, nhưng có nguy cơ thu hẹp thánh lễ của họ thành sự kế thừa ít nhiều tùy ý của các trạng thái nội tâm bằng cách bỏ qua sự tham gia của họ vào sự đổi mới hữu hình của mầu nhiệm.

Mô hình đầu tiên của chúng ta là người thu thuế. «Chính người sẽ dạy chúng ta cách ứng xử khi bắt đầu Thánh Lễ.» «Khi bạn ở vị trí của mình, hãy khiêm nhường sâu sắc trước sự bất xứng của mình và trước sự vĩ đại của Thiên Chúa, Đấng sẵn lòng, bất chấp tội lỗi của bạn, chịu đau khổ trước sự Hiện diện thánh thiện của Người.» Vị linh mục, đứng dưới chân bàn thờ, bắt đầu đọc kinh *Sám hối* : «Hình như, cha Vianney nhận xét sau bài giảng của mình, Ngài muốn gánh lấy mọi tội lỗi của giáo dân... Nếu những người Kitô hữu có được hạnh phúc tham dự Thánh lễ với cùng tâm trạng như người thu thuế... chúng ta sẽ ra về với đầy ắp của cải thiên đàng như những chú ong sau khi tìm thấy nhiều hoa hơn chúng muốn.»

«Trong thời gian thánh hiến và nâng Mình Thánh Chúa», chính tên trộm lành sẽ hướng dẫn chúng ta.» Anh ấy không đạt được tiến triển gì trong ba giờ đồng

hồ ông dành cho Đấng Cứu Thế đang hấp hối ? Ông gắn chặt vào cây thánh giá, tất cả những gì ông còn lại là trái tim và cái lưỡi được tự do, hãy xem ông nhiệt thành dâng hiến cả hai cho Chúa Giêsu Kitô như thế nào... Không có gì có thể chạm đến chúng ta bằng cảnh tượng Chúa Giêsu Kitô hấp hối... Lạy Chúa, biết bao người nghèo khổ bên cạnh một kho báu lớn lao như vậy !

«Khi chúng ta có được hạnh phúc khi được rước lễ thiêng liêng hoặc thể xác», chúng ta chỉ cần bắt chước viên đại đội trưởng. «Tám gương của viên đại đội trưởng này đáng ngưỡng mộ đến nỗi dường như Giáo hội thích đặt tám gương này trước mắt chúng ta mỗi ngày trong Thánh lễ : ‘Lạy Chúa, người đầy tớ khiêm nhường này thưa với Chúa, con chẳng đáng Chúa vào nhà con, nhưng xin Chúa chỉ phán một lời là đầy tớ con sẽ được lành mạnh.’ À! Giá mà Chúa thấy được sự khiêm nhường này nơi chúng ta!...»

Với một sự nhạy bén nhất định, nhưng không phải là đặc điểm riêng của cha, cha xứ Ars nhấn mạnh về ý nghĩa của Lời Chúa trong Thánh lễ. «Ngài nói rằng nó tương tự như cột lửa dẫn đường cho người Do Thái khi họ ở trong sa mạc, chỉ cho họ con đường mà họ phải đi qua, dừng lại khi mọi người phải dừng lại và bước đi khi họ phải đi». Vì vậy, dân tộc này chỉ cần trung thành

tuân theo và chắc chắn không đi lạc trong hành trình của mình. Vì thiếu lắng nghe Lời này và vì đôi khi họ có ý muốn cắt bỏ lễ Chúa Nhật của mình, hầu hết các Kitô hữu đều có một trái tim cháy bỏng, bị đốt cháy khi tiếp xúc với Minh và Máu, họ bị thiêu đốt ngay tại chỗ : họ có thứ gì đó giống như vô số ngọn lửa bùng cháy trong khoảng khắc giữa sa mạc ; họ không còn là một dân tộc, như cha Vianney đã nói một cách rất đúng đắn, và là một dân tộc tìm thấy con đường, con đường duy nhất, con đường của Chúa qua lịch sử. Cuộc khủng hoảng của việc rao giảng là một với sự trì trệ điên cuồng của thế giới hiện tại, đó là đi khắp nơi và không đi đâu cả.

Chỉ là một người nông dân, và là một người nông dân của năm 1820, người theo đạo Thiên chúa ở Ars thật may mắn. Chắc chắn là không thể, sau tất cả những ân huệ vô giá mà Người đã nhận được trong Thánh Lễ, lại có thể «hấp tấp» hay sa đà «vào đủ thứ chuyện xa lạ». Người ta rời khỏi nhà thờ mà không nói một lời, với trái tim nặng trĩu và vui mừng vì những điều mình được nghe, với «một hương vị mới về thiên đàng». Trở về nhà, người chủ gia đình nói chuyện với con cái và người hầu «về những điều họ nghe được và điều gì làm họ cảm động nhất». Nếu Ngày của Chúa kết thúc bằng một buổi canh thức, thì sẽ xứng đáng : «Không có bài hát tục tĩu hay xấu xa : chúng làm ô uế trái tim và miệng

của bạn, là đền thờ của Chúa Thánh Thần. Cũng không có tất cả những câu chuyện này, chỉ là dối trá.» Hơn nữa, như một biện pháp phòng ngừa, khi tất cả các bạn đã vào, các bạn phải đóng cửa lại và không để ai vào».

Đây chính là cách mục vụ sau cách mạng thể hiện, tinh thần Kitô giáo mà những người lớn, mà thế giới hiện đại ban tặng cho chúng ta, coi là đặc biệt phù hợp với trẻ em. Trước một vị linh mục tốt bụng, cha giải thích từ bụi giảng cho giáo dân cách khóa cửa sau lưng họ, ra lệnh tắt đèn hay đánh thức giáo dân, cách giữ im lặng khi bắt đầu làm việc và dọc theo các lối đi, cách thánh hóa thời gian mất ngủ, cách đôi khi quỳ gối, đôi khi đứng ; tóm lại, làm sao để tận dụng tối đa thời gian của con người được ban cho, những người đương thời đức hạnh của chúng ta kêu lên một cách phẫn nộ hoặc chế giễu : «Người này đang can thiệp vào chuyện gì vậy ?» Họ nói rằng họ rất vui mừng khi không còn ở đó nữa, khi được giải thoát khỏi sự can thiệp như vậy, và cuối cùng đã giành quyền được sống một cuộc sống thể tục. Bị biến dạng bởi chiếc mặt nạ mà họ che đậy còn hơn cả Don Quixote với chiếc mũ sắt và bộ áo giáp của mình, họ nhìn với vẻ chế giễu, từ phía sau tấm kính che mặt thùng lỗ chỗ, vào những sinh vật của quá khứ này, khôn khổ và bị phơi bày đôi mắt trơ trọi với những vết bầm tím của cuộc sống - như thể con người ngày nay

không còn là một người nông dân, nghĩa là, một người bạn đồng hành không thể tách rời của một vùng đất chỉ được đổi mới trong sự huyền bí của sự dâng hiến khiêm nhường và toàn diện.

Chính sự hy sinh hằng ngày của con người này mà cha sở Ars, như những người đồng nghiệp lâu đời nhất của mình, gọi lên. Mọi lời khuyên của cha đều không có ý nghĩa nào khác ngoài việc khai mở một phụng vụ cho thế giới. Họ không nói hết mọi thứ mà chỉ gợi ý. Người ta phải rất điếc và mù mới có thể coi chúng là đầy đủ : mỗi tín đồ phải tự tạo ra, từng giờ, hình thức thiêng liêng mà niềm vui và thử thách của mình sẽ diễn ra. Họ mời bạn sáng tạo. Do đó, sẽ rất lạ nếu họ không đề cập, theo cách nào đó, đến quan niệm truyền thống và cơ bản về sự tồn tại của Kitô giáo. Học thuyết mà cha Vianney vay mượn từ những người tiền nhiệm của mình và tái hiện những công thức chính của học thuyết này, trước hết, mặc dù có vẻ nghịch lý, nhưng là học thuyết về hạnh phúc.

Người ta có thể trích ra từ những bài giảng mà chúng ta còn lưu lại vô số những câu văn mẫu, hơn nữa, theo hình thức truyền giáo : «Phước cho anh em nếu... Bất hạnh khi...» «Niềm vui trong lòng chúng ta» trong tình yêu của Chúa, «hãy cho tôi biết, cha xứ Ars hỏi giáo

dân của mình, anh em đã bao giờ hình thành một ý niệm hợp lý về điều đó chưa ?» Cha muốn chúng ta chào đón tin mừng về chúng ngôn của cha : «Anh em của tôi, như tôi đã nói với anh em.» Ngược lại, cha nhấn mạnh vào cuộc sống của tội nhân, «khó khăn hơn, buồn hơn, đau đớn hơn.» Mặc dù cha đang đối phó với những người nông dân mà cha biết là chỉ quá cảm dỗ ở đây dưới thế này và mặc dù thế giới này chắc chắn là «một tập hợp của những điều xấu xa và đau khổ», cha không ngần ngại nhắc nhở họ, theo *Giáo lý của các dân tộc*, về những lời hứa đáng kinh ngạc của Chúa với Môisê: «Nếu người trung thành với các điều răn của Ta, Ta sẽ ban phước cho người trong mọi thứ và mọi nơi. Khi người ở trên cánh đồng của mình, trong thành phố và nhà cửa của các người, Ta sẽ ban phước cho con cái các người, chúng sẽ yêu thương các người, tôn trọng các người, vâng lời các người và đem lại cho các người đủ mọi sự an ủi. Ta sẽ ban phước cho hoa trái và gia súc của người. Ta sẽ truyền lệnh cho trời ban mưa đúng mùa, đủ để tưới cho đồng ruộng và đồng cỏ của các người ; và các người sẽ thịnh vượng.» Cha nói thêm rằng, đúng là trong Tân Ước, «những lời hứa cũng không hề kém phần quan trọng. Ngược lại, chúng ta thấy rằng Chúa Giêsu Kitô tạo ra tất cả những điều đó cho thiên đàng, vì không có bất kỳ điều gì được tạo ra có khả năng thỏa

mãn tâm lòng của một Kitô hữu, vốn chỉ được tạo ra cho Đức Chúa Trời, là Đáng duy nhất có thể thỏa mãn tâm lòng ấy.» Điều này có nghĩa là chúng ta sẽ thiếu thốn điều gì đó trên trái đất này không ? Chúng ta đừng tin vào điều đó. Đối với một Kitô hữu trung thành, «những gì cần thiết cho nhu cầu của cơ thể sẽ không bao giờ thiếu.»

Khi chúng ta kết nối cha xứ Ars với các nguồn tài liệu của cha, chúng ta ngạc nhiên, giữa rất nhiều điểm đáng chú ý, bởi thực tế là tất cả những nhà truyền giáo ở thị trấn và nông thôn và đặc biệt là *Giáo lý của các dân tộc* đã phát triển cái mà ngày nay chúng ta gọi là thần học - tò mò và can đảm - để có được. Tại sao phải sợ ngày mai ? «Mọi thứ chúng ta có đều đến từ lòng nhân từ của Chúa và không có gì từ chính chúng ta». Bằng cách phục vụ Ngài, chúng ta sẽ đạt được mọi thứ và không mất gì. Nếu thử thách đến với chúng ta, thường là do tội lỗi của chúng ta. Chúa còn đi xa đến mức thực hiện phép lạ «hơn để chúng ta thiếu những gì cần thiết». Chúng ta thấy trong Kinh thánh rằng Ngài đã nuôi sống dân Ngài trong bốn mươi năm trong sa mạc. «Có lẽ điều này làm anh em ngạc nhiên, anh em của tôi ? Tôi không ngạc nhiên. Đây là điều chúng ta thấy hằng ngày trong những ngôi nhà có lòng đạo đức : những người thường xuyên tham dự Thánh lễ thì làm việc tốt hơn

nhiều so với những người thiếu đức tin khiến họ tin rằng họ không bao giờ có thời gian... - Nhưng, bạn sẽ nói với tôi rằng, nếu chúng ta không có gì, chúng ta sẽ không được ban tặng gì cả. - bạn muốn Chúa cho gì bạn, khi bạn chỉ trông cậy vào công sức của mình và chẳng trông cậy gì vào Ngài ?... Than ôi ! bạn không biết được sự quan phòng của Chúa dành cho những ai tin cậy vào Người. Bạn có muốn một bằng chứng thực sự nổi bật không ? Nó ở ngay trước mắt bạn, hãy hướng mắt về vị linh mục của bạn và xem xét điều này trước Chúa. - Ô! bạn sẽ nói với tôi, đó là vì tôi được ban tặng. - Nhưng ai có thể ban cho tôi điều đó nếu không phải là sự quan phòng của Chúa ? Đây là nơi cất giữ kho báu của tôi và không nơi nào khác... Nếu bạn có may mắn suy nghĩ cẩn thận về sự cứu rỗi của mình... bạn sẽ sớm thấy được bằng chứng về những điều tôi đang nói với bạn.»

«Ô ! Con người sẽ hạnh phúc biết bao, ngay cả trên trái đất này, cha Vianney lặp lại sau Leclerc, nếu ông ta biết tôn giáo mình... Ô ! Một người có sức mạnh biết bao đến từ Thiên Chúa khi anh ta yêu Ngài... Hãy nhìn vào Môisê. Hãy nhìn vào Joshua... Hãy nhìn vào Thánh Benoît. Hãy nhìn vào Thánh Francois de Paule... Hãy nhìn vào Thánh Jean ra lệnh cho các loài chim im lặng, chúng tuân theo ông. Hãy nhìn vào những người khác

nữa vượt biển mà không cần bất kỳ sự giúp đỡ nào của con người. Vâng, bây giờ hãy nhìn vào tất cả những kẻ vô đạo này và tất cả những người đàn ông vĩ đại này của thế giới, với tất cả những bộ óc thông minh và kiến thức toàn diện của họ. Than ôi ! Họ có khả năng gì ? Không có gì cả, và tại sao lại như vậy ? Nếu không phải vì họ không gắn bó với việc phục vụ Chúa.» Quyền năng và hạnh phúc cùng một lúc, đó là người biết tôn giáo của mình và đưa nó vào thực hành.

Nếu chúng ta bám vào những hình ảnh có sẵn, chúng ta sẽ ngạc nhiên khi nghe cha Vianney, ám chỉ đến những người theo đạo Thiên chúa đầu tiên, thốt lên : «Anh em ơi, sống trên trái đất thật tốt biết bao !» Hoặc ở nơi khác : «Hãy nhìn vào một ngôi nhà mà mọi người chỉ sống vì Chúa : đó không phải là một thiên đường nhỏ sao ?» Niềm hạnh phúc đầu tiên là «yêu một Thiên Chúa tốt lành như thế». «Ai có thể hiểu được hạnh phúc của người Kitô hữu tiếp nhận Chúa Giêsu Kitô vào lòng mình, người trở thành một thiên đàng nhỏ bé : chỉ mình người đó giàu có bằng cả thiên đàng cộng lại. Ôi phép lạ của phép lạ ! À ! ngôi nhà hạnh phúc nơi những người theo đạo Thiên Chúa này sống... Chúng ta nên tôn trọng họ đến mức nào suốt ngày ?»

Về cơ bản, lòng bác ái mong muốn lan tỏa một lợi ích như vậy : «Hãy xem chính Chúa Giêsu Kitô, Người đã xúc động như thế nào trước những đau khổ của chúng ta và Người mong muốn làm cho chúng ta hạnh phúc. Người đã rời bỏ Cha mình để đến và ban cho chúng ta hạnh phúc... Hãy xem Người đã xúc động như thế nào với lòng trắc ẩn đối với những người bệnh tật, những người yếu đuối... Hãy xem lòng ruột của Người cũng xúc động như vậy với lòng trắc ẩn đối với đám đông đã theo Người trong sa mạc, Người thậm chí còn làm phép lạ để cho họ thứ gì đó để ăn. ‘Tôi sợ rằng, Người nói với các tông đồ của mình, những người nghèo khổ này sẽ ngã xuống vì yếu đuối trên đường.’ Hãy xem các tông đồ đã hy sinh mạng sống của mình để làm cho anh em mình hạnh phúc. Hãy xem... những người theo đạo Thiên Chúa đầu tiên. Hãy nhìn vào tất cả các thánh: một số đã hy sinh mạng sống để cứu anh em mình ; những người khác... sau khi đã cống hiến hết mình, họ lại tiếp tục cống hiến. Họ đã bán mình để chuộc những người bị bắt làm tù binh. Anh em của tôi ơi, chúng ta sẽ hạnh phúc biết bao nếu chúng ta thấy được giữa chúng ta lòng bác ái, tình yêu thương dành cho nhau, niềm vui và sự hân hoan khi thấy người lân cận của mình được hạnh phúc và được mọi người kính trọng, lòng trắc ẩn, nỗi đau và sự buồn phiền khi thấy họ đau khổ và khốn

khô. Thế gian chẳng phải là khởi đầu của thiên đàng sao ?»

Vì lời giảng dạy đầy nhiệt huyết của cha xứ Ars là như vậy, tại sao người ta lại thấy cha quá đen tối ? Làm sao một bộ phận giáo xứ lại lấy cớ trong bài giảng của cha để nổi dậy chống lại cha ?

Những nhà tiên tri về hạnh phúc này quả là những nhà thuyết giáo đáng gờm ! Thật vô cùng ấn tượng khi thấy những linh mục của thế kỷ 18 và thế kỷ 19 gần gũi với chúng ta đến thế ở một số khía cạnh. Mặc dù thần học của họ nhìn chung có vẻ trái ngược với xu hướng hiện tại, nhưng họ cho thấy họ cũng quan tâm đến thế giới Kitô giáo như chúng ta. Không có gì cụ thể hơn tâm linh của họ, ngay cả khi thân xác gần như luôn đóng vai trò xấu xa, ngay cả khi thiên đường thường được đặt một cách say đắm «ở nơi khác» và chưa ở giữa chúng ta. Họ có viễn cảnh về sự bất hạnh của thế kỷ họ.

Đầu tiên, họ đầu hàng trước phong trào bác ái mạnh mẽ và không thể cưỡng lại của các thánh, họ từ chối che đậy sự ô nhục, sự «khủng khiếp» của tội lỗi. Họ dành toàn bộ tâm huyết cho lời tố cáo này - liệu có ai khẳng định rằng họ có mối quan tâm ít thuần khiết hơn, vô thức hơn và đen tối hơn không ? Họ chỉ mạnh dạn lên án sự tự mãn không xứng đáng của những người theo đạo Thiên Chúa đối với đủ loại địa ngục vì họ bị mê hoặc bởi Khuôn mặt đầm máu của Chúa Kitô vào Thứ Sáu Thương Khó. Nếu đúng khi khẳng định rằng thời đại của chúng ta được đặt vào một cách khá tự nhiên vào Thứ Bảy Tuần Thánh sau tiếng kêu hấp hối cuối cùng và trước những bằng chứng rõ ràng và rằng, kết

quả là, nó được tạo ra bởi một nỗi thống khổ rằng sự hiện diện vinh quang trong bốn mươi ngày đã tan biến một lần và mãi mãi, vì họ vẫn đứng một cách ngoan cố trước Đấng bị đóng đinh... Từ đỉnh đồi này, trái đất sẽ không bao giờ cũng xuất hiện đầy rẫy những cây thánh giá tuyệt vọng, như thể sự chế giễu về sự tra tấn đã nhân lên giữa những con người dưới tiếng cười khét tiếng của Satan. Đây đều là những cây thánh giá cần phải trừ tà và biến đổi chỉ thông qua việc tiếp xúc với Thánh giá, vì con người không thể bị treo cổ trên bất kỳ giá treo cổ nào khác ngoài giá treo cổ của Chúa.

Qua việc suy niệm liên tục về Cuộc Khổ Nạn, tất cả họ đều có một sự gắn bó sâu sắc với con người Chúa Giêsu. Họ không đợi đến năm 1925 hay Phong trào Hành động Công giáo để biết rằng với Ngài, người ta phải trò chuyện như «một người bạn với người bạn của mình.» Về phần mình, vị cha xứ nhỏ bé của Ars đã đi trước chín mươi năm so với vị giáo hoàng thánh thiện và lỗi lạc, người đã phong chân phước cho cha, Piô X, khi cha tuyên bố : «Chúa Giêsu Kitô thích đến trong trái tim chúng ta biết bao... Một khi Người đã ở đó, Người sẽ không muốn rời xa, Người không thể tách rời khỏi chúng ta trong suốt cuộc đời hay sau khi chúng ta chết». Những so sánh táo bạo không làm cha sợ : ở người Kitô hữu, tình yêu dành cho Chúa không được

yếu hơn so với tình yêu của một người đàn ông hưởng lạc dành cho người mà họ yêu. «Anh chẳng rời xa tình yêu Chúa như hơi thở của anh ta, cha Vianney bình luận trong một lời thú nhận phơi bày tình cảm của chính mình rằng cha nghĩ về điều đó quá nhiều, rằng cơ thể cha thường quá mệt mỏi đến nỗi cha lâm bệnh». Làm sao chúng ta không thể nghe thấy tiếng vọng của sự tự tin này tiếng kêu nồng nhiệt của Thánh Augustinô: «Chết vì không chết ?» Than ôi ! Lòng chúng ta vẫn cứng cỏi biết bao ! Trước một Thiên Chúa tốt lành như vậy : «Ôi ! những kẻ bất hạnh, chúng ta đang làm gì vậy!» Chúng ta không chỉ bỏ rơi Người đến chỉ để «cứu chúng ta» trong sự cô độc bên trong của Golgotha, mà chúng ta còn «đánh đòn Người» bằng sự phản bội của chúng ta, chúng ta giết Người từng phút từng giây. Đây là một tội ác lớn hơn gấp ngàn lần so với tội ác của người Do Thái, vì chúng ta đã chịu phép rửa tội. Đây là trường hợp chúng ta làm với Chúa chúng ta «rất dịu dàng», đây cũng là trường hợp chúng ta làm với «linh hồn tội nghiệp» của chúng ta, linh hồn mà «Chúa Giêsu Kitô đã phải trả giá». «Chúa Giêsu Kitô phải trả giá quá đắt», thánh Gioan-Marie Vianney sẽ nhắc lại suốt đời mình với sự kinh ngạc.

Trong hỏa ngục, những kẻ hư hỏng mà chúng ta có nguy cơ trở thành sẽ không có bằng chứng nào khác

ngoài điều này : Chúa đã chết vô ích vì họ. Ở đây, cha Vianney đã mạnh mẽ chép lại một đoạn văn khải huyền theo phong cách thời trung cổ của một người tên là Joly: «Đời đời, người ta sẽ thấy những người Kitô hữu bị nguyên rửa này, người ta sẽ thấy họ đáp lại qua miệng họ tất cả những ân sủng mà họ đã nhận được và khinh miệt trong suốt cuộc đời của họ. Than ôi ! anh em của tôi, người ta sẽ thấy chảy ra từ những trái tim phạm thượng này những dòng máu thiêng liêng mà họ đã nhận được và đã xúc phạm một cách khủng khiếp... Họ sẽ thấy Chúa Giêsu Kitô... Họ sẽ tin rằng họ nghe thấy Người bị đóng đinh trên thập tự giá, cầu xin lòng thương xót cho họ». Họ sẽ không còn tìm cách tự tha thứ nữa. «Vâng, anh em của tôi, một Kitô hữu sẽ tự nhủ đến muôn đời : ai đã ném tôi vào địa ngục ? Có phải là Chúa không ?Ồ không, không. Đó không phải là Chúa Giêsu Kitô : ngược lại, Người thực sự muốn cứu tôi. Đây có phải là con quỷ không ?Ồ không, không, tôi không thể tuân lệnh hắn như nhiều người khác đã làm. Đây có phải là khuynh hướng của tôi không ? À ! không, không, đó không phải là khuynh hướng của tôi : Chúa Giêsu Kitô đã ban cho tôi quyền thống trị chúng, tôi có thể thuần hóa chúng bằng ân điển của Chúa, điều đó sẽ không bao giờ làm tôi thất vọng. Vậy thì sự mất mát và bất hạnh của tôi có thể đến từ đâu ? Than ôi, tất

cả những điều này chỉ đến từ chính tôi... Đúng vậy, từ chính tôi.»

Làm sao chúng ta có thể không nhận ra những dấu vết đáng ghê tởm của sự ghê tởm này đối với Thiên Chúa giữa chúng ta ? Người Kitô hữu, làng của chúng ta ? Thay vào đó, chúng ta tự hỏi liệu mọi người có «thực sự tin» không. Trong số những người nghe tại Ars, dưới chân bục giảng, luôn có một người nông dân khỏe mạnh, tự tin và không lo lắng về tội lỗi của mình. Ông lý luận bằng những câu chuyện cười và chế giễu vị linh mục nhỏ bé của mình nhân danh lễ thường. Phản ứng của ông phải rõ ràng đến mức nhà thuyết giáo buộc phải ngắt lời mình và dành chỗ cho họ : «Điều đó, bạn sẽ nói với tôi, hơi mạnh mẽ !... Và tại sao ? bạn sẽ nói với tôi.... Sáu tháng trước, một năm hay lâu hơn bạn đã sống trong tội lỗi, bạn có cảm thấy bình an không? - Vâng, bạn có thể nói... Bạn muốn điều gì xảy ra với chúng ta ? ... Mọi thứ đều có thời gian... Nhưng, bạn sẽ nói, tôi không gây hại nhiều hơn bất kỳ ai khác... ... Nhưng, bạn sẽ nói, đó không phải việc của các anh, chúng tôi không tiêu tiền của các anh, chúng tôi không nợ các anh bất cứ gì». Thỉnh thoảng, sau một cái nháy mắt tinh quái với những người xung quanh, người tín hữu già cứng đầu giả vờ thờ dài thành kính : «Xét theo cách cư xử của hầu hết mọi người, tôi tin rằng rất ít

người sẽ được cứu rồi.» Lời phản đối ngay lập tức bị bác bỏ một cách gay gắt. Vì vậy, người đàn ông trả lời : «Nếu tôi bị kết án, tôi sẽ không phải là người duy nhất,»

Chính vì những con người chai đá này mà các nhà thuyết giáo đã mô tả một cách mạnh mẽ về tình trạng khốn khổ của thế giới tội lỗi này. Sự tồn tại khó khăn và cụ thể của các giáo xứ xưa mà chúng ta có xu hướng lý tưởng hóa được trình bày trước mắt chúng ta thông qua các văn bản này như thể một bản ghi chép kỳ diệu đã được lưu giữ cho chúng ta trong hai trăm năm. Hình ảnh đầu tiên được gắn trên tường nhà chúng ta và bắt đầu làm nó rung chuyển trong linh cảm về Ngày Phán xét Cuối cùng, sẽ làm rung chuyển cả nền móng của trái đất, gợi lên không gì hơn hay ít hơn là đời sống cầu nguyện. Chúng ta phải xem xét, bất chấp những lời khuyên đã nhận được, mọi người vẫn chuẩn bị cho thánh lễ Chúa Nhật và họ đến đó bằng cách nào. Vừa mới thức dậy, con người, như những ngày bình thường, «nghĩ đến chợ búa hoặc việc bán hàng của mình», các cô gái nghĩ đến cách họ sẽ ăn mặc, các chàng trai nghĩ đến những cuộc phiêu lưu phù phiếm «và những thứ còn lại» ; «các bà mẹ chỉ bận tâm đến việc nhà và con cái của họ». «Không ai dám phủ nhận điều này». Thật đáng để cảnh báo họ nhiều như vậy : «Than ôi ! không một suy nghĩ nào về hạnh phúc mà họ sắp có, không

một suy nghĩ nào về nhu cầu của tâm hồn tội nghiệp của họ, cũng như nhu cầu của con cái và người hầu của họ.» Họ đến nhà thờ «muộn nhất có thể». Một số người ở lại ngưỡng cửa để tiêu khiển. Khi vào, họ sẽ lấy nước thánh «như lấy một chậu nước để rửa tay sau khi làm việc.» «Lạy Chúa, vị linh mục tội nghiệp rên rỉ, đây có phải là những người Kitô hữu mà vì họ Chúa đã phải chịu nhiều đau khổ để làm cho họ được hạnh phúc không?» «Tôi sẽ không nói, cha nói thêm, về những người vội vã đi dự thánh lễ ở một giáo xứ nơi họ có việc, cũng không nói về những người đến đó nửa thời gian, nhưng trong thời gian này lại đi tìm hàng xóm để uống một chai.»

Bài giảng mang đến cho người thuyết giáo cơ hội tiết lộ những điều đẹp đẽ nhưng cũng đầy đau buồn về người nghe. «Bạn thấy họ... quay đầu từ bên này sang bên kia, hỏi hàng xóm của họ mấy giờ rồi ; những người khác ngáp và đuổi người ra, lật các trang sách của họ như thể để kiểm tra xem người bán sách có mắc lỗi nào không ; những người khác, bạn thấy họ ngủ như thể đang nằm trên một chiếc giường tốt... Và cuối cùng là những người mà lời Chúa, đã cải đạo rất nhiều tội nhân, khiến họ buồn nôn : họ buộc phải ra ngoài, họ nói, để hít thở chút không khí». Đây có lẽ là nhận xét quyết định, nhận xét mà Bonnardel, Billot già, *Giáo lý của*

các dân tộc và vị thánh của chúng ta cùng nhau trong cùng một khoảnh khắc đau đớn : «Bạn thấy họ buồn rầu trong các buổi lễ. Ngay khi họ quỳ xuống đất, họ thấy rằng việc cúi đầu một chút trong lúc truyền phép hoặc ban phước là điều rất quan trọng. Nhưng khi buổi lễ kết thúc, và thường thì linh mục vẫn chưa xuống khỏi bàn thờ, họ kéo chạy ra cửa như những người được giải thoát khỏi tù. Sau đó, bạn sẽ thấy niềm vui mà họ đã mất trong các buổi lễ». Hãy đi và nói với họ về chỉ dẫn : «À ! Họ sẽ trả lời, cha la hết đủ rồi... Cha làm chúng tôi chán ngấy rồi... Đó là lý do khiến mọi người không muốn đến các buổi lễ : vì nó quá dài.» Tóm lại, các vị chủ chăn kết luận, «hầu hết mọi người chỉ nghe Thánh lễ như những người Pharisêu, như những tên trộm xấu xa, như những tên Giuđa.»

Chúng ta hãy bắt ngờ đến một trang trại, và chúng ta sẽ thấy rằng, bất chấp chỉ định bắt buộc, việc tuân thủ ngày nghỉ Chủ Nhật lại bốc mùi gian lận : giáo dân không chỉ cho phép mình «khâu vá vài mũi» hoặc «sắp xếp việc nhà» mà còn «gửi những người chần chừ ra đồng trong giờ hành lễ, với lý do là họ không có nhiều tiền để cho đàn gia súc của mình... Một người đàn ông sẽ sắp xếp dụng cụ, xe đẩy cho ngày hôm sau, anh ta sẽ đi thăm ruộng đất của mình, anh ta sẽ bịt một cái lỗ, anh ta sẽ cắt một số sợi dây thừng, anh ta sẽ mang những

luồng cây và sắp xếp chúng».

Từ đó trở đi, chúng ta có thể hình dung được sự thánh hóa của các ngày trong tuần sẽ như thế nào. «Họ nói rằng họ không có thời gian để cầu nguyện... chúng ta thấy họ thức dậy và đi ngủ như loài vật.» Sự tôn trọng con người làm họ tê liệt mà không có lý do gì : vào giờ kinh *Benedicite*, nếu họ thấy mình ở giữa hai hoặc ba người, «họ không còn tay nữa» hoặc «họ không còn biết làm dấu thánh giá nữa». Còn về việc đọc *kinh Truyền Tin*, «nếu theo thói quen cũ, nếu bạn chứng kiến, bạn sẽ đau lòng : phụ nữ làm điều đó trong khi làm việc, hét vào mặt con cái hoặc người hầu, đàn ông làm điều đó trong khi xoay mũ hoặc mũ trùm đầu trong tay, như thể để kiểm tra xem chúng có lỗ thủng không. Họ nghĩ về Chúa nhiều như thể họ thực sự tin rằng không có Chúa vậy.»

Làm sao chúng ta có thể mong đợi các gia đình sẽ hạnh phúc sau chuyện này ? Có bao nhiêu cuộc hôn nhân «dày đặc», kết thúc bằng tội lỗi. Những vị hôn phu đã gặp nhau hàng giờ, cả ngày lẫn đêm, «mà không có sự hiện diện của cha mẹ họ» ; «một cô gái trẻ khao khát một chàng trai trẻ không có gì hơn một con thú dơ bẩn.» Khi nói đến việc xưng tội với họ cho ngày trọng đại và ban Bí tích Thánh Thể cho họ, họ phải có những

thái độ như vậy khiến cho một linh mục phải chịu những bí tích này một cách bất hạnh. Đám cưới của họ thường mang tính phạm thánh. Điều này không ngăn cản họ vui chơi và tụ tập bạn bè cho lễ kỷ niệm buồn này : «Những người có phương tiện chi tiêu mời nhiều hơn và những người có ít mời ít hơn, nhưng luôn bằng số tiền họ có. Có một số người có lẽ sẽ mất linh hồn, mắc nợ vì dành ba phần tư đêm, không kể ngày, trong các quán rượu đắm chìm trong đủ loại sự xa hoa, - một số người trong số họ lang thang trên đường và thậm chí có thể là cả vợ». Đủ rồi, vị linh mục tốt bụng nói, «chúng ta không đi sâu vào chi tiết về những điều kinh hoàng xảy ra trong hôn nhân, tất cả những điều đó sẽ khiến người ta chết vì kinh hoàng. Chúng ta hãy vén bức màn che mà chỉ thực sự được vén lên vào ngày báo thù vĩ đại, khi chúng ta sẽ thấy tất cả những điều đồi bại này mà không sợ làm hoen ố trí tưởng tượng của mình.»

Trong nhà máy của Satan, chuỗi tội lỗi và bất hạnh tiến triển với tốc độ nhanh chóng ; ở mỗi giai đoạn, nỗi đau khổ của chúng ta lại tăng thêm một bậc. Nỗi bất hạnh thốt lên tiếng khóc kék, vừa đói vừa tham ăn: «Có bao nhiêu người phụ nữ tội nghiệp buộc phải dành cả cuộc đời cho những người chồng tức giận vì những chuyện nhỏ nhặt nhất, luôn theo đuổi họ, cãi vã và thậm chí thường xuyên ngược đãi họ». Ký hiệu số ít : «Họ

không thể nhìn thấy họ ăn». Trong khi đó, những người chồng «ăn mọi thứ họ có trong quán rượu.» «Ăn» được lặp lại ở đây trong nhiều thư từ của cha, thay vì gọi ra một lối chơi chữ, lại mở ra một loại thơ đen. Đây là hình ảnh quen thuộc của cha Vianney ; cha thường nhấn mạnh rằng kẻ ác sẽ bị Satan «nuốt chửng» : thực tế, chúng ta đang mở đầu cho những tình cảm thù hận của ma quỷ. «Những gì tôi nói về chồng, tôi cũng nói một phần về vợ. Có bao nhiêu ông chồng có những bà vợ không bao giờ nói một lời tử tế với họ, coi thường họ, bỏ bê mọi thứ trong ngôi nhà, chỉ cãi nhau từ sáng đến tối ?» Kết luận : «Bạn sẽ đồng ý với tôi rằng để chịu đựng tất cả những điều này mà không phàn nàn, theo cách xứng đáng được lên thiên đàng, đòi hỏi ân sủng phi thường.» Nhưng làm sao chúng ta có thể mong đợi những con người vô danh như vậy nhận ra điều đó trong bí tích hôn nhân của họ và chào đón nó ?

Những ngôi nhà như vậy không thể được gọi là nhà của Chúa. Đạo đức ở khắp mọi nơi đang trở nên vô nhân đạo. Một số bà mẹ «có thể chứng kiến mà không đau đớn, thậm chí còn vui mừng, những đứa con tội nghiệp của mình chết trước khi sinh ra chúng - và được ban cho ân sủng của phép rửa tội. Những người ngoại đạo sẽ không làm gì hơn... Có nên lấy ví dụ cho bạn những con chim nhỏ và những con vật hung dữ nhất

không ?» Nhưng «chúng ta hãy đi vào chi tiết liên quan đến nhiều người hơn.» Sau đó là những lời khuyên răn cấp bách. Một lần nữa, việc từ bỏ tình dục bị kỳ thị rộng rãi. Vị chủ chăn giáo xứ, đang khẩn trương nghĩ đến những cậu bé trong lớp giáo lý, đã quyết định nói với các gia đình những việc họ làm và không né tránh từ đúng mực giữa nhà thờ. «Tôi nói cha mẹ rất có lỗi khi vuốt ve trẻ em theo cách không đúng mực. - Nhưng, bạn sẽ nói với tôi, chúng tôi không gây hại gì, đó là vuốt ve chúng. - Và tôi sẽ nói với bạn rằng bạn đang xúc phạm Chúa và mang đến lời nguyên cho những đứa trẻ tội nghiệp này. Bạn có biết điều này dẫn đến hậu quả gì không ? Đây này. Có những đứa trẻ đã có thói quen này từ cha mẹ chúng và chúng đã giữ thói quen đó cho đến khi rước lễ lần đầu. Nhưng, Chúa ơi, chúng ta có thực sự có thể tin điều này từ cha mẹ Kitô hữu không?» Còn một điều nữa. «Tôi nói rằng bạn phải để mắt đến con cái mình khi bạn gửi chúng ra đồng... Nếu tôi dám, tôi sẽ nói với bạn rằng chúng phạm phải đủ mọi loại gian dối... Tôi biết rất rõ rằng hầu hết chúng không biết tác hại mà chúng gây ra, nhưng hãy đợi cho đến khi chúng có kiến thức... Bạn có biết sự bất cẩn hoặc thiếu hiểu biết của bạn sẽ gây ra hậu quả gì không ? Đây nhé : hãy nhớ thật kỹ. Một số lớn trẻ em mà bạn gửi ra đồng phạm tội phạm thánh trong lần rước lễ đầu tiên, chúng

đã mắc phải những thói quen đáng xấu hổ, hoặc chúng không dám nói ra, hoặc chúng không được sửa dạy. Khi đó, nếu một linh mục không muốn bị kết án mà từ chối, người ta sẽ khiển trách cha : đó là vì con của tôi... Nào, những kẻ khốn khổ, hãy trông chừng con cái của các người cẩn thận hơn một chút và chúng sẽ không bị từ chối.» Bản thân những ngôi nhà được bảo vệ kém. «Bạn không được để người hầu và con gái mình ngủ trong những căn phòng mà người hầu đến để lấy củ cải và khoai tây vào buổi sáng. Phải nói rằng, trước sự xấu hổ của những người cha, người mẹ, chủ nhân, những đứa trẻ nghèo, những người hầu sẽ phải xấu hổ khi phải đứng dậy, phải mặc quần áo trước mặt những người không có tôn giáo nào hơn là nếu họ chưa từng nghe đến Chúa thật. Thông thường, giường của những đứa trẻ tội nghiệp này sẽ không có rèm. - Nhưng, bạn sẽ nói, nếu chúng ta phải làm mọi thứ cha bảo, sẽ có rất nhiều việc phải làm. - Bạn tôi ơi, đây là công việc bạn phải làm và nếu bạn không làm, bạn sẽ bị phán xét và bị trừng phạt : thế thôi».

Những đứa trẻ đã lớn lên, chúng đã trải qua tuổi vị thành niên, chúng sắp bước vào thế giới những người đàn ông. Khuôn mặt người lớn đầu tiên xuất hiện trước mắt chúng là khuôn mặt của cha mẹ chúng. Cha xứ Ars, cùng với các anh em linh mục mình, đã ghi lại cử chỉ

mà một số bà mẹ thực hiện khi đột ngột xé tấm khăn che trán trước mặt những người con gái lớn tuổi hơn của họ, tấm khăn mà những bức chân dung trắng lợt của Trường phái Hà Lan đã để lại cho chúng ta hình ảnh quen thuộc. Gần một cửa sổ, nơi mà ánh sáng le lói đang buộc tội bóng tối, bà chủ nhà đột nhiên ngẩng chiếc cằm cứng đờ của mình lên, bà ngẩng khuôn mặt nhợt nhạt của mình lên ; phía trên túi mắt mới hình thành, không thể thu nhỏ và kiêu ngạo, bùng cháy với sức sống tươi trẻ tái sinh, xuyên thấu ánh nhìn. Cuộc phiêu lưu tình yêu đầy bấp bênh và quyết định sẽ lại bắt đầu trước mắt bà với sinh linh mới này, đứa con của bà, đứa trẻ thậm chí còn không hề biết đến điều đó. «Một người mẹ bắt đầu nói với con gái mình rằng người này đã kết hôn với người kia, rằng cô ấy đã tìm được một người phù hợp, rằng cô ấy cũng sẽ có được hạnh phúc như vậy.» Người cha, được cảnh báo, đã đến giải cứu: «Nếu con tử tế hoặc nếu con làm tốt việc này, cha sẽ cho con đi hội chợ Montmerle hoặc hội chờ thời trang». «Điều đáng buồn nhất là có những đứa trẻ không được chuẩn bị để ra ngoài, cha mẹ chúng cầu xin chúng, yêu cầu chúng, nói rằng : con luôn ở đó, con sẽ không thể lập gia đình». Họ hiếm khi cố gắng vô ích. «Bà muốn con gái mình làm quen ? Đừng lo lắng quá nhiều, con bé sẽ làm quen mà không cần mẹ phải lo lắng quá nhiều. Đợi thêm một

chút nữa, và mẹ sẽ thấy rằng con bé đã làm quen».

Một ngôi làng bị những cơn sốt như vậy, bao gồm những ngôi nhà tối tăm giữa ban ngày - bất kể họ muốn gì - «địa ngục bắt đầu từ thế gian này», đó là một cộng đồng những kẻ tội lỗi, cứng đầu như những con la của họ và khôn khố. Người ta nghe thấy những đứa trẻ chửi thề chống lại Chúa, những đứa hầu như «không biết Kinh Lạy Cha» ; chỉ riêng họ đã đủ «mang lại đủ mọi loại lời nguyền cho một giáo xứ». Chẳng vì lý do gì mà người ta lại hiến thân cho quỷ dữ : «Vợ khôn nạn... Chồng khôn nạn... Con cái thói tha...» ; trong cơn giận dữ, họ nguyện rửa gia súc mình : «Những con thú khôn nạn», và thậm chí cả công cụ của họ : «xẻng đáng nguyện rửa, lưỡi câu chết tiệt, cái cày chết tiệt, và những thứ còn lại.» Họ thốt ra lời điên rồ tột cùng : «Nếu tôi tin vào lòng dũng cảm của mình, tôi sẽ tự bắn mình hoặc nhảy xuống nước.» Đủ để khiến tóc bạn dựng đứng.

Lời nguyền của những từ ngữ - báng bổ, dối trá, đáng ghét, nhưng không bao giờ mất đi - giáng xuống thôn xóm nhỏ này. Ngay cả trong nghề buôn bán, vẫn có những người không biết cách bán một món hàng nhỏ nhất mà không cầu Chúa chứng giám, «như thể lời thề của họ làm cho hàng hóa tốt hơn». Mọi người ăn cắp của nhau mà không hề do dự, theo thói quen và diễn ra

hàng ngày. «Than ôi ! Bạn tôi ơi, nếu tôi dám thì tôi sẽ nói cho bạn biết... điều mà hầu hết các bạn đều làm. Có bao nhiêu người khi cày, cắt cỏ, thu hoạch, vượt quá giới hạn?... Đôi khi là một bó cỏ khô, đôi khi là một ôm cỏ khô hoặc một bó lúa mì.» Những kẻ lười biếng vô liêm sỉ «ăn bánh của người nghèo». «Lạy Chúa, cái chết sẽ vạch trần những tên trộm đó ! Tốt ! Những người nào trả lại ? Tôi không biết.» Trong môi trường này, sự đố kỵ không chỉ chia rẽ hàng xóm, mà còn chia rẽ anh chị em, vợ chồng. «Người nghèo trên lưỡi như hạt lúa mì dưới cối xay.» Những nhà buôn, vì muốn «có tất cả các tập tục», nên vui vẻ nói xấu nhau. Ngay cả người lao động, thậm chí là người nghèo nhất, cũng gây hại lẫn nhau. Nếu chúng ta xung tội, chúng ta mang theo thói quen đáng ghét này. Ngay cả khi chúng ta nói về người chết, chúng ta đang «tái phạm tội lỗi của họ». Ngược lại, sự im lặng lại trở thành công cụ của lòng thù hận. Giữa những kẻ thối nát và những kẻ có tội, không có sự tha thứ. Sự trả thù đang diễn ra. Dòng chảy ô uế tự nhiên kết thúc ở quán rượu, nơi mọi người đều đóng vai «kẻ vô lại» của mình : «Chúa ơi, tình trạng một kẻ say rượu thật đáng thương !» Ở đó, chìm đắm trong những bài hát tẻ nhạt, những câu chuyện tàn nhẫn, những trò đùa vô giá trị và những cử chỉ khiếm nhã, kết thúc, «tại bàn của Satan», ngày của những con người tội nghiệp

này, được sinh ra để cầu nguyện.

Cảnh quan tâm linh hoang vắng này không thuộc về ngôi làng Ars và không hề phản ánh tình hình tôn giáo trong giai đoạn 1820 - 1830 : trong nhiều thập kỷ, các linh mục đã coi cái ác là điều bình thường đến mức lên án nó ngay trên bục giảng. Lời nhắc nhở của họ - về trật tự Kitô giáo - rõ ràng không loại trừ khả năng vùng nông thôn của chúng ta có những tín đồ nghiêm túc và thậm chí là các vị thánh. Tuy nhiên, chúng ta không có lý do gì để tin rằng những vị chủ chăn mà chúng ta nghe lại thiếu sự thật trong lời mô tả của họ. Mặc dù hầu hết đều ám chỉ đến sự mâu thuẫn và mất uy tín mà một số người trong đàn muốn tấn công những vị chủ chăn, nhưng nhìn chung, có vẻ như họ không phẫn nộ trước lòng nhiệt thành đang tìm cách cứu họ một cách cấp bách : «Hãy thức dậy, hỡi những kẻ khốn khổ!» Bonnardel hét lên sau Chevassu. Từ đó trở đi, một câu hỏi, luôn là câu hỏi cần được giải đáp trực tiếp, nảy sinh : tại sao một số giáo dân của cha Vianney, thậm chí một anh em linh mục, lại chỉ trích cha một cách gay gắt về thái độ cha ? Cuộc cãi vã đau đớn như vậy có thể đến từ đâu ?

Chúng ta phải tạo chỗ cho sự độc ác của con người. Tuy nhiên, nếu chúng ta xem xét kỹ lưỡng các bài giảng của vị linh mục trẻ tuổi xứ Ars trong mười năm đầu làm chủ chăn, cho đến tận ngày nay, các bài giảng vẫn khiến

chúng ta ngạc nhiên với nhiều nét đặc trưng khác nhau hoặc, thành thật mà nói, với một số điểm yếu. Cảm tạ Chúa, thông điệp của cha vào thời điểm đó không chỉ giới hạn ở khía cạnh này. Tuy nhiên, sự không nhất quán như vậy lại bộc lộ những xu hướng đáng ngờ về tính cách của cha và, dù muốn hay không, đã làm sáng tỏ những khó khăn trong chức vụ của cha vào những ngày đầu.

Một phụ nữ Kitô hữu chịu ảnh hưởng của cha Vianney cũng như bà de Belvey nhận ra rằng cha đã rao giảng «những sự thật khủng khiếp». Lời chứng như vậy có giá trị hơn lời chứng khác, đáng ngờ theo nhiều cách, từ cha già Drémieux, khi tuyên bố rằng cha luôn nói «về địa ngục.» Không ai trong chúng ta có thể trách cha xứ Ars vì đã minh họa một cách đầy màu sắc cho lời tiên tri nổi tiếng trong Phúc âm về Vua Vinh quang, tuyên bố với những kẻ vô đạo : «Hãy đi, những kẻ bị nguyên rủa, tránh xa Ta, vào ngọn lửa vĩnh cửu đã được chuẩn bị cho quý dữ và các thiên thần của nó». Ngược lại, chúng ta cảm thấy hơi lo lắng khi cha tiết lộ cho chúng ta quyết tâm đã được xác lập của cha là «làm sợ» : động từ được chia theo mọi trạng thái và thì. Khi công bố một chỉ thị sắp tới, cha thậm chí còn tâm sự với những người nhỏ bé của mình : «Ta sẽ cố gắng miêu tả cho các con với sự kinh hoàng hơn nữa, v.v.» Cha không coi thường

việc biện minh cho mình bằng những thuật ngữ này : «Nếu bạn giận vì đã xúc phạm đến Chúa, liệu linh mục của Chúa có cần phải liên tục bận tâm đến việc miêu tả hình phạt mà Chúa dành cho tội lỗi để khiến bạn cảm thấy kinh hoàng về điều đó không ?» Nhưng chính xác, đối với đoạn văn này, nguồn của cha là cha Réguis và với hai biến thể, cha chỉ sao chép lại: bằng cách dùng đến nỗi sợ hãi, cha Vianney phần lớn đã đầu hàng trước cám dỗ tôn giáo của thời đại mình. Tuy nhiên, quan sát này vẫn chưa đủ : thực tế, chúng ta đang tìm kiếm điểm khác biệt giữa cha với các mô hình của cha trong lời nói của cha. Một khi tinh thần của thời đại được thừa nhận, thì vị thánh của chúng ta đã tự mình thúc đẩy việc thể hiện và bóp méo nó. Thế còn cái gì ? Bao xa ? Để làm gì ? Đây là điều chúng ta cần hiểu.

Cha xứ Ars chắc chắn bị ám ảnh bởi sự thiếu hiểu biết thần học của mình. Rằng cha cũng cảm thấy vô cùng ngưỡng mộ sức mạnh và sự tinh tế của các bậc thầy, đặc biệt là các nhà đạo đức, thậm chí khi cha hiểu họ một cách khó khăn, cha đã giải thích khá rõ ràng và tôn trọng họ trong mọi khía cạnh. Thỉnh thoảng, cha thể hiện niềm vui ngây thơ khi truyền đạt cho những người trung thành tiếng vọng về những gì cha đã học được: chúng ta thấy người mới bắt đầu, rất tự hào về hành trang nhỏ bé của mình mà đôi khi cha mở hành

lý ra mà không có lý do, hơi nhanh hoặc quá mức cần thiết. Thỉnh thoảng, khi bị cuốn vào một mục tiêu lý thuyết, cha mất đi sự bình tĩnh và từ bỏ lý lẽ thường tình: sau đó cha rơi vào một trạng thái kỳ dị mà những giáo dân trưởng thành thường không quên nhanh như vậy, dù chỉ để mỉm cười về điều đó. Lời khuyên của cha dành cho phụ nữ mang thai là một ví dụ kín đáo. Cha đã được dạy, và nhận thấy trong Billot và Bonnardel, rằng ở trạng thái này, họ phải cẩn thận tránh bất cứ điều gì có thể gây ra tình trạng sinh non, chẳng hạn như «mang vác nặng, giơ tay, dùng thuốc khiến trẻ mệt mỏi và thậm chí tức giận», cha giải thích với chúng ta điều này «có thể khiến trẻ ngạt thở.» «Tội ác» cuối cùng này làm cha say mê hơn tất cả những tội ác khác, và cha ở đây, kêu lên bất chấp mọi bằng chứng, về những nạn nhân nhỏ bé : «Số lượng những đứa trẻ tội nghiệp này lớn đến mức nào !» Qua nhận xét này, cha không còn là một linh mục thông thái đối với nông dân nữa, mà là một chủng sinh vô giáo dục.

Luôn luôn, dưới cùng một nỗi ám ảnh, sự thiếu hụt đào tạo tôn giáo cho các tín đồ của mình khiến cha choáng ngợp. Về cơ bản, cha đứng hàng nghìn lần. Để khuyến khích họ tự giáo dục bản thân, cha nhắc nhở họ rằng có những tội lỗi phạm phải vì thiếu hiểu biết sẽ dẫn đến sự nguyên rủa. Đây là học thuyết truyền

thống, với điều kiện là phải nêu rõ rằng người phạm tội phải chịu trách nhiệm cho sự thiếu văn hóa này. Cha Vianney thích mượn phiên bản của Billot, người theo chủ nghĩa nghiêm khắc : xét cho cùng, đó là quyền của cha. Nhưng cha ta phóng đại các luận đề : thậm chí không nhận ra điều đó, thông qua khuynh hướng cực đoan, cha đã giản lược sự ngu dốt đáng trách và sự ngu dốt không thể tránh khỏi thành một, cái đầu tiên trong số chúng. Kết quả là công thức này của cha, vừa đồ sộ vừa không chính xác : «Một người thiếu hiểu biết không biết mình gây ra tác hại gì khi phạm tội hoặc mất đi điều tốt lành, nên người thiếu hiểu biết là người hư mất». Trong khi Bonnardel giải thích nơi khác, cân nhắc lời nói của mình : «Những người chưa xưng một số tội lỗi mà, vì thiếu hiểu biết, họ không tin là tội trọng...», với bàn tay nhanh nhẹn, cha đã chép lại một cách ngắn gọn đáng kể : «Những người chưa xưng một số tội trọng...» Chắc chắn, cha không sai khi chứng thực và những lời này thật đẹp : «Chúng ta khó có thể lên thiên đàng nếu không được hướng dẫn cũng như không được rửa tội», - nhưng cha không đưa ra sự chính xác, cha không giữ lại bối cảnh nào. Ngược lại, cha khiến những yêu cầu chính đáng của Giáo hội trở nên không thể nhận ra trong cuộc kiểm tra nghiêm ngặt mà cha thực hiện cho giáo xứ của mình, nhân dịp bài giảng về hôn nhân. Cha,

người rất khiêm tốn và hay giúp đỡ, người ta nghĩ rằng cha lạm dụng sức mạnh của mình đối với những người nghèo khổ, không có khả năng tự vệ, nhưng ngay cả ở đây cha vẫn nên cẩn thận, bởi vì cách diễn đạt của cha không phải lúc nào cũng chắc chắn. Nếu cha nói với các tín đồ của mình rằng, các người là những kẻ ngu dốt - thì tại sao những từ ngữ nghiêm khắc này lại không khiến họ sợ hãi ? - rằng «Chúa Giêsu sinh ra là con người chứ không phải là Thiên Chúa», rằng «Thiên Chúa (sic) chịu đau khổ và chết như con người chứ không phải như Thiên Chúa», rằng «sự khác biệt giữa Bí tích Thánh Thể và các bí tích khác nằm ở chỗ trong đó chúng ta lãnh nhận Mình và Máu đáng tôn thờ của Chúa Giêsu Kitô, trong khi chúng chỉ áp dụng cho chúng ta công trạng của Máu quý báu của Người», điều này không phức tạp : «Bạn có thể tin rằng tất cả các bí tích mà bạn đã lãnh nhận đều ít nhiều phạm thánh. Bạn phải có khả năng giải thích được nội dung của điều cụ thể.» Chúng ta đang phải đối mặt với một hệ thống, nếu có thể nói như vậy, của giáo lý cứu rỗi, chứ không còn là một học thuyết đầy lòng thương xót - và được giáo quyền xây dựng qua nhiều thế kỷ - về Chân lý cần thiết.

Qua những văn bản lộn xộn này, chúng ta gần như mỗi lần đều chạm vào câu hỏi hóc búa về tội trọng. Chúa biết nếu, nhìn chung, cha Vianney luôn chú trọng

đến tính thực tế và cụ thể : cha cố gắng cung cấp cho những người lắng nghe cha ít nhất những điểm tham chiếu phù hợp. «Bạn có muốn biết mình có đang phạm tội không ? Bạn có sở hữu đức tính này không...? Bạn có muốn biết một sự thật rất rõ ràng không?... Rất dễ dàng». Nơi đây, chủ đề gây lo ngại nhất cũng chính là sự hỗn loạn lớn nhất. Chắc chắn, cha sở Ars có lý khi nhắc nhở không chỉ với những người tiền nhiệm trực tiếp của mình, mà còn với toàn thể Giáo hội, rằng chỉ một tội trọng cũng có thể khiến chúng ta mất đi mãi mãi. Nhưng tại sao cha lại sửa sai những quan điểm đã nhận được ? Dựa vào quyền gì mà cha lại áp dụng cùng hình phạt cho những lỗi lầm nhỏ hơn như cho những lỗi lầm nghiêm trọng nhất ? Một linh mục, bằng những lời như vậy, sẽ làm giáo xứ của mình đi sai đường. Chúng tôi đã ghi nhận trong sách ít nhất mười một đoạn văn mà nguồn của cha gọi lên hậu quả thảm khốc của tội lỗi chết người và cha duy trì mối đe dọa bằng cách bỏ đi tính từ khủng khiếp, bằng cách nói một cách thuần túy và đơn giản về tội lỗi. Và đây không phải là lỗi của một hoặc hai bài giảng : nó được lặp lại trong nhiều bài giảng khác nhau, chắc chắn là cách nhau nhiều năm.

Không thể phản đối rằng trong các tác phẩm mà cha sao chép, cách diễn đạt có phần mơ hồ. Dưới đây là những văn bản gốc mà cha đã cắt xén : «Tôi không ở

trong tình trạng tội trọng sao ?... Kẻ phạm tội trọng... Một điều như vậy là tội trọng... Nỗi kinh hoàng của tội trọng... Tội trọng đóng cửa thiên đường với chúng ta... Theo một giáo lý, cần phải xưng tất cả các tội trọng của chúng ta... Tội trọng khiến chúng ta mất thiên đường... Mỗi lần chúng ta phạm tội trọng... Một tội trọng duy nhất... Trong tình trạng tội trọng... Kẻ cố tình che giấu một số tội trọng...» Trong những trích dẫn này, trích dẫn nào có sự mơ hồ nhỏ nhất ? Độ chính xác là điều cần thiết ở mọi nơi. Từ đó trở đi, do lỗi lầm nào mà cha, người mà chúng ta hết lòng coi là một vị thánh, đã cho phép mình sửa đổi hoặc bỏ bê giáo lý chung và làm cứng rắn công lý của Thiên Chúa đến mức bất công ?

Đến thời điểm này trong cuộc gặp gỡ với Jean-Marie Vianney, có vẻ như không thể tiếp tục mà không ghé thăm người thầy cũ của cha, cha Balley, và theo một cách nào đó, không đặt mình dưới sự bảo vệ đáng kính của cha. Cha Balley yêu thương người con thiêng liêng của mình rất nhiều và ngài rất sáng suốt đến nỗi khi vắng ngài, người ta không thể tiến xa hơn trong kiến thức kín đáo này của vị linh mục trẻ, kiến thức mà xét cho cùng, chỉ có bề trên hoặc bạn bè của ngài mới có quyền biết, vì nó đặt ra câu hỏi về sự bất cập của cha. Cựu linh mục Genovese đã quá kiên nhẫn khi viết ra những cuốn sách hướng dẫn thần học trên lưng người con thiêng liêng để

không nhận ra những nguyên tắc chưa được tiếp thu ; cha Balley sống quá gần cha Vianney để không nhận ra những mặt khó khăn trong tính khí của cha.

Vị linh mục trẻ trong làng bắt đầu từ nỗi kinh ngạc đau đớn mà những người anh em linh mục trẻ của cha vẫn cảm thấy cho đến ngày nay khi, với sự tuyệt đối của tuổi tác và trong lòng nhiệt thành mới mẻ của lễ thụ phong, họ bắt đầu gặp gỡ những người đàn ông. Họ bối rối vì sự thờ ơ và tầm thường về mặt tinh thần: phải chăng Thiên Chúa không được yêu thương, như cha sở Ars thường phàn nàn, «một cách nghiêm túc» ? Một trong những thành tựu của ân sủng linh mục là dần dần tiết lộ cho họ nội dung của yêu cầu ngăn ngừa này, vang lên trên chiến trường đầu tiên của họ như tiếng súng. Họ sẽ phải học cách đọc sự hiện diện của Chúa trên khuôn mặt mệt mỏi và trái tim tội lỗi. Về phần mình, cha Vianney thừa nhận rằng trước khi giải tội, cha không hề biết gì về tội ác. Đó là mẫu nhiệm tội lỗi được trình bày cho họ ; đó là Vương quốc trộn lẫn với lúa tốt và cỏ lùng mà họ sẽ phải chấp nhận, theo Phúc âm, lúa tốt và cỏ lùng vẫn thuộc Vương quốc của Thiên Chúa. Việc giáo dục về phán đoán mục vụ này cần có thời gian. Thật đáng buồn khi họ đôi đầu sự hèn nhát của chúng ta với sự thánh khiết của Chúa. Ngày qua ngày, họ vẫn phải tự coi mình là người trung gian, hiểu

rằng họ cũng là những tư tế của một đám đông khôn cùng. Vì vậy, như Thánh Phaolô đã loan báo, không còn là bước chân nhẹ nhàng của một người Lê-vi bước lên các bậc thang của bàn thờ nữa, nhưng là bước chân nặng nề của một người chuyên cầu, mang trên mình thân xác và linh hồn chúng ta như Isaac với củ hy sinh. Thánh Phaolô cầu nguyện cho những lỗi lầm của mọi người và thậm chí còn cầu nguyện nhiều hơn cho cả những lỗi lầm của chính mình. Thư gửi tín hữu Do Thái ghi nhận rằng cần có một số lượng lớn các linh mục vì họ sẽ qua đời. Đó là cách nói khiêm tốn. Trong mỗi linh mục, khi họ sinh ra và lớn lên, những khía cạnh liên tiếp của chức linh mục sẽ phát triển, tạo nên cả một thể hệ linh mục. Giống như một người mẹ giàu kinh nghiệm, trong suốt hai thiên niên kỷ, Giáo hội đã bao bọc sự phát triển của mỗi người trong số họ bằng sự cảnh giác, đôi khi là sự quan tâm của mình.

Do đó, theo nhiều khía cạnh, vị linh mục mới của Ars khi mới đến phải thể hiện sự quan tâm cấp thiết, gần như không cân xứng, đến «tính tình tốt» của đàn chiên của mình. Ngay cả khi cha đề cập đến những chủ đề giáo điều trên bục giảng, cha vẫn luôn quay trở lại với việc đổi mới tâm hồn ban đầu khi nó được áp đặt lên tất cả mọi người. Do đó, toàn bộ công tác mục vụ của cha dành phần lớn thời gian cho việc thanh tẩy chuẩn bị : nó

không thiếu sự tương đồng với công tác của vị quan thầy phi thường của cha, người mà Chúa tuyên bố là «hơn cả một nhà tiên tri», Thánh Gioan Tẩy Giả. Giữa làng, trên bờ kè nơi nhà thờ của cha được xây dựng, giống như Người Tiền Phong trong sa mạc, cha ném vào gió : «Hãy làm cho thẳng con đường của Chúa... Hãy sinh hoa trái của sự ăn năn. Đừng nói với chính mình : Chúng ta có tổ phụ Abraham... Cái rìu đã ở gốc cây rồi.» Sự mù quáng của những người Kitô hữu, hơn bất cứ điều gì khác, xúc phạm cha. Đôi khi cha chỉ buột miệng nói với giọng buồn bã : «Chắc chắn rồi, nếu tôi hỏi anh có yêu Chúa không, anh sẽ nói rằng anh yêu Chúa, nhưng thế vẫn chưa đủ : anh phải đưa ra bằng chứng.» Thông thường, nhà thuyết giáo trở nên đáng sợ chỉ bằng cách nêu lên những bất bình của mình. «Nhưng, bạn sẽ nói, chúng tôi biết rõ điều đó. Đúng, nhưng bạn không tin điều đó. Không, không, bạn tôi ơi, bạn không tin điều đó, bởi vì nếu bạn tin điều đó...» Không hiếm khi dấu nháy đơn đạt đến đỉnh điểm và siết chặt cổ họng : «Thôi nào, tôn giáo của các người chỉ là một bóng ma và chính các người chỉ là những kẻ vô lại... Thôi nào, những kẻ đạo đức giả tội nghiệp, những kẻ lừa đảo... Bóng ma của những người Kitô hữu... Bóng ma của những người sùng bái.» Và cuối cùng, lời trách móc không thể vượt qua của trái tim : «Vô cảm ! Quyết tâm của cha rất rõ

ràng : bằng mọi giá phải chữa khỏi chứng cứng đầu này.

Nhưng trong công trình đáng khen ngợi và không thể ngăn cản này, vị linh mục thánh thiện của chúng ta, dù vẫn còn mới vào nghề, đã vượt qua mọi giới hạn. Quyết tâm không chỉ thuyết phục mà còn «chạm» - nhưng chạm thôi vẫn chưa đủ, cần phải chữa lành - cha chữa lành những vết thương bên trong mà không hề yếu đuối, ngay cả khi dùng một nhát dao mổ ẩn tượng. Thật không may, cha làm bị thương và đau đớn bằng cách cắt nhiều lần vào phần thịt khỏe mạnh. Việc cha nhân mạnh, giống như Gioan Tẩy Giả, về sự ăn năn và xưng tội, không có gì dễ hiểu hơn, vì mặc dù cha tôn thờ Bí tích Thánh Thể, cha vẫn buộc phải bắt đầu với giáo dân của mình bằng những bước cơ bản của đức tin. Sự thật vẫn là cha đã làm tăng thêm sự vô giá trị về mặt tôn giáo của họ. Thay vì tuân thủ sự thận trọng của Giáo hội, vốn nỗ lực truyền đạt cho các linh mục tương lai, thông qua giáo lý truyền thống, một chút trí tuệ của người cao tuổi, cha lại chiều theo cảm xúc của mình, đi quá xa và tránh né vấn đề.

Chắc chắn, cha hét lên với tất cả những tiếng vọng những gì có vẻ hiển nhiên với cha, những gì gây ấn tượng với cha hoặc những gì làm cha tức giận, thường xuyên hơn là những gì khiến cha phát điên : cha cần

phải phán đoán cách công bằng. Mà, cha phải chịu đựng ít nhất là hai nguyên nhân gây ra ảo tưởng. Đầu tiên là tốc độ tính khí của cha, như được mô tả trong lời chứng nhất trí của cha Nodet : «Vị linh mục xứ Ars nhanh như thuốc súng.» Thứ hai, chính lòng nhiệt thành chiến thắng trong Chúa Kitô của cha, sự vội vàng khiến họ đầu hàng vũ khí. Ở cả hai bên, con đường đều mở ra những vị trí không được kiểm soát. Cha cũng thích chọn địa hình nguy hiểm. Mọi cha giải tội đều biết rằng, từ thế hệ này sang thế hệ khác, việc thực hành các bí tích chính là nguyên nhân gây ra sự nghi ngờ và sợ hãi. Tất cả chúng ta đều đã từng trải qua cảm giác không thể tiếp tục sống với ý tưởng «uống phải sự lên án của chính mình». Mà, đây chính là điểm cha muốn nhấn mạnh : mặc dù cha đã cẩn thận, ít nhất một lần, để trấn an những tâm hồn mong manh, cha không ngần ngại khiến nỗi thống khổ của sự báng bổ trở nên ám ảnh đối với tất cả những người nghe cha.

Chắc chắn, không phải là không có sự vĩ đại nơi vị linh mục nhỏ bé tội nghiệp, bất chấp tiếng hú đau đớn của những thế lực vô hình đập vào tai mình, để lựa chọn, để thiết lập chính mình ở đó, ngay nút thắt của cơn lốc xoáy, nơi mà ngọn gió của Lễ Hiện Xuống và cơn bão của ma quỷ va chạm và thử thách lẫn nhau, giống như hai thân thể của những đồ vật. Cha một mình

tiến vào sâu thẳm của vực thẳm không thể tưởng tượng nổi. Nhưng một người của Giáo hội không được đánh mất chỗ đứng của mình. Than ôi ! Nó hơi giống thế.

«Ah! Giá mà trong số ba mươi lần giải tội có một lần tốt, thì thế giới sẽ sớm được hoán cải... Bất kỳ ai, trong quá trình xét mình, không cầu xin ánh sáng của Chúa Thánh Thần chỉ có thể đưa ra lời xưng tội phạm thánh. Nếu điều này đã xảy ra với bạn, hãy quay lại các bước của bạn, bởi vì bạn khá chắc chắn rằng những lời xưng tội của bạn không là gì ngoài những lời xưng tội tồi tệ». Vì sợ rằng chúng ta đã hiểu lầm, cha lặp lại : «Nếu bạn đã bỏ lỡ... Hãy chắc chắn rằng lời xưng tội đó vô giá trị».

Trong số những tội nhân cứng đầu mà một linh mục «không muốn bị nguyên rửa» phải từ chối sự xá tội «để không làm ô uế bí tích», có «những kẻ thích nói dối để chọc cười người khác, những kẻ thề những lời thề nhỏ này : ‘Lạy Chúa, vâng’, ‘Lạy Chúa, không’, ‘thật vậy’, ‘tất nhiên rồi’, ‘bởi Chúa’, ‘buổi sáng’, J. F... B... F... S... N... F... và những điều tương tự khác, những người có thói quen ăn bất cứ lúc nào, ngay cả khi không cần thiết, những người trở nên mất kiên nhẫn bất cứ lúc nào vì bất cứ điều gì». Từ đó trở đi, rõ ràng, «thật là những cuộc hiệp thông phạm thánh !» Tương tự như vậy, đôi

với bí tích Thêm sức, việc thiếu sự hướng dẫn sẽ dẫn đến *sự xúc phạm bí tích*, mà theo cha nói thêm, «một bất hạnh vô hạn vì nó chỉ có thể được nhận một lần.» Đối với những người đính hôn, những người chỉ coi Chúa là đối tượng của họ rất hiếm và những người quan tâm đến *sự gợi cảm*, hoặc *lợi ích*, hoặc cái đẹp thì rất nhiều, đến nỗi *hầu hết tất cả họ đều làm ô uế* sự mầu nhiệm kết hợp của họ.

Thật đáng buồn khi nghe vị thánh của chúng ta liên tục đưa ra những lời lên án thiếu thận trọng và đến mức vô lý. Có một ví dụ nổi bật, khó tin đến mức buộc chúng ta phải tìm ra ít nhất là lời giải thích cho những hành vi lạm dụng này. Đây là việc tham dự Thánh lễ Chúa Nhật. Sau khi lên án thái độ gò bó, thờ ơ, mất tập trung hoặc không nhất quán của nhiều tín hữu, cha thốt lên một cách vô lý : «Có bao nhiêu Kitô hữu rời khỏi nhà thờ với hơn ba mươi hoặc năm mươi tội trọng hơn là khi họ bước vào đó !» Lời khẳng định hoàn toàn sai lệch này đã được chuẩn bị trước đó vài phút bằng một lời khác : «Than ôi ! biết bao nhiêu người phạm tội trong Thánh Lễ nhiều hơn cả trong cả tuần !» Trong trường hợp này, làm sao để tránh câu trả lời của nông dân : «Tốt hơn hết là không nên tham dự Thánh Lễ».

Thật không may, cha xứ Ars đã nghĩ rằng, giống như một số người cùng thời với mình, tội lỗi của Chúa Nhật có mức độ nghiêm trọng hoàn toàn khác so với của những ngày khác ; trong mọi trường hợp, cha ta không được phép công khai tuyên bố những gì chúng ta đã nghe. Trước những lời cường điệu như vậy, - bạn sẽ nói gì về điều này : «Khi tôi thấy một Kitô hữu không thuộc bất kỳ nhóm anh em nào, tôi không biết phải dựa vào điều gì để hy vọng anh ta được tha thứ ?» - Chúng ta buộc phải nghĩ rằng ít nhất là trong những ngày đầu, vị tông đồ ăn năn và cầu nguyện, bất chấp mọi thiện chí của mình, đã thể hiện trong chức thánh của mình một loại vô trách nhiệm về lời nói : cha không nhận ra được ý nghĩa của lời nói. Điều này càng đáng chú ý hơn vì những lời này không thoát khỏi miệng cha trong lúc hùng biện, mà được trích từ các văn bản đã chuẩn bị sẵn, viết ra và ghi nhớ. Sự thiếu hụt này đủ nghiêm trọng để mức độ ảnh hưởng trong tương lai của Jean-Marie Vianney và món quà đích thực của cha như một người cải đạo không gì khác ngoài phép lạ.

Bất chấp sự ngờ vực mà kinh nghiệm đã dạy cho cha về chính mình, điều này gần như bệnh hoạn - bệnh hoạn, bởi vì cha gặp khó khăn trong việc hiểu điều gì thúc đẩy sự dè dặt của cấp trên - trong các hành động linh mục của mình, cha vẫn là chính mình và chắc chắn là chính

mình. Không thể đọc bài giảng của cha mà không thấy sự mạnh mẽ và không biết mệt mỏi của người đàn ông yếu đuối này xuất hiện từng khoảnh khắc. Cha đã cố gắng tác động đến sự nhạy cảm về mặt tâm linh của khán giả : cha giao tiếp bằng tất cả sự nhạy cảm cá nhân của mình. Hiếm có cuộc đối đầu nào cụ thể hơn thế : đó là nét duyên dáng, cũng là bi kịch của nó.

Cha muốn dẫn dắt người đối thoại của mình đi đâu ngay từ những bước đầu tiên ? Cha tuyên bố lớn tiếng: «Đang trên bờ vực tuyệt vọng.» Khi nói điều này, cha đang nghĩ tới điều gì ? Không còn nghi ngờ gì nữa, sự mặc khải huyền bí đã đột nhiên mở ra vực thẳm hư vô của cha và từ đó, ở đây, cha giữ lại trên hết bài học vô song. Tuy nhiên, cha vẫn còn quá bàng hoàng vì chứng chóng mặt và những cơn xuất thần mà cha đã phải chịu đựng, để không ngăn cản dân tộc của mình, như cha vẫn nói, bên bờ vực thẳm.» Về vấn đề này, bài giảng của cha không thiếu những lời tâm sự không thừa nhận: «Ôi ! bạn của tôi ơi, nếu bạn biết rõ tội lỗi là gì ! Tôi sẽ không dám nói với bạn, vì sợ khiến bạn tuyệt vọng».

Hơn nữa, cha chỉ đề cập đến chủ đề đầy cam bẫy này một cách cực kỳ thận trọng, điều mà chúng ta có thể nói là bất ngờ nếu không nhờ chính Chúa đã giáo dục cha một cách nghiêm khắc về vấn đề này. Theo như

chúng ta thấy, cha luôn dành trọn cụm từ tuyệt vọng cho những kẻ bị nguyên rủa. Trong khi nghĩ đến những cư dân tương lai của địa ngục, cha nói : «Chúng ta sẽ gặp lại chị, vâng, một ngày nào đó chúng ta sẽ gặp lại chị, chúng ta sẽ thấy nước mắt của chị, sự tuyệt vọng của chị.» Đúng là cha nói thêm trong một sự mong đợi tàn nhẫn như ảo giác : «Tôi sẽ nhận ra chị, ít nhất là tôi tin như vậy.» Chỉ những tên tội phạm «cứng đầu và đã đóng dấu lên sự trừng phạt của chúng» mới được cha tuyên bố : chúng «sẽ rời đi như những kẻ tuyệt vọng». «Một khoảnh khắc khủng khiếp, cha nói tiếp, một khoảnh khắc tuyệt vọng ! Than ôi ! Tất cả đã kết thúc, bạn có thấy những con quỷ đang vây quanh người đàn ông này, những kẻ đang đẩy anh ta đến tuyệt vọng không ? Bạn có thấy những con co giật khủng khiếp này không ? Không, không, mọi thứ đều vô vọng».

Trước viễn cảnh có thể khiến người ta «chết vì thương xót», vị linh mục trẻ xứ Ars chắc chắn phản đối những điều kỳ diệu của lòng thương xót. Cha mượn cách diễn đạt này từ *Luận thuyết về lòng tin vào lòng thương xót của Chúa*. Tuy nhiên, đó là lời cầu nguyện của riêng cha, lời cầu nguyện trong cơn mất ngủ, mà cha đã đưa lên thiên đàng từ trên bục giảng : «Lạy Chúa, xin đừng ném chúng con vào địa ngục !» Đối với các tín hữu thiện chí, sợ hãi sự thánh thiện của các bí tích, cha lặp

lại điều mà chắc hẳn cha đã tự nhủ : «Hãy tăng gấp đôi sự quan tâm của chúng ta, đến gần các bí tích thường xuyên hơn và sau đó chôn mình vào lòng thương xót của Chúa», nói với Ngài : «Lạy Chúa, Chúa biết rằng con chỉ tìm kiếm Chúa và sự cứu rỗi cho linh hồn tội nghiệp của con.» «(Chúng ta có trong Chúa) người Cha tốt nhất trong tất cả các người Cha. Hãy nói cho tôi biết, các anh em của tôi, nếu chúng ta bị nguyên rửa, thì đó là vì chúng ta đã muốn điều đó, vì Chúa tốt lành đã nhiều lần nói rằng Ngài muốn tha thứ cho chúng ta. Ngài chỉ cần rất ít ỏi. Chỉ cần cho biết những vết thương trong tâm hồn tội nghiệp của một người cần được chữa lành.» Vui mừng với cơ hội mới để đánh dấu sự thất bại của thời gian, để làm nhục thời gian, cha nhấn mạnh vào «sự nhanh chóng mà tình bạn với Chúa được khôi phục» : trong ba phút, cha nói rõ về việc xưng tội.

Rõ ràng không phải những cân nhắc như vậy tự chúng có thể khiến cha Vianney đưa ra những nhận xét không chính xác hoặc thiếu cân nhắc mà chúng ta đã nghe và sẽ còn nghe lại ở một mức độ nào đó. Cha hẳn đã hiểu sai một số sự thật hiển nhiên, hẳn đã gặp khó khăn khi chịu đựng sự chói sáng của chúng, hẳn đã làm cha lóa mắt. Trong những khởi đầu này, điều làm tổn thương ánh mắt của Chúa một cách đau đớn nhất và khiến Ngài phần nộ nhất chính là sự bất nhất của kẻ tội lỗi.

Đây là một người hứa với Chúa sẽ sửa mình nhưng lại không sửa mình : «chúng ta có thể thực sự nghĩ về điều đó không ? Và họ là người Kitô hữu !» Đi chệch khỏi thông lệ của Giáo hội là tha thứ cho người có tội ngay khi ghi nhận sự khởi đầu hiệu quả của sự hoán cải, cha dạy trong các bài giảng của mình : «Cần phải thấy được sự thay đổi *hoàn toàn* nơi chúng ta, nếu không chúng ta không xứng đáng được tha thứ và có mọi lý do để tin rằng chúng ta đã phạm tội báng bổ...» Và một lần nữa : «Nếu bạn đã mắc phải một thói quen xấu nào đó, bạn không được yêu cầu tha thứ trước khi hoàn toàn sửa đổi bản thân, bởi vì nếu không được sửa đổi, bạn sẽ lại rơi vào tội lỗi, thì mọi lời thú tội của bạn sẽ chẳng là gì ngoài những lời phạm thánh.» Đơn thuốc này rất chính thức : «Nếu bạn không có những tâm tính này, đừng tiến xa hơn nữa, nếu không, bạn sẽ sợ rằng sấm sét trên trời sẽ giáng xuống và ném bạn xuống địa ngục».

Chắc chắn, những mức độ nghiêm trọng như vậy có thể được giải thích một phần bởi tấm gương đáng tiếc của những người xưng tội khác vào thời đó. Tuy nhiên, cần nhiều hơn thế nữa để cung cấp chìa khóa : trong tâm trí, thiếu học thuyết có khả năng thuyết phục rằng sự tái phạm là đủ để thiết lập đức tin xấu và sự đòi truy của những lời thú tội trước đó nhưng trên hết là trong lòng có một sự thiếu kiên nhẫn mang tính đạo

đức hơn là giáo điều, đó là sự tập hợp trong Nhà của Chúa những con người đã hòa giải với chính mình ngay cả trước khi được tha thứ nhân danh Chúa, như thể sự *ngghiêm túc* này không phải là một ân sủng đặc biệt, như thể nó không phải là sự mong đợi về những gì chúng ta sẽ trở thành vào thời điểm tận thế và như vậy không tạo nên hoa trái của bí tích.

Yêu cầu ban đầu này, chắc chắn là nguyên nhân dẫn đến những lời kết án bất công, khiến cha cảm nhận rất sâu sắc một số khía cạnh cụ thể liên quan đến sự cứu rỗi của chúng ta. Ít có linh mục nào trải nghiệm được như cha xứ Ars rằng thời gian trôi qua như nước qua đôi bàn tay bản thủ của người Kitô hữu xấu xa. «Bạn thật may mắn khi tin rằng Chúa sẽ tha thứ cho bạn khi bạn sẵn lòng cầu xin Ngài tha thứ.» Trước hết, đây là dấu hiệu cho thấy chúng ta hiểu lầm : «Anh em ơi, lòng người tội lỗi không dễ dàng từ bỏ tội lỗi như người ta vẫn nghĩ.» Chắc chắn, có một thời điểm thuộc về chúng ta, giống như cái cây và con bò của chúng ta, đó là thời điểm «khóc lóc và đau khổ, nhưng không phải là thời điểm hoán cải». Nếu câu chuyện kỳ diệu về tên trộm lành được Kinh Thánh kể cho chúng ta, thì mục đích chỉ là «để chúng ta không hoàn toàn tuyệt vọng» khi giờ phút cuối cùng của chúng ta đến. Trên giường bệnh, có thể nhiều người đã *ăn năn*, - nhưng *hối cải* lại

là chuyện khác. «Tất cả những sự ăn năn này đều không có ý nghĩa gì nhiều». Một nỗi lo lắng gần như không thể chịu đựng được vẫn còn đó. Câu châm ngôn chắc chắn nhất vẫn là : «Cuộc sống của kẻ tội lỗi, cái chết của kẻ sa ngã».

Cha Vianney không thiếu, để hỗ trợ cho công thức không thể tránh khỏi này, những lập luận truyền thống được chứng thực bởi những tài liệu nổi tiếng nhất và hoàn toàn không thể chối cãi, chẳng hạn như lập luận rằng ân sủng không bao giờ đến hạn. Nhưng phải nói thêm rằng, thực ra, trong suốt hai mươi thế kỷ qua, kể từ cuộc hy sinh trên đồi Canvê, ân sủng này đã được ban cho chúng ta, mỗi ngày và không giới hạn, với sự đổ Máu dồi dào. Toàn bộ câu hỏi là mặc dù chúng ta có sự mù quáng đáng trách - «Lạy Chúa, tội nhân mù quáng biết bao !» - chúng ta vẫn có thể kêu gọi điều đó. Cho dù chúng ta khoe khoang rằng mình có đầu óc rộng rãi hay hẹp hòi, miễn là chúng ta giữ đức tin Kitô giáo, thì sự không ăn năn cuối cùng, hôm nay cũng như hôm qua, vẫn là một mối nguy hiểm đau đớn đối với mỗi người chúng ta. Tuy nhiên, điều chúng ta không thể làm là đổ lỗi cho Chúa chứ không phải cho chính chúng ta, đổ lỗi cho sự thất bại của Lòng Thương Xót chứ không phải cho sự khắc nghiệt của chúng ta, theo nguyên tắc bất khả xâm phạm của Công đồng Trent

rằng Chúa không bao giờ từ bỏ con cái Ngài, trừ khi Ngài đã bị họ từ bỏ trước. Bây giờ, trong cha xứ Ars, khuôn mặt của một vị Chúa báo thù xuất hiện nhiều lần, một khuôn mặt khá khó để nhận dạng.

Cha nhấn mạnh những nét đặc trưng đầu tiên được vay mượn từ Bonnardel, Billot hoặc Chambeaud. Ai trong số chúng ta dám chấp nhận về mặt thần học lời mô tả không thực này về người hấp hối đang cảm thấy mình dần vào hôn mê ? «Kiến thức bị mất đi theo thời gian, tuy nhiên anh ta không muốn chết trong trạng thái này. Anh ta muốn hồi cải, nghĩa là, từ bỏ tội lỗi trước khi chết. Tôi biết rất rõ rằng anh ta sẽ chết, nhưng để hồi cải, tôi không tin điều đó : cần phải làm ngay bây giờ những gì anh ta nên làm khi còn khỏe mạnh. Không thể làm như vậy, với đôi mắt nhắm lẹ, anh ta đưa ra những lời hứa giống như anh ta đã hứa trong suốt những lần anh ta thấy mình chết ; Chúa nhân từ sẽ không còn lắng nghe những lời dối trá và sai trái này nữa. Để điều đó xảy ra, cần phải tiêu diệt tội lỗi đã bén rễ quá sâu đến nỗi anh ta không còn sức để nhổ nó ra, anh ta sẽ cần một ân sủng phi thường. Nhưng Chúa nhân từ, để trừng phạt sự khinh miệt mà anh ta đã dành cho tất cả những hồng ân mà Ngài đã ban cho anh ta trong suốt cuộc đời, Ngài từ chối và quay lưng lại với anh ta để không gặp lại anh ta nữa ; Ngài bịt tai để không bị lay động bởi

tiếng khóc và tiếng nức nở của anh ta». Kẻ tội lỗi lặp lại kinh nghiệm của Saul, Cain và Judas : «Nếu bạn hỏi tất cả những sự ăn năn này đã dẫn họ đến đâu, tôi sẽ nói cho bạn biết : xuống địa ngục».

Bỏ qua những sắc thái và cân nhắc của Bonnardel, cha xứ Ars đã đẩy tầm nhìn sâu sắc này lên đến cực độ. «Than ôi ! Chúng ta phải chết và bị nguyên rửa. Chúa giáng xuống chúng ta, những cực hình và đau khổ mà chúng ta phải chịu đựng sẽ được tạo ra bởi quyền năng và cơn thịnh nộ của Chúa. Ngài dường như sẽ tự mình làm kiệt sức mình để khiến chúng ta đau khổ.» Nếu từ tận đáy lòng, nếu từ tận đáy lòng Kitô hữu, chúng ta phản đối cách tiên tri nham hiểm này, thì nhà thuyết giáo khó chịu sẽ nhắc nhở chúng ta về sự xúc phạm và những đòn giáng mà chúng ta đã gây ra cho Chúa bằng những lỗi lầm của mình trong suốt cuộc đời khốn khổ của mình. Không ai có thể trách cha vì sự gắn bó ghen tuông này với con người đáng kính của Chúa Kitô. Tuy nhiên, cha nói rằng không có chiếc cân nào của con người trong Giáo hội có thể cân được, vì chúng hoặc quá nhẹ hoặc quá nặng. Vì vậy, để trừng phạt việc chửi thề, cần phải có một địa ngục vĩnh cửu ; để trừng phạt sự ăn năn không đủ của chúng ta, «liệu sự dày vò của địa ngục có đủ lâu dài và đủ khắc nghiệt không, cha tự hỏi ?» Còn về những sự phạm thánh mà cách giải

thích Giáo luật của cha nhân lên, vì «địa ngục trong cơn thịnh nộ của nó chưa bao giờ có thể phát minh ra bất cứ điều gì tương tự» - «Dừng lại, dừng lại... Ô ! Quái vật tội lỗi !... Ô ! Làm ơn, hãy tha cho Chúa của người !» - «Không có hình phạt nào đủ lớn để trừng phạt một tội ác như vậy. Hãy đến đây, những kẻ bất hạnh, hãy đến đây, những kẻ khét tiếng già nua... À ! Không, không, địa ngục không bao giờ có thể mang cơn thịnh nộ của nó đến mức quá mức như vậy !... À ! Không, không, địa ngục sẽ không bao giờ đủ nghiêm ngặt, cũng không đủ vĩnh hằng».

Thật khó để không nhận ra sự bực bội của sự khéo léo tâm linh khi đọc những văn bản tương tự... Tuy nhiên, trong tất cả những chỉ dẫn này, đó là một linh mục đang giáo dục, là một mục tử nỡ sự thật và không gì ngoài sự thật với đàn chiên của mình, cha là một mục tử của Giáo hội, người tuyên bố nói nhân danh Giáo hội - và chúng ta không ít lần bối rối trước những hành động thái quá mà cha phạm phải. Cha đã khẳng định vị thế cá nhân của mình mà cha tuyên bố một cách không chút do dự : «Tôi tin rằng một tội nhân không tin vào điều gì và không hy vọng vào điều gì... Một Kitô hữu đã phạm tội và vẫn sống trong tội lỗi của mình thì đã hoàn toàn đánh mất đức tin. Anh ta là một người tội nghiệp bị quỷ dữ khoét mắt.» Từ đó trở đi, điều đáng

ngạc nhiên là cha thốt lên : «Có bao nhiêu linh hồn ở địa ngục!... Hàng ngàn tội nhân liên tục rơi xuống đó... Có bao nhiêu Kitô hữu bị nguyên rửa, bao nhiêu Kitô hữu hư mất, đã hư mất !»

Chủ đề về số ít người được chọn quá nổi tiếng đến nỗi chúng ta không ngạc nhiên khi thấy nó xuất hiện lần nữa : «Ít người sẽ được lên thiên đàng.» Mặc dù sự thật vẫn còn gây tranh cãi, nhưng việc suy ngẫm về nó trong nhiều thế kỷ đã đánh thức tinh thần sám hối và nhu cầu được cứu rỗi. Theo nghĩa này, cha xứ Ars mô tả việc gọi lên địa ngục là một ý nghĩ tốt, «một ý nghĩ đã mang lại nhiều điều tốt đẹp». Cha không sợ nổi kinh hoàng của các linh hồn, nổi kinh hoàng mà Bossuet đã cố gắng xoa dịu khi ông viết cho người sám hối của mình : «Những suy nghĩ này phải kết thúc bằng sự phó thác hoàn toàn bản thân cho Chúa, tin chắc rằng sự cứu rỗi của chúng ta tốt hơn vô cùng trong tay Ngài so với trong tay chúng ta, và chỉ ở đó, chúng ta mới tìm thấy sự bình an... Chúng ta phải phó thác cả thể xác và tâm hồn vào lòng nhân từ vô biên (của Chúa), trông đợi mọi thứ từ Ngài, nhưng không được thoát khỏi sự chăm sóc mà Ngài yêu cầu chúng ta cho sự cứu rỗi của mình.»

Điều khiến chúng ta lo lắng là cha Vianney không khẳng định rõ ràng rằng tội nhân phải bị loại trừ. Muốn

thúc đẩy giáo dân của mình xưng tội, cha quên rằng, nếu việc nhờ đến bí tích là điều Chúa Kitô mong muốn và tạo nên trật tự bình thường của sự cứu rỗi, thì trong trường hợp cực đoan và trường hợp như vậy không phải là hiếm, sự tha thứ của Chúa có cách riêng của, nó vẫn giữ được sự tự do vô hạn. Nguyên tắc cần thiết, như các nhà thần học nói, sự tha tội của vị linh mục không phải là vấn đề cần phương tiện. Đây là lý do tại sao vị linh mục ở Ars không chỉ phóng đại tình hình, cha còn làm giả nó khi, ví dụ, cha sử dụng sự bất khả thi về mặt vật lý của người hấp hối khi xưng tội như một lập luận, mặc dù cha mong muốn, để kết án người đó phải chịu án nguyên rửa. Trên thực tế, đây chính là điều mà cha thêm vào một cách mỉa mai tàn nhẫn vào bức tranh khá đen tối của Billot, Bonnardel và Chambeaud, mà chúng tôi đã trích dẫn : «Vị linh mục phàn nàn rằng đáng lẽ phải tìm đến cha vào ngày hôm qua, các cha này viết, rằng người bệnh không đủ hiểu biết, rằng anh ta không thể xưng tội».

«Bạn tôi ơi, trở lại với vị linh mục khủng khiếp của chúng ta, bạn đã nhầm, anh ta có tất cả kiến thức mà anh ta nên có trước khi chết ; nếu hôm qua bạn đến để giải tội cho anh ta, Chúa cũng sẽ lấy đi ý thức của anh ta; anh ta vẫn sống trong tội lỗi, coi thường thời gian và ân sủng mà Chúa đã ban cho anh ta và theo công lý của

Chúa, anh ta phải chết trong tội lỗi. Hãy kiên nhẫn, bạn sẽ sớm thấy anh ta bị kéo xuống địa ngục bởi những con quỷ mà anh ta đã tuân lệnh rất tốt khi còn sống; Đừng rời mắt khỏi anh ta, bạn sẽ thấy anh ta nôn linh hồn khốn kiếp của mình xuống địa ngục».

Viễn cảnh này đạt đến mức độ bi thương mà không gì có thể vượt qua được, - nhưng cũng là lúc vị linh mục có nguy cơ thất bại về mặt công bằng - khi cha đứng về phía chính những người giáo dân Ars. Chúng ta biết rằng các nhà thuyết giáo lưu động có thói quen đưa ra những lời buộc tội một cách ít nhiều mù quáng và, nhờ vào một loại độ chính xác thống kê nào đó, họ cho rằng mình đúng. Có một chút gì đó như thế ở vị linh mục trẻ của chúng ta ; tuy nhiên, trong trường hợp của cha, chúng ta thấy khó mà không cho rằng có một trực giác trực tiếp hơn về cái ác. Đây là lý do tại sao những lời chỉ trích lớn tiếng của cha trong các bài giảng lại trở nên gay gắt đến mức không thể chịu đựng nổi : «Đây là tình trạng của hầu hết những người lắng nghe tôi... Tôi nói điều này mà không sợ cường điệu, ít nhất một nửa số người ở đây, những người lắng nghe tôi trong nhà thờ này, đều thuộc nhóm này...» Cha đôi khi chạm đến giới hạn mà sự thận trọng cho phép một người nói trong một ngôi làng nhỏ : như thế này, về những tội lỗi ẩn giấu trong lời thú tội : «Ồ, các anh em của tôi, nếu

tôi phải thề rằng không có tội lỗi nào, tôi sẽ không ngần ngại nói rằng có ít nhất năm hoặc sáu người bị thiêu đốt bởi sự ăn năn và tội lỗi của họ và những người nghe tôi và những người nghĩ rằng điều này là đúng.» Sự quy kết công khai này theo một cách nào đó được bù đắp rất lớn và tráng lệ bằng dấu nháy đơn theo sau nó gần như ngay lập tức và ám chỉ đến nỗi sợ hãi mà bên có tội cảm thấy khi phải chịu sự sám hối quá lâu : «Ồ! bạn tôi ơi, đừng để điều đó ngăn cản bạn. Chúng tôi sẽ giúp bạn, chúng tôi sẽ làm hầu hết mọi việc ; chúng tôi sẽ cầu nguyện cho bạn, chúng tôi sẽ khóc thương tội lỗi của bạn để thu hút lòng thương xót của Chúa xuống bạn nhiều hơn. Bạn tôi ơi, hãy thương xót linh hồn tội nghiệp này rất đáng giá với Chúa Giêsu Kitô».

Tuy nhiên, một số đòn đánh lại cực kỳ mạnh. Linh mục nào, ngay cả khi là một thánh Jean-Baptiste Vianney mới, sẽ tin rằng mình được phép tuyên bố từ bục giảng, thậm chí với một người đối thoại vô danh : «Bạn của tôi, bây giờ bạn đang phạm tội, bạn sẽ không nói không với tôi ; tốt ! sau khi chết, bạn sẽ bị nguyên rửa. - Và bạn biết gì về điều đó ? bạn tự nghĩ. - *Nếu tôi không biết, tôi sẽ không nói với bạn...* Hơn nữa, tôi sẽ chứng minh cho bạn thấy rằng bằng cách sống trong tội lỗi, mặc dù với hy vọng rằng bạn sẽ thoát khỏi nó, bạn sẽ không làm điều đó, ngay cả khi bạn muốn thoát khỏi

nó bằng cả trái tim mình...» Một cuộc tấn công như vậy tích tụ sự thiếu thận trọng.

Được thông báo về những vụ náo loạn ở giáo xứ Ars, như một giám mục trẻ có thể cảm thấy sau vài tháng đến, trong bối cảnh hỗn loạn khó chịu của những cuộc biểu tình có động cơ, tin đồn và những lá thư nặc danh, Giám mục Devie đã chỉ thị cho vị trưởng khu giáo phận Trévoux điều tra ngay tại chỗ. Cuộc điều tra được chỉ đạo bởi một người đã biết cha Vianney và thậm chí đã gọi điện cho cha vào tháng 1 để giúp đỡ thực hiện nhiệm vụ : chỉ bằng vài từ, cuộc điều tra đã bảo vệ nghi phạm. Nhiều lần, khi đã không còn chịu đựng được nữa và đã hết kiên nhẫn, cha đã nghĩ đến chuyện từ chức ; nhưng những người nông dân, như bà Mandy già, phản đối một cách thân thiện rằng cha sẽ công nhận những người tố cáo mình, vì vậy cha đã ở lại. Bốn năm sau, vào năm 1827, cha không còn những nghi ngại như vậy nữa vì ít nhất ở điểm này, tình hình đã được khôi phục. Tuy nhiên, ngay khi cha nghĩ rằng mọi chuyện đã ổn thỏa, ngôi làng của cha vẫn còn một số điều bất ngờ khó chịu dành cho cha : giữa cuộc cách mạng năm 1830, tại vùng quê hẻo lánh này, một phái đoàn gồm bảy người đàn ông - và nếu họ đại diện cho bảy gia đình trong tổng số năm mươi hoặc sáu mươi gia đình, thì tỷ lệ này là rất lớn - sẽ nói với cha rằng cha phải rời khỏi làng ngay lập tức.

Vào năm 1823, cuộc khủng hoảng vừa nổ ra và bầu không khí hẳn rất căng thẳng khi cha quyết định đưa toàn thể giáo dân của mình đi hành hương đến Nhà thờ Đức Bà Fourvière vào ngày lễ Thánh Sixtus, ngày 6 tháng 8. Có lẽ cha đang cố gắng đưa họ lại gần nhau hơn bằng sáng kiến này : đó là phản xạ của một linh mục. Cha cũng muốn dùng họ để cầu xin Đức Mẹ. Cái có chính thức là để cảm ơn Đức Mẹ về ba biểu ngữ thêu bạc - về Bí tích Thánh Thể, về Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội và về Thánh Sixtus - mà Tử tước xứ Ars đã gửi vào đầu tháng 5. Hơn nữa, sự đóng góp của giáo dân Saint-Sulpice ở Paris vào việc trang trí nhà thờ nhỏ ở nông thôn của cha không chỉ đơn thuần là sự bảo trợ: ông đã gặp vị linh mục ở nông thôn, đã nói chuyện với cha ; như đang xảy ra ngày nay, ông đã tìm thấy nơi giáo xứ xa xôi này một sự chào đón mà tình trạng quá tải của chức thánh trong một thành phố rộng lớn không phải lúc nào cũng cho phép các linh mục có thể phục vụ.

Vị chủ chăn đã được an ủi khi có hai phần ba dân số đi theo đến Fourvière. Hai linh mục xứ lân cận, là xứ Savigneux và Sainte-Euphémie, - cha xứ Sainte-Euphémie đã tám mươi tuổi, - làm bạn đồng hành với cha. «Chúng tôi rời khỏi nhà sau nửa đêm, người nông dân Guillaume Villier kể lại tại *Phiên tòa phong Thánh*

bằng ngôn ngữ trang trọng xưa cũ của ông. Chúng tôi theo đoàn rước đến Trévoux, trước chúng tôi là ba lá cờ tuyệt đẹp, hát thánh ca, và đọc kinh Mân Côi. Vào lúc rạng sáng- tháng Tám - chúng tôi đã ở Trévoux : chúng tôi lên thuyền lớn do ngựa kéo. Chúng tôi cập bến tại Lyon, trên Vaise một chút, và từ đó chúng tôi đi theo đoàn rước đến Fourvière. Cha xứ Ars đã cử hành Thánh lễ ở đó, chúng tôi đã nghe với sự tôn kính ; nhiều người trong chúng tôi đã Rước Lễ từ tay cha. Sau đó, chúng tôi xuống thuyền theo cùng thứ tự như khi chúng tôi lên thuyền. Mọi người chen chúc xem khi chúng tôi đi qua và bày tỏ sự ngạc nhiên của họ. Khi chúng tôi đến hai chiếc thuyền, cha Vianney, lên một thuyền cùng với một số giáo dân của mình, nhưng vì những người khác đến muộn một chút, những người lái thuyền, những người thô lỗ và cục cằn, bắt đầu chửi thề. Ngay lập tức, cha xuống thuyền cùng một số ít người theo cha, và cha đi bộ đến Neuville. Nơi ấy chúng tôi gặp lại cha sau vài giờ, sau khi hoàn thành chuyến hành trình dọc theo sông Saône. Từ Neuville, chúng tôi đi kiệu trở về Ars. Khi chúng tôi đi qua một nhà thờ nào đó, chuông sẽ reo. Cho đến tận đêm chúng tôi mới trở về.»

Vào ngày 7 tháng 11 cùng năm đó, khi gửi lời nhắn tới bà Fayot, cha Vianney đã viết với nhiều can đảm hơn là sự thật : «Tôi sẽ cho bà biết rằng tôi đang ở một giáo

xứ nhỏ, đầy lòng sùng đạo, phục vụ Chúa hết lòng». Cũng đúng, - nhưng theo nghĩa nào ? - khoảng thời gian mà cha gọi là đẹp nhất trong cuộc đời : «Tôi đã hạnh phúc biết bao!... Chúa đã ban cho tôi mọi thứ tôi mong muốn.» Trong tâm Chúa, sự khiêm nhường của Ngài là không thể cưỡng lại được. Ngài thú nhận rằng Ngài «bị mọi người chà đạp dưới chân, - Ngài, người khiêm nhường - giống như bùn trên đường.» Ngài có thể mong đợi điều gì tốt hơn sự cực đoan và hoàn hảo của thử thách ?

«Cha thừa nhận rằng, tôi đã hy vọng rằng mình sẽ bị đuổi đi.» Có lẽ lúc đó cha đã hiểu được những gì được diễn đạt trên môi mình qua những lời này, những lời này gây ngạc nhiên hơn tất cả những lời khác và được bà des Garets trích dẫn : «Một giờ kiên nhẫn còn đáng giá hơn nhiều ngày ăn chay».

Cha đạt đến sự im lặng bên trong mà cha chưa từng biết đến. «Thập giá ư ? Thập giá khiến chúng ta mất đi sự bình an ư ? ... Nhưng chính thập giá phải mang sự bình an vào trong trái tim chúng ta, mọi đau khổ của chúng ta đều xuất phát từ việc chúng ta không yêu nó... Tôi đã trải qua điều này trong bốn hoặc năm năm : tôi đã bị vu khống rất nhiều, bị phản đối rất nhiều. Ôi ! tôi đã có thập giá, tôi đã có nhiều hơn những gì tôi có thể chịu

đựng. Tôi bắt đầu cầu xin tình yêu dành cho thập giá và tôi đã hạnh phúc.» Bây giờ, qua kinh nghiệm sống, cha biết rằng giá treo cổ Chúa Kitô nâng đỡ chúng ta như một khu rừng dịu dàng thiêng liêng, và rằng chúng ta có thể tìm thấy sự bình an không thể tưởng tượng được ở đó. Cha được giải thoát khỏi một cảm giác bất an ám ảnh cha kể từ khi mức độ đau khổ của cha được tiết lộ một cách bí mật, trong một khoảnh khắc mà cho đến tận ngày nay vẫn còn khó che giấu : «Ít nhất thì tôi cũng không lừa dối thế giới. Tôi sợ mình là kẻ đạo đức giả khi mọi người làm âm ỉ về tôi». Cha không còn ngần ngại nói ra cách cha nhìn nhận bản thân mình nữa, bởi vì người khác còn nhìn nhận cha tệ hơn. «Than ôi! Cuộc sống của tôi luôn tệ. Vào thời điểm đó, tôi vẫn sống cuộc sống mà tôi vẫn đang sống cho đến bây giờ. Tôi chưa bao giờ có giá trị gì cả.» Bây giờ khi cha bị phơi bày trần trụi ở quảng trường công cộng, cha thờ phào, cha được giới thiệu về Ngày phán xét cuối cùng.

Cha chỉ theo đuổi các dự án của mình một cách táo bạo hơn. Vào tháng 3 năm 1824, cha mua một ngôi nhà mới, được gọi là Maison Givre, nằm dưới chân nhà thờ, gồm một phòng lớn ở tầng trệt và hai phòng ngủ nhỏ ở tầng trên. Bằng cách hy sinh mọi thứ mình có, cha đã có thể đưa Catherine Lassagne và Benoîte Lardet, những giáo viên mới của mình, đến đó vào tháng 11,

cùng với ngôi trường dành cho nữ sinh của hai bà. Đây là *sự Quan phòng* của cha. Trên thực tế, cho đến lúc đó, trường làng vẫn là trường kết nghĩa - điều này hoàn toàn không phù hợp với cha. Ngay cả khi đó, hoạt động này cũng chỉ diễn ra vào mùa đông dưới sự chỉ đạo của một giáo viên đi qua. Đồng ý với thị trưởng, cha nỗ lực thiết lập một hệ thống tốt hơn. Nhưng mọi chuyện không dừng lại ở đó. Cha muốn việc học được miễn phí. Hai bà cộng tác viên và con cái của cha sẽ được ăn như cha, trong tay Chúa. Học sinh đổ về từ các giáo xứ lân cận và ngay từ năm đầu tiên đã phải tiếp nhận mười sáu học sinh. Tuy nhiên, tình huống này không làm cha hài lòng : một số bé gái được nuôi ngủ và ăn uống đều thuộc gia đình giàu có ; họ thực sự không phải là những đứa trẻ nghèo đói. Cha mơ về điều gì đó khác, cha luôn mơ về điều gì đó khác, nhưng cha vẫn chờ đợi.

Trong khi đó - chính xác là vào những ngày cha kết thúc *sự Quan phòng* tại văn phòng công chứng, chậm nhất là vào nửa cuối tháng 11 - thay vì cảm giác choáng váng về mặt tinh thần, những biểu hiện khó hiểu kèm theo tiếng động âm ỉ chưa từng thấy bắt đầu làm náo loạn nhà xứ vào ban đêm.

Quả thực, Hoàng tử bóng tối đã chọn đúng thời điểm. Như thể vị linh mục tội nghiệp đó chưa gặp đủ rắc rối!

Ngay lập tức, ngôi làng - ngôi làng đặc biệt - bị cuốn vào, và vì một lý do rất đơn giản : cha Vianney, dễ bị ấn tượng như thường lệ, chết vì sợ hãi. À ! vị thánh tốt bụng ! Cha bảo vệ quyền riêng tư của mình tệ quá ! Cha sẽ nhanh chóng thuộc về mọi người ! Và bất chấp những tranh chấp, sâu thẳm bên trong, ngôi làng nhỏ bé này thực sự là một gia đình ! Đây, cha Monnin kể với chúng tôi, cha xứ Ars kể lại nguồn gốc của những cuộc đàn áp này : «Lần đầu tiên con quỷ đến hành hạ tôi là vào lúc chín giờ tối, ngay khi tôi chuẩn bị đi ngủ. Ba tiếng gõ mạnh vang lên ở cửa sân nhà tôi, như thể có ai đó đang cố phá cửa bằng một chiếc dùi cui lớn. Tôi lập tức mở cửa sổ và hỏi : ‘Ai đó?’ Nhưng tôi không thấy gì cả và tôi lặng lẽ đi ngủ, phó thác mình cho Chúa. Tôi vẫn chưa chìm vào giấc ngủ thì nghe thấy ba tiếng gõ cửa dữ dội nữa, không phải ở cửa ngoài mà là ở cửa trên đầu cầu thang dẫn lên phòng tôi, khiến tôi giật mình. Tôi đứng dậy và gọi lần thứ hai: ‘Ai đó?’ Không ai trả lời».

Vị cha thánh nghi ngờ điều gì ? «Tôi tưởng tượng họ là những tên trộm muốn lấy đồ trang sức của Tử tước xứ Ars». Ý tưởng này hoàn toàn không vô lý : sau đó, chiếc bình đựng Mình Thánh mạ bạc biến mất. Vào thời điểm đó, những biểu ngữ mà giáo dân giàu có đã quyên góp được lưu giữ, theo yêu cầu của cha, ở tầng

trên nhà xứ, trong một căn phòng không ai ngủ, «vì theo lời người quyên góp, hơi thở của một người, ngay cả một người mạnh khỏe, cũng làm đen những họa tiết thêu bằng bạc». Có xảy ra ngay sau đó, vào cùng ngày đó, một vụ đột nhập thực sự hay chúng ta đang chứng kiến một phiên bản có sắp đặt và về sau của cùng một sự kiện ? Trong mọi trường hợp, vào năm 1824, lãnh chúa của lâu đài đã viết thư cho chị gái mình : «X. đã nói với Y. rằng có ba tên trộm vào sân nhà linh mục ban đêm, nhưng cha Vianney đã mở cửa sổ và nói chuyện với họ rất tử tế nên họ đã rời đi.» Nếu đây là giai đoạn của chúng ta, thì như chúng ta sẽ thấy, câu chuyện này ít mang tính anh hùng hơn.

«Tôi nghĩ rằng nên thực hiện các biện pháp phòng ngừa. Tôi đã nhờ hai người đàn ông dừng cảm ngủ lại tại nhà xứ để giúp tôi nếu cần thiết». Những thanh niên có vũ trang đã phục kích tại tháp chuông để theo dõi tốt hơn tình hình xung quanh ngôi nhà, trong khi những người khác khóa trái cửa lại bên trong. «Họ đã đến đây nhiều đêm liên tiếp, cha Vianney nói tiếp, họ nghe thấy tiếng động». Nhân chứng là người thợ làm bánh xe trong làng, André Verchère : đang ngồi với khẩu súng trường trong một căn phòng của nhà thờ, anh ta nhận thấy vào khoảng nửa đêm, ngay trong căn phòng đó, ngay cạnh anh ta, một tiếng động kinh hoàng đến nỗi người ta có

thể nói rằng, trong bóng tối, đồ đạc sẽ bay ra từng mảnh dưới một loạt những cú đánh. Người lính canh hoảng sợ và báo động. Vị linh mục nghèo khó đến. Chúng tôi nhìn, chúng tôi kiểm tra, chúng tôi tìm kiếm mọi góc ngách. Lần nào cũng vậy. «Họ không phát hiện ra điều gì cả», cha Vianney nhắc lại.

Nếu chúng ta hiểu theo nghĩa đen câu chuyện của chính cha được cha Monnin kể lại, thì chính những người nông dân là những người đầu tiên nghi ngờ có sự can thiệp của Ác quỷ. Ban đầu họ đã tin - và hoàn cảnh ở đó đã dẫn họ - đến những hành động ác ý. «Họ vẫn tin rằng tiếng ồn có nguyên nhân khác». Nhưng ai có thể biết chắc chắn ?

Đó là vị linh mục. «Vào một đêm mùa đông khi tuyết rơi nhiều, ba tiếng gõ cửa rất lớn vang lên vào khoảng nửa đêm. Tôi vội vàng nhảy ra khỏi giường. Tôi nắm lấy lan can và đi xuống sân, lần này tôi nghĩ sẽ tìm thấy bọn tội phạm đang bỏ chạy và định kêu cứu. Nhưng, thật kinh ngạc, tôi chẳng thấy gì cả, chẳng nghe gì cả, và hơn thế nữa, tôi chẳng thấy dấu chân trên tuyết.» Khi cha bước từng bước trở lại phòng mình, tay đặt trên lan can mà cha vừa nói với chúng tôi và chúng tôi không còn thấy nó ở nhà thờ nữa, cha đã chứng kiến, trong sự bối rối, sự phát triển bên trong cha về bằng chứng mà

cha từ chối tin, về một bằng chứng khủng khiếp chứng minh rằng cha thực sự chưa hoàn thành : «Lúc đó, tôi không còn nghi ngờ gì nữa chính ma quỷ muốn làm tôi sợ».

Thử thách này sẽ kéo dài trong ba mươi lăm năm, gần như không hề gián đoạn, cho đến sáu tháng cuối cùng. «Cuộc vật lộn» như cha nói đang diễn ra với cha. Về vấn đề này, Catherine Lassagne đã viết một cuốn nhật ký đáng ngạc nhiên.

«Ngày 2 tháng 7 năm 1825. Vị linh mục đã nói với chúng tôi nhiều lần trong những ngày gần đây : «Tôi không biết chúng có phải là quỷ không, nhưng chúng đến thành từng nhóm lớn. Chúng trông giống như một đàn cừu. Tôi hầu như không ngủ được.» Một lúc sau, cha kể với chúng tôi : «Đêm qua, khi tôi sắp ngủ, lưỡi móc bắt đầu phát ra tiếng động, giống như ai đó đang nới một cái thùng với những vòng sắt vậy».

«Ngày 18 tháng 8 năm 1825. Hôm qua, vị linh mục đã nói với chúng tôi rằng «con quỷ đang hát trong ống khói của cha như một con chim họa mi.»

«Ngày 15 tháng 9. Vị linh mục khuyên chúng tôi nên nói rộng nệm của cha vì con quỷ đã ném cha ra khỏi giường : «Tôi không nhìn thấy nó, cha nói thêm,

«nhưng nhiều lần nó đã tóm lấy tôi và ném tôi ra khỏi giường».

«Ngày 18 tháng 10. Hôm qua, vị linh mục nói rằng «ma quỷ muốn giết ngài».

«Ngày 4 tháng 12. Tối nay, vị linh mục đến thăm chúng tôi và nói : «Tôi sẽ nói với các bạn một điều. Cái móc câu đã đến thăm tôi, nó thổi mạnh đến nỗi tôi nghĩ nó muốn đánh hơi tôi. Nó có vẻ như đang nôn sởi hay thứ gì đó trong phòng tôi. Tôi nói với nó : ‘Tôi sẽ đến đó (trường *Providence*) để tố cáo những âm mưu của mi, để khiến mi bị khinh bỉ.’ Hắn im lặng ngay lập tức».

Theo quan điểm của cha xứ Ars, tiết lộ những hiện tượng xấu xa này không phải là hành vi thiếu thận trọng mà ngược lại là một hệ thống phòng thủ. Đây là lý do tại sao cha cho phép mình đưa ra nhiều lời thú nhận chi tiết như vậy. Trong chẩn đoán của mình, cha bám vào các tiêu chí truyền thống, gần như tầm thường : «Hoàng tử bóng tối ghét ánh sáng» hoặc : «Hắn chỉ biết làm người khác sợ hãi». «Làm sao cha nhận ra đó là ma quỷ? Giám mục Devie sẽ hỏi vị thánh nhân. - Tôi cho rằng đó là ma quỷ, cha trả lời, vì tôi sợ ; Thiên Chúa nhân lành, Ngài không làm con sợ».

«Một buổi tối, - Catherine Lassagne lại là người làm chứng - vị linh mục đã đến nhà chúng tôi để thăm một người bệnh. Khi tôi trở về từ nhà thờ, cha nói với tôi: «Bạn thích tin tức, phải không ! Tôi sẽ mang đến cho bạn một số tin tức rất mới. Hãy lắng nghe thật kỹ những gì đã xảy ra với tôi sáng nay. Tôi có một thứ trên bàn, bạn có biết đó là gì không ? - Catherine Lassagne dịch: đó là kỷ luật của cha. - nó bắt đầu đi như một con rắn. Điều đó làm tôi hơi sợ một chút. Bạn biết là có một sợi dây ở đầu. Tôi cầm lấy sợi dây này : nó cứng như một miếng gỗ. Tôi đặt nó trở lại bàn: nó lại bắt đầu đi tới ba lần. - Có lẽ cha đã rung chuyển bàn, một trong những bà có mặt phản đối. - Không, vị linh mục trả lời, tôi không chạm vào nó». Vì thế, giữa cơn mất ngủ căng thẳng và mệt mỏi tinh thần, cha đã nhận được dấu hiệu của thử thách mới này. Sáng hôm sau, cha đến nhà thờ trong tình trạng hoàn toàn tái nhợt.

Điều đáng chú ý là trong những cảnh này, thường là những cảnh điếc tai, kỳ lạ và khó nghe, và cha bị xúc phạm rất nhiều bởi gọi tên mình : «Vianney !... Vianney!... Ông đang làm gì ở đây ? Cút đi !... Cút đi!...», vị linh mục xứ Ars hầu như luôn chứng kiến sự thức tỉnh một phần của cuộc sống trước đây của mình : chính điều này tạo nên bản chất của các dấu hiệu. Tiếng động địa ngục này ? «Nó nghe giống như một

đàn cừu - một người thợ đang đóng thùng - hấn đi với đôi ủng - người ta có thể nói tất cả những chiếc xe ở Lyon đang lăn trên sà». Hấn lắc cửa nhà cha và một nhóm người điên cuồng đẩy cửa ra ; cha không hiểu «một từ nào trong tiếng lòng của hấn ; hấn nói, cha kể với cùng nỗi kinh hoàng đã bao trùm cha trong chuyến đi đến Grenoble thụ phong linh mục của mình, giống như một đội quân người Áo». Chúng tôi đang hiện diện trước một khiêu khích với cha - không thể cưỡng lại và sáng suốt - của tất cả những điểm yếu về mặt thể chất và của tất cả những sự khuất phục ký ức để bề cong tâm hồn.

Với ý thức đáng ngưỡng mộ về cơ hội, đây chính là thời điểm cha chọn để phát triển trong giáo xứ của mình Châu Thánh Thể liên tục mà cha không bao giờ ngừng suy nghĩ về. Với sự hiện diện của ma quỷ, hấn đối lập với Đấng khác. Vào ngày 1 tháng 12 năm 1824, cha thành lập hội đoàn Thánh Thể.

Hội đoàn này nhắm vào nam giới, những người chắc chắn sẽ canh gác vào ban đêm bằng súng trường hoặc dùi cui và đến ngủ tại nhà thờ vào mỗi buổi tối. Họ được yêu cầu làm gì ? Theo cách của cha Chaffangeon già, người đã «khuyên» Chúa và người mà Chúa «khuyên» hãy hiện diện trong Sự Hiện Diện. Họ sẽ thường xuyên

đến thăm thánh đường, dành thời gian thánh thiện ở đó vào các buổi chiều Chủ Nhật, đồng thời chứng minh rằng tôn giáo không chỉ là vấn đề của phụ nữ, mà ngược lại, họ sẽ trở thành những viên đá sống đầu tiên của một cộng đồng Thánh Thể. «Ồ ! Vị linh mục thánh thiện đã nói trong những ngày đầu ở Ars, nếu tôi có thể ban phát Mình Thánh của Đấng Cứu Thế mỗi ngày cho đông đảo tín hữu, thì tôi sẽ hạnh phúc biết bao !» Cha không quên đức tin của Ecully và vẫn luôn hoài niệm về nó. Nhưng hôm nay, mặc dù có lẽ đã nghe theo linh cảm, cha vẫn quá vội vã. Những «người sùng bái» khó có thể giữ lời hứa của mình ngay bây giờ hoặc sau này. Trong toàn bộ sứ mạng mục vụ của mình, cha sẽ không thành công làm cho hiệp hội này sinh hoạt hiệu quả : những người đàn ông bỏ trốn. Tuy nhiên, một phong trào nhất định đã diễn ra trong giáo xứ. Từ năm 1825 trở đi, hầu như lúc nào cũng có một ai đó, - một bóng kín đáo, một trái tim cầu nguyện - trong nhà thờ vào ban ngày.

Dù trong hoàn cảnh nào, và bất chấp nỗi cay đắng mới từ sự sỉ nhục của chính mình, thánh Jean-Baptiste-Marie Vianney, người đau khổ vì mất đi một linh hồn cũng như mất đi cả thế giới, vẫn làm việc không mệt mỏi để quy tụ xung quanh Chúa Kitô ẩn giấu nhưng sống động, lòng nhiệt thành không thể thay thế của mọi người.

Chết tiết ! Có quá nhiều ý tưởng kỳ quặc đang chạy qua đầu tôi, cha thường nói thế khi có ai đó hỏi cha quá kỹ. Đối với chúng ta, cảm nhận của mọi người dường như là một trong những đặc điểm của chức tư tế của cha, nhưng không phải là không có sự huyền bí. Bởi vì, dù cha dễ gần, do tính khí hay do xuất thân, thì rõ ràng là không đủ để giải thích điều đó. Cha luôn nhìn thấy một đám đông, cha dang rộng vòng tay hướng về đám đông này. Đám đông ở Ars ? hay một đám đông khác ? Theo một số nhân chứng, thậm chí trước khi đặt chân vào làng, ngay sau khi người chăn cừu trẻ Antoine Givre dẫn cha đi qua sương mù, cha đã thốt lên một cách tiên tri trước ngôi làng và nhà nguyện nhỏ : «Họ sẽ không thể chứa được những người đến đó».

Trong trường hợp không có sự soi dẫn của Chúa, đặc điểm này ít nhất cũng phản ánh điều mà chúng ta đã ghi nhận ở cha nhiều lần kể từ khi cha bắt đầu sứ vụ : khát khao cháy bỏng truyền bá phúc âm cho toàn thế giới. Giống như thế cha đã từng phát biểu trước vô số hội đồng, nhưng rõ ràng là cha không có cách nào để tiếp cận, triệu tập hay tập hợp họ lại. Giáo xứ của cha về mặt chính thức chỉ giới hạn trong một khu vực rất nhỏ với khoảng năm mươi hộ nông dân : thế thôi. Cha mong đợi đám đông sẽ đến từ đâu ? Họ sẽ đi xuống từ những ngọn đồi nào ? Cha sẽ thấy họ nổi lên từ thung lũng

nào? Liệu họ có chui ra khỏi mặt đất không ? Bây giờ cha đã mất và trong một trăm năm chúng ta có thể thấy rằng cha đã đưa ra lời kêu gọi của mình đến mọi chân trời, cha đã kêu gọi nhiều hơn một nhà truyền giáo của thế kỷ cha, cha đã gọi bằng một vài từ rất đơn giản. Rõ ràng, cha đã vượt xa trách nhiệm mục vụ nghiêm ngặt của mình. Trong người nông dân vừa mới thức dậy khỏi bụi rậm, có một vị tông đồ sáng suốt của toàn thế giới.

Vào lúc đó, cha Vianney chỉ là người bảo vệ siêu nhiên của một giáo xứ nghèo, bất ổn và chia rẽ hơn là nhiệt thành. Từ năm 1823 đến năm 1825, trong ba năm mà đối với cha phải dài bằng ba mươi năm, khi nỗi sợ phải xấu hổ rời bỏ giáo xứ ám ảnh cha, cha đã chứng kiến sự phát triển - giống như người nông dân, tuần này qua tuần khác, cân đo bấp ngọ căng phồng giữa các ngón tay - của một hiện tượng phi thường, đó là một chức tông đồ tự khẳng định bằng sự mất uy tín giáng xuống người lãnh sứ mạng tông đồ ấy một cách tàn nhẫn. Sự mất uy tín ấy làm cho người có địa vị cao hơn mình khó chịu. Lòng tự trọng thấp kém của con người, thay vì cản trở công việc của Chúa, mà ngược lại, theo sự cần thiết tuyệt đối, trao công việc đó cho chính Chúa và đảm bảo công việc đó. Đây là bài học cho rất nhiều kẻ phá hoại ngày nay, những kẻ ám ảnh với tuyên truyền, thèm khát danh tiếng và lo lắng về

ảnh hưởng tâm lý.

Theo như có thể đánh giá, tình trạng khôn khổ khủng khiếp mà ngôi làng Dombes mắc phải không hề biến mất chỉ bằng một sự quay trở lại đơn giản theo lẽ thường tình. Mặc dù một số gia đình hẳn đã vô cùng hối hận vì bị cuốn đi, nhưng thông qua phương tiện ít thông thường hơn và chân thực hơn, thông qua sự hối cải của cha, ngôi làng đã trở về với vị chủ chăn của mình. Khi cha Vianney là khí cụ, có điều gì đó khó chịu về điều tốt ; vô cảm với những người nguội lạnh, cha mở rộng bằng những cuộc chinh phục đột ngột và quyết đoán. Những người theo chủ nghĩa duy tâm, giống như ở mọi nơi khác, bao vây cộng đồng tín hữu bằng một vòng kim loại khá nặng nề, hầu như không cảm thấy ám áp bởi sự hiện diện rực cháy này. Nhưng những linh hồn, một số linh hồn được chạm đến mãi mãi, thú nhận rằng họ đã gặp sứ giả của Chúa. Bất cứ khi nào chúng ta tưởng tượng cha giữa những giáo dân của mình, trong nhà thờ, trong nhà, trên quảng trường có cây dẻ, chính những con người như vậy nhìn cha và cha nhìn lại, chứ không phải những người ủng hộ tốt bụng và dũng cảm với khuôn mặt vui vẻ hay cái bụng đầy đặn.

Hiện nay, nhóm người được kêu gọi này đang ngày càng gia tăng. Chúng ta hiểu rõ hơn về kinh nghiệm

không thể phủ nhận mà vị tông đồ bị đánh đập đang nhắc đến khi cha tuyên bố rằng chính trong sự khốn khổ của mình mà cha đã phục vụ Chúa và nếu Chúa có thể tìm được một linh mục nghèo khổ hơn, chắc chắn Người đã chọn ông ấy. Dưới roi vọt của thử thách, bị giày vò về thể xác và tổn thương về tinh thần nhiều hơn bất kỳ ai mà Phúc âm nhắc đến khi tái hiện những lời khủng khiếp của Chúa với môn đệ mình : «Hãy dùng vũ lực mà bắt chúng vào» - cha đã vượt qua, mà không hề tìm kiếm, ranh giới mà Thánh Gioan Thánh Giá dạy chúng ta rằng sự mặc khải mơ hồ về sự hiện diện của Thiên Chúa sẽ xảy đến.

Cha không bước vào lãnh vực được bảo vệ này theo cách của một nhà chiêm nghiệm ở Dòng Cát Minh đang nôn nóng cải cách Dòng của mình. Cha bước vào đó với tất cả nỗi đau khổ của một người cha phụ trách những người dân thường và cảm thấy, đến mức gần chết, rằng những sự tàn bạo mà cha phải chịu đựng cũng ảnh hưởng đến họ, và nếu họ không đối xử với cha như họ đã làm, thì họ sẽ phản nộ vì sự đơn giản của họ, có lẽ là không thể cứu chữa được. Tuy nhiên, trong những năm tháng đặc quyền này, cha nhận ra rằng nỗi lo lắng của mình cuối cùng cũng vô ích : với sự ngạc nhiên thâm lắng, mỗi ngày, ở mọi cơ hội, cha đều chứng kiến món quà vô tận của đôi bàn tay trắng, theo như câu nói nổi

tiếng của Bernanos.

Trong quá khứ, nếu không có sự giúp đỡ không ngừng của Chúa, nỗi đau khổ của cha quá lớn đến nỗi có lẽ cha sẽ không bao giờ trở thành một linh mục : về mặt này, có phần kỳ diệu. Bây giờ, bất kể tương lai ra sao, cha không còn nghi ngờ gì nữa rằng cha đã được ban cho danh hiệu là người làm phép lạ. Tất cả những biểu hiện phi thường của sức mạnh, tất cả những dấu hiệu mà con đường của cha sẽ được đánh dấu theo chân bảy mươi hai tông đồ sẽ không có gì đáng ngạc nhiên kể từ khoảnh khắc cha đạt được, trong đêm, sự chắc chắn của những điều chắc chắn, khi cha tự mình trải nghiệm những lời của Chúa Kitô nói với Thánh Phaolô : «Ồn Ta đủ cho con». Qua việc làm mất uy tín của vị chủ chăn, ngôi làng hàng ngày gắn liền với phép lạ : ngôi làng sống nhờ phép lạ, có thể là mù quáng, nhưng thực chất, giống như người Do Thái sống nhờ manna.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều mâu thuẫn. Sau những lời chỉ trích và mỉa mai, thậm chí là bất công, cha Vianney không còn là người bất khả xâm phạm nữa, vì lý do hiển nhiên và vô lý là cha đã bị tấn công. Tiếp nối những người lính và những kẻ ngốc, những tín đồ đáng kính - như chúng ta biết - đã phàn nàn với giám mục về sự ngoan cố của cha ; bây giờ, những linh mục như cha,

những cha xứ như cha, sẽ lên án sự thiếu phán đoán của cha.

Họ thường tỏ ra không mấy tôn trọng cha, nhưng ngày nay, thật là phù phiếm khi lấy cớ rằng cha xứ Ars đã được phong thánh để chế giễu chúng ta vì những lo lắng hay sự không chắc chắn của họ : một số bài giảng mà chúng ta đã nghe sẽ biện minh cho điều đó. Chính xác thì đây là một trong những đặc điểm của câu chuyện đáng kinh ngạc này khi những người cáo buộc mới này đã đúng với cha ở nhiều điểm. Cuộc tấn công này, không phải là không có mục đích, nhưng lại đáng sợ hơn bất kỳ cuộc tấn công nào khác đối với cha. Cuộc tấn công ấy đã làm tổn thương cha ở điểm dễ bị tổn thương nhất : cha thiếu sự đào tạo. Cuộc tấn công liều lĩnh đặt ra câu hỏi một cách hợp lý, trong chính mắt cha, về chức tông đồ hiện tại và quá khứ của mình; cuộc tấn công đe dọa sẽ tước đi của cha, bằng một vài phán đoán không thể chối cãi, nếu không phải là giá trị của những đau khổ mà cha phải chịu đựng thì ít nhất cũng là giá trị của những nỗ lực anh hùng nhất của cha ; nói tóm lại, cuộc tấn công ấy sẽ lấy đi trí thông minh của cha về sự tồn tại của chính cha. Không ai có thể đánh thức trong cha nỗi tuyệt vọng khủng khiếp và ma quỷ, cả ngày lẫn đêm.

Cái có là gì ? Rất có thể là phong trào hồi cải lớn diễn ra vào năm 1826, đi kèm với Năm Thánh long trọng được Rome ban hành trên toàn khu vực. Giáo xứ Ars không phải là nơi nhỏ nhất trong số đó, nếu người ta có thể nói về một cuộc hội họp mà mọi người xé bỏ mặt nạ và tìm lại khuôn mặt của mình. Thật bất ngờ.

Catherine Lassagne không nói gì nhiều hơn hay ít hơn ngoài một «cuộc cách mạng». Vị chủ chăn nghèo khổ đã sám hối nhiều hơn bao giờ hết và không ngừng hướng đến Bí tích Thánh Thể : trong tám ngày, cha đã cử hành Thánh lễ cầu cho những tội nhân trở về. «Hong ân mạnh mẽ đến nỗi, bà hiệu trưởng *La Providence* giải thích, không ai có thể cưỡng lại được». Người ta thấy những người đàn ông nghiêm túc và chu đáo quên hết mọi sự tôn trọng của con người ; người ta nghe một số người đã lâu không đến với các bí tích nói lớn trên đường : «Tôi muốn xưng tội». Vị linh mục tốt bụng, vui vẻ, tuyên bố một buổi tối từ bục giảng : «Anh em ơi, Ars không còn là Ars nữa, nó đã thay đổi ! Tôi thành thật nói với các bạn rằng tôi đã thực hiện nhiều lễ kỷ niệm, nhiều sứ mệnh khác nhau, và tôi chưa bao giờ thấy những người có thái độ tốt như ở đây».

Đối với những linh mục lân cận, cha Vianney không phải là một vị phụ tá bình thường trong hoàn cảnh như

vậy. Cha không chỉ có ảnh hưởng phi thường đến các tín đồ mà còn lôi kéo con quỷ tò mò và ồn ào của mình từ giáo xứ này sang giáo xứ khác. «Nào, hãy làm như chúng tôi làm, những quý ông tốt bụng này hãy dứt bỏ hẳn; hãy ăn, hãy ngủ và sự gian ác của các người sẽ chấm dứt».

Tại Saint-Trivier-sur-Moignans, cuộc tranh luận sau bữa tối trở nên gay gắt đến mức người bất hạnh, người luôn im lặng trong những trường hợp như vậy, đã bị gọi là «người có tầm nhìn xa» và «kẻ điên», đã phải lên phòng mình. Những đối tác khinh thường của cha đã bắt chước cha. Vào lúc nửa đêm, tất cả mọi người đột nhiên bị đánh thức, cha Monnin kể lại, «bởi một tiếng động khủng khiếp; nhà xứ bị lật ngược ; cửa ra vào đập mạnh, cửa sổ rung chuyển, những bức tường rung chuyển, những tiếng kéo kẹt đáng sợ khiến người ta sợ rằng chúng có thể sụp đổ.» Mọi người chạy vào phòng của vị linh mục thánh thiện, người đang nằm sâu trong giường, bình tĩnh trả lời : «Hãy đi ngủ đi. Không có gì phải sợ cả.» Chúng tôi tự trấn an mình. Tiếng ồn dừng lại. Ngôi nhà đã yên bình được gần một giờ khi sự kiện xảy ra, sau tất cả sự náo động này, sẽ sớm trở nên bình thường : một người nông dân bấm chuông cửa ; anh ta đã đi nhiều dặm trong bóng tối hoàn toàn để xưng tội với vị linh mục nghèo của xứ Ars. Một nhân chứng của

cảnh tượng này, cha Chevalon, một cựu chiến binh của Đế chế, nhưng đã run rẩy rất nhiều, tìm thấy lời cuối cùng : «Tôi đã hứa với Chúa rằng tôi sẽ không đùa giỡn về những câu chuyện này nữa. Còn về cha xứ Ars, cha là một vị thánh.»

Tuy nhiên, đây không phải là ý kiến của tất cả mọi người. Cha bị trêu chọc một cách ghê tởm. Cha hẳn đã buồn bã biết bao khi trở về từ một trong những cuộc họp tu sĩ này, để nói với Catherine Lassagne : «Những quý ông này đang ở quanh tôi, một người đang chạm vào áo lễ của tôi, người kia đang chạm vào mũ của tôi: đó là cha xứ Ars ! Và đây cha ấy đây». Cô gái trẻ nhận xét rằng, dường như cha biết mình là chủ đề để mọi người chế giễu và cười nhạo. Có những lời chỉ trích về cách hành động của cha, đặc biệt là việc cha từ chối lời mời một cách có hệ thống, ngoài các hội nghị bắt buộc của giáo phận, và ở đó, như bà nông dân tốt bụng lưu ý, cha phải chuẩn bị báo cáo thường xuyên hơn một chút so với lượt của mình.

Nếu chúng ta hiểu theo nghĩa đen những ẩn ý này, chúng ta không thể tưởng tượng được những trò giải trí vào thời điểm đó mà không thấy khuôn mặt nghiêm nghị của người đàn ông của Chúa đầy những đường nét kỳ dị và tính cách của cha phủ đầy màu đất của sự chế

giấu. Tuy nhiên, trong số các linh mục, cha vẫn có bạn bè. Than ôi ! Vào thời điểm mà những đau khổ tồi tệ nhất ập đến, cha gần như cảm thấy cô đơn.

Tuy nhiên, cái đầu chế giễu này đeo trên cổ cha như một chiếc mặt nạ lễ hội không còn hành hạ cha nữa, cũng không ai chế giễu về tái nhợt diện rồ của cha... Những kẻ đối đầu với cha còn sử dụng những vũ khí tàn nhẫn hơn : họ tìm cách chia rẽ nội bộ cha. Những cuộc thảo luận gay gắt của họ đã góp phần không nhỏ vào việc đẩy cơn hoảng loạn kinh hoàng mà trách nhiệm giáo xứ của cha đã đẩy cha vào và khiến cha sống trong đó gần như cho đến cuối đời, bị choáng ngợp ! Nếu không có những lời than phiền của họ - những lời than phiền của các chủ chăn hiểu biết - liệu cha có thể xác định một cách thô thiển trong cuộc sống của mình một miền đau khổ và buồn bã không thể thấu hiểu, để rút lui về mặt cảm xúc vào niềm vui duy nhất mà không ai có thể lấy mất của cha không ? Liệu cha có bao giờ nói: «Tôi không vui khi làm cha xứ, nhưng tôi rất vui khi làm linh mục để có thể cử hành thánh lễ».

Ngoài việc sám hối vô nghĩa và tính lập dị ma quỷ, điều mà các anh em linh mục chỉ trích cha là định hướng tâm linh của cha. Từ khi cha được nhiều người biết đến hơn, các tín hữu từ mọi giáo xứ thường xuyên đến xưng

tội với cha. Sau lễ kỷ niệm, một dòng du khách nhỏ, khoảng mười lăm người mỗi ngày, bắt đầu di chuyển về Ars. Việc đã có một sự bất đồng lâu dài giữa cha Vianney và các linh mục xung quanh, và sự bất đồng này thậm chí đã trở nên công khai khá nhanh chóng, thì những bài giảng Chủ Nhật của cha sẽ đủ để thuyết phục chúng ta. Sự phản đối của người dân rất rõ ràng : nếu vị chủ chăn của họ vẫn ngoan cố, họ sẽ đi nơi khác để tìm «những linh mục dễ tính hơn», những linh mục «đổi xử tốt với họ». Trên bục giảng, cha lên án cách giải quyết không xứng đáng này nhiều lần : điều này nhằm cung cấp cho chúng ta bằng chứng rằng cách giải quyết sau tồn tại, rằng nó được thực hiện và thành công.

Vì thế, vị linh mục xứ Ars được bao quanh bởi một vòng hào quang phản đối. Từ thời điểm này trở đi, giáo dân chắc chắn đã bị giằng xé giữa các học thuyết và thực hành tôn giáo hoàn toàn khác biệt, nếu không muốn nói là mâu thuẫn. Cha Vianney không chịu nhượng bộ vì cha là người đầu tiên bị sốc trước sự tự mãn của những người hàng xóm. Chúng ta thậm chí không hề ngạc nhiên khi nghe điều đó, trong một hoàn cảnh ít nhất, để tán công, thông qua một ẩn dụ mà chỉ cha nắm bắt được, các vị trí phân cấp : khi thực tế, trong lời chỉ dẫn của mình về sự thờ ơ, cha lên án những người khẳng định rằng thiên đường không bị nạn đói chiếm mất, cha

lập lại từng từ một lời cảnh báo mà cha Courbon đã nói với cha qua một người bạn đi ngang qua và cha vẫn chưa ngừng xem xét điều đó là khó hiểu.

Từ năm 1826, căng thẳng với các giáo xứ khác ngày càng trầm trọng hơn do dòng người tội lỗi đổ về tòa giải tội của cha. Cha Monnin, người chỉ rõ rằng cuộc khủng hoảng này sẽ kéo dài trong một thời gian dài, đổ lỗi cho một số người ăn năn mà vị linh mục thánh thiện này được cho là nạn nhân. «Những tâm hồn tội nghiệp, đáng được thương cảm sâu sắc, vị tu sĩ Dòng Tên tương lai đã viết một cách sâu sắc, những người không được dẫn dắt bởi bàn tay vâng phục, tìm kiếm bản thân thay vì tìm kiếm Chúa... (Những tâm hồn tù nhân) ít nhiều tự nguyện có một lương tâm sai lầm và một Kitô giáo lệch lạc, (những tâm hồn này) mang theo căn bệnh nan y từ cuộc hành hương này đến cuộc hành hương khác và từ người giải tội này đến người giải tội khác, bất cứ nơi nào cơn gió bất ổn đẩy họ đi, được nâng đỡ bởi hy vọng không gặp phải một lời nào có thể xoa dịu họ, bởi vì căn bệnh của họ không muốn được xoa dịu, mà là một quyết định thánh hiến cho kế hoạch ứng xử của họ, chấp thuận những ý tưởng về sự hoàn hảo của họ, biện minh cho những lo lắng của họ và cho phép họ tiếp tục run rẩy trong tự do... Ars sớm trở thành nơi ẩn náu của những trí tưởng tượng đau khổ này và là trung tâm của

những cuộc hành hương lo lắng của họ. Chúng tôi hiểu tác hại mà điều này gây ra cho cha Vianney. Khi trở về từ chuyến đi, những người thường xuyên đến Ars này đã bắt vị linh mục thánh thiện phải nói một cách ngẫu nhiên... Họ đã chống lại cha giải tội thường xuyên của mình bằng mọi điều mà cha Vianney đã nói và mọi điều mà cha chưa nói».

Để quyến rũ một nhóm khách hàng như vậy, một nửa hào phóng, một nửa giả tạo, không có gì giống như sự hiện diện rực rỡ của sự thiêng liêng trong cuộc sống của một linh mục, đặc biệt là khi nó kết hợp với một chút gì đó quá mức của tự nhiên : trường hợp này cũng vậy. Các loài ong bắp cày này háo hức với những điều siêu nhiên thể hiện bản năng chắc chắn đối với những điều bất thường. Họ thể hiện điều đó một cách không thể cưỡng lại chỉ bằng sự siêng năng của mình.

Nhiều cha xứ đã phản ứng ngay lập tức bằng cách cấm giáo dân của mình đi xưng tội ở Ars, nếu không sẽ bị phạt từ chối xá tội. Những người khác chế giễu bài giảng và «chủ nghĩa sùng đạo đặc thù» này và lên án sự bất thường trong lời kêu gọi này đối với người anh em linh mục kỳ lạ của họ. Vào thời điểm đó, cha Vianney sau này đã hài hước thừa nhận, Phúc âm được để lại trên các bục giảng và xung quanh - chúng ta thấy cử chỉ

bàn tay hướng về vùng nông thôn xung quanh - người ta rao giảng «vị linh mục nghèo xứ Ars».

Cha đã bị ảnh hưởng một cách tàn khốc bởi điều đó. Bất cứ câu trả lời nào, cha đều đi trước. Đầu năm 1827, cha quyết định chuyển đổi tác phẩm trường *Providence* của mình vào tháng 9 ; cha muốn trao trọn mọi thứ cho Chúa, như cha đã mong muốn ngay từ đầu. Vì cha đã miễn cưỡng dạy học, cho ăn và cho ở tại trường của mình cho những bé gái khá giả ở làng và các vùng lân cận mà không đòi hỏi bất kỳ khoản tiền nào từ cha mẹ các em, nên cha sẽ ngừng làm như vậy. Những người nông dân béo phì hay những thương gia giỏi không bao giờ từ chối trả tiền, nhưng cha lại quá gắn bó với cảnh nghèo đói đến nỗi cha thích cung cấp cho họ khoản tiền boia rẻ mạt này hơn là bán cho họ những lợi ích của mình. Từ giờ trở đi, những cô gái ở Ars sẽ tiếp tục được nhận vào ngôi nhà này với tư cách là học sinh bán trú, nhưng chỉ có những đứa trẻ bị bỏ rơi mới tìm được một mái nhà ở đó, tất cả những đứa trẻ đáng thương mà cha gặp trên khắp vùng nông thôn trong những buổi đi dạo buổi chiều, trong bộ quần áo rách rưới, không có nơi trú ẩn hay bánh mì, và bị những người cha, người mẹ vô tâm lợi dụng hoặc bị những người chủ vô lương tâm làm kiệt sức, làm tội tệ và tham nhũng. Cha muốn đi qua bí ẩn của sự nghèo đói hoàn toàn không chỉ vì

người nghèo, mà còn tay trong tay với người nghèo. Không ai vĩ đại hơn trong mắt cha, không ai mang đến hy vọng chắc chắn như những cô gái hoang dã, bản thiú, hốc hác và không có tình yêu. Catherine Lassagne và Benoîte Lardet, cùng với Jeanne-Marie Chanay, đã chào đón họ từ năm tám tuổi cho đến khi họ rước lễ lần đầu, nhưng cánh cửa không đóng lại với bất kỳ ai trong số những người mười lăm, mười tám hoặc hai mươi tuổi, miễn là họ gõ cửa. Thiên Chúa sẽ không tạo ra thế giới như thế nào, giáo xứ như thế nào trong giáo xứ, với những tân binh của lòng thương xót này ?

Trong khi cha đang hoàn thiện dự án, nghĩa là trong khi cha thiết lập nó trong nghịch lý truyền giáo thuần túy, cha vẫn tiếp tục theo dõi việc khôi phục nhà thờ của mình. Ngược lại, «Gia đình của Chúa», theo cách diễn đạt của cha, trở nên giàu có hơn, chủ yếu là nhờ vị tử tước tài năng người Paris. Vào năm 1824, ông đã công hiến một mái che cho những lễ rước kiệu, nhưng nó quá đồ sộ đến nỗi không thể đi qua cổng. Không sao cả: theo sự thúc giục của cha Vianney, chính xác là vào năm 1826, ông des Garets đã mở rộng các lối vào, xây dựng lại mặt tiền của nhà thờ và trang trí theo sở thích không chắc chắn của vị chủ chăn. Vào ngày 15 tháng 5 năm 1827, ông đã gửi, như một trong những lá thư ông đã thông báo : «1) một mặt trời bạc mạ vàng ; 2)

một chung bày được phủ nhung có mái vòm, trụ cột, lông chim và đế bằng đồng mạ vàng ; 3) một nhà tạm bằng đồng mạ vàng...» ban đầu được dự định dành cho nhà thờ Saint-Sulpice ở Paris. Khi những chiếc thùng đến nơi, vị linh mục tốt bụng, trước khi cẩn thận cất những món đồ bên trong vào nhà thờ, đã ra lệnh mở chúng ra ở quảng trường làng và gọi những bà lão trong vùng : «Này, các bà, hãy đến và xem những món đồ đẹp để trước khi chết.» Nhưng vào tháng 7, sức khỏe của người tiên phong này suy sụp. Cha không thể chịu đựng được nữa, cha đã chiến đấu quá sức rồi. Sau này, cha nói: «Khi đến Ars, tôi đã biết mình sẽ phải chịu đựng nhiều đau khổ đến thế ở đó, tôi đã biết mình sẽ chết ngay lập tức». Một lần nữa, cha vô cùng sợ hãi khi nghĩ đến việc vị giám mục sẽ nghi ngờ cha, sẽ đuổi cha đi, và rằng mọi người sẽ «chọc giận vì cha đã dám ở lại lâu như vậy - gần mười năm - trong một giáo xứ mà điều đó chỉ có thể là trở ngại cho điều tốt.»

Đêm đến, cha liên tục bị ác mộng, tiếng ồn và sự tống tiền đen tối quấy nhiễu. Rõ ràng là cha đã đến giới hạn rồi. Vào thứ Bảy, ngày 28 tháng 7 năm 1827, bà xứ Ars đã yêu cầu cha đến lâu đài : bà đã triệu tập một bác sĩ từ Trévoux, bác sĩ Timécourt. Người thầy thuốc, tự nguyện hoặc ép buộc, sẽ kiểm tra cha. Sau đây là giấy bác sĩ : «Cha xứ phải áp dụng chế độ ăn uống tốt hơn để ngăn

ngừa các chứng rối loạn thần kinh mà mình mắc phải và có thể trở thành thói quen...» Do đó, sự mất cân bằng là điều hiển nhiên. «Bất kể các biện pháp y tế mà tôi đã chỉ định cho cha, điều thích hợp là cha xứ nên dùng súp nấu với chất béo hoặc sữa, thịt gà, thịt bê, bia, trái cây sống hoặc nấu chín với bánh mì tươi, ‘món nướng’ với bơ tươi và mật ong, trà với sữa ngọt và nhiều nho chín.» Nói tóm lại, đây là một loại phương pháp chữa bệnh theo chủ nghĩa tự nhiên. Những «món nướng» nổi tiếng này chỉ là bánh mì nướng, nếu chúng ta nhớ Balzac trong *Le père Goriot* : «Sylvie, Christophe nói, làm ướn ‘món nướng’ đầu tiên của mình»...

Vì gần như chắc chắn rằng người bệnh sẽ không bao giờ tuân theo chế độ này, nên theo sự xúi giục của người phụ nữ quản lý lâu đài, Catherine Lassagne đã đề nghị với vị linh mục của mình rằng cha nên đến dùng bữa tại *Providence*, cách nhà thờ năm mươi mét. Về nguyên tắc, cha Vianney đồng ý trong một thời gian ngắn, nhưng cha thường chỉ ăn súp và trứng. Còn về những loại trái cây mà cha rất thích, cha đã thề, để những kẻ tội lỗi được hoán cải, sẽ không bao giờ ăn bất cứ loại nào.

Sức mạnh của cha dần dần trở lại. Liệu cha có nợ sự chăm sóc này hay đơn giản hơn là nhờ vào việc thoát khỏi nỗi đau cô đơn của mình vào dịp này ? Dù sao đi

nữa, vào cuối năm, do một sự thúc đẩy đột ngột dường như không thể giải thích được, cha đã viết thư cho giám mục của mình để yêu cầu được đổi đi. Những tác phẩm cha khởi xướng không còn có thể cản trở cha nữa.

Chuyện gì đã xảy ra ? Các giáo dân vô cùng ngạc nhiên và tự hỏi «nguyên nhân của hành vi như vậy». Ở làng, những lời vu khống gian trá mà cha là mục tiêu đã gần như biến mất ; sự xoa dịu này không hề kìm hãm cha mà ngược lại còn ám chỉ rằng bây giờ cha có thể, cha phải ra đi. Tại sao cha lại muốn như vậy ? Có lẽ vì cha cảm thấy rằng sự ra vào của những người sám hối trong vùng, những cuộc «hành hương» kiểu này, như chúng sẽ sớm được gọi, sẽ làm trầm trọng thêm mối quan hệ của cha với các anh em linh mục. Việc từ bỏ nó trong khi vẫn giữ nguyên vị trí dường như là điều không thể biện minh được với cha : làm sao cha có thể từ chối nhiều linh hồn hơn ? Nếu cha được bổ nhiệm ở nơi khác, chức vụ mới của cha có thể sẽ thu hút cha nhiều hơn. Giám mục Devie, người chỉ biết cha trong bốn năm và qua những câu chuyện, đã tin lời cha và khiến cha ngạc nhiên khi trao cho cha giáo xứ Fareins, nơi có dân số gần một nghìn một trăm người.

Tại sao lại là Fareins ? Không còn nghi ngờ gì nữa, bởi vì, nếu chúng ta tin cha Monnin, «cuộc chinh phục đầu

tiên của cha Vianney» ở Ars - nghĩa là, cuộc cải đạo đầu tiên của cha - là một phụ nữ theo đạo Jansen từ Fareins, một môn đồ ngoan cố của một số anh em Bonjour đã thực dân hóa đất nước này. Đến đó mà không rõ lý do, bà vội vã chạy vào tòa giải tội sau khi nhìn chằm chằm vào «vị linh mục mới» trong suốt giờ kinh chiều. Trong khi bà quỳ gối ở đó, mọi người dường như đều tự nhủ: «Liệu cha có thành công không ?» Cha đã thành công nhờ sự kiên nhẫn... Để thoát khỏi sự nài nỉ của những người cùng đạo, bà quyết định định cư ở Ars, nơi mà từ đó bà trở nên rất nổi tiếng. Nhưng vị giám mục có những lý do khác : để phục hồi vị linh mục tội nghiệp bị vu khống, trước mặt mọi người và giáo sĩ.

Cha Vianney do dự rồi chấp nhận. Đột nhiên, cha thay đổi ý định và từ chức. Động cơ được công khai là gì ? Nỗi sợ hãi về một giáo xứ quá cứng đầu trong tà thuyết của mình, nhưng trên hết là «sự khốn khổ của chính mình.» Cụ thể hơn, sự bất cập trong mục vụ của giáo xứ : «Tôi là một người bất hạnh, cha tuyên bố với các bà ở *Providence*, tôi đã đồng ý đến một giáo xứ lớn, tôi là người khó có thể chống lại sự tuyệt vọng ở một giáo xứ nhỏ».

Chúng ta có thể được phép chỉ ra rằng sự từ chối này cấu thành một sự rút lui không ? Ban đầu, cha Vianney

đã nói «có», bị thuyết phục bởi triển vọng rộng lớn hơn của việc truyền giáo, điều này rất phù hợp với lòng sốt sắng muốn hoán cải toàn thể thế giới của cha. Nếu cuối cùng cha chọn «không», đó là vì cha coi mình là sự ràng buộc hy sinh với ngôi làng nhỏ Ars của mình ; đó là vì cha không muốn thoát khỏi luật lệ khắc nghiệt là phải hiến dâng máu linh hồn mình ở đó, ít nhất là đối với một số ít người ; đó là vì cha đã đồng ý mở cho vô số người mà cha đang chờ đợi, không cánh cửa nào khác ngoài lối vào nhỏ bé của ngôi nhà thờ thôn quê khiêm nhường của cha. Cha thích độ khó cao hơn. 1828 lại được niêm phong và phê chuẩn sự trở lại của năm 1820.

Khi cha Vianney vừa mới dựng nó lên như một chiếc thuyền và lái nó ra khơi để ném nó vào nơi nguy hiểm của Chúa, thì trường *Providence* đã tạo nên, trong gần hai mươi năm, một điều kỳ diệu hàng ngày. Cả cuộc phiêu lưu lẫn cơn bão đều không làm vị linh mục nhà quê lo lắng ; cha muốn thấy mình được mạnh mẽ hơn. Nó có rất ít điểm chung với những chiếc xà lan chất đầy hàng hóa mà cha có thể nhìn thấy dọc theo sông Saône: mỏng manh, quý giá và nhẹ nhàng, nhưng lại chứa đầy tâm hồn. Nó giương buồm giữa thế kỷ, như một chiếc thuyền kỳ diệu mới. Cha hầu như không dẫn dắt cuộc hành trình nhiều hơn Noê : đại dương mang nó cũng dẫn dắt nó. Sự tự tin của cha vượt xa sự bình tĩnh của một con chó biển già cảm thấy mình đang ở trong môi trường của mình và theo thói quen, chờ đợi sự hỗ trợ không ngừng của bầu trời và độ sâu của nước : cha tin tưởng.

Quá trình phát triển của tác phẩm có thể được theo hàng trăm cách, thậm chí là thực tế. Nếu các tờ báo nổi tiếng của chúng ta từng đăng câu chuyện này trên các trang minh họa, thì bộ chuyển thể này rõ ràng sẽ bắt đầu bằng cách ngụ ý trang cha xứ Ars thành thủ phạm. Sẽ không có gì ngạc nhiên cả. Nói thật, lúc đầu cha đã tin rằng ngôi làng sẽ ghi nhớ ý tưởng che chở và cứu giúp những đứa trẻ tội nghiệp bị lạc, rằng cha sẽ biến điều

đó thành huyền thoại vàng son của mình. Cha nhanh chóng tỉnh ngộ - và đây là sự xác nhận, nếu cần, nếu không phải là sự khắc nghiệt của những người nông dân, thì ít nhất là sự công nhận nhỏ nhoi mà cha vẫn dành cho họ mặc dù đã có lễ kỷ niệm : từ trang trại này sang trang trại khác, đợt quyên góp đầu tiên chỉ mang về được tổng cộng một bao khoai tây.

Từ đó trở đi, việc duy trì ngôi nhà nuôi dưỡng của cha đã có bước ngoặt mà cha không lường trước được: nó trở thành một nhu cầu vô ơn và tốn nhiều công sức. Sau khi bắt đầu bằng việc bán tài sản gia đình, cha Vianney, người không bỏ cuộc, đã vượt ra ngoài biên giới của mình và tiếp cận những người giàu có mà cha có thể quen biết ở nơi khác. Một lần nữa, lời kêu gọi «những người lạ» và sự tham gia tất yếu của họ vào các doanh nghiệp địa phương nghe có vẻ hào phóng và cay đắng. Tuy nhiên, chính nhờ sự kiện này mà chúng ta có được trong thư từ của vị thánh này một số mẫu khá hấp dẫn khiến cha trở nên gần gũi với chúng ta một cách kỳ lạ. Trên thực tế, hiếm có linh mục nào, đặc biệt là trong hơn một thế kỷ rưỡi trở lại đây, chưa từng phải đầu hàng cảnh nô lệ của nghề ăn xin. Vị linh mục của Ars không bỏ lỡ nó.

Với anh trai François, một người nông dân ở Dardilly, thói quen này đã hình thành từ lâu, như chúng ta sẽ thấy, và cha thực hiện nó một cách nhanh chóng : «Ars, ngày 20 tháng 6 năm 1820. Anh trai thân mến, em có một điều muốn yêu cầu anh đừng từ chối, đó là ứng trước tiền lương hưu của em trong một năm, vì em nợ rất nhiều. Em cầu xin anh đừng bỏ rơi em trong cảnh túng quẫn...» «Ars, ngày 2 tháng 6 năm 1822. Người bạn thân mến của tôi. Khi báo tin cho anh về tình hình sức khỏe của tôi, mà vẫn ít nhiều như vậy, tôi đến để nói với anh rằng nếu anh có thể gửi cho tôi tiền lương hưu của cả năm... Nếu anh có thể ứng trước tiền lương hưu của năm sau cho tôi... Anh rể tôi Melin nói với tôi rằng anh ấy sẽ trả cho tôi một trăm écus cho một công việc, nhưng thế là không đủ...» Với ông des Garets, ngay sau sự hồi sinh của trường *Providence*, ngôn ngữ cũng không có sự khoa trương : «Ars, ngày 6 tháng 12 năm 1831. Ân nhân đáng kính của tôi. Vì phải đến Jassans vào dịp lễ Jubilé, lại sợ phải mất công đi tìm tôi, ông có thể đưa tiền cho Étiennette, cô ấy sẽ đưa cho tôi». «Ars, ngày 3 tháng 11 năm 1837. Nếu bạn vui lòng trả lại cho chúng tôi tất cả số tiền lương hưu ít ỏi...: là 1.000 franc.» Ngay hôm sau ngày này : «Tôi vừa mua năm trăm bó lúa mì. Tôi đã mắc nợ theo cách tốt». Hay còn nữa : «Quý ân nhân đáng kính của tôi. Tôi nghĩ là ông

đã quên mất 250 franc còn lại trong tiền lương bổng của các con gái tôi để trả cho số lúa mì mà tôi vừa mua.» Chúng ta có hơn hai mươi lá thư như vậy, nhưng chúng ta không dám viết theo phong cách thơ ca này vì xét cho cùng, giống như lá thư của chúng ta, đó là những lá thư khá vô hồn.

Những tính toán này, ngay cả khi được gợi ý từ bên ngoài, vẫn không hoàn toàn biến mất khỏi tâm trí cha Vianney. Cha qua đời ngay sau khi trại trẻ mồ côi được thành lập. Ai có thể tin được điều này ? Dùng lời của Đức Cha Trochu, «trong một khoảnh khắc, cha đã có ý định trở thành chủ sở hữu bất động sản.» Cha đã tích trữ ; khi số tiền đủ lớn, «cha đã mua rừng và đất với ý định ban tặng cho trường *Providence* của mình» - chính Catherine Lassagne là người chứng thực điều này, - nhưng «sớm», vào ngày 27 tháng 7 năm 1828, «chán nản», bà kể với chúng ta, - từ ngữ thật tuyệt vời, - cha đã nhượng lại chúng cho Bá tước Cibeins, người sẽ trả tiền cho cha.» Vì vậy, giống như nhiều vị thánh khác, cha đã thành công khi trở thành một kẻ phung phí không hơn không kém, giống như Chúa.

Theo quan điểm của cha, sáng kiến mà cha thực hiện đã vượt xa bất kỳ hoạt động từ thiện nào. Cha đã tìm cách thành lập, dưới sự chỉ đạo của hai phụ nữ nông dân

trẻ, một «gia đình nhỏ» nơi ân sủng từ trên cao sẽ được thể hiện mạnh mẽ. Những gì giáo xứ của cha vẫn chưa trao cho cha, cha đã yêu cầu nhóm người nghèo khổ, bị tước quyền thừa kế này, cha rất nóng lòng muốn tiết lộ xung quanh mình, gần như theo cách hữu hình, vinh quang bất khả chiến bại của Chúa, cha rất chắc chắn rằng Vương quốc Thiên đàng đã được khánh thành giữa chúng ta. Cha sẽ không thất vọng. «Vào ngày phán xét, sau này cha khẳng định, tất cả những điều tốt đẹp đã được thực hiện trong ngôi nhà này sẽ được biết đến».

Tinh thần của nền tảng này thể hiện rõ ngay trong cách đối xử với Catherine Lassagne và Benoîte Lardet. Cha không bao giờ nghĩ đến việc biến họ thành những giáo viên đơn giản, hoặc những quản lý tài chính : cha đã đưa họ vào Bài giảng trên núi, và sự ngắn gọn trong lời chỉ dẫn của cha dành cho họ - những lời nói bùng nổ, ứng khẩu - chỉ có sự tương ứng với lòng tin tưởng vô tận, sự dịu dàng thánh thiện mà cha dành cho họ. Cha có trong số những cô gái này những đệ tử vô danh, nhưng họ sẽ tiến bước với những bước tiến khổng lồ. Họ đã hiểu. Và ngay từ buổi tối đầu tiên. Như họ ngây thơ kể lại ở ngôi thứ ba : «Những vật dụng duy nhất trong nhà là một nồi bơ và một ít pho mát khô mà một cô gái trẻ tốt bụng đã để ở đó. (Những người nữ sáng lập) đã mang theo giường, khăn trải giường và những

vật dụng thiết yếu khác từ nhà cha mẹ họ. Ngày họ đến, không có bánh mì. Sau khi dọn dẹp nhà cửa, họ phải trở về nhà cho đến khi có thứ gì đó để ăn. Họ tự nhủ : Hãy ở lại, có lẽ Chúa Quan phòng sẽ gửi cho chúng ta thứ gì đó để ăn tối. Và điều đó đã xảy ra. Mẹ của một trong số họ nghĩ đến con gái mình và gửi bữa tối cho cô ấy, cô ấy đã chia sẻ với người bạn đồng hành mình ; một lúc sau, người còn lại đã nhận được bữa tối của mình. Họ đã có mọi thứ họ cần và ngày hôm sau bánh mì đã được làm». Rõ ràng là họ đã sẵn sàng để nghe chính mình nói, một ngày nào đó, bởi cha Vianney, người đã giới thiệu cho họ một đứa trẻ khác và họ phản đối rằng không còn giường nữa : «Vẫn còn giường của bạn.»

«Số lượng người nội trú không cố định, cha Monnin giải thích, theo hồi ký, và trong suốt cuộc đời của Catherine Lassagne, chúng tôi đã tiếp nhận tất cả những người đến mà không có lý do nào khác để được chấp nhận ngoài sự nghèo đói, bị bỏ rơi và những nhu cầu được cho là của tâm hồn và thể xác. Khi những cô gái trẻ không còn là thiếu nữ đến, vị linh mục đã chào đón họ rất nồng nhiệt... Họ thường đến trong tình trạng nửa khỏa thân và đầy sâu bọ... Không gì sánh bằng, Jeanne-Marie Chanay chứng thực, lòng trắc ẩn dịu dàng mà vị linh mục thánh thiện của chúng tôi dành cho những người phụ nữ đáng thương bị bỏ rơi này.»

Trong mắt cha, cha Monnin tiếp tục, «họ không chỉ xứng đáng với sự quan tâm dịu dàng nhất - chắc chắn trên môi mọi người, sự quan tâm dịu dàng này - là điều không may và bị bỏ rơi, mà với cha, họ còn xuất hiện như chính Chúa Giêsu Kitô của chúng ta.» Các nhà giáo dục có hiểu biết, các nhà tâm lý học chuyên nghiệp và các thẩm phán có lẽ sẽ ngạc nhiên trước sự cân nhắc cao độ này, sự tôn trọng không cân xứng này đối với tầng lớp cận bã của xã hội ; tuy nhiên, toàn bộ bí mật của Phúc Âm nằm ở đó, và nếu không có trật tự thiêng liêng này thì những gì vẫn còn mang tính con người trên thế giới này đã biến mất từ lâu.

«Đây không phải là chế độ được áp dụng trong các trường công và các tổ chức từ thiện của chúng tôi, nhà sử học đầu tiên của Ars vẫn thừa nhận, nó đơn giản hơn và gợi nhớ nhiều hơn đến bên trong một gia đình nghèo nhưng theo đạo Thiên chúa sâu sắc. Trong mọi thứ, khía cạnh bên ngoài và thuần túy là quy định, được coi là rất quan trọng trong thời đại của chúng ta, đã bị bỏ qua». Có khoảng sáu mươi trẻ mồ côi, nhưng Catherine Lassagne, khi một du khách hỏi về số lượng của họ, đã trả lời bằng giọng điệu và thái độ thẳng thắn nhất rằng bà không biết gì về điều đó : «Chúa biết và thế là đủ với chúng tôi. - Nhưng nếu một trong những người trợ của bạn trốn thoát thì sao ? - Ồ ! chúng tôi hiểu họ quá rõ,

chúng tôi chăm sóc họ khá nhiều để không nhận ra điều đó ngay lập tức». Hơn nữa, «chúng tôi ăn bánh mì đen và ngủ trên rơm.» Các cuộc họp diễn ra «trong một căn phòng tồi tàn», nơi chúng tôi ngồi «trên những chiếc ghế gỗ tồi tàn».

Trong mắt cha Vianney, một người không phải là chuyên gia vệ sinh, điều cốt yếu trong cuộc sống này là mọi thứ đều phải lành mạnh. Bây giờ, đối với cha, điều đó đã xảy ra và cha đã chăm sóc nó... «Sau khi nhận thấy trong đồ nội thất có một chiếc đồng hồ có vỏ được minh họa bằng những bức tranh thô sơ, theo phong tục của vùng nông thôn chúng tôi, chính cha đã lấy một chiếc cọ và làm cho những hình minh họa này biến mất» : chúng gây sốc và đó là một sự xa xỉ. Cha gặp khó khăn trong việc chống lại sự nghiêm khắc vốn luôn cứng nhắc : cha cư xử với trẻ mồ côi như cách một người cha đối xử với con mình và cũng có phần giống như đối với chính mình. Trên thực tế, có thể thấy rằng ở trường *Providence*, cha được tự do hơn bất kỳ môi trường nào khác. Khu vườn nhỏ bao quanh tòa nhà đã được chủ cũ sắp xếp khéo léo với một vài luống hoa và trồng cây ăn quả. Đó là sự cám dỗ của thói tham ăn và trộm cắp đối với cả trẻ nhỏ và người lớn, vậy thì mục đích của nó là gì ? Cha Vianney đã ra lệnh nhổ bỏ cây và trồng rau ở khắp mọi nơi.

Không nghi ngờ gì nữa, sự nghiêm ngặt sống động này, ngay cả đối với những người nghèo khổ, hẳn sẽ có phần khắc nghiệt, nếu như trong ngôi nhà này không tồn tại một nguồn vui chưa từng có. Catherine Lassagne cho biết khi các cô gái trẻ nghe thấy vị linh mục, «họ nghĩ rằng mình đã được đưa đến một thế giới khác».

Đó là từ khóa. Không còn sự ràng buộc chặt chẽ của đau khổ, không còn địa ngục trần gian nữa ! Tin Mừng đã đến để giải thoát những con người khiêm nhường và đói khát này, Vương quốc, Vương quốc duy nhất tồn tại mãi mãi đang mở ra cho họ, họ có thể bước vào đó ngay hôm nay. Trong những điều kiện như thế, «hầu như tất cả bọn họ», *mà không được báo trước điều gì* - sự dè dặt là cần thiết - đã đến để xin xưng tội chung, họ nóng lòng muốn rửa sạch quá khứ thường xuyên vấy bẩn bởi những tạp chất đáng thương và nhơ nhớp, với những nỗi kinh hoàng tuyệt vọng, họ lại đòi hỏi một loại sứ mệnh đền bù không chỉ cho chính họ, mà còn cho tất cả các linh hồn tội lỗi, họ đặt được một đức tin vào Bí tích Thánh Thể đến nỗi cha Vianney hầu như không lường trước được mong muốn của họ bằng cách thành lập Châu Thánh Thể liên tục tại trường *Providence* - tất cả những dấu hiệu này không lừa dối, nhưng chúng treo trên cây công việc như những trái cây. «Khi người ta biết rằng một vụ bê bối đã nổ ra ở đâu đó, rằng vinh quang

của danh thánh Chúa đã bị xúc phạm nghiêm trọng và công khai, những người lớn tuổi hơn, những người nhiệt thành nhất, đã yêu cầu các giáo viên của họ dành cả đêm để cầu nguyện : họ thức dậy từng giờ để không bị gián đoạn trong việc thực hiện việc Thờ phượng ban đêm.» Không tin vào sự yếu đuối của mình, họ thực hành việc hãm mình của các giám mục, hiệu trưởng của họ đảm bảo với chúng ta, như được thực hiện trong các tu viện tốt nhất.

Có một sự trưởng thành sớm ở đó thật đáng kinh ngạc. Sau chuyện này, làm sao chúng ta có thể thấy bất thường khi trong số những sinh vật mong manh và nhanh trí này, những sinh vật mà con người đã đối xử quá vô nhân đạo, một số lại tách mình khỏi thế giới với sự tôn vinh mà bên ngoài nhóm nhỏ của họ chỉ có các cha xứ họ mới biết ? Một trong số họ, «người vô cùng sợ chết trước khi lâm bệnh», giống như trong cuộc đời đẹp nhất của các vị thánh, đã bắt các bạn đồng hành của mình hát và cố gắng hát một bài thánh ca cho đến tận lúc trút hơi thở cuối cùng : «Tôi đau đớn rất nhiều về thể xác, nhưng tôi hạnh phúc biết bao trong tâm hồn !» Người bạn đồng hành của Catherine Lassagne, Benoîte Lardet, đã sớm qua đời vào ngày 5 tháng 10 năm 1830, với cùng cảm xúc không thể cưỡng lại : «Ôi ! thật hạnh phúc ! Tôi sắp được gặp Chúa !» Họ đã nghe được

những gì ? Thông báo này có gì khiến họ buồn lòng ?

Toàn bộ tinh thần trường *Providence*, nếu người ta dám dùng một từ đầy tham vọng như vậy để chỉ cách tiếp cận sáng suốt này của những trái tim đơn sơ, đều dựa trên đức tin tràn đầy vào Lời Chúa. Lời Chúa là chân thật, là toàn năng : mọi sự đều được tóm gọn trong hai từ này. Chúng thường xuất hiện trong các bài giảng của cha trẻ Vianney dành cho những người khiêm thánh trong làng : cha còn đi xa hơn khi gọi lên sức mạnh của sự phục sinh mà các vị thánh đôi khi nhận được nhờ đó. Hơn nữa, điều này nhằm bộc lộ chiều sâu kinh nghiệm của cha kể từ những năm tháng học nghề đầy đau khổ. Cha lặp lại sự tự tin tuyệt vời này với những người con gái thân yêu nhất của mình : ai có thể nghe rõ hơn ? «Khi tôi nghĩ đến sự chăm sóc mà Chúa đã dành cho tôi, tôi không còn biết mình sẽ trở thành gì nữa... Tôi khám phá ra khắp mọi nơi chỉ là vực thẳm tình yêu mà tôi muốn có thể đánh mất chính mình và đắm chìm trong đó... Tôi đã nhận ra điều đó hai lần. Khi tôi đang học, tôi đã tràn ngập nỗi đau buồn...» Và cha xứ Ars lại nói về tiếng nói này đã nói với cha, khi cha đi qua Écully trước nhà của Bibost : «Hãy đi, hãy bình tĩnh, một ngày nào đó con sẽ trở thành linh mục.» Và cũng tiếng nói đó, vào một dịp khác, đã chất vấn cha một cách đầy uy quyền : «Cho đến giờ, con còn thiếu gì?»

Sự tồn tại về mặt vật chất của trại trẻ mồ côi, sự phục hồi và thánh hóa của người nghèo, tại sao phải lo lắng về điều đó ? Và ở đây, người tự học về mặt tâm linh đã cùng với thánh Gioan Thánh giá đưa ra một công thức gần như tương tự : «Những ai không có gì thì không thiếu thốn gì cả».

Chúng tôi không mất nhiều thời gian để nhận ra điều đó. Sự việc xảy ra trước khi Benoîte Lardet qua đời. Do đó, tác phẩm này chỉ tồn tại dưới hình thức mới trong vòng chưa đầy hai năm. «Trong nhà không có lúa mì, bột mì, hay tiền bạc. Đột nhiên, cha Monnin kể lại, vị linh mục tốt bụng tin rằng Chúa đã bỏ rơi cha vì tội lỗi của cha... Sau khi triệu tập bề trên của ngôi nhà, cha Vianney nói với một trái tim nặng trĩu : «Vì vậy, chúng ta sẽ phải gửi con cái đi, vì chúng ta không còn biết cho chúng ăn ở đâu nữa». Trước khi đi đến cực điểm này, cha muốn đến thăm căn gác xép của mình một lần nữa. Cha từ từ trèo lên... Cha mở cửa, run rẩy... Căn gác xép đầy ắp, như thể lúa mì đã được đổ vào đó bởi những bao tải. Cha xứ Ars được Jeanne-Marie Chanay đi cùng trong cuộc kiểm tra căn gác xép này. Cha chạy đến chỗ những đứa trẻ mồ côi của mình để báo cho chúng tin tuyệt vời : «Cha đã không tin tưởng vào Chúa Quan phòng, những đứa trẻ tội nghiệp của cha ; cha muốn đuổi các con về... Chúa đã trừng phạt cha rồi». Đó là

cách của cha để nói.

Sự kiện này như một tia sét đánh ngang tai cả làng. Thị trưởng Ars, Antoine Mandy, người sẽ thường kể lại cho các con trai của mình về điều này, cùng với một số lượng lớn những người nổi tiếng, đã đến để xem lúa mì kỳ diệu. Người xay bột cũng được gọi đến và trong khi đang đổ đầy bao, ông thú nhận rằng «chưa bao giờ xử lý được loại lúa mì tốt như vậy».

Cha Vianney cho rằng vấn đề này là do Thánh Francois Rèegis, vẫn luôn là vậy, vị thánh ở La Louvesc, vị thánh bảo trợ cho việc học của cha, và cha đã chôn thánh tích của ngài trong kho dự trữ ngũ cốc của mình. Cha Monnin xác nhận rằng cha đã nghe câu chuyện về phép lạ từ miệng vị thánh nhiều lần : «Một ngày nọ, tôi không còn gì để nuôi những đứa trẻ mồ côi tội nghiệp của mình... Sáng hôm sau, chúng tôi rất giàu có.»

Vì vậy, với những cơn gió mạnh, con thuyền của trường *Providence* tiến về hướng bí ẩn của nó. Lần đầu tiên, sự hiện diện của Chúa đã mang đến một ánh sáng không thể chối cãi cho ngôi làng đầy nghi ngờ này. Không thể bác bỏ ? Chắc chắn rằng những người nông dân đã hoàn toàn sững sốt vì điều này : danh tiếng của cha xứ Ars bắt đầu từ đó. Nhưng họ có thực sự tin vào điều đó không ?

Khi số phận của Jean-Marie Vianney mở ra trước mắt chúng ta, không giống với bất kỳ số phận nào khác mà chúng ta biết, mọi thứ đều song hành với nhau : sự xuất hiện của những người chống đối, sự phơi bày những thiếu sót thực sự của cha, sự tiến triển trong lời chứng của cha, sự can thiệp tuyệt vời của thiên đàng. Chính sự kết hợp của bốn yếu tố này quyết định cuộc sống của cha : không thể ngăn chặn một yếu tố mà không khiến đường dây trung thành cứng nhắc này trôi đi và đột nhiên biến mất khỏi chúng ta. Thật là đặc biệt khi khuôn mặt của cùng một người đàn ông có thể chứa đựng và hòa quyện trong ánh sáng mỗi ngày - ánh sáng được sàng lọc của vùng nông thôn Dombes - những tình cảm trái ngược như vậy, từ nỗi đau khổ vì nghịch cảnh và sự sỉ nhục chính đáng đến niềm vui mục vụ và sự tôn vinh huyền bí không thể diễn tả thành lời. Con trai của Matthieu và Marie Vianney, sinh ra từ dòng máu và tình yêu của họ, lớn lên trên đầu gối của họ và trưởng thành tại trang trại của họ, ngày nay được ghi dấu trên từng nét mặt mà cha thừa hưởng, từ vầng trán rộng và đôi mắt sáng ngời đến gò má gầy gò và cằm uy quyền, bởi ơn gọi đặc biệt mà cha vừa nhận được vì lợi ích của Giáo hội hoàn vũ. Cha là người nắm giữ bí mật siêu nhiên nhất. Đây là một chút bí mật mà cha truyền lại cho các con gái của trường *Providence*. Cha Monnin

nhớ lại, «Mỗi ngày, vào giờ *kinh Truyền Tin*, sau bữa tối cộng đồng, khi căn phòng duy nhất dùng làm xưởng, phòng học và phòng ăn đã được quét dọn, cha Vianney sẽ đến, ngồi trên mép bàn ; toàn bộ khán giả nhỏ bé của cha sẽ tụ tập xung quanh và cha sẽ nói chuyện trong một giờ đồng hồ.»

Những giáo lý này sẽ sớm trở nên nổi tiếng. Những người đàn ông và phụ nữ đến đây để «hành hương», như họ nói, sẽ gia nhập vào nhóm trẻ mồ côi. Đặc điểm của những cuộc trò chuyện này, có vẻ cơ bản vì chúng đề cập và theo sau những «câu hỏi» trong sách hướng dẫn tôn giáo, thực ra và gần như ngay lập tức được chuyển thành sự khai sáng tâm linh. Giáo lý loan báo cho những con người trần trụi đi theo họ với niềm đam mê rằng họ sẽ bước vào một vũ trụ tái sinh, nơi mà Chúa là Cha của mỗi người chúng ta và nơi chúng ta được ban cho niềm hạnh phúc bất khả xâm phạm. Cha truyền đạt thông điệp trong những buổi họp mặt quen thuộc này sẽ tự do hơn rất nhiều so với khi ở trong nhà thờ. Cha diễn tả một cách tỉnh táo về con người của cha và về ngôi nhà cứu rỗi này, về những gì mà vẻ bề ngoài nghèo nàn của mỗi người tuyên xưng về Chúa chúng ta. Vì vậy, trong những hoàn cảnh khác, ở những ngôi làng khác, phải đến tận thế : một tiếng nói của con người, dù yếu ớt đến đâu, và một vài trái tim sẵn sàng sẽ đủ để

người ta thấy mình được bao bọc trong một cuộc trao đổi bất bênh về mọi bí ẩn của Thần thánh. Chính sự tiếp cận này của những người trẻ tuổi đôi đầu và chia sẻ, điều mà rất nhiều nhà tư tưởng thiên tài đã từ chối, đã mang lại cho các sự kiện tại Ars một ý nghĩa vượt xa chúng mãi mãi.

Chắc chắn là không thiếu những tinh thần thù địch trong làng : cha Vianney bị chỉ trích vì đã lãng phí thời gian với tất cả những cô gái này, với những loại người vô tích sự này, vì bị họ lừa dối, và cuối cùng là vì đã đánh mất hết mọi lý trí. Có lẽ chính vì cuộc cãi vã này mà một ngày nọ cha đã phản đối rất lớn trong bài giảng: «một người không trở nên xấu xa chỉ vì đã một lần sa vào tệ nạn». Cha dừng lại, rồi tiếp tục : «Và thậm chí nếu cô ấy ngã nhiều lần...» Có điều gì đó đáng ngưỡng mộ trong lời biện hộ này. Tại sao, một lần nữa, lại không phải là khi nhìn những người con gái yêu quý của mình, cha đã lặp lại từ bực giảng : «Hầu như tất cả các vị thánh đều là tội nhân đầu tiên. Hầu hết đều được thánh hóa nhờ sự sám hối hơn là nhờ sự vô tội».

Trái tim của cha xứ Ars chắc chắn đã được thương xót nhờ tiếp xúc với Chúa Quan Phòng. Cha bước vào, cùng với những tạo vật khiêm nhường nhất, vào sự thân mật của Thiên Chúa. Thực ra, kể từ Chúa Giêsu Kitô,

Thiên Chúa không còn chỉ giới hạn trong suy nghĩ của một số ít triết gia nữa. Ngài đã đến sống giữa ngôi nhà của chúng ta như một người trong số chúng ta. Ngài đã uống và ăn cùng chúng ta. Đến để tìm kiếm những người mà từng nền văn minh đã lãng quên hoặc tiêu diệt, trước tiên Ngài yêu thương họ và kiên quyết đưa họ vào sự giao tiếp trong cuộc sống sâu sắc của Ngài. Người ta vẫn chưa nói hết, hôm nay cũng như vào năm 1830, hy vọng sẽ ngự trị trên trái đất...

Khoảng năm 1830 có một vài năm yên bình. Ít nhất là trong các tài liệu của chúng ta... Ngón tay gọi và sắp xếp giấy tờ hoặc móng tay gạch dưới ngày tháng hầu như không thèm đếm xỉa đến những gì liên quan đến giai đoạn này. Nhưng đó lại là một trong những điều phi thường nhất.

Vào một buổi sáng mùa xuân trong xanh khi những cái cây dường như chỉ mới hé lộ những chiếc lá đầu tiên và mặt đất chỉ còn trơ trụi để hạt giống nảy mầm, Ars thấy mọi người đang tiến về phía mình, với một chuyển động giản dị, tinh tế và nồng nhiệt không thể cưỡng lại, không còn là hai mươi du khách nữa, mà là nhiều đến mức vị linh mục tội nghiệp hầu như không thể đón tiếp và nghe họ. Danh tiếng của cha lan truyền qua lời truyền miệng. «Những nhà truyền giáo khác chạy theo những tội nhân ngay cả ở nước ngoài, Catherine Lassagne nói với cha, nhưng cha, những tội nhân lại chạy theo cha. - Điều đó gần như đúng vậy». «Tôi không thể ra ngoài, tôi lúc nào cũng bận», từ đó trở đi, cha thú nhận với cha xứ Chaleins.

Dân làng, những người đã từng vô cùng bối rối trước sự gia tăng sản lượng lúa mì trong các kho thóc trường *Providence*, đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Đến lượt dân làng, họ cũng để bản thân được chạm vào

cách nghiêm trọng. Người thợ rèn Jean Picard, người đã trở về định cư tại làng vào năm 1832 sau vài năm vắng bóng, thấy Ars đã thay đổi rất nhiều. Vị linh mục này đã được coi là một vị thánh. Giáo xứ này quả thực vượt trội hơn tất cả những giáo xứ khác. Yêu cầu của Hội đồng thành phố, do Michel Sève đứng đầu, gửi vào ngày 10 tháng 1 năm 1834 cho Đức Cha Devie, có lẽ là chịu ảnh hưởng của Bá tước Garets, có ý nghĩa quan trọng về mặt này : «Cần nhắc rằng xã Ars được nhiều người hành hương đến thăm hàng ngày, những người này tự tìm đến vị linh mục của xã và chiếm hết thời gian của cha, rằng sức khỏe của vị linh mục đáng kính này đã kiệt quệ vì công việc liên tục mà cha không thể đảm đương được, yêu cầu sai đến một cha phó cho xã Ars và cam kết, trong trường hợp nguồn lực không đủ để hỗ trợ cha, sẽ hoàn thành thêm mức lương cần thiết để duy trì một cha phó.» Cha Vianney tin chắc vào sự cần thiết này đến nỗi vào năm 1833, thậm chí trước khi Hội đồng thành phố yêu cầu, cha đã xin một tòa giải tội mới : chắc chắn cha cho rằng thỉnh thoảng sẽ có một linh mục tình nguyện đến giúp cha. Việc sử dụng từ «người hành hương» trong một tài liệu chính thức truyền tải phần nào sự hài hước trong cuộc trò chuyện: trên hết, nó ám chỉ đến một quan sát đã được xác lập từ lâu. Không ai thờ ơ với nhóm người tụ tập nhỏ này,

bắt đầu từ những thương gia. Họ sẽ nhanh chóng đoán được mối quan tâm của họ nằm ở đâu và cha Vianney sẽ chứng kiến, với một chút lo lắng, sự bùng nổ bất ngờ trong kinh doanh...

Đoàn người sám hối kỳ lạ !... Những người nông dân mặc áo cánh và vợ họ đội mũ trùm đầu và mặc váy dày, những quý bà trong thị trấn đội mũ, chồng họ mặc áo choàng thời đó và đôi khi đội mũ cao, tất cả những người này, lòng họ cũng tràn ngập như khuôn mặt họ, vội vã, chăt vắn và cầu xin người chẵn cừu già của Dardilly. Ngôi làng Ars, vốn từng rất yên bình, nơi có thể nghe thấy tiếng bước chân của con người, giờ đây hằng ngày trở thành nơi gặp gỡ và trú ẩn của những người lạ mặt hiếu động và hay thay đổi này, những người có hành vi không bao giờ ngừng nói lên điều gì đó. Người bản xứ không thể nhìn thấy họ như thế này suốt ngày, ngay cả từ xa, mà không có sự bất động bên trong đóng vai trò như một bức tranh bối cảnh cho sự chiếu rọi hình bóng con người không thể tưởng tượng nổi nhất. Đối với một ngôi làng biệt lập tự nhiên, đây còn hơn cả một sự cấy ghép. Người ta đến với cha. Giới hạn nông thôn của cha mở ra cho những đoàn lũ hành bí ẩn. Những người bạn đồng hành khác cũng vậy, với gậy gộc và túi xách, đang đi về phía Ars, tập tễnh, tự tin vào mục tiêu, vui vẻ và chế giễu, với đôi mắt cảnh giác và đôi môi trễ xuống:

đó là những người ăn xin. Vị linh mục tốt lành cần đến tòa án phép lạ này. Cha không từ chối họ : họ đều là bạn của cha, những người bạn tốt. Ngay cả khi họ nói dối cha. Đây là một trong những nét thánh thiện hoang đàng của cha : cha không đòi hỏi phải thanh toán. Những gì cha dạy trong các bài giảng, cha sẽ lặp lại trong suốt cuộc đời : «Chúng ta không bao giờ sai khi dâng hiến cho Chúa.» Không phải là cha có tính khí ngốc nghếch. Cha thường kể lại một kỷ niệm thời thơ ấu với một nụ cười: «Khi tôi sống với cha, chúng tôi đã chặt gỗ và một trong những người hàng xóm của chúng tôi đã lấy trộm rất nhiều. Khi cha tôi đến nhà ông ấy một ngày nọ, người hàng xóm này đã mời cha tôi ngồi bên lò sưởi : Được, cha tôi trả lời, rất vui lòng. Khi chúng ta cung cấp gỗ, chúng ta có thể tự sưởi ấm tốt».

Thật ra, cha còn có một mối quan tâm khác : «Chúng tôi thật hạnh phúc khi người nghèo đến với chúng tôi: nếu họ không đến, chúng tôi sẽ phải đi tìm họ. Và chúng tôi không phải lúc nào cũng có thời gian.» «Jean-Baptiste Mandy kể, người mà cha của ông từng làm thị trưởng trong một thời gian dài, cha có một điểm yếu, với một người phụ nữ mù sống gần nhà thờ, bà Bichet. Người phụ nữ tốt bụng, nghĩ rằng mình đang giao dịch với một người hàng xóm tốt bụng, nên lần nào cũng nói: «Cảm ơn bạn, bạn thân mến.» Cha xứ vừa đi vừa cười

hết cỡ. Mỗi tuần, trong nhiều năm, một bà góa nghèo từ Villefranche-sur-Saône đến xin cha bánh mì cho con mình. Vì cha có một nỗi sợ hãi về thể chất, gần như trẻ con đối với tên trộm độc ác, kẻ đột nhập vào ban đêm, và vì cha thể hiện điều đó trong nhiều trường hợp, nên một số giai thoại càng thú vị hơn. Một cá nhân đã len vào nhà xứ và sau khi lấy một số thìa và nĩa thiếc, đang bận lấy đồ ăn của trẻ mồ côi, thì cha Vianney làm ông ngạc nhiên : «Con đói, thưa Cha.» Cha Monnin kể rằng vị thánh tốt bụng đã bố thí rất nhiều cho tên trộm và nhận ra rõ ràng đồ bạc của mình trong tay tên trộm, cha nói với hắn : «Chạy đi, bạn của tôi, chạy đi thật nhanh coi chừng bị bắt.» Có lần cha đến cảnh báo một người phụ nữ đã đánh cắp chín trăm quan của cha rằng cảnh sát đang truy nã bà. Ông ta đã trả tiền ăn cho một người khác để người này ngừng ăn trộm.

Giữa đám đông những kẻ bất hợp pháp và lang thang này, cha đã lắng nghe những kẻ tội lỗi. Không lúc nào cha bỏ bê những người đói, lạnh hoặc trần truồng, chỉ quan tâm đến những đau khổ về mặt tinh thần. Trung thành với trực giác truyền giáo của thời Trung cổ, cha đã tập trung sự nghèo đói.

Người nông dân nhỏ bé khỏe mạnh này đã phải gánh chịu gánh nặng của giáo xứ, trường *Providence* và cuộc

hành hương. Cha đã kiên trì, hết sức có thể, để duy trì công việc của mình. «Cha dọn giường, quét phòng, vá tất và vì sợ chân mình quá nhỏ nên cha đến tiệm đóng giày để mua một khuôn giày rồi nhét vào phần đế tất : cha vá từng miếng một.» Cha chỉ được miễn chuẩn bị thức ăn, thứ mà cha đến để lấy từ những đứa trẻ mồ côi. «Thông thường, khi dạy xong giáo lý, Catherine Lassagne viết, cha tìm thấy bên lò sưởi một chiếc bình đất nung nhỏ đựng sữa được phủ sôcôla. Cha thường dùng bữa, nếu người ta có thể gọi đó là bữa ăn, đứng ở góc lò sưởi. Cha thường uống sữa mà không cho bất kỳ bánh mì nào vào : nó sẽ nhanh chóng xong. Tôi không nghĩ cha mất hơn năm phút để hoàn thành mọi thứ. Khi cha vội vã, cha trở về nhà xứ với chiếc bình trên tay. Nhìn thấy cha như vậy ở bên kia quảng trường, người ta tưởng một người nghèo vừa mới nhận của bố thí. Đây là lúc cha vui vẻ và hoạt bát nhất».

Ma quỷ vẫn tiếp tục. Hấn vẫn khiến ngôi làng hồi hộp, bị thúc đẩy theo nhiều cách, bất chấp chính mình, vào cuộc chiến ở tuyến đầu. Một số trẻ em từ trường đến vào lúc chạng vạng, chúng lén lút, tò mò áp tai vào cửa nhà xứ và đột nhiên, «hơn hai mươi lần», theo lời một đứa trong số chúng kể lại, chúng nghe thấy một giọng nói khàn khàn - tại sao chúng lại nói : khàn khàn? - tên này hô vang một cách nham hiểm : «Vianney... Vianney

!» Vài năm sau, vào năm 1838, cũng chính nhân chứng vô ý thức đó, Denis Chaland, người đang suy nghĩ về chức linh mục và nghiên cứu triết học, đã xin xưng tội với vị linh mục thánh thiện, người đã có cử chỉ đặc biệt dẫn anh ta lên phòng của mình. Đến giữa buổi xưng tội, một sự náo động chung làm rung chuyển cả căn phòng và bục giảng của người ăn năn cũng rung chuyển như những người khác. Tôi đứng dậy, sợ hãi tội độ. Vị linh mục nắm lấy cánh tay tôi : «Không gì đâu, đó là ma quỷ.» Mặc dù cuộc gặp gỡ này thật tuyệt vời khi chàng trai trẻ nhận được lời khuyên quyết định cuộc đời mình từ cha Vianney : «Con phải trở thành một linh mục», anh vẫn quá sợ hãi trước sự việc đó đến nỗi không bao giờ nói chuyện với một vị linh mục kỳ lạ như vậy nữa. Một người Lyonnaise, đã định cư ở Ars vào năm 1832, Marie Ricotier, một người mới chắc chắn là để trải qua thử thách như vậy, có lẽ tò mò hơn là ngại thẹn, vừa mới đến nơi thì bà nghe thấy từ nhà mình một tiếng động nhỏ mà bà cho là phát ra từ nhà xứ. Bà chạy đến nói về điều đó vào sáng sớm với cha Vianney, người đã xác nhận : «Tôi cũng nghe thấy». Quả thực, cuộc hành trình của một người đàn ông đơn độc hướng về Chúa có khả năng làm rung chuyển các con đường trên trái đất vào ban đêm, đến nỗi cha nói thêm, theo cách giải thích thông thường của mình : «Có lẽ họ là những tội nhân

đang hướng về Ars».

Phổ biến hơn và tiện lợi hơn, từ năm 1836 trở đi, đây là những xe ngựa có bánh xe vành lớn, khớp nối ồn ào, roi ngựa kêu răng rắc và người đánh xe ngựa, những người làm rung chuyển các con đường giữa Trévoux và Ars ba lần một tuần. Cha Monnin cho biết dịch vụ công cộng này trùng hợp với việc thành lập tàu hơi nước và sự thuận tiện trong việc di chuyển trên sông Saône. Trước đây, mọi người có thể đến đây bằng xe đẩy hoặc đi bộ, cá nhân hoặc theo nhóm. Những con ngựa và lừa, sau khi tháo dây cương, sẽ được buộc vào cây dẻ ở quảng trường chính bằng dây thừng thay thế cho dây cương khi đến nơi. Một bàn tay nhanh nhẹn tháo một hoặc hai kiện cỏ khô, trải chúng ra và phơi trước mặt con vật. Những du khách ít nhút nhát hoặc may mắn hơn sẽ yêu cầu những người nông dân địa phương cho họ một góc trong chuồng cho gia súc.

Việc tiếp đón nhiều khách hành hương đến đây không phải là chuyện đơn giản. Cha Monnin kể lại cuộc phiêu lưu của một nhóm nữ tu đến từ Lyon bằng ô tô vào mùa hè năm 1832. Không còn nơi trú ẩn nào nữa : tất cả các ngôi nhà đều chật kín người. «Chỉ đến khoảng mười giờ tối - mười giờ tối ở vùng nông thôn ! - họ mới được một người đàn ông tốt bụng thương hại cho ở nhờ, người đã

cho họ căn phòng duy nhất của mình, nơi họ tạm thời dựng một ký túc xá với ghế và nệm». Hầu hết các tòa nhà bằng đá tốt được xây dựng ở Ars bên dưới gò nhà thờ đều có niên đại từ thời điểm này. Nhưng khi nói đến thực phẩm, những khó khăn cũng không hề nhỏ : các bà nội trợ khắp nơi đều trở thành chủ nhà hàng. Một người hành hương được Marie Ricotier đón tiếp đã tuyên bố rằng ông thực sự đã nhận được giá trị xứng đáng với số tiền mình bỏ ra. Những người khác thì kém may mắn hơn. «Nhà ở tồi tàn, một trong số họ nhớ lại với vẻ xúc động, ăn uống kém, thức dậy trước bình minh, vội vã, xô đẩy, đẩy lùi, chúng tôi đã phải chịu đựng cái lạnh, đói, khát, mệt mỏi, mất ngủ, tóm lại là đủ mọi thứ !...»

Điều này không có nghĩa là nhà cải tạo gan dạ này dừng lại công việc mục vụ của mình. Năm 1835, cha đã yêu cầu thị trưởng Michel Sève chọn một thanh niên của giáo xứ, Jean Pertinand, cháu trai của cha Renard, làm giáo viên dạy trẻ em trai : ứng cử viên vẫn chỉ mới mười bảy tuổi. Anh trở thành giáo viên vào năm 1838, sau khi tốt nghiệp tiểu học : «Vị linh mục thường đến thăm lớp học của tôi... chỉ cần một lời của cha cũng khiến bọn trẻ ngoan ngoãn trong nhiều ngày. Cha đã trả tiền cho những cậu bé mà cha nói là đang cần giúp đỡ.» Nhu cầu về tiền bạc ngày càng trở nên ám ảnh hơn vào thời điểm này. Luôn luôn là cho trường *Providence*.

Những lá thư nhắc nhở gửi đến Bá tước Garets được gửi đi liên tục với tốc độ nhanh chóng. May mắn thay, trời cao đã can thiệp !

Đúng là tình yêu sét đánh lần thứ hai. Sự việc này xảy ra vào khoảng năm 1834. Hiếm có lời chứng nào về vấn đề này lại cảm động hơn lời chứng của những người chỉ đạo công trình, những người đã nhào nặn nên phép lạ bằng chính đôi tay của họ. Họ chỉ còn đủ bột để làm ba ổ bánh mì. Chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn vì con cái», Jeanne-Marie Chanay nói. Catherine và tôi đã đến gặp cha xứ để giải thích vấn đề của chúng tôi. «Chúng ta phải nhào nặn», cha nói với chúng tôi. Tôi bắt đầu làm việc mà không khỏi có chút lo lắng. Đầu tiên, tôi đổ rất ít nước và bột mì vào máng nhào, nhưng tôi thấy bột mì vẫn quá đặc. Tôi thêm nước, rồi đến bột mì mà không làm cạn kiệt nguồn dự trữ ít ỏi của mình. Và máng nhào bột thì đầy bột, như ngày người ta bỏ một túi bột lớn vào đó. Mười ổ bánh lớn, mỗi ổ nặng từ 20 đến 22 pound, được làm ra và lò nướng vẫn đầy bánh như thường lệ, khiến tất cả những người chứng kiến đều vô cùng kinh ngạc. Chúng tôi kể lại cho vị linh mục nghe những gì đã xảy ra và cha trả lời : «Chúa rất nhân từ : Ngài chăm sóc người nghèo». «Mười ổ bánh mì lớn, nặng từ hai mươi đến hai mươi hai pound, Catherine nhắc lại, về phần mình, trong suốt quá trình

phong thánh. Tôi tự mình mang bột và cũng ngạc nhiên như người bạn đồng hành của tôi khi thấy số lượng ổ bánh mì đã ra khỏi máng nhào».

Khả năng ma thuật mới chớm nở của cha Vianney bắt đầu khiến ngài bối rối. Ngay từ năm 1830, Catherine Lassagne đã viết trong nhật ký mình : «Cha xứ che giấu ngàn nào có thể những ân sủng chữa lành mà cha có được, nhưng cha có rất nhiều... Tôi tin rằng cha thích chữa lành các linh hồn hơn». Câu văn nhỏ lấp lánh này tiết lộ tất cả Ars. Một khó khăn ban đầu, trong mọi trường hợp. Vì mục đích tự xóa bỏ, cha thiết lập và phát triển lòng sùng kính Thánh nữ Philomena : vị tử đạo trẻ tuổi sẽ phục vụ như «người đứng đầu» của cha. Cha đã kết giao thánh nữ. «Tôi đã cầu xin thánh nữ Philomena, cha phản đối trước công chúng với sự ngây thơ cũng như sự liên quan, đừng lo lắng quá nhiều về thể xác và hãy nghĩ đến những linh hồn cần được chữa lành hơn nhiều.» Một sự nguy hiểm vô hại mà trong đó hơn một lần người mà những người hành hương hiện gọi là «người cha tốt» sẽ đánh mất chính mình.

Cha cũng muốn đưa Đức Mẹ vào lịch sử, trước hết là vì Mẹ luôn hiện hữu ở đó. Vào ngày 30 tháng 11 năm 1834, cha đã viết thư cho một người bán vải ở Lyon, Claude Laporte, người mà cha đã quen biết vào thời

điểm ở Écully, để đề nghị ông ta tặng một bức tượng gỗ dát vàng như một việc làm tốt. «Chúng tôi chỉ có một bức tượng thạch cao nhỏ, bạn sẽ mang lại cho tôi niềm vui lớn lao mà tôi không bao giờ có thể diễn tả được hết.» Chị gái của nhà hảo tâm gần đây đã gửi một khoản tiền quyên góp lớn để vinh danh Thánh nữ Philomena, nhưng với khoản tiền này cho thánh nữ thì thế là đủ. Bây giờ, vấn đề là phải mua một bức tượng chạm khắc về Đức Mẹ, vì Mẹ vừa mới hiện ra trên phố Rue du Bac trước mắt Sơ Catherine Labouré, với đôi tay đầy tia sáng. Đức Trinh Nữ sẽ luôn đi trước Thánh nữ Philomena : bởi vì một giáo điều, một chân lý tuyệt đẹp của trời và đất đang được đặt ra. Vào ngày 21 tháng 12 năm 1835, cha đã hỏi người viết thư đó về nhà nguyện Notre-Dame d'Ars mà cha vẫn muốn trang trí. Vào ngày 1 tháng 5 năm 1836, cha treo trên tường một bức tranh màu xanh lam với những chữ vàng để kỷ niệm ngày thánh hiến giáo xứ cho Đức Mẹ Vô Nhiễm ; một trái tim bằng kim loại, treo trên cổ Tượng, bao bọc tên của tất cả cư dân nơi đây. Nhân dịp này, cha phát một hình ảnh kỷ niệm : thời gian và tinh thần hướng về Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và những phép lạ. Nhưng sau đó, vào năm 1837, cha đã xây dựng một nhà nguyện cho Thánh nữ Philomena cha: cha không cần gì ngoài sự náo động này để truyền bá những điều kỳ diệu

đang xảy ra trong làng cho người khác.

Chúng ta vừa trải qua những năm tháng bi thảm ; tình hình đang rất căng thẳng. Vào tháng 3 năm 1832, dịch tả - bắt nguồn từ Ấn Độ - đã tấn công Paris và cướp đi sinh mạng của gần mười ba nghìn người chỉ riêng trong tháng 4. Dịch xảy ra khắp nước Pháp. Sự sợ hãi hiện diện ở khắp mọi nơi. Cả sự vô thức về tôn giáo nữa. Đây là lời kể của Chateaubriand trong *Mémoires d'Outre-Tombe*, xuất bản vào tháng 5 : «Bệnh dịch tả đến với chúng ta trong một thế kỷ của lòng nhân ái, sự hoài nghi, báo chí, quản lý vật chất... (Tai họa thiếu sáng tạo này) giống như nổi kinh hoàng năm 1793, bước đi một cách nhạo báng giữa ban ngày, trong một thế giới hoàn toàn mới, kèm theo bản tin kể lại các biện pháp khắc phục đã được sử dụng để chống lại dịch, số lượng nạn nhân mà dịch đã cướp đi, nơi dịch đang ở, hy vọng mà chúng ta có được là cuối cùng dịch sẽ kết thúc, những biện pháp phòng ngừa mà chúng ta phải thực hiện để tìm nơi trú ẩn, những gì chúng ta phải ăn, cách ăn mặc tốt. Và mọi người vẫn tiếp tục công việc của mình và các rạp hát đều chật kín người. Tôi thấy những kẻ say rượu ở rào chắn (Địa ngục), ngồi trước cửa quán rượu, uống rượu tại một chiếc bàn gỗ nhỏ và nâng ly nói : «Chúc sức khỏe, *Morbus*.» *Morbus*, vì biết ơn, sẽ chạy đến và họ sẽ chết dưới gầm bàn. Những đứa

trẻ chơi trò dịch tả, mà chúng gọi là Nicholas Morbus và nhân vật phản diện Morbus. Tuy nhiên, bệnh dịch tả cũng có nỗi kinh hoàng riêng : ánh nắng chói chang, sự thờ ơ của đám đông, nhịp sống bình thường vẫn diễn ra ở khắp mọi nơi, mang đến cho những ngày dịch bệnh này một tính chất mới và một nỗi kinh hoàng khác. Có một cảm giác bất an ở khắp tứ chi ; một luồng gió bắc khô và lạnh làm bạn khô héo ; không khí có mùi kim loại thoang thoảng trong cổ họng. Trên phố Cherche-Midi, xe tải từ kho pháo binh đang phục vụ chuyên chở xác chết. Trên phố Rue de Sèvres, nơi bị tàn phá hoàn toàn, đặc biệt là một bên đường, xe tang đi qua đi lại từ nhà này sang nhà khác ; họ không thể đáp ứng được nhu cầu ; họ hét qua cửa sổ: «Xe tang đến đây.» Người đánh xe trả lời rằng ông ta chở quá nhiều và không thể phục vụ tất cả mọi người. Một người bạn của tôi, ông Pouqueville, đến dùng bữa tại nhà tôi vào Ngày lễ Phục sinh, đã đến Đại lộ Mont-Parnasse và bị chặn lại bởi một loạt quan tài, hầu hết đều được khiêng trên tay. Trong đám rước này, ông nhìn thấy quan tài của một cô gái trẻ, trên đó có đặt vòng hoa hồng trắng. Mùi clo tạo nên bầu không khí hôi thối theo sau chiếc xe cứu thương đầy hoa này.

«Trên Place de la Bourse, nơi đoàn người lao động tụ tập hát bài *Parisienne*, người ta thường thấy đám tang

diễn hành đến tận mười một giờ đêm hướng về nghĩa trang Montmartre, dưới ánh sáng của những ngọn đuốc hắc ín. Pont-Neuf chật cứng những chiếc cáng chất đầy người bệnh đến bệnh viện hoặc những người chết đã qua đời trên đường đi. Việc thu phí đã dừng lại trong vài ngày trên Pont-des-Arts. Các quầy hàng biến mất và khi gió đông bắc thổi, tất cả những người bán hàng và tất cả các cửa hàng trên bến cảng đều đóng cửa. Người ta bắt gặp những cỗ xe ngựa được phủ cờ hoa và đi trước là một *con quạ*, do một người ghi chép sổ sách dẫn đầu, mặc quần áo tang, cầm một danh sách trên tay. Những công chứng viên này rất thiếu : người ta buộc phải kháng cáo từ Saint-Germain, La Villette, Saint-Cloud. Ở những nơi khác, xe tang được chất đầy năm hoặc sáu chiếc quan tài được buộc lại với nhau bằng dây thừng. Xe buýt và xe taxi cũng phục vụ mục đích tương tự ; không có gì lạ khi thấy một chiếc xe mui trần được trang trí bằng một xác chết nằm ở phía trước. Một số người đã chết được đưa đến nhà thờ ; một linh mục rải nước thánh lên những tín đồ đang tụ họp nơi cõi vĩnh hằng.

«Ở Athènes, người dân tin rằng các giếng nước gần Pirée đã bị đầu độc ; ở Paris, các thương gia bị cáo buộc đầu độc rượu vang, rượu mùi, hạnh nhân có đường và thực phẩm. Một số người đã bị xé xác, kéo xuống suối,

ném xuống sông Seine. Chính quyền đã phải tự trách mình vì lời khuyên vụng về hoặc đáng trách.»

Dịch tả đã kết thúc ở thủ đô vào tháng 9, sau khi đã giết chết hơn mười tám nghìn người. Xuất hiện ở Lille vào ngày 31 tháng 5, dịch bệnh không biến mất cho đến ngày 9 tháng 11. Các biện pháp phòng ngừa được áp dụng ở Bordeaux đã trì hoãn dịch bệnh cho đến tháng 8 và ngăn chặn một phần, mặc dù các trường hợp vẫn được báo cáo vào những ngày đầu năm 1833. Ở Marseille, dịch bệnh không bùng phát cho đến năm 1834-1835. Và ở vùng Lyon ? Và ở Dombes ? Theo báo *Courrier de Lyon* - «Đánh giá lịch sử năm 1832» - «dịch bệnh thường theo đường thủy. Các tỉnh phía bắc (trừ Alsace) và các tỉnh trung tâm là nơi xảy ra dịch bệnh... Vào tháng 6, dịch bệnh nhanh chóng di chuyển về phía Nam qua các tỉnh Allier, Nièvre, Cher và Corrèze. Dịch bệnh xuất hiện vào tháng 9 ở lưu vực sông Rhône, ở Serrières và các xã lân cận. (Dịch tả) xảy ra vào ngày 1 tháng 10 tại Arles có hai trăm hai mươi người bị bệnh trong tám ngày và chín mươi chín người tử vong. Cuối cùng, dịch bệnh đã giảm ở mọi khu vực và gần như biến mất hoàn toàn khỏi nước Pháp vào nửa đầu tháng 11.»

Trong bài hồi tưởng này, không hề đề cập đến cái ác vẫn còn tồn tại. *La Glaneuse*, một tờ báo địa phương

khác, nêu bật sự kiện này trong một bài báo châm biếm ngày 24 tháng 1 năm 1833. «Trong khoảng sáu tháng, chúng tôi không bao giờ tiếp cận nhau mà không nói : Còn bệnh dịch tả thì sao ? Người ta nói gì về bệnh dịch tả ? Hãy cho tôi biết một số tin tức về bệnh dịch tả ?... Nhưng kể từ khi tai họa đã lùi xa... chúng tôi không còn nghĩ về nó nữa, chúng tôi vô ơn như vậy, và bạn hoặc tôi không nghĩ ra lý do tại sao thành phố Lyon tốt đẹp của chúng tôi lại được bảo tồn. Bây giờ tôi biết rất rõ chúng tôi nợ lợi ích này là gì... Báo *Gazette du Lyonnais* vừa thông báo với tôi một cách rất tích cực rằng chúng ta nợ điều này nhờ sự cầu bầu của Đức Mẹ Fourvière và lời cầu nguyện của Đức Cha Tổng Giám mục Lyon : một buổi cầu nguyện chín ngày đã được tổ chức tại tất cả các họ đạo...»

Vì vậy, rất có thể Ars cũng đã thoát khỏi nỗi sợ hãi. Nhưng chúng tôi cũng không quên cầu nguyện. Vào ngày 30 tháng 6 năm 1832, theo chỉ dẫn của Catherine Labouré, tấm ảnh tượng đầu tiên đã được đúc tại Paris, giữa lúc thảm họa đang diễn ra, và nhanh chóng được mọi người gọi là «phép lạ» vì khả năng chữa lành và bảo vệ mà ảnh tượng mang lại. Chắc chắn đây chính là ảnh tượng mà Cha Vianney đã trao tặng cho giáo dân và khách hành hương.

Khi cái ác đó lại đe dọa cha vào năm 1844, cha đã cầu nguyện nhiều lần, bằng chứng là bức tượng Epinal do Gangel thực hiện ở Metz, trong đó có lời cầu xin Đức Mẹ bảo vệ cha khỏi «tai họa bệnh dịch tả». Trong cùng hoàn cảnh đó, vị linh mục xứ Ars đã đi xa đến mức tự mình đúc một tấm cha có khắc dòng chữ này ở mặt sau : «Lạy Mẹ Maria vô nhiễm nguyên tội, xin gìn giữ chúng con khỏi dịch bệnh». Catherine Lassagne đưa ra thời gian, nhưng theo cách không chính xác đến mức người ta có thể suy ra, điều này có vẻ rất khó xảy ra, rằng đó là năm 1832 : «... vào thời điểm bệnh tả đang hoành hành.» Có lẽ cuốn sách nhỏ ngụ ý tạo được xuất bản dưới tên Michel Givre cung cấp thông tin tốt nhất cho chúng ta về chủ đề này : vào năm 1850. Trên thực tế, vào thời điểm này, đã có sự quay trở lại đáng lo ngại của dịch bệnh.

Vào thời điểm này, cha Vianney cầu nguyện và kêu gọi những người khác cầu nguyện. Tiếng kêu khủng khiếp thậm chí còn thoát ra khỏi miệng cha trước công chúng, khiến Ars và cả vùng này phải bối rối : «Anh em ơi, Chúa đang cuốn trôi thế giới này.»

Như vậy, bất hạnh của thế kỷ góp phần thúc đẩy và mở rộng phong trào của những người đến sau vài năm để bao vây nhà thờ và tòa giải tội của vị linh mục

nghèo. Dù muốn hay không, cha cũng phải bước vào con đường mà số phận đã định sẵn cho mình.

Vào khoảng một giờ sáng, chính cha Vianney sẽ rung chuông *kinh Truyền Tin*. Những người ăn năn biết rằng họ có thể đến : nhà thờ, mặc dù hầu như không có đèn, vẫn mở cửa. Những tu sĩ dòng Xitô trên khắp thế giới vẫn còn đang ngủ trên ván gỗ, trong khi vị linh mục nhà quê nhỏ bé đã ngồi trong tòa giải tội.

Theo Giám mục Trochu, chỉ có phụ nữ mới được phép xưng tội theo cách này, dưới sự bảo vệ của các thiên thần và các vì sao. Ngài nghe thấy họ trong nhà nguyện khiêu vũ, nếu người ta dám nói là nhà nguyện của Thánh Jean-Baptiste. Giám mục Convert, người kế nhiệm thứ tư của cha xứ Ars và là người đã cẩn thận thăm vấn những người sống sót vào thời đó, tiết lộ một cách khá kỳ lạ rằng các bà thích xưng tội vào lúc ban đêm này. Ngài giải thích: Cha xứ chưa mệt mỏi hay bị đám đông quấy rầy. Cha chào đón họ bằng lòng tốt cảm động, dành tất cả thời gian mà họ mong muốn cho họ, rồi tiễn họ đi : «Nào, con bé nhỏ của cha, hãy đi nghỉ ngơi đi, con buồn ngủ quá rồi.» Những người phụ nữ tốt bụng đã giữ lại ký ức về những cuộc gặp gỡ này đến nỗi, hai mươi năm sau khi vị thánh qua đời, họ vẫn kêu lên : «Ôi ! thật tốt biết bao khi được xưng tội vào lúc đó !»

Vào những ngày hè bận rộn, ông Vianney phải xuống sớm hơn, trước nửa đêm. Vì họ lo lắng về giấc ngủ của cha, cha trả lời rằng cha sẽ ngủ vào ngày mai, nhưng vì cha cũng không làm gì cả và bị khiển trách vì điều đó, cha chỉ tay và cười vào người anh trai *xác chết giả* của mình: «Tôi sẽ bắt nó».

Vào sáu giờ tối mùa hè, bảy giờ tối mùa đông, ngài bước ra khỏi nhà tù bằng gỗ để cử hành Thánh lễ. Thánh lễ kéo dài ba mươi phút. Trong Lễ tạ ơn, cha vẫn mặc áo lễ và dây stola, cha Trochu lưu ý rằng cha quá đắm chìm đến nỗi người ta có thể đến rất gần, nhìn cha với sự tò mò, trao đổi suy nghĩ về cha : cha không nghe thấy gì cả. Sau khi cầu nguyện xong, cha trở về phòng thánh, nơi ngài tự tay ký tên lên các hình ảnh : JMBV, ban phép lành cho các ảnh tượng hoặc tràng hạt. Sau đó, cha chạy đến trường *Providence*, làm theo chỉ định của Bác sĩ Timécourt trong thời gian cha bị bệnh năm 1827, để uống một chút sữa - ngoại trừ những ngày ăn chay. Sau thời gian vắng mặt ngắn ngủi này, cha vào phòng thánh để nghe những người đàn ông xưng tội. Vào khoảng mười giờ, cha hỏi người sám hối nào đang đợi và quỳ trên sàn, đọc kinh cầu nguyện chính cho đến khi không còn ai : giờ cầu nguyện kéo dài khoảng hai mươi phút. Cha tiếp tục lắng nghe những tội nhân và tha thứ tội lỗi cho đến mười một giờ.

Cha lại đến trường *Providence*, nơi giáo lý dành cho trẻ em và các bé gái đang chờ đợi cha. Nhưng có quá nhiều người đuổi theo cha, giữ cha lại, muốn nói chuyện với cha ấy khiến cha gặp khó khăn khi di chuyển quãng đường ngắn này. Những người hành hương xâm chiếm ngôi nhà trẻ mồ côi phía sau cha. Khi đó, đó là sự bực lộ hết nổi lòng của cha. Giữa những giai thoại, những câu nói ẩn tượng xuất hiện rất nhiều : «Rước lễ làm tâm hồn giống như một cú thổi của ống thổi vào ngọn lửa đang bắt đầu tắt. - Một tâm hồn trong sạch ở với Chúa giống như một đứa trẻ với mẹ của mình. Đứa con vuốt ve mẹ, hôn mẹ, và mẹ đáp lại những cái vuốt ve và nụ hôn của con. - Ngày xưa, có một vị thánh cầu xin Chúa cho ông thấy (một tâm hồn không trong sạch) : Người thấy tâm hồn tội nghiệp này giống như một con vật chết đã bị kéo lê trong tám ngày dưới ánh nắng mặt trời chói chang, dọc theo các con phố. - Sự trong sạch đến từ thiên đường, chúng ta phải cầu xin Chúa ban cho điều đó. - Này các con, ta cho rằng hôm nay các con đã xưng tội. Các con sẽ được hạnh phúc với suy nghĩ rằng ngày mai bạn sẽ có được hạnh phúc đón nhận Chúa vào lòng mình. Nhưng ngày mai các con cũng sẽ không thể xúc phạm đến Chúa nữa. - Tôi yêu những sự hy sinh nhỏ nhất này biết bao mà không ai nhìn thấy, như dậy sớm hơn 15 phút, dậy sớm hơn một chút để cầu nguyện vào

ban đêm, nhưng có một số người chỉ nghĩ đến việc ngủ, những người lạc lõng trên giường ! - Chúng ta không xứng đáng cầu nguyện, nhưng Chúa, với lòng nhân từ của Ngài, đã cho phép chúng ta được nói với Ngài. - Có một số người chỉ nghĩ tới những chuyện của thời đại. Giống như kẻ keo kiệt mà chúng ta đã quản lý một ngày nọ. Khi một cây thánh giá bằng bạc được đưa cho ông để hôn : «Đây là một cây thánh giá nặng khoảng mười ounce». - Linh mục chỉ được hiểu đúng khi ở trên thiên đàng. - Những người được Chúa Thánh Thần hướng dẫn đều có quan điểm đúng đắn. Đây là lý do tại sao có rất nhiều người thiếu hiểu biết nhưng lại biết nhiều hơn những người có học thức. - Chúa Thánh Thần giống như một người có cỗ xe ngựa tốt và muốn đưa chúng ta tới Paris. Chúng ta chỉ cần nói đồng ý và bước vào. - Đây là một khẩu súng trường. Tốt ! bạn sạc nó. Nhưng phải có ai đó đặt viên đạn và làm nó bay đi... Tương tự như vậy, bên trong chúng ta có khả năng làm điều tốt. Chính Chúa Thánh Thần là Đấng thắp lửa và làm những việc lành. - Chúa Thánh Thần nuôi dưỡng những ước muốn tốt lành trong tâm hồn trong sạch như chim bồ câu nuôi dưỡng con mình. - Có hai cách để đau khổ: đau khổ trong khi yêu và đau khổ mà không yêu. Nếu không có Chúa Thánh Thần, các vị tử đạo đã ngã xuống như lá cây. Khi giàn hỏa thiêu được thắp lên hướng về

họ, Chúa Thánh Thần đã dập tắt sức nóng của ngọn lửa bằng sự ấm áp của tình yêu thiêng liêng».

Tuy nhiên, mặc dù những cuộc trò chuyện này diễn ra một cách tự nhiên, trí nhớ cũng đóng một vai trò nhất định. Những ghi chép của Catherine và những người nghe khác chứng minh rằng cha xứ Ars đã chèn những trích dẫn từ bài giảng đầu tiên và khó nhọc của mình : những bài giảng sau này, theo một cách nào đó, đã tạo nên Tổng hợp của cha trong nhiều năm. Cha lấy từ đó một trong những hình ảnh quen thuộc của mình để áp dụng vào đây, như thể đó là *tủ đựng thức ăn* của cha.

Vào khoảng trưa, sau khi đã nuốt trọn bữa ăn của ban giám đốc trường *Providence* mà không cần ngồi xuống và vội vã đọc qua thư, cha về nhà. Đám đông lại đến... Luôn là những người này... cha trả lời tốt nhất có thể, đôi khi ném một loạt ảnh tượng từ trong túi ra, trốn thoát và khóa cửa vào sân nhà mình. Cha cần phải lo chuyện của mình... và của người khác. «Tôi có thể ăn tối, quét phòng, cạo râu, ngủ và thăm người bệnh từ trưa đến một giờ chiều». Thông thường, thăm viếng bệnh nhân sẽ kéo dài lâu hơn nhiều. Cha không chỉ giúp đỡ giáo dân của mình : những người hành hương đau yếu cũng đã kêu gọi cha ; cha đã không làm họ thất vọng. Trở lại nhà thờ. «Cha đã giải tội cho phụ nữ cho đến khoảng

năm giờ, trở về nhà xứ trong năm phút, sau đó cha khóa mình trong phòng áo lễ, nơi cha nghe những người đàn ông cho đến bảy giờ ba mươi hoặc tám giờ. Sau đó, cha lên bục giảng để lần hạt Mân Côi và cầu nguyện buổi tối. Làm xong việc này, cha trở về nhà xứ, nơi cha tiếp thêm một vài người nữa... Sau đó, cha khóa mình một mình trong phòng. «Cha làm gì trong đêm ? Pierre Oriol, người kiểm soát sự bền bỉ của lịch trình bất khả thi này cho đến những năm cuối đời của vị thánh, tự hỏi. Tôi không biết, nhưng tôi nghĩ cha vẫn dành phần lớn thời gian để cầu nguyện...»

Trên thực tế, cha đã đọc *kinh sáng* và *kinh ngợi khen* của ngày hôm sau, và đọc một chút trong cuốn *Cuộc đời các thánh*. Cuối cùng là cảnh đánh đòn. Đức Cha Trochu ước tính có lẽ cha đã không ngủ quá ba tiếng. «Người ta luôn nhìn thấy cha đứng», một người nông dân nói, và một người khác nói : «Cửa sổ nhà cha hầu như lúc nào cũng sáng đèn». Cha cũng thích để nến: «Khi tôi không ngủ, cha tâm sự khi nói về những bức tượng thánh được treo trên tường, tôi thích ngắm những bức tranh của mình... Tôi đang trong đoàn thể các thánh. Vào ban đêm, khi tôi thức dậy, tôi thấy dường như họ cũng nhìn tôi và nói với tôi : Này ! đồ lười biếng, bạn đang ngủ và chúng tôi, chúng tôi dành thời gian để canh chừng và cầu nguyện với Chúa».

Nhờ vậy, cha đã đạt đến trạng thái cảnh giác siêu phàm của tâm hồn. Cha sống để chết, và nhiều người khác hẳn đã chết mà không được như vậy. Cơ thể cha chẳng qua chỉ là một cái vỏ mà thôi. Sau khi bị «bắt gặp», liệu Adam già này có trụ được không ? Liệu cha có còn nghe được tiếng thì thầm khó chịu của những lời phàn nàn và lỗi lầm của con người nữa không ?

Vị trí của việc giải tội trong sứ vụ của Thánh Jean Marie Vianney không phải là không có tính đặc biệt. Về nguyên tắc, cha giải tội nhanh chóng. «Trong năm phút, tôi đã trao trọn tâm hồn mình cho cha», một linh mục nói. «Ồ ! hãy yêu, hãy yêu Chúa thật nhiều», cha chỉ nói với người khác như vậy. «Cha ngắn gọn, rất ngắn gọn, cha Denis ở Neuville-sur-Saône chứng thực, một lời khuyên răn và thế là hết». «Thế thôi, một số người ăn năn hối lỗi kết luận sau khi xưng tội. - Cái gì ? vị linh mục kêu lên, đó là tất cả những gì anh đã làm sao ? Anh còn muốn làm gì hơn nữa ?»

Sự đơn giản trong phán đoán của cha đã trở thành huyền thoại. «Tôi đã hỏi cha một cách ngắn gọn và nhanh chóng hai câu hỏi mà tôi đã chuẩn bị, một người ăn năn nói. Cha trả lời ngay lập tức, kiên quyết, không có vẻ gì là suy nghĩ, không chút do dự, nhưng cũng không vội vàng ; và câu trả lời của cha là những câu trả

lời hợp lý nhất, khôn ngoan nhất, dễ áp dụng nhất và hữu ích nhất. Thông thường, con người buộc phải cân nhắc, cân nhắc kỹ lưỡng một dự án, để tìm ra hướng đi khôn ngoan. Cha xứ Ars đã ứng biến sự khôn ngoan. Tôi đã rất ngạc nhiên khi thấy sự bình tĩnh, sự chú ý, sự tỉnh táo này trong những điều kiện như vậy. Từ nửa đêm, cha vẫn không ngừng bị bao vây như cha vẫn vậy; cha không cho mình một sự nghỉ ngơi ; cha đã phải trả lời hàng trăm người». Theo Catherine Lassagne, đôi khi cha thở dài như thể không muốn, nhưng chính những tiếng thở dài đó lại làm cho trái tim của người ăn năn tràn ngập cảm xúc. «Tôi khóc vì anh không khóc», cha tuyên bố với một người đàn ông tốt bụng, người đã ngạc nhiên khi thấy nước mắt trong mắt cha.

Danh tiếng của cha như một người có tầm nhìn xa trông rộng đã nhanh chóng được khẳng định : cha có khả năng đọc được suy nghĩ và nhìn thấu mọi bức tường. Vào khoảng năm 1833, người họ hàng của cha ở Écully, Marguerite Humbert, người đã cho cha ở nhờ trong suốt thời gian cha học, đã đến thăm cha. Bà nhận được sự hiếu khách nồng hậu từ Catherine Lassagne. «Trước khi rời đi, bà kể lại, tôi quay lại nhà thờ và tự hỏi liệu mình có nên xưng tội với anh họ mình hay không. Cùng lúc đó, có người đến thay mặt cha nói với tôi rằng cha đang đợi tôi. Tôi rất ngạc nhiên, vì cha

không thể nhìn thấy tôi ở nơi tôi đang ở... Tôi rời Ars với niềm vui nội tâm vô cùng lớn lao». Ngay cả những người thân cận với cha cũng đã bộc lộ một năng lực không thể cưỡng về sự sáng suốt.

Cha sớm được biết đến là một chuyên gia tính toán. «Anh đã xưng tội cách đây bao lâu rồi ? - Cách đây một thời gian... Mười năm. - Thêm một chút nữa. - Mười hai năm. - Thêm một chút nữa. - Đúng vậy, kể từ Đại lễ kỷ niệm năm 1826. - Đây rồi. Chúng ta tìm thấy nó nhờ vào nỗ lực tìm kiếm.» «Bốn mươi năm, một người khác nói. - Bạn tôi ơi, lâu hơn thế nữa, bốn mươi bốn năm trước». Cha cũng phát hiện ra những lỗi lầm chưa được thú nhận hoặc đã chìm vào quên lãng, nơi mà kẻ có tội phải chịu hình phạt tối cao là mất mạng.

Giám mục Devie thừa nhận rằng cha xứ Ars đã nhận được từ Chúa một món quà đặc biệt để hoán cải con người : trong mỗi linh mục, đó là một dấu hiệu - ít nhất là về mặt tâm lý - đặc biệt thuận lợi. Ngồi trong phòng thánh, bên trong một khung gỗ cũ có các cột trụ dày nhô ra xa hơn chiều cao của cha, trong khi phần tựa lưng thậm chí còn cao hơn đã được đẽo thô thành một bệ thờ, đôi chân của cha đặt trên một tấm ván tồi tàn bị trật khớp bởi các nút thắt và được cách nhiệt khỏi độ ẩm của mặt đất bằng một thanh xà rõ ràng, cha lắng

nghe từ chiếc ghế vụng về và trang nghiêm này những lời thú tội nặng nề của những người anh em của mình. Việc triệu tập họ ra khỏi nhà thờ, vào căn phòng riêng biệt này, nơi mà ngay khi màn đêm buông xuống, ngọn nến sẽ thấp sáng khuôn mặt họ trong khi họ nói chuyện, minh họa cho mong muốn về một lời giải thích thẳng thắn.

Khí hậu khắc nghiệt này, xen lẫn những tia sáng sáng suốt phi thường giúp cha nhân lên nhiều bằng chứng, giải thích sức hấp dẫn không thể cưỡng lại mà cha tạo ra. Ngay cả khi thần học của cha không phải lúc nào cũng chắc chắn, ngay cả khi những yêu cầu cha đưa ra và sử dụng như một con dao mổ để mở tâm hồn không phải lúc nào cũng được biện minh, cha vẫn kêu gọi mọi người hãy phơi bày bản thân, để tìm thấy chính mình từ trái đất này trong sự đơn giản mà cha sẽ ban tặng vào Ngày Phán xét Cuối cùng.

Không có điều gì khiến chúng ta không khao khát sâu sắc hơn thế. Bởi vì sự yếu đuối khiến chúng ta xấu hổ, chúng ta biết rõ rằng một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ phải từ bỏ nó để được cứu thoát. Chính sự cần thiết và sự sắp đến của thời khắc không có khả năng tự vệ này khiến chúng ta đau khổ. Nhưng nếu nó tới đây thì sao ? Nếu từ giờ trở đi chúng ta được phép để được Chúa

đón nhận như chúng ta hiện tại, được che chở và thánh hóa bởi Lòng thương xót toàn năng thì sao ? Người ăn năn bước ra khỏi phòng thánh, người quá xúc động đến nỗi không còn nhận ra đó là mình hay vị linh mục bí ẩn nắm lấy tay nắm cửa và mở cửa, người đàn ông này quỳ xuống trên một chiếc ghế dài, một lúc sau đứng dậy, lạc vào quảng trường và những con phố của làng, không còn nhận ra bất cứ thứ gì nữa, như thể, vì anh ta đã trở thành một người khác, mọi thứ đều mới mẻ, ngay cả vòng eo, búi tóc xấu xí hay đôi bàn tay thất nút của bà chủ nhà. Ông ấy không còn đi lại được như trước nữa. Ông đã tìm thấy những người anh em và một người Cha.

Hiếm có ai thực hiện biện pháp khắc phục nghiêm ngặt đến Chân lý hơn là vị cha Vianney ngu dốt này. Ngay cả khi đôi khi cha nhận ra sai lầm, cha vẫn có thể sống nhờ vào nó : đó là đất của cha. Sẽ là nói giảm nói tránh khi nói rằng cha đắm mê nó, vì người ta cho rằng cha không theo đuổi nó và theo đuổi nó như nàng tiên trong giấc mơ : một cuộc săn đuổi như vậy khó có thể nằm trong bản chất hay sự duyên dáng của cha. Trên thực tế, Chân lý đã hòa nhập với cách nhìn và hơi thở của cha, hay đúng hơn là cha chỉ có thể hình thành trong Chân lý, giống như Adam đầu tiên trong khối đất sét do Chúa nhào nặn. Trong trường hợp của cha, có điều gì

đó không chỉ là nỗi nhớ. Mặc dù cha đã đo lường những thất bại của mình vì cha quá xa rời chân lý mà các nhà khoa học tạo nên, cha hiểu rõ điều đó hơn nhiều so với những gì phương tiện hạn hẹp của cha gợi ý, cha yêu nó theo cách của một món đồ cũ kỹ, bởi vì chính Chân lý là người sở hữu cha. Từ đó xuất hiện sự tương phản đặc biệt của cuộc sống nông dân nơi mà, giữa bóng tối dày đặc và những biến chứng cơ bản, một sự cân nhắc về Chân lý cao cả đến mức có lẽ các triết gia sẽ phải ghen tị, không bao giờ ngừng can thiệp và áp đặt chính nó.

Cha đã đạt đến điểm mà thường chỉ đưa con người trở về với Chúa thông qua việc xưng tội, nghĩa là, thừa nhận chân lý nằm trong tầm với phổ biến nhất của chúng ta. Ngay khi một người không tin xuất hiện, cha sẽ nhắc nhở họ bằng thẩm quyền ngăn gọn và ngây thơ của mình rằng ít nhất chúng ta vẫn còn nguồn lực này. Vì thế, nhiều người đã tìm lại được đức tin : «Hãy ngồi đó. - Nhưng, thưa cha, con không đến để xưng tội... Có lẽ một ngày nào đó con sẽ xưng tội... Con không thể... Con chưa nghĩ đến điều đó... Con không muốn...» Và người đàn ông quỳ xuống. Khi kể xong toàn bộ câu chuyện cuộc đời mình, ông tự hỏi mình có thể bắt đầu kể về nó từ khi nào và bằng cách nào.

Có rất nhiều sự chuyển đổi được mong đợi. Vào năm 1838, tiếng kêu của một thủy thủ trên tàu Saône đã gây ra một số tiếng ồn. Ông được biết đến với sự bạo lực, những lời báng bổ và lòng căm ghét mù sọ của ông : một người to mồm. Ông đi cùng một số người quen đến Ars. Để giết thời gian, ông ta bước vào nhà thờ, đúng lúc vị linh mục đang nghe những người đàn ông xưng tội. Người đàn ông đó đang đến thăm nơi này thì đột nhiên cảm thấy lo lắng nên buộc phải ra ngoài để hít thở không khí trong lành. Có tình trạng khó thở và thở gấp. Vì sợ phải đóng vai mặt tái, sau một thời gian nghỉ ngơi, anh quay trở lại. Nhưng rồi anh lại ở đây, run rẩy và trở nên kích động. Một trò đùa của số phận : một tín đồ tốt bụng, một trong những bà lão mặc đồ đen mà người ta có thể thấy ở khắp mọi nơi, phải giúp anh ta hồi phục và đưa anh ta đến gặp cha Vianney. Trước cái nhìn của vị linh mục, anh bất ngờ quyết định xưng tội tổng quát. Như thể ma quỷ đã rời xa anh ta, người ta lại nhìn thấy anh ta nhiều lần trong chuyến hành hương, tay cầm tràng hạt và hiền lành hơn một chút.

Vào tháng 12 năm 1839, một sự cố đã xảy ra ở trường *Providence* : một cư dân cũ đã ăn trộm. Như thường lệ, cha Vianney cố gắng hết sức để cứu người có tội khỏi sự giam cầm mà một chính quyền dân sự lấy lý trí làm nền tảng đã áp đặt lên cô ta. Cha phải nhờ đến sự giúp

đỡ khẩn cấp của ngài Laporte để đền bù số vải lanh và tiền bạc đã bị lấy mất.

Tuy nhiên, đôi khi cha cũng phải đối mặt với nguy hiểm khi phải đối đầu với Satan. Dù cha có lặp đi lặp lại bao nhiêu lần trong suốt cuộc đời mình rằng : «Tôi chỉ khỏe mạnh khi cầu nguyện cho những kẻ có tội», cha ta cũng không phải lúc nào cũng thoát khỏi sự đau khổ tột cùng. Buổi chiều ngày 23 tháng 1 năm 1840 đã xảy ra một sự việc vô cùng đen tối. Vào giữa mùa đông, khi cái lạnh thậm chí không ngăn được dòng người sùng đạo, vị linh mục tội nghiệp đã va phải một người phụ nữ bị quỷ ám trong phòng giải tội. Với khoa học về thế giới bên kia, bà sẽ nghi ngờ về mọi thứ, giám mục, giáo xứ, cuộc hành hương, thậm chí bà sẽ tiết lộ cả ý định cá nhân của cha Vianney, hoàn toàn không ai biết.

Bà là một người phụ nữ đến từ Puy-en-Velay, được một bàn tay xa lạ dẫn dắt và không có gì đáng chê trách về ngoại hình của bà. Hai cô gái trẻ đến từ Ars, Marie Boyat và Geneviève Filliat, cùng với một nhóm sáu phụ nữ, đang chờ để nhận bí tích sám hối. Họ đang ở gần nhà nguyện Thánh Jean-Baptiste, họ đột nhiên nghe thấy một giọng nói khàn khàn và mạnh mẽ làm rung chuyển cả chiếc tủ. Đôi khi, người ta có thể nghĩ rằng, đằng sau lời nói của người phụ nữ nông dân vùng

Haute-Loire, người ta nghe thấy giọng nói của người buôn ngựa trong tác phẩm *Sous le soleil de Satan*. «Ta chỉ phạm một tội trong đời... giờ tay lên, tha thứ cho tôi. Ta thường ở gần người trong tòa giải tội.Ồ ! con cóc đen, người làm ta đau khổ biết bao... Dù người có tội gì, thỉnh thoảng người cũng làm việc cho ta : người nghĩ thế giới của người sẵn lòng nhưng thực tế không phải vậy... Tại sao người lại kiểm tra lương tâm của những người ăn năn của người ? Ta thường ở trong nhà nguyện của người nhiều hơn người nghĩ.» Sau đó là sự gọi lên choáng váng này về chức linh mục : «Có những con cóc đen không làm ta đau khổ nhiều như người. Ta giúp lễ cho họ. Họ nói thay ta...» Trong khoảng mười năm, vì thiếu thời gian, cha Vianney không còn chuẩn bị bài giảng của mình bằng văn bản nữa : cha tự giao phó mình cho Chúa và lên bục giảng. «Tại sao người lại giảng đơn giản như vậy ? Người trông giống như một kẻ ngu dốt. Tại sao người không rao giảng một cách rầm rộ, như ở các thành phố ? À ! Ta thích những bài giảng dài dòng này biết bao, chúng không làm phiền bất kỳ ai, chúng cho phép mọi người sống theo ý họ muốn và làm những gì họ muốn !» Những lời thú tội không thể kiểm soát, sắc bén, chói sáng, những lời thú tội của Lucifer, xuất hiện : «Trong giáo lý của người, có một số người ngu quên, nhưng có những người khác

mà ngôn ngữ đơn giản của người đi thẳng vào trái tim.» Điều quan trọng là phải đặt vị tông đồ mâu thuẫn với chính mình. Người đối thoại khét tiếng tiến lại gần hơn: «Tại sao người dậy sớm thế ? Người cài lời chiếc váy tím đã ra lệnh cho người phải tự chăm sóc bản thân.» Những dấu hiệu, hầu như không được vị linh mục yêu cầu, được đưa ra : «Ta thực sự làm người ngạc nhiên vào Chủ Nhật tuần trước trong thánh lễ. Nay, người còn nhớ không ?» Cha Monnin nói rõ rằng Chúa Nhật này là ngày thứ hai sau Lễ Hiện Linh và cha xứ Ars đã cảm thấy một sự xáo trộn lạ thường cho đến tận Phúc Âm. Ác quỷ tiếp tục : «Chiếc váy tím của người vừa viết thư cho người...» Cha Vianney đã nhận được một lá thư từ giám mục của mình vào sáng hôm đó. Cuộc đối thoại đen tối và siêu nhiên tạo nên sự căng thẳng đến chóng mặt. Điều mà không có sự kiện nào tiết lộ cho đến lúc đó, điều mà chúng ta không ngờ tới, đã được kẻ khiêu khích đáng ghét hét lên từ sâu trong nhà thờ nhỏ: «Người muốn đến Lyon... Người muốn rút lui vào nơi vắng vẻ.» Trong nhiều ngày, vị thánh thực sự đã đấu tranh chống lại ham muốn ám ảnh muốn chạy trốn đến Fourvière hoặc La Trappe. Bị chạm đến tận cùng, cha ta không còn do dự nữa. Vị linh mục nghèo khổ đứng vững và hỏi : «Liệu chúa có để con đi không ?»

Quá nhiều lời, chắc chắn là một lời nói thiếu thận trọng. Ngày hôm đó, con quỷ đã đáp lại sự tò mò của cha, rằng chiếc áo choàng màu tím yêu cha quá nhiều, rằng chính Đức Mẹ Đồng Trinh đã giữ cha ở lại đó, rằng sự ra đi này sẽ đáp ứng ngoài mọi dự đoán, theo những mong muốn địa ngục của cha ngay sau đó, - không thể chịu đựng được nữa, cha đã từ bỏ nhà xứ vào lúc hai giờ sáng, trong một đêm rất tối. Quyết định đột ngột này đã chiếm lấy cha ngay lập tức. «Cha đi đến tận ngã tư Combes, phía tây Ars». Tuy nhiên, lương tâm của cha không trong sáng. Khi đến đó, cha vô cùng hối hận: «Đây có thực sự là ý muốn của Chúa không ? Bạn có làm được nhiều điều tốt hơn khi ở một mình không? Sự hoán cải và cứu rỗi chỉ một linh hồn không phải là điều tốt hơn sao ?» Có người trả lời cha : đúng vậy. Cha quay lại bước chân của mình... Kết quả của cuộc tranh luận dữ dội và điên rồ này là kết quả hợp lý duy nhất, nhưng bản thân cha có thể thoát ra từ đâu, từ sự hiểu lầm đau khổ và không ngờ tới ?

Cha Vianney vô cùng choáng ngợp. Vào ngày 27 tháng 1 năm 1840, bốn ngày sau cuộc gặp gỡ với người phụ nữ bị quỷ ám đã gây ấn tượng mạnh mẽ với cha, cha và người bạn cũ Laporte đã nảy ra một ý tưởng mà cả hai đều quen thuộc : «Chúng ta sẽ gặp lại nhau một ngày nào đó trên thiên đường. Chúng ta sẽ gặp lại nhau vào Ngày phán xét». Lần này cha nói thêm : «Chúng ta sẽ có đủ để đền bù cho mọi đau khổ to lớn và vô số của mình.» Thảo luận về cùng chủ đề với cùng một người bạn vào năm 1834, cha chỉ nói về «những hy sinh rất nhỏ mà chúng ta phải thực hiện để làm hài lòng Chúa». Những thử thách mới này là gì mà trong sáu năm liên tục làm cha kiệt sức ?

Chưa bao giờ có nhiều người hành hương đến vậy. Trong năm, xe ngựa phục vụ Lyon sẽ hoạt động hàng ngày. Nó bắt đầu từ Place Bellecour, ở phía tây, từ một ngôi nhà có dòng chữ khắc lớn : *Bureau des voitures d'Ars*. Trên đàn môi có khắc ký hiệu : *Thư từ Ars*. Phản ứng trước làn sóng này rõ ràng là sự tái diễn của các cuộc đàn áp và các cuộc bạo loạn ma quỷ. Sau đây là trích đoạn từ nhật ký của Catherine Lassagne năm 1841 :

«Tháng 4 : Cha xứ đã nói với chúng tôi nhiều lần trong những ngày gần đây : «Tôi không biết chúng là chuột hay là một con quỷ đội lốt người ; chúng kéo đến từng

đàn trên gác xếp tôi và đặc biệt là trên giường tôi ; trông giống như một đàn cừu đang tới ; tôi gần như không thể ngủ được. Đôi khi tôi lấy một cây gậy, tôi đập xuống sàn, nhưng chúng luôn thực hiện cùng một chuyển tàu, điều đó không làm phiền chúng im lặng».

«Ngày 9 tháng 5, cha kể với chúng tôi : «Tôi hôm qua, đàn chuột đã quay lại chơi trên giường tôi ; vì vậy, tôi nói : tôi sẽ dâng lên Chúa nỗi đau mà tôi sẽ phải chịu khi không thể nghỉ ngơi, để cầu xin sự hoán cải cho những tội nhân đáng thương. Ngay khi tôi vừa thốt ra lời đó thì tiếng ồn liền dừng lại và tôi yên nghỉ».

«Ngày 2 tháng 7, cha nói với chúng tôi : «Tôi không biết chuột có hót không, nhưng có một con luôn hót trong phòng tôi, nó trèo lên giường tôi vào ban đêm và hót».

«Ngày 8 tháng 10 : Cha xứ nói với chúng tôi rằng con quỷ muốn giết cha vào đêm hôm trước».

Tháng 6 năm nay được đánh dấu bằng sự trở về với Chúa của một Lyonnais đặc biệt. Sự kiện này, cha Monnin kể với chúng ta, «đã làm lay động tâm trí của mọi người. Đó là một nhà địa chất - triết gia tên là Maissiat. Ông đã Rước lễ lần đầu dưới thời Khủng bố - như cha Vianney. Mồ côi ở tuổi mười lăm, ông đã theo

một sĩ quan cấp cao đến Ai Cập, người đã nhận ông làm con nuôi. Trong quá trình trải qua nhiều cuộc phiêu lưu, ông đã trở thành một người Hồi giáo ; sau đó ông đã thử Do Thái giáo, Tin lành, chiêm tinh học ; ông đã trở thành một người theo phái Saint-Simon ; vào thời điểm chúng ta đang sống, ông đã đầu hàng chủ nghĩa không tưởng cộng sản của một Cabet nào đó, người sáng lập tờ báo *Le Populaire*. Sau đây là câu chuyện về sự hoán cải của ông được nghe từ cha Gaillard, cha xứ Montagnat, người ở Ars cùng lúc với ông :

«Tôi rời Lyon tám ngày trước để tham gia chuyến tham quan địa chất kéo dài một tháng qua những ngọn núi Beaujolais và Mâconnais. Trên chiếc xe đưa tôi đến Villefranche, tình cờ có một người bạn cũ của tôi cũng đang trên đường đến Ars : «Đi nào, anh ấy nói với tôi, anh sẽ thấy cha xứ làm phép lạ. - Phép lạ ư ?... Tôi không tin vào phép lạ. - Đến đó, bạn sẽ thấy và bạn sẽ tin. - Khi đó chúng ta sẽ phải kêu cầu một phép lạ. Nhưng nơi đó không xa nơi mà tôi phải khám phá : Tôi sẽ đi cùng bạn. Khi tôi đến đây, bạn tôi đã sắp xếp cho tôi ở nhà góa phụ Gaillard. Chúng tôi ở cùng một phòng. Sáng sớm, anh ấy đánh thức tôi dậy : «Maissiat, anh có thể giúp tôi một việc được không ? Hãy đến dự thánh lễ cùng tôi. - Tham dự thánh lễ ? Tôi chưa đến đó kể từ lần rước lễ đầu tiên. - Đó là nơi bạn có thể nhìn thấy và

đánh giá cha xứ Ars. Tôi chỉ yêu cầu bạn hãy nhìn kỹ nó thôi. - Tôi không quan tâm nhiều đến chuyện đó nhưng không muốn làm anh phật ý. Anh muốn đưa tôi đi lễ ? Được thôi, tôi xin nghe theo anh».

«Chúng tôi ở trong nhà thờ. Bạn tôi bảo tôi ngồi ở hàng ghế đối diện với phòng thánh. Ngay sau đó, cánh cửa mở ra và cha xứ Ars bước ra với bộ đồ lễ. Ánh mắt cha chạm vào mắt tôi : đó chỉ là một cái nhìn thoáng qua. Tôi cảm thấy bị đè bẹp. Tôi lấy hai tay che đầu. Trong suốt Thánh lễ, tôi vẫn bất động. Sau Thánh lễ, tôi muốn rời đi. Nhưng khi tôi đi ngang qua phòng thánh, nơi đám đông đang chen chúc, tôi nghe thấy những lời này : «Hãy ra ngoài hết đi, hãy ra ngoài hết». Một bàn tay xương xẩu đặt lên tay tôi và tôi bị kéo đi như thể bị một sức mạnh vô địch kéo đi. Cánh cửa đóng lại sau lưng tôi : tôi thấy mình đang đối mặt với ánh mắt đã đánh gục tôi. Tôi lắp bắp nói vài lời : «Cha ơi, con có một gánh nặng trên vai đang đè bẹp con. - Bạn tôi ơi, bạn phải thoát khỏi nó càng nhanh càng tốt. Hãy quỳ xuống. Bạn sẽ kể cho tôi nghe về cuộc sống nghèo khổ của bạn. Chúa chúng ta sẽ chăm sóc gánh nặng của bạn, vì Người đã nói : «Hãy đến với Ta, tất cả những ai đang mang gánh nặng, và Ta sẽ cho các con được nghỉ ngơi». Sự bối rối của tôi biến mất một chút và không nghĩ rằng mình đang xưng tội, tôi bắt đầu kể cho người đàn ông

thánh thiện này nghe câu chuyện về cuộc đời tôi kể từ khi rước lễ lần đầu. Trong thời gian này, ông đã khóc và đôi khi ông kêu lên : «Chúa thật tốt lành ! Ngài thương yêu bạn như thế nào !»

Chắc chắn, không phải những niềm vui như vậy có thể làm cho nỗi lo lắng nhỏ nhất lọt vào trái tim cha Vianney. Vậy cái ác đến từ đâu ? Cha chắc chắn đang rất lo lắng về tiền bạc và tình hình đang trở nên tồi tệ hơn. Vào thời điểm đó, Marie Ricotier, người mới đến từ Villefranche, người đã thành lập công ty vào năm 1832 với tư cách là một thương gia bán đồ tôn giáo, bắt đầu đóng một vai trò có lợi cho tất cả chúng tôi hơn là cho bà ấy, nhưng vẫn khá bất ngờ. Ngày 25 tháng 11 năm 1841, cha Vianney đã ký giấy chứng nhận sau : «Tôi nhận được từ bà Ricotier số tiền sáu mươi quan cho giá của một chiếc giường có bốn cột tròn, cao ba feet, với một tấm nệm vải bạt thông thường và một tấm phủ màu xanh, thiết kế theo hình dạng vỏ sò nhỏ, đã rách - độ chính xác đáng ngưỡng mộ, - những tấm rèm màu xanh, cũng rách, - vẫn trung thực như vậy trong hợp đồng - màn che giường cùng một lựa chọn, những thanh sắt, một độ dốc đơn giản, một chiếc bàn gỗ anh đào nhỏ, kém chất lượng, một chiếc ghế có lưng tựa lớn». Tóm lại, toàn bộ căn phòng của cha sẽ được chuyển cho người cung cấp thánh tích cần cù.

Tuy nhiên, có một điều khoản quan trọng : «Chúng tôi đồng ý rằng bà Mile Ricotier nói trên sẽ chỉ có thể tiếp quản sau khi tôi chết. Trong trường hợp này, nếu cô ấy chết trước tôi thì những đồ vật nói trên sẽ mãi mãi thuộc về tôi mà không người thừa kế nào có thể nhận chúng. Jean-Marie Baptiste Vianney, cha xứ Ars».

Một tuần sau, vào ngày 2 tháng 12, cha đã viết bản di chúc đầu tiên mà chúng ta có văn bản như sau. Điều này đáng được giải mã một cách cẩn thận.

«Đây là những mong muốn cuối cùng của tôi.

«1) Tôi trao thân xác tội lỗi của tôi cho trái đất - chúng ta chưa bao giờ thấy trong các bài giảng của cha một lời diễn đạt mạnh mẽ như vậy, mặc dù ý tưởng này ở khắp mọi nơi - và linh hồn tội nghiệp của tôi hướng về ba ngôi vị của Chúa Ba Ngôi và về Đức Maria được thụ thai mà không có tội lỗi - ở đây, một sự tiên đoán mới về giáo điều Vô nhiễm Nguyên tội.

«2) Tôi tặng tất cả vải lanh và đồ trang sức của tôi cho giáo xứ Ars.

«3) Đức Cha sẽ xử lý tất cả các hộp đựng thánh tích theo ý muốn của ngài.

«4) Tôi tặng những cuốn sách hiện có trong thư viện lớn của tôi cho cha Emmanuel Bibost, một linh mục ở Ecully, để cảm ơn những dịch vụ mà người mẹ tốt bụng của ngài đã dành cho tôi.»

Như thế, không có sự vi phạm lòng trung thành. Những lựa chọn cảm xúc của cha Vianney đã được tìm thấy.

Sau đó là sáu lô, mỗi lô ba nghìn quan - vào thời điểm đó, đây là một số tiền khá lớn - dành cho Hội đồng Nhà thờ của sáu giáo xứ lân cận. Với mục đích gì ? «Để tổ chức mỗi mười năm, cho đến tận thế - như thế chính các định chế bấp bênh của chúng ta phải động đến sự mặc khải của Con Người - một sứ mệnh bằng chi phí của Nhà thờ nói trên». Do đó, ngay cả trong những quyết định cuối cùng của mình, cha vẫn không ngừng tuyên bố liên kết mình với việc thánh hóa các thị trấn lân cận. Cha cũng đang lên kế hoạch tổ chức thánh lễ cho các vị chủ chăn của họ. Người ta không biết vì lý do gì mà cha chọn những giáo xứ này : một số mạnh mẽ cho thấy cha đã chọn chúng trong số những giáo xứ mà cha đã truyền giáo trong Năm Thánh 1826, tác động của sự kiện này đối với cuộc đời của cha một lần nữa được khẳng định. Tiền đâu ra để làm những việc tốt này ? Tại nhà Bá tước Cibeins, ở Mizérieux, gần Trévoux. Như

chúng ta còn nhớ, một thỏa thuận đã được ký kết với ông liên quan đến trường *Providence*, những lô đất mà cha đã mua vào năm 1828. Đổi lại, ông trả một khoản trợ cấp năm trăm quan. Chúng ta có nên nghĩ rằng đây chính là thủ đô mà cha xứ Ars đang trông cậy vào để có được tất cả sự hào phóng sau khi chết của mình không? Vậy thì cha có mong đợi rằng nếu cha chết thì công việc của những đứa trẻ mồ côi sẽ biến mất không? Rất có thể. Đặc biệt hơn nữa, sau khi chỉ định một linh mục nghèo và đau yếu ở Ars, cha Michel Lacôte làm người thừa kế toàn năng của mình, người mà cha đã trao tặng chiếc đồng hồ và ba bức tranh để đổi lấy dịch vụ này, cha đề cập đến trường hợp của Jeanne-Marie Chanay, Catherine Lassagne và Marie Filliat. Cha để lại cho họ đồ dùng cá nhân : «Mọi thứ sẽ ở lại với tôi sau khi tôi chết, ý tôi là : vải lanh, đồ nội thất và bất cứ thứ gì khác trong nhà tôi hoặc ở nơi khác». Tóm lại, chúng hơi giống gia đình nhỏ của cha - nhưng không đề cập đến gia đình riêng của cha.

Sẽ là một sự lạm dụng khi diễn giải bản di chúc này, vốn phá vỡ và hủy bỏ mọi bản di chúc khác, như một điềm báo về cái chết của mình bởi cha xứ Ars : theo các quy định thông thường của giáo phận, mọi giáo sĩ phải nêu rõ nguyện vọng cuối cùng của mình. Trong năm 1842, cha tiếp tục bán doanh nghiệp của mình cho

Marie Ricotier với thái độ thản nhiên như vậy : vào ngày 3 tháng 6, do mắc nợ hoặc không thể chống lại được cơn túng quẫn, cha đã bán cho bà, vẫn với những điều kiện tương tự, chiếc đồng hồ bằng bạc và có chức năng điểm chuông, chiếc đồng hồ mà cha vừa mới để lại bằng văn bản cho cha Lacôte sáu tháng trước đó.

Vào tháng 7, cha xứ Ain lần đầu tiên tham gia cuộc hành hương đã thuyết phục được cha nói chuyện trong một phần tư giờ. Họ thảo luận về những tranh chấp nảy sinh xung quanh phép lạ chữa lành của một phụ nữ từ Bourg : «Bạn của tôi, cha Vianney cho rằng, hãy để những người thế giới này nói... Ví dụ, tuần trước, một người trông nho nghèo ở bên kia bờ nước đã cống trên vai một cậu bé mười hai tuổi, bị què cả hai chân, chưa bao giờ đi được. Người đàn ông tốt bụng này đã làm một tuần cửu nhật cầu nguyện với Thánh nữ Philomena và cậu bé của ông đã được chữa lành vào ngày thứ chín: cậu bé đã phi nước đại trước mặt ông... Trong quá khứ, Chúa chúng ta đã chữa lành người què, chữa lành người bệnh, làm cho người chết sống lại. Có những người có mặt, đã tận mắt chứng kiến những phép lạ này và không tin vào chúng. Bạn của tôi, con người luôn luôn và ở mọi nơi đều giống nhau». Và vị linh mục nghèo kết luận, đột nhiên mở rộng tầm nhìn : «Nếu Chúa nhân từ là quyền năng, ma quỷ cũng có sức mạnh

của mình : nó dùng sức mạnh đó để làm mù quáng thế giới tội nghiệp».

Đúng vào lúc này, thiên thần đáng sợ lại cố gắng làm cho vị khổ hạnh vô tình trở nên bối rối.

Hắn bắt đầu bằng cách làm cha kiệt sức và đẩy cha đến giới hạn. Vào tháng 9, cha Vianney bị viêm ngực. Có một số nỗi sợ hãi, nhưng chúng nhanh chóng tan biến : «Tạ ơn Chúa, một giáo dân thông thái đã viết, cha xứ thánh thiện của chúng ta vẫn chưa kết thúc cuộc đời kỳ diệu của mình và cha vẫn ít hấp hối hơn so với trước khi chịu đau khổ cuối cùng». Cùng với tin vui này, luôn có cùng một lưu ý : «Cha không còn muốn cầu nguyện cho những vấn đề thể tục nữa, vì những phép lạ được thực hiện nhờ sự chuyển cầu của Thánh nữ Philomena đều được cho là nhờ cha». Về phần mình, bác sĩ trở nên tốt bụng và tuyên bố : «Tôi không còn lo lắng về sức khỏe của cha xứ Ars nữa, đó là trách nhiệm của người khác chứ không phải tôi... Đúng lúc tưởng chừng như cha sẽ thoát khỏi chúng tôi, thì cha đột nhiên bình phục...»

Khuôn mặt «hấp hối» mà theo những lời khai này, cha đã phải kéo lê trong nhiều tháng trước khi ngã bệnh, tuy nhiên, cha sẽ sớm ngã bệnh lại được, và lần này nặng hơn. Vào buổi tối ngày 13 tháng 5 năm 1843, trong

tháng kính Đức Mẹ Maria, khi nhà thờ đầy những giáo hữu, cha bắt đầu đọc bài đọc trước lời khuyên răn của mình. Cha dừng lại vì ngạt thở. Cha quỳ xuống đọc lời cầu nguyện cuối cùng, nhưng hầu như không thể nói rõ được vài từ. Một cơn sốt dữ dội ập đến với cha. Cha phải rất khó khăn mới bước xuống khỏi bục giảng. Cha được đưa đến nhà xứ, vào căn phòng bên cạnh. Gối của chiếc giường nơi cha Balley qua đời đã được cha đặt ở đó từ lâu và bảo quản như một di vật. Trên giường được trải một tấm nệm rơm mỏng của cha Vianney và bệnh nhân ngất xỉu được đặt nằm trên đó.

Một người đưa tin chạy từ Ars đến Sainte-Euphémie để cảnh báo Bác sĩ Saunier, người nhảy lên ngựa và đến nơi ngay khi vị linh mục tội nghiệp tỉnh lại.

Thị trưởng mới của xã, ông des Garets, cũng có mặt ở đó. Bác sĩ chẩn đoán bị viêm màng phổi ở gốc phổi phải, phía trước và phía sau, và tình trạng mệt mỏi khắp khiếp ở tim, không đều : ông đánh giá «căn bệnh cực kỳ nghiêm trọng». Ông des Garets yêu cầu bệnh nhân chấp nhận có người mang nệm đến cho cha. Ba ngày sau, ngày 6, - ngày sinh nhật thứ năm mươi bảy của cha, - cha được coi là hết thuốc chữa. «Cha cho phép tôi đến gần chiếc giường tội nghiệp của cha, bà des Garets viết... Cha nói với tôi rằng cha sắp bắt đầu chuẩn bị cho

cái chết của mình».

Đó là một từ rất đơn giản. Nếu có bài học nào cho chúng ta qua câu chuyện này thì đó là đối với các vị thánh, cái chết đôi khi mang tính ảo giác. Với cha Renard, con trai của bà hàng xóm, người đến ôm cha, cha lại trả lời, với vẻ thanh thản : «Tôi sẽ để lại thể xác cho cha, còn linh hồn tôi sẽ lên trên kia». Cha thực sự đang phải chịu đựng nỗi đau khổ khủng khiếp nhất. Cha giữ im lặng về điều đó. Bác sĩ Saunier gọi ba đồng nghiệp đến để tham vấn. Cha bị cấm nói. Sau đó, cha nói, nhưng vì một lời nói của người nông dân, một lời mà Molière sẽ thích : «Hiện tại tôi đang chiến đấu một trận chiến lớn ! - Ô ! Chống lại ai, thưa cha ? - Chống lại bốn bác sĩ. Nếu có người thứ năm, tôi chết mất». «Cha Renard kể rằng khắp làng đều chìm trong sự im lặng u ám... Cứ như thể nhà nào cũng có người chết vậy. Những người hành hương đi lang thang quanh quảng trường công cộng và quanh nhà thờ... mắt họ hướng về phía nhà xứ. Có khoảng hai hoặc ba trăm người ở đó vẫn chưa hoàn tất lời xưng tội mà họ đã bắt đầu với cha Vianney. Họ từ chối liên lạc với cha Lacôte, người phụ trách tạm thời. Họ mang đến cho cha những giỏ ảnh tượng, tràng hạt, thánh giá và hình ảnh để ban phước. Nến được thắp sáng trên tất cả các bàn thờ, tràng hạt được cầm trên tay mỗi người. Chúng tôi buộc phải cử

lính canh gác ở cửa nhà xứ để ngăn chặn đám đông muốn có một cử chỉ cuối cùng, một lời nói cuối cùng...»

Để chống lại căn bệnh, người ta đã áp dụng những loại thuốc mạnh cho cha, chẳng hạn như «thuốc bôi xương chày, thuốc phòng rệp, dầu xoa morphin» và để chống lại cơn mê sảng đe dọa, họ dùng «thuốc làm lạnh và miếng dán mù tạt». Cha không còn kiểm soát được bản thân nữa ; cha trốn thoát khỏi chính mình. Y Khoa đã quy định, «nếu không sẽ xảy ra tai nạn rất nghiêm trọng», phải loại bỏ cho cha bất kỳ chủ đề nào gây cảm xúc. «Vị linh mục đáng kính, cha Monnin giải thích, liên tục bị yếu đuối, ngất xỉu. Cha có tính khí thất thường và dễ bị ảnh hưởng đến mức giáo viên trong thị trấn, ông Pertinand, y tá thường xuyên của cha, buộc phải ẩn sau rèm giường để tránh làm mất và phản ứng với não của cha. Những người được vào gần cha phải cởi giày khi vào phòng cha và thậm chí là đi lại trong các phòng bên cạnh.»

«Tôi còn muốn sống», cha Vianney nói với ông des Garets đang ngủ ở đó. Cha yêu cầu được khóc thương cho tội lỗi của mình và làm vài điều tốt. Cha có những đêm rất trần trọc, toàn là những cơn ác mộng đáng sợ: «Tôi nghĩ, cha tâm sự vào một buổi sáng, đêm đó tôi nghe thấy tiếng kêu chiến thắng của lũ quỷ : «Chúng

ta đã có hấn, chúng ta đã có hấn, chúng nói, hấn là của chúng ta». Vì vậy, vực thăm tuyệt vọng lại mở ra trước mắt cha một lần nữa. Vào buổi tối ngày 11 tháng 5, người ta cho rằng kết thúc. Người giải tội của cha, cha Valentin, cha xứ Jassans, đột nhiên quyết định ban viaticum cho cha trước khi sử dụng một phương thuốc có thể gây nôn. Bảy linh mục đã ở trong làng, những người đã đến để nhận tin tức : họ quyết định rằng họ sẽ tham dự lễ một mình và rằng chuông sẽ không được rung để không làm tăng thêm sự bất ổn trong dân chúng. Người đàn ông ốm yếu đã nghe được cuộc trò chuyện: «Hãy đi và rung chuông, cha ra lệnh cho Pertinand, giáo dân phải cầu nguyện chocha xứ của họ». Đó là báo động. Những người có mặt ở đó đều đi ra từ khắp các ngôi nhà. Đám đông lấp đầy cầu thang gỗ hẹp của nhà xứ, chen chúc dọc theo các bậc thang, quỳ gối ở sân và thậm chí ở quảng trường, cầu nguyện lớn tiếng và khóc lóc.

Khi vị linh mục hỏi cha Vianney như thường lệ rằng cha có tin vào tất cả các chân lý của đức tin Công giáo, Tông truyền và La Mã không, cha trả lời : «Tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều đó», và liệu cha có tha thứ cho kẻ thù của mình không : «Tạ ơn Chúa, tôi chưa bao giờ muốn làm hại bất kỳ ai». Các nghi lễ đã hoàn tất, căn phòng trở nên trống rỗng. Chỉ có cha xứ Fareins, cha

Dubouis, ở lại với người hấp hối, trong cơn dâng trào cuối cùng và bừng bình, cha đã hiến dâng cuộc đời mình cho Thánh nữ Philomena, hứa sẽ cử hành một trăm thánh lễ để tôn vinh Thánh nữ và yêu cầu đặt một ngọn nến lớn trước ảnh bà.

Gần như ngay lập tức, cha dường như rơi vào trạng thái hôn mê. Một số ít người có mặt ở đó quỳ quanh giường cha và cầu nguyện trong im lặng. Bác sĩ Saunier đứng bên cạnh, liên tục theo dõi mạch đập của cha. Ngay sau đó, lời cảnh báo đáng lo ngại đã đến : «Cha chỉ còn vài phút để sống.» Người đàn ông hấp hối sợ hãi, như ông kể lại sau này, đã nghe thấy mọi chuyện. «Tôi đang chờ đợi sự phán xét của Chúa... Tôi tự nhủ: «Trong vài phút nữa, người sẽ đến trước mặt Chúa, người sẽ xuất hiện ở đó với hai bàn tay trắng». Vị cha xứ tốt bụng, sau khi được chữa khỏi, đã kết luận từ kinh nghiệm này rằng đối với người hấp hối, người ta phải luôn đọc những lời cầu nguyện thật to, vì thính giác vẫn còn ngay cả khi người ta nghĩ rằng họ đã bất tỉnh.

Với thái dương giống như xác chết, đôi môi bị kéo căng và đã bị hoa linh lan ăn mất, tiếng khò khè lúc thì vang lên lúc thì ồn ào, cha vẫn giữ được, trong nhà tù chật hẹp của sự đau đớn mà những cánh cửa không thể tránh khỏi mà cha đã đi qua từng cánh, đủ tự do nội tâm

để nghĩ về những người thân yêu, đủ sự hiện diện và sự sáng suốt cao độ để nhìn thấy họ và nhìn thấy mình đang chết : «Để nhớ đến rất nhiều người đã đến tận cửa nhà tôi, đến từ phương xa để xưng tội, tận đáy lòng mình xin dâng tôi với Đức Trinh Nữ Maria và Thánh nữ Philomena : «Lạy Chúa, tôi tự nhủ, nếu con vẫn còn hữu ích, xin đừng cắt con ra khỏi thế gian này».

Cha đã vượt qua đêm tối. Trong ba giờ, cha đã mở mắt và nói trở lại được. Nhưng cơn sốt đã quay trở lại và bác sĩ chỉ nghĩ đến việc kéo dài tình trạng bệnh là vô vọng. Vào sáng sớm, cha xứ Fareins đã đến nhà thờ để cử hành thánh lễ đầu tiên trong số một trăm thánh lễ đã hứa : «Mọi người ở Ars, cả người xa lạ và người dân địa phương, đều tụ họp lại với nhau.» Than ôi ! Có phải là đã quá muộn rồi không ? Sự kích động ban đầu đã quay trở lại với bệnh nhân. Đây là câu chuyện về y tá của được, Jean Pertinand : «Với tôi, cha xứ có vẻ có thái độ của một người đang sợ hãi. Tôi nhận thấy điều gì đó khác thường ở cha, một sự lo lắng lớn, một sự xáo trộn bất thường. Tôi theo dõi mọi chuyển động của cha với sự chú ý gấp đôi. Tôi nghĩ rằng giờ phút định mệnh đã đến và cha sắp trút hơi thở cuối cùng». Giống như một dòng sông, thời gian trôi qua bắt đầu cuốn cha đi. «Cha đột nhiên cảm thấy bình tĩnh hơn. Với tôi, cha giống như một người vừa chứng kiến điều gì đó dễ chịu và an

ui.» Có phải cha đã được dắt đi rồi không ? Những ai đã từng giúp đỡ một số người hấp hối đều không phải là không biết rằng khuôn mặt, dù có tương lai hay không, cũng có khả năng biểu hiện những dấu hiệu như vậy. Ai có thể nói được anh em chúng ta nhìn thấy những gì ? Chúng ta nhìn họ, bị chiếu xạ, và chúng ta không biết liệu họ có đang vượt qua ranh giới không thể quay lại hay không. «Thánh lễ vừa kết thúc thì cha kêu lên : «Bạn của tôi ơi, một sự thay đổi lớn vừa diễn ra trong tôi... Tôi đã được chữa lành.» Mặc dù cơn sốt vẫn chưa dứt, nhưng lần đầu tiên cha chìm vào giấc ngủ yên bình: «Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra, Catherine kể lại, nhưng kể từ đó, sức khỏe cha ngày càng tốt hơn cho đến khi bình phục hoàn toàn».

«Tôi đến để báo tin cho mọi người, bà des Garets viết cho gia đình vào ngày 14 tháng 5. Trong hai ngày nay, các bác sĩ thấy cha khỏe hơn nhiều, và sáng nay một người thứ ba đã đến để xác nhận tin tốt này... Cha uống mọi thứ họ muốn. Hôm qua, cha đã khuyến cáo rằng nên vứt bỏ nước luộc gà của mình, nhưng khi cha giải tội của cha đến, cha đã uống mà không nói một lời. Vào ngày 17 tháng 5, cùng một người viết thư : «Sức khỏe của cha đang hồi phục với tốc độ mà các bác sĩ của cha gọi là kỳ diệu : ‘Hãy gọi đó là phép lạ’, cha trả lời. Cha cho rằng việc mình được chữa lành là nhờ sự chuyển

cầu của Thánh nữ Philomena... Cha thường nói về sự chăm sóc mà các bác sĩ dành cho cha». Và bà ấy thêm vào lời nhận xét khủng khiếp này : «Tôi đã nhìn thấy cha rõ ràng ngày hôm qua, chạy không gầy hơn hay mệt mỏi hơn trước khi bị bệnh. Có lẽ ngay cả nét mặt của cha cũng ít mang dấu ấn của sự đau khổ hơn.»

Sau khi chiến thắng cái chết, liệu cha có cùng lúc chiến thắng điều mà chúng ta bây giờ gọi là cảm dỗ không ? Chính tại đây, nếu nhìn kỹ, một hiện tượng đáng kinh ngạc sẽ xuất hiện. Cuộc cãi vã về bệnh tật với Satan đã lắng dịu, một cuộc cãi vã khác cùng loại nhưng thâm độc và khó cưỡng lại hơn lại nổi lên ngay lập tức. Chắc hẳn cha không quên những dấu ấn tình cảm mà cha nhận được từ mọi người và ngay lập tức nói rằng : «Vẫn còn rất nhiều đức tin... Tôi rất cảm động khi thấy những mái tóc muối tiêu trong giáo xứ của tôi cúi xuống bên giường để nhận phước lành của tôi.» Tuy nhiên, cha vẫn âm thầm quyết định rời khỏi Ars. Phải là người cực kỳ quen thuộc như ông de Garets mới có thể cảm nhận được điều đó. Thị trưởng báo cáo điều này với sự bối rối với cha xứ Belley : «Kể từ khi bắt đầu bị bệnh, vị cha xứ thánh thiện của chúng ta đã bày tỏ mong muốn được dành một vài ngày ở quê hương của mình. Tôi không phản đối cha về điều này, tôi chỉ cố gắng trì hoãn khoảnh khắc này càng lâu càng tốt, để

cha có thể lấy lại sức mạnh cần thiết để chịu đựng cuộc hành trình, hy vọng một chút rằng, nếu cha cảm thấy khỏe, cha có thể từ bỏ dự án của mình. Hiện tại, cha rất muốn làm điều đó, nhưng từ những gì cha nói với tôi và những người khác, tôi hy vọng rằng ý tưởng của cha không vượt quá sự vắng mặt vài ngày và cha sẽ sớm quay trở lại với chúng ta. Với tôi, sự quan tâm và lòng tận tụy dành cho cha hẳn đã khiến cha không còn muốn tách khỏi đàn chiên của mình nữa.

Trên thực tế, cha Vianney đã có kế hoạch của mình; cha vẫn im lặng. Vào thứ sáu, ngày 19 tháng 5, ngài được Jean Pertinand khiêng đến nhà thờ, giữa nửa đêm và một giờ, để cử hành thánh lễ : «Cha kiệt sức đến nỗi không thể đợi đến sáng mà không ăn một chút gì đó.» Ngay khi cha đến, tiếng chuông đã cảnh báo những người dân vội vã chạy đến đó. Ngày hôm sau, theo lệnh của các bác sĩ, một nỗ lực đã được thực hiện để cô lập cha : «Tôi vừa từ giáo xứ về, một nhân chứng kể lại, chúng tôi hy vọng đến thăm cha xứ. Chúng tôi phải bằng lòng với một lời chào ngắn gọn mà cha dành cho chúng tôi bằng giọng vẫn còn rất yếu. Cha có thể đã lạm dụng lúc sức khỏe của mình bắt đầu hồi phục». Nhiều tâm hồn tốt bụng đã dành cả đêm từ thứ sáu đến thứ bảy để tạ ơn. Vào ba giờ sáng, vị linh mục thánh thiện, cùng với cha giải tội cũ của mình, lại cử hành

thánh lễ tại bàn thờ Đức Mẹ Đồng Trinh. Niềm vui đã tái sinh. Một người trung thành và nhạy bén như bà des Garets đã làm mọi cách có thể để tự thuyết phục mình rằng chính cha cũng đồng ý với sự kiện này : «Cha đã ước ao, đã cầu xin được chữa lành, bà giải thích, chúng tôi có bằng chứng chắc chắn về điều đó. Cha không thấy những ngày của mình đủ trọn vẹn... Tôi đang nói gì ? Ý nghĩ về sự phán xét của Chúa khiến cha vô cùng kinh hoàng».

Nhưng mỗi nguy hiểm mà bà muốn che giấu nhanh chóng bộc lộ ra ngoài ánh sáng ban ngày. Ngày 26 tháng 5, bà viết : «Chúng tôi sợ, rất sợ rằng vị linh mục thánh thiện của chúng tôi sẽ trốn thoát». Điều bất thường nhất, là cách trường hợp lương tâm của cha được phân tích giữa các giáo dân : «cha» được biết đến và yêu mến như thế nào ! «Người đàn ông thánh thiện», vợ của thị trưởng giải thích, tin rằng cha đã hoàn thành công việc trong ngày của mình. Cha tự nhủ : «Tôi sẽ tiếp tục cho đến khi tôi gục ngã». Cha đã gục ngã... Cha đã cầu xin cuộc sống cho chính mình, để chuẩn bị cho cái chết trong im lặng và cô đơn. Với bà, dường như với sự chữa lành của cha, thiên đường đã ban cho cha sự tự do.» Sau những lời thông minh, gắn bó và tôn trọng này, bà kết luận : «Điều chúng tôi lo sợ, điều khiến giáo xứ bàng hoàng như trong những ngày cha lâm bệnh, chính là ý

nghĩ kiên quyết muốn rời xa chúng ta của cha».

Do đó, bị kịch khẳng định chính nó. Tệ hại hơn cả, một điều xấu xa mới lại tấn công vào tim cha. Cha cố gắng, nhưng không mấy chắc chắn, để thuần hóa nó. Vào thứ Hai Lễ Ngũ Tuần, ngày 6 tháng 6, với giọng nói mệt mỏi, vẫn còn run rẩy nhưng nhẹ nhàng hơn trước khi chịu đau khổ cuối cùng, cha đã có bài giảng ngắn đầu tiên cho trẻ em. Giáo dân hân hoan : «Cuối cùng, cha lại trở thành cha xứ của chúng ta, vị thánh, người đàn ông đáng ngưỡng mộ này.» Bà des Garets định nghĩa về nỗ lực tinh thần : «Cha cố gắng thuyết phục bản thân rằng việc từ bỏ ý chí sẽ thay thế cho việc chuẩn bị cho cái chết, mà cha cầu xin sự nghỉ ngơi và tự do». Nhưng sự hối tiếc của riêng cha giờ đây được diễn đạt thành tiếng, bằng những câu chữ sống động, quá sống động để có thể suy nghĩ thấu đáo, gần như là lời trách móc : «Từ năm mười một tuổi, tôi đã cầu xin Chúa cho tôi được sống trong cô độc».

Hai tháng sau, cha vẫn ở đó và cuộc hành hương đã tiếp tục với nhịp độ nhanh hơn. Đây là bản tin sức khỏe : «Vị linh mục không bệnh nữa. Cha sẽ xuống nhà thờ trước nửa đêm. Tôi đến sáng nay trong thánh lễ của một cha dòng Capuchin và tôi nghe thấy một người phụ nữ dường như sắp trút hơi thở cuối cùng. Tôi thấy đám

đông những người hành hương đang chạy vào phòng thánh, với nguy cơ không để lại một hơi thở nào ở đó. Tôi thấy vị thánh nhân bước ra, gầy hơn và kiệt sức hơn bao giờ hết. Mọi người đang tụ tập xung quanh cha. Một người phụ nữ trình diện cha đứa con của mình, đôi mắt bị bịt kín... Tôi thấy một nỗi thương hại ngọt ngào và dịu dàng hiện rõ trên nét mặt gầy gò của người đàn ông của Chúa. Họ cũng mang đến cho ngài một bé gái tội nghiệp mới mười hai tuổi, không có chân tay. Một thanh niên mắc chứng động kinh, mới từ Rome đến, đang cầu nguyện ở đó, gần đó... Khi tôi rời đi, tôi thấy một phần đám đông đã tước đoạt nhà thờ của chúng tôi trong nhiều ngày, đã chiếm hết tất cả các xe mà Ars và Trévoux có thể cung cấp. Có sáu xe ngựa khởi hành sáng nay, chưa kể những chiếc xe riêng và những người tốt bụng đi bộ hành hương». Sự trân trọng mang tính tôn giáo đối với sự cạnh tranh ngày càng gia tăng này không hề thiếu : «Ngón tay Thiên Chúa được đánh dấu một cách đáng ngưỡng mộ ở đó, vì chỉ có Chúa mới là Đáng mà người ta tìm kiếm từ người đàn ông giản dị, khiêm nhường, không có gì hấp dẫn này». Do đó, mọi thứ không phải đều phải được sắp xếp sao ?

Cha quyết định kết thúc tất cả một cách nhanh chóng. Ngày 13 tháng 9, sự việc đã được định đoạt : «Vị linh mục thánh thiện của chúng ta đã ra đi. Người đã rời xa

chúng ta vào đêm qua lúc một giờ. Người sẽ đi đâu ?
Chúng ta không biết...»

Tại sao cha lại quyết định kết thúc tất cả ? Cha Monnin khẳng định rằng nếu cha nghĩ rằng mình có thể có ích trên thế giới này, cha đã kiên trì giữ chức vụ của mình, nhưng cha có niềm tin sâu sắc rằng mình chỉ giỏi làm hỏng mọi thứ, rằng cha không biết cách nói hay làm bất cứ điều gì phù hợp, rằng cha chỉ là gánh nặng vô dụng cho Giáo hội.

Chúng ta biết rằng những phán đoán khắt khe của giới tu sĩ mười lăm năm trước đã khiến cha tin vào điều này. Cảm tạ Chúa, tình hình đã thay đổi : chúng ta chỉ cần nhớ đến sự lo lắng của những người anh em linh mục bên giường bệnh của cha. Giám mục Devie, một người có tâm linh, đã công khai ủng hộ. Kể từ những lời tố cáo vu khống đầu tiên, hai chuyến viếng thăm mục vụ đã kết thúc tốt đẹp, diễn ra, một vào ngày 10 tháng 10 năm 1829, một vào ngày 11 tháng 6 năm 1838. Chuyến viếng thăm cuối cùng diễn ra ngay sau một sự cố vẫn còn mơ hồ.

Nếu chúng ta bám sát vào từng chữ trong văn bản, chúng ta sẽ phải suy ra rằng Giám mục Belley một lần nữa cân nhắc đến việc di chuyển cha Vianney. Nhưng chúng ta biết rằng tâm lý của vị thánh phức tạp hơn thế và ít nhất một lần, cha đã né tránh giải pháp mà cha tìm kiếm. Dù sao đi nữa, vào ngày 2 tháng 2 năm 1838, cha

đã viết thư cho Bá tước Garets : «Tôi đã nhận được một lá thư từ Đức cha trong đó ngài thông báo với tôi rằng ngài đã từ bỏ dự án của mình, rằng ngài sẽ thay đổi mỗi lần tôi yêu cầu». Các tín hữu nhớ lại đã nhìn thấy cha, sáu tháng sau, băng qua nhà thờ nhỏ Ars trên cánh tay của vị giám mục già. Chắc chắn là trong chuyến đi này, Đức Giám mục Devie, bị hấp dẫn bởi những phép lạ, đã yêu cầu đến thăm gác mái của nhà xứ. Nhắm vào một điểm cao trên tường, ngài cảm dỗ người làm phép lạ : «Lúa mì thường mọc cao tới đó, đúng không ? - Không, thưa Đức cha, cao hơn nữa... tới đây...»

Hơn nữa, lòng tin đã được khôi phục từ lâu. Ngày 15 tháng 9 năm 1832, cha Vianney đã yêu cầu được cấp quyền để giải tội cho một nhiệm vụ đang diễn ra ở Chaneins ; cha đã nhận được chúng vượt quá yêu cầu của cha, cho toàn thể giáo phận. Vào khoảng thời gian này, vị lãnh đạo tinh thần của cha đã đưa ra lời phán quyết nổi tiếng : «Cha xứ Ars có thể không thông thái, nhưng cha được ơn soi sáng». Trong các cuộc họp, vị giám mục rất muốn chỉnh sửa một cách gay gắt những câu chuyện cười về trang phục của vị linh mục nghèo : «Cha xứ Ars không thất lung cũng tốt như một cha xứ có thất lung vậy.» Năm 1834, nhân dịp tĩnh tâm thường niên của giáo hội tại Đại chủng viện Bourg, Giám mục Devie đã chính thức đưa cha vào danh sách các cha giải

tội, điều này không chỉ ngụ ý rằng cha được đánh giá là xứng đáng mà các anh em linh mục của cha cũng đánh giá cao cha. Khi vị chủ chăn đến chủng viện ở Brou vào năm sau để thực hiện các bài tập tương tự, ngay khi nhìn thấy cha, vị giám mục đã mạnh dạn gửi cha trở về với đàn chiên của mình : «Cha không cần phải tĩnh tâm và những tội nhân ở đó cần cha».

Một linh mục ba mươi chín tuổi đến từ Montpellier, cha Alexis Tailhades, được phép ở lại Ars trong mùa đông năm 1839 và thực hiện các nhiệm vụ phụ trợ. Người khách này đã giúp đỡ cha xứ của mình nhiều việc khác, bắt đầu bằng việc kéo cha xa ra khỏi sự cô lập : chỉ có linh mục mới có thể chào đón một linh mục. Nhưng nỗi buồn của người bạn tâm giao may mắn này là khi sắp trở về giáo phận của mình và muốn xưng tội lần cuối với cha xứ, cha Alexis đã phải chịu việc đền tội là phải giữ im lặng mọi điều mình đã biết hoặc khám phá. Có lẽ vị linh mục của Ars không biết rằng ngay khi cha Alexis đến làng, đã đưa ra nhiệm vụ cho các giám đốc của trường *Providence* phải ghi chép lại những điều kỳ diệu mà họ chứng kiến : «Chúng tôi có rất nhiều việc phải làm», Jeanne-Marie Chanay đã trả lời. Tuy nhiên, trước lệnh của cha giải tội, cha Alexis đã phản đối : cha Vianney sau đó đã giới hạn lệnh cấm của mình trong các giáo phận Belley và Lyon. Vì vậy, một

năm trước khi vị thánh qua đời, khi cha Monnin đến Montpellier để hỏi về trí nhớ của cha Alexis, phản ứng đầu tiên của cha Alexis, lúc đó đã năm mươi chín tuổi, là chỉ ra rằng người ta đã làm đúng khi đến thăm cha ở nơi xa như vậy : không vì bất kỳ giá nào mà cha Alexis phá vỡ quy tắc được áp đặt trong giới hạn của nó.

Cha Vianney đã có thời gian tuyệt vời với Cha Tailhades thân thiện. Cha đã từ bỏ chính mình : «Bạn thân mến của tôi, tôi không thể chịu đựng được sự mệt mỏi, làm việc như tôi đang làm và ăn rất ít, mà không có một ân sủng đặc biệt... Tôi không thể chịu đựng được sự mệt mỏi này lâu như vậy mà không ăn, tôi đang đến lúc không còn có thể nói được nữa, tôi không còn giọng nói nữa... Khi tôi rời khỏi tòa giải tội, tôi phải dùng tay sờ chân mình để xem mình còn chân không. Tôi không thể tự đứng vững : Tôi rời khỏi nhà thờ trong tư thế dựa vào băng ghế và ghế... Chân tôi cứng đờ, da gót chân tôi bong ra và vẫn còn trong tất khi tôi cởi chúng ra... Bah! Trên thiên đường, chúng ta sẽ được đền bù xứng đáng: chúng ta sẽ không còn nghĩ về tất cả những điều đó nữa». Một buổi tối, khi người đàn ông năm mươi tuổi đến xứ Ars, người đã có chút gì đó của một ông già - «trông cha gần tám mươi», mà ông Dupont đáng kính thành Tours sẽ ước đoán, đang đau đớn khủng khiếp vì những cơn đau ruột do cảm lạnh và đang leo cầu thang

lên phòng mình với rất nhiều khó khăn, người trợ lý của cha đã đưa tay ra cho cha : «Ồ không, tôi đã leo cầu thang này nhiều lần rồi. Và tôi sẽ xoay xở thế nào khi chỉ có một mình ? - Có lẽ cha chỉ có được những gì cha mong muốn ? - Có lẽ, tôi đã nói, một vài năm trước, với Chúa : hãy ban cho ơn hoán cải giáo xứ con, con đồng ý chịu đựng bất cứ điều gì Chúa muốn trong suốt quãng đời còn lại của con... Con sẽ vui vẻ đồng ý chịu đựng trong một trăm năm». «Cha đau khổ, cha nói với tôi, vì không đau khổ», người bạn đồng hành trung thành nói thêm.

Quá bận rộn để trả lời thư, vị linh mục xứ Ars đã nhận cha Alexis làm thư ký. Cha thậm chí còn cử cha Alexis đi giải quyết nhiều vấn đề khác nhau tại giáo phận. Đức Giám mục Devie hỏi cha Alexis rằng vì cha Alexis đã ở đó một thời gian, cha nghĩ gì về cha Vianney ? - Tôi nghĩ cha ấy là một vị thánh. - Đó cũng là ý kiến của tôi», vị giám mục nhấn mạnh.

Sự tự do nội tâm của hai vị linh mục đủ lớn để cho phép vị linh mục trẻ hơn, với phương tiện khiêm tốn của mình nhưng được Giáo hội ban cho, có thể khai sáng cho người có ân sủng đáng kính mà cha Alexis vẫn không bao giờ ngừng tôn kính. Lúc đó, và cho đến bây giờ, vị thánh này còn thiếu ánh sáng gì nếu không phải

là một nền thần học vững chắc ? Cha Tailhades không ngần ngại nói chuyện với cha về điều đó. Điều đó là cần thiết. Vị linh mục của Montpellier vui vẻ giải thích cho cha Vianney những gì cha đã học được trong quá trình học tập thường xuyên và những gì mười lăm năm mục vụ đã xác nhận. Bà des Garets cho biết, chính từ khoảnh khắc này, sự nghiêm khắc của vị linh mục giải tội được chào đón nhất thế giới bắt đầu giảm sút. Ngày nay chúng ta vô cùng kinh ngạc khi thấy cha Tailhades không hề nao núng trước cảnh tượng cuộc hành hương này, vốn đã trở thành nguồn gốc của những cuộc hoán cải đáng kinh ngạc. Chắc chắn cha Alexis phải là người của Giáo hội, theo đúng nghĩa đen của từ này - mới dám nhắc nhở người làm phép lạ về Chân lý mà không ai được phép đi chệch hướng.

Mặc dù sự trở lại của các giáo sĩ ủng hộ cha Vianney đã được xác nhận và vào thời điểm đó được coi là quyết định, vẫn còn một số nhóm phản đối. Ngọn lửa của cuộc cãi vã sắp bùng lên trở lại ngay tại thời điểm mà cha Tailhades đã cố gắng ngăn cản nó. Năm 1837, một linh mục trẻ mới hai mươi tám tuổi, cha Borjon, đã được bổ nhiệm cách đó tám cây số, tại Ambérieux. Cuộc di cư của giáo dân đến Ars đã khiến cha vô cùng tức giận. Một số tín hữu của cha, với thiên tài được Ma quỷ truyền cảm hứng, đã tham gia : chẳng phải trước tiên họ đã có

ý tưởng thành lập một hội đoàn dưới sự chỉ đạo của cha Vianney, sau đó là thu thập, mà không có sự cho phép nhỏ nhất, các khoản trợ cấp để có lợi cho cha, và cuối cùng, là để chính chủ chăn của họ cử hành một thánh lễ, mà họ đã giấu cha ý định này, vì mục đích là để xin ơn cho cha ra đi ! Mọi chuyện lên đến đỉnh điểm vào cuối năm 1841, trong một lá thư khủng khiếp từ cha Borjon gửi cho cha Vianney. Vị linh mục tội nghiệp đặc biệt đọc được câu đáng sợ này : «Thưa cha, khi một người có ít kiến thức thần học như cha, người ta không nên bước vào tòa giải tội». Có lẽ sự thất thường này trùng hợp với cuộc họp tại một nhà thờ giáo xứ quan trọng gần đó của một số giáo sĩ, sau khi cân nhắc, họ đã viết một bản cáo trạng chống lại cha và cho rằng nên gửi cho giám mục.

Sau khi cha Tailhades ra đi và mặc dù thỉnh thoảng có sự giúp đỡ của cha xứ Savigneux là cha Raymond, cha Vianney lại trở thành vị linh mục cô đơn và gần như bị bỏ rơi như trước.

Để chứng minh điều này, chỉ cần lưu ý rằng cha nói về bức thư của cha Borjon với cự thị trưởng của ngôi làng, ông Mandy dũng cảm. Ông vẫn còn khá ấn tượng về nó. Khi cha từ thiện tránh nêu tên tác giả : «Lá thư này, người nông dân già tin rằng, đến từ một người thô

lỗi. Chúng ta không nên coi trọng nó. - Ồ, không, than ôi! cha trả lời đơn giản, từ một người có học thức». Không còn nghi ngờ gì nữa, vào lúc như thế này, con choáng váng vì tuyệt vọng lại ập đến với cha. Không còn là nỗi tuyệt vọng đầu tiên, nỗi tuyệt vọng của tuổi ba mươi lăm, mà là nỗi tuyệt vọng khác ám ảnh cha ngay khi cha nghĩ đến điều xấu mà cha không thể không gây ra cho nhiều tâm hồn do sự bất tài của mình.

Cha có ý định bỏ trốn. Mới chỉ một năm trước, cha đã lên đường vào ban đêm từ Villefranche đến Croix des Combes : tại sao cha lại yếu đến mức không thể quay trở về ? Tại sao giám mục của cha không cho phép cha rời đi ? Câu trả lời của cha cho cha Borjon hung dữ không có điểm gì chung với chế giễu về sự khiêm nhường : «Có bao nhiêu lý do để tôi yêu cha !... Cha là người duy nhất hiểu rõ tôi... Vì vậy, hãy giúp tôi có được ân sủng mà tôi đã cầu xin bấy lâu nay, hầu được thay thế một vị trí mà tôi không xứng đáng để nắm giữ vì sự thiếu hiểu biết của mình, tôi có thể rút lui vào một góc nhỏ yên tĩnh để than khóc cho cuộc sống khốn khổ của mình».

Vì cha đã phá hỏng mọi thứ và không ai hiểu cha thấp kém thế nào so với nhiệm vụ linh mục của mình, vậy thì thế lực nào có thể ngăn cản cha ? Bản thân giám

mục Devie cũng không biết... Nếu ngài biết thì sao?... Tất nhiên, giám mục sẽ không để vị linh mục đáng ghét của mình ở lại đó. Đây là lý do tại sao, vào ngày 13 tháng 9 năm 1843 này, mặc dù cuộc hành hương được khôi phục sau cơn bạo bệnh hoặc có lẽ vì sự khôi phục này, vị linh mục tội nghiệp đã trốn lên đường... Cha vội vã như một người điên... Khi, bốn tháng trước, bác sĩ Saunier đang bắt mạch cho cha và về phần mình, cha đang chuẩn bị nghe trong vài phút phán quyết không thể tránh khỏi của Chúa về cuộc đời tội tệ của cha, cha đã đấu tranh, cha đã kêu lên, nhưng thiên đường đã ban cho cha một sự ân xá. Người ta nói rằng cha đã được cứu. Nhưng những ai đã trải qua thì sẽ không quên trải nghiệm đó. Các giáo dân đã nhầm lẫn khi nghĩ rằng cha đã được trả lại cho họ.

Ngay cả khi dư luận chung khẳng định rằng Thánh nữ Philomena đã đáp lại lời kêu gọi của cha, rằng bà đã hiện ra với cha một cách vinh quang và rằng cha nợ bà sự sống sót của mình, thì không phải nhờ những công trình cổ xưa mà cha đã đứng dậy được. Một cảm giác sâu thẳm hơn bao giờ hết đang chiếm lấy cha, một cảm giác chói lọi vẫn còn, tách ra khỏi mối nguy hiểm mà cha đang tiến đến, một cảm giác chói lọi mà cha chưa thấy có chút gì đó của ma quỷ. Bị ám ảnh bởi mối quan tâm duy nhất là chuộc lại trong cô đơn sự liều lĩnh

khủng khiếp mà cha đã mắc phải từ thời niên thiếu, khi nhận trách nhiệm trong Giáo hội, bị ám ảnh bởi sự hối hận vì đã lợi dụng lòng tốt của bề trên, vì đã nói dối họ một cách đáng ghét, giờ đây cha muốn ăn năn, khóc lóc, cầu xin lòng thương xót.

Vào thời điểm như thế, những phép lạ mà cha đã tham gia, đạt được và tự mình thực hiện chẳng đáng kể gì ! Trước sự công bằng của Chúa, những điều này không được ghi công cho bị cáo. Cha trần trụi hơn cả con sâu. Cha thiếu sự bảo vệ cần thiết : thực vậy, làm sao cha có thể được tha thứ vì đã hiểu sai một cách không thỏa đáng những gì mà mọi linh mục ở nông thôn nhỏ bé khác đã hiểu và tôn trọng ? Mọi bí tích đều hướng đến Bí tích Thánh Thể, tham dự và dự phần vào Bí tích này: đây là trật tự của các trật tự, là phép lạ của các phép lạ. Các biểu hiện quyền lực khác so sánh thế nào ? Linh mục nào không tuân giữ các giới luật truyền thống của Giáo hội khi dẫn dắt tín hữu đến Bàn Thánh, là người quá khắt khe cũng như là người quá dễ dãi, sẽ tuyên bố một cách vô ích rằng mình đã làm cho người bại liệt đi lại, người mù sáng mắt hoặc người chết sống lại : họ đã bỏ lỡ phần thiết yếu trong sứ vụ của mình. Giờ đây, vào đêm tháng chín mát mẻ, trong xanh này, cha xứ Ars lên đường, đi xa giáo xứ của mình, một bóng tối tinh tế hơn bóng tối mà cha từng biết trong bóng tối của cái chết,

nhưng không kém phần ma quỷ, bao trùm lấy cha và cố gắng dẫn dắt bước chân cha đi lạc.

Đòn đánh của cha đã được tính toán trước. Thực ra, vài ngày trước đó, cha đã viết thư cho anh trai François để chuẩn bị một căn phòng trong ngôi nhà cũ của gia đình ở Dardilly. Một ngày trước đó, ngày 11 tháng 9, cha đã thông báo cho cha Raymond, cha xứ Savigneux, về kế hoạch của mình, người tình cờ có mặt ở đó và trách nhiệm mang thư từ chúc của cha đến Giám mục Devie. Cha viết một ghi chú cho ông des Garets. Cuối cùng, cha không thể không nói lời tạm biệt, dưới sự giữ bí mật, với các giám đốc của trường *Providence*. Hành động cuối cùng này suýt hủy hoại cha.

«Catherine Lassagne giải thích rằng một người ở bên ngoài đứng ở cửa, được Chúa cho phép, đã nghe được lời tâm sự này và vội truyền bá nó. Có tin đồn lớn trong làng. Họ đến với chúng tôi để nghe tin tức ; sự thật đã bị nghi ngờ; Tuy nhiên, họ vẫn cảnh giác và canh gác suốt đêm. Đột nhiên, vào khoảng một đến hai giờ, một ánh sáng nhỏ xuất hiện và vị linh mục đang rời khỏi nhà thờ qua một cánh cửa sau». Đây là nơi câu chuyện có một bước ngoặt phi thường. Một nhóm người bên ngoài đang đợi nhà thờ mở cửa, nhìn thấy vị linh mục, họ đuổi theo cha. Cha không chỉ không ban phúc lành mà còn

không còn chú ý đến những người cầu xin nữa. «Cha xứ chạy, chúng tôi chạy theo. Cha mang dưới cánh tay một số vải gấp trong một chiếc khăn tay bỏ túi, trong đó cũng có chiếc ví nhỏ. Cha trao gói hàng này cho một chàng trai trẻ muốn đi cùng cha. Nhưng vì chàng trai trẻ này chỉ mang theo quần áo đi làm nên anh trở về nhà để thay quần áo sạch». Trong khi đó, kẻ chạy trốn đang tiến triển tốt. Pertinand, vị giáo viên, theo kịp cha. Họ đi bộ trong bảy giờ.

Tuyến đường này đầy bất ngờ. Cha Vianney gặp khó khăn trong việc xác định đúng hướng đi : kể từ khi cha không còn rời khỏi phòng giải tội nữa, con đường đã thay đổi. Bị lạc trong đất liền, cha hoảng loạn trong giây lát và quay sang người giúp việc của mình : «Jean của tôi, anh đang phản bội tôi !» Không phải vậy. Hơn nữa, khi đến Trévoux vào lúc rất sớm, cha từ chối làm phiền người gác cầu đang ngủ và kết quả là phải đi theo sông Saône ở bờ trái trong một thời gian dài hơn, cho đến đoạn sang sông tiếp theo. Trong câu chuyện của Catherine Lassagne, có một câu nói khó tin xuất hiện: «Vị linh mục hành động như thể cha đang bỏ trốn, cha cố gắng che giấu dấu vết mình». Khi cuối cùng đến Dardilly, chân cha bị bầm tím và rách, cha cảm thấy không khỏe và buộc phải đi ngủ.

Vào buổi sáng ngày hôm đó, ông des Garets đã tìm thấy thông điệp dành cho ngài : «Quý ân nhân rất đáng kính của tôi, tôi đã quyết định dành một vài ngày với anh trai tôi, để đám đông lớn này có thể giảm bớt một chút. Tôi cầu chúc ngài ngàn phước lành về mặt tinh thần và vật chất vì lòng bác ái mà ngài đã dành cho tôi. Ngài sẽ luôn có một vị trí trong ký ức biết ơn của tôi, cũng như toàn thể gia đình ngài. Xin nhận được những lời chúc tốt đẹp nhất từ trái tim tôi». Thị trưởng Ars vội vàng viết thư cho giám mục.

Đức giám mục nhận được lá thư vào ngày 13, cùng lúc với đơn từ chức của cha Vianney, được đích thân cha Raymond chuyển đến. Để đổi lấy việc chữa bệnh, vị linh mục nghèo đã yêu cầu được đến nhà nguyện Minimes, tọa lạc tại Montmerle, cách đó mười hai cây số, nơi cha chỉ phải cử hành thánh lễ.

Không có chi tiết nào của sự việc đáng tiếc này là thừa thãi, vì mọi người đều nhấn mạnh đến nỗ lực đơn lẻ, không thể biện minh của vị linh mục huyền bí nhằm dự đoán quyết định của Bề trên và như thể muốn ép buộc Chúa. Càng quan sát cha sở Ars kỹ hơn, chúng ta càng thấy rõ ảo ảnh tâm linh của cuộc phiêu lưu này. Giọng điệu tôn trọng của bức thư gửi cho Giám mục Devie thậm chí không hề tìm cách che giấu một lựa chọn rõ

ràng ; toàn bộ sự việc cho thấy sự thất vọng lớn lao ; những từ đầu tiên chúng ta thấy một cách từ chối mới và rõ ràng về quyền lực. Sau đây là nội dung : «Thưa Đức Cha, qua lá thư của ngài, tôi thấy rằng ngài không muốn tôi rời khỏi giáo phận, mặc dù tôi nghĩ rằng nếu ngài làm như vậy sẽ tốt hơn cho giáo phận. Tuy nhiên, nếu ngài tin rằng tôi có thể làm được điều gì đó tốt, thì tôi sẽ không muốn làm cha xứ nữa. Đây là suy nghĩ của tôi : nếu ngài muốn, nếu nó là thánh ý Chúa muốn đặt tôi vào một nhà nguyện nào đó của Đức Trinh Nữ Maria, như Montmerle hay một nơi nào khác, tôi rất muốn Montmerle, nơi rất thuận lợi.» Hai dòng mơ hồ tiếp theo, dường như cha nghĩ, với chúng ta, về người đương nhiệm kế tiếp của giáo xứ mà cha nghỉ hưu : «Tôi chỉ thấy một điều có thể làm tôi hơi buồn, có lẽ đó là cha xứ». Cha gợi ý liên kết số phận của cha Raymond với số phận của cha : «Nếu Chúa tốt lành truyền cảm hứng cho ngài để đặt ông cha xứ Savigneux ở đó vì tôi chắc chắn rằng cha Raymond sẽ không bao giờ gây ra cho tôi một chút đau đớn nào, ngược lại, cha ấy sẽ rất hữu ích cho tôi trong nhiều việc». Dù thế nào đi nữa về điểm chính xác này : «Thưa Đức cha, cha xứ cũng biết rõ như tôi phải nghĩ gì. Tôi sẽ ủng hộ quyết định của ngài vì tôi tin rằng Chúa sẽ chỉ đạo ngài». Nhưng có một điều không thể bàn cãi : «Tôi không thể ở lại Ars

nữa. Cha Raymond sẽ có thể giải thích đôi lời cho ngài về điều đó». Tại sao lại có vết rạch này, nếu không phải vì trong lúc đó, cha Raymond đã trở thành, «ít nhất là tình cờ» như Đức Cha Trochu nhận xét, vị linh hướng của cha ? Để kết thúc, tôi xin quay lại sự kiện đơn giản về sự ra đi của cha và một lời trung thành: «Tôi nghĩ Đức Cha sẽ vui lòng khi tôi nghỉ vài ngày với anh trai tôi. Nhưng ngài chắc chắn rằng tôi sẽ quay lại khi ngài muốn».

Giám mục Devie trả lời ngay : ngài muốn thấy cha Vianney ở lại Ars, «bất chấp những lý do mà ngài tin rằng cha Vianney sẽ phải đi nơi khác». «Tuy nhiên, vị giám mục giải thích với ông des Garets bằng giọng thận trọng, điều này chứng tỏ rõ ràng rằng ở những vị trí cao, cuộc khủng hoảng trước hết được đánh giá là do tâm lý, để không làm cha phật lòng quá nhiều, tôi đã chỉ ra hai vị trí khác mà tôi có thể bổ trí cha. Bằng cách cho cha thấy những tính cách tương tự, tôi đã thuyết phục cha từ bỏ kế hoạch rời khỏi Ars cách đây vài năm. Tôi cũng hy vọng có được kết quả tương tự».

Được Jean Pertinand cảnh báo vào thứ năm ngày 14 về nơi ẩn dật của linh mục, thị trưởng Ars đã «lên đường» vào sáng hôm sau đến Dardilly. Nhưng khi đến nơi, François Vianney cha nói với ông rằng cha đã rời

đi một giờ trước đó mà không nói rõ cha sẽ đi đâu hoặc sẽ đi bao lâu. Trên thực tế, kẻ tội phạm chỉ đơn giản là ẩn náu trong một căn phòng trong nhà, ngay phía trên căn phòng nơi ông des Garets phải bằng lòng viết một tờ giấy với những dòng chữ hơi phức tạp : «Tôi muốn nói chuyện với cha, để cho cha biết về các kế hoạch của tôi, các phương tiện tôi có thể sử dụng và chắc chắn sẽ sử dụng, nếu chúng ta đủ may mắn để giữ cha ở Ars, để ngăn chặn những vụ lạm dụng mà cha phàn nàn... Tôi sẽ quay lại gặp cha sau vài ngày nữa, càng sớm càng tốt. Đừng quyết định bất cứ điều gì ngay bây giờ. Cha cần nghỉ ngơi, tôi hiểu điều đó hơn bất kỳ ai. Hãy ở lại với anh trai của cha chừng nào cha cần, nhưng đừng quên giáo xứ Ars tội nghiệp của cha. Nếu một số người trong số họ gây rắc rối cho cha, hãy nhớ rằng đó là một số lượng rất nhỏ và nói chung mọi người rất gắn bó với cha».

Các lá thư khác theo sau. Một từ Catherine Lassagne: trường *Providence* chỉ còn lại mười lăm trẻ mồ côi. Một lời khác, khá mờ ám, từ một chủ quán trọ nghèo, bị ảnh hưởng bởi sự suy thoái trong kinh doanh : «Thưa cha, con vội vàng yêu cầu cha đừng bỏ rơi chúng con. Cha biết rằng con đã luôn nói với cha, và con lặp lại điều đó từ tận đáy lòng mình : nếu có bất cứ điều gì trong nhà con không hợp với cha, con hoàn toàn tuân theo ý muốn

của cha». Trong khi đó, vào đúng ngày thứ sáu, cả một đoàn xe ngựa chở đầy người hành hương từ Ars đã đến. Lần này, cha Vianney không thể trốn tránh nhiệm vụ của mình nữa ; cha yêu cầu Tổng giám mục Lyon ban phép và ngời tòa giải tội, trong khi anh trai cha là François găm gù ngày càng to : «Nếu hấn còn ở đây, tôi sẽ phải kêu cứu. Tôi không còn là chủ nhân ngôi nhà này nữa.»

Vào tối thứ bảy, khoảng tám giờ, phái viên giám mục từ Belley, hay nói cách khác là chính cha Raymond, đã đến Dardilly. Cha Raymond ngay lập tức đi đến nhà thờ, cha xứ Peyrard, tiếp đón cha Raymond một cách lạnh lùng : người dân Dardilly tuyên bố sẽ giữ người đồng hương của họ trong làng, họ sẽ không cho phép bất kỳ ai đến bắt cóc cha. Tuy nhiên, hai linh mục đã thỏa thuận rằng cha Raymond sẽ cử hành thánh lễ trọng thể vào ngày hôm sau : cha Vianney không thể không đến, chỉ cần đến gặp cha ở lối ra là được.

Cuộc nói chuyện để nêu ra những đề xuất của Giám mục Devie phải ngắn gọn vì đám đông kéo đến từ khắp mọi phía. Một nhóm gồm hai mươi ba thanh niên, do chủ khách sạn François Pertinand, anh trai của vị giáo viên, dẫn đầu, đã xuống tàu vào ban đêm và có mặt tại trang trại Vianney vào sáng sớm. Ban đầu, gia đình không mấy chào đón, nhưng sau đó cha nhận ra họ và

cha không thể cưỡng lại được - nhưng vô ích - mời họ ăn. Từ Lyon, tin tức đang được truyền bá rộng rãi, dòng người đi bộ đã đổ ra đường và xuất hiện ở khắp mọi nơi. Chủ Nhật này, gia đình Vianney chỉ có thể ngồi vào bàn sau giờ kinh chiều. Cha Raymond, chắc hẳn đã thất vọng vì cuộc gặp đầu tiên, vẫn kiên trì tiếp cận anh em linh mục của mình một lần nữa sau buổi lễ. Trong phòng thánh, cha xứ Dardilly cảm thấy mình có nhiệm vụ phải cảnh báo cha Vianney : người dân trong giáo xứ đang nhìn vị đại biểu giám mục với ánh mắt nghi ngờ, hãy cẩn thận với những sự cố ! Vị thánh trả lời một cách thuần thực : «Đừng lo lắng về cha Raymond. Cha ấy là một chú ngựa kèn giỏi : cha ấy không sợ tiếng ồn ào».

Người đàm phán gần như đã thắng : Đức Cha Devie đề nghị chức linh mục của Nhà thờ Đức Bà Beaumont cho cha Vianney. Cha sẽ đến viếng nhà thờ vào ngày mai, thứ hai, và xin lời khuyên từ Chúa. Sự bối rối của hai vị linh mục lúc này là phát hiện ra sự theo dõi ghen tị của cư dân Dardilly.

Ngay cả trước khi bình minh, trong bóng tối mờ mờ, cha Vianney đã trèo lên lưng một con ngựa trang trại, được François kéo bằng dây cương. Họ có cuộc hẹn với cha Raymond tại giáo xứ lân cận Albigny. Khi họ đến gần ngôi làng, người kỵ sĩ ngẫu hứng xuống ngựa: «Tôi

sẽ vui vẻ tiếp tục cuộc hành trình của mình bằng cách đi bộ.» Hai anh em tách ra. Than ôi ! Nơi mà cha đến sáng nay trông thật thảm thương : ngày hôm trước, thời trang thịnh hành và mọi người vẫn đang nhảy múa. Cha Vianney buồn bã bước qua khung cảnh đổ nát này, đi đến nhà thờ nơi cha dâng Thánh Thể. Cha sốt ruột yêu cầu được rời đi Beaumont, cách đó khoảng bốn mươi cây số. Cha Raymond hy vọng tìm được một chiếc xe cách đó chưa đầy một dặm, tại Neuville-sur-Saône, nơi mà nhờ một cơ hội phi thường, cả hai đều gặp Marie Ricotier, người mua thánh tích có tầm nhìn xa, người để lại cho họ đồ dùng của bà. Nhưng không có phương tiện vận chuyển. Sau hai mươi lăm cây số mệt mỏi, cha xứ Ars khi đi qua Saint-Marcel đã được thị trưởng nhận ra và mời cha dùng bữa. Nhà thờ ngay lập tức chật kín người và người lữ khách tội nghiệp buộc phải lên bục giảng. Cuối cùng, một người hầu xuất hiện. Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi đến Marlieux mà nhà thờ Notre-Dame de Beaumont phụ thuộc.

Vào sáng thứ ba, cha xứ Marlieux dẫn khách đến nhà nguyện nhỏ mộc mạc. Cha Vianney là người đầu tiên dâng Thánh lễ, nhưng khi trở lại phòng thánh, cha thừa nhận rằng mình vẫn chưa quyết định điều gì. Trong lúc giúp lễ cho cha Raymond, cha đã đưa ra quyết định: «Chúa không muốn tôi ở đây, chúng ta hãy trở về Ars.»

Một chiếc xe đã chở hai vị linh mục đi. Cha Vianney thỉnh thoảng khóc và cầu nguyện liên tục. Những cú xóc nảy của chiếc xe cứng và tồi tàn được cung cấp cho cha khiến cha mệt mỏi đến mức cha phải xuống xe ở Ambérieux và đi bộ ba cây số đến nơi cách Savigneux; cha dừng lại ở đó trong nhà thờ và nhà xứ của người bạn đồng hành cha. Cha Raymond lập tức sai người đi thông báo với người dân Ars : «Trong vòng một giờ nữa, cha xứ sẽ đến đây».

«Niềm vui lan tỏa khắp nơi», Catherine Lassagne viết. Vào khoảng năm giờ chiều, vị chủ chăn ăn năn đã đến làng. Mười lăm phút sau, tiếng chuông vang lên, bà des Garets kể lại, toàn thể cư dân Ars tụ tập tại quảng trường ; họ vội vã, họ nhìn và thấy cha nhân từ đến, lê bước khó khăn, chống gậy : «Đây là vị thánh.» Mọi người khóc, cười, tụ tập quanh cha, bao bọc cha bằng niềm vui và hạnh phúc của họ. Đối với cha, cha dừng lại, mỉm cười : «VẬY là tất cả đã mất rồi sao ? Vâng, tất cả đã được tìm lại... Các con của ta, ta sẽ không bao giờ rời xa các con nữa, ta sẽ không bao giờ rời xa các con nữa». Cha đi vòng quanh quảng trường, dựa vào cánh tay của cha Raymond và ban phước lành như một giám mục. Khi cha có thể thoát khỏi vòng tay của đám đông, cha Monnin kể lại, cha bước vào nhà thờ và đọc kinh buổi tối trước toàn thể giáo xứ : thời gian đã được rút

ngăn lại để cha có thể đi ngủ sớm hơn...

Bà des Garets, người có thể trò chuyện với cha trong vài phút, đã lưu ý : «Cha rất hạnh phúc với Đức Mẹ Đồng Trinh đã truyền cảm hứng cho cha». Và còn nữa: «Cha nói với tôi rằng, trong lòng tôi có sự an ủi». Tuy nhiên, cha vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ ý định của mình: «Cha rất bận rộn, cùng một nhân chứng lưu ý, với ý tưởng mà giám mục gợi ý cho cha, đó là xây dựng một nhà nguyện tại trường *Providence*, nơi sau này có thể trở thành nơi ẩn dật cho cha». Một phép lạ thậm chí còn chói lọi hơn phép lạ chữa lành của cha đã đưa cha trở về với giáo dân mình, nhưng gần như bất chấp chính cha. Ánh sáng vẫn chưa được soi tỏ. Liệu nó có bao giờ được soi tỏ không ?

Từ năm 1844 trở đi - có lẽ đây là một trong những sự lạm dụng mà ông des Garets đã đề cập đến - cha Vianney đã trở thành - «mãi mãi» - cha xứ của các hình ảnh Épina». Một bản khắc do Gernler công bố mô tả cha được bao quanh bởi lời nhắc nhở về hai phép lạ nổi tiếng của cha : chữa lành người què và đưa trẻ câm.

Về người tàn tật, chúng ta khó có thể xác định được anh ta trong số tất cả những người rời khỏi Ars sau khi đến đó trong tình trạng bất lực. Tuy nhiên, người ta sẽ bị cám dỗ để nhận ra điều đó ở cậu bé mười hai tuổi được sinh ra trên vai của cha mình, một người trông nhỏ nghèo «từ phía bên kia bờ nước», và về cậu bé mà chúng ta đã nghe cha Vianney nói chuyện vào năm 1842 với một linh mục ở Ain. Câu chuyện khác tự nó xuất hiện với sự độc đáo hơn : người tàn tật đã phục hồi khả năng nói của mình trong khi mẹ cậu xưng tội. Chắc chắn đó là sự kiện kỳ diệu mà cha xứ Ars đã kể lại cho bà Raymond Corcevey, ở Chalon-sur-Saône, và bà đã vô tình kể lại vài năm sau đó : «Một người phụ nữ từ nông thôn đã mang đến đây một bé gái bảy tuổi, câm từ khi sinh ra. Người mẹ tốt bụng này đang xưng tội trong phòng thánh thì đột nhiên bà dừng lại : «Con ơi, tôi nói với bà, tiếp tục đi. - Ôi, cha ơi, không thể được. Nghĩ xem, con chưa bao giờ nghe đứa con mình nói. Xin hãy lắng nghe, xin hãy lắng nghe... thật là hồng ân,

thưa cha... thật là hồng ân !» Quả thực, đứa trẻ nói rất rõ ràng, cô bé được chữa khỏi... Người phụ nữ tội nghiệp này quá xúc động, quá kinh hoàng đến nỗi không thể tiếp tục xưng tội. Bà chỉ biết vừa khóc vừa lặp lại : «Ôn Chúa thật lớn lao, ơn Chúa thật lớn lao !»

Cùng năm 1844, một nhà in Guyot ở Lyon cũng tham gia - và ngay sau đó một thợ in thạch bản nhỏ cũng thành lập ở Fontaine-sur-Saône, trên đường đến Ars, và đặt tên là Meunier. Nhưng trên hết, công ty Gadola đang hoạt động mạnh mẽ và chiếm lĩnh thị trường, theo sát là Bernasconi. Một tấm biển từ năm 1845 có dòng chữ chú thích : «Vị chủ chăn đáng kính này, một hình mẫu thực sự của lòng bác ái truyền giáo, nổi tiếng khắp nước Pháp... Không một người đau khổ nào không tìm cách gặp cha, lắng nghe cha và chạm vào quần áo của cha, như trong quá khứ những người đã chạm vào quần áo của Đấng Cứu Rỗi và các tông đồ của Người.» Đồng thời, Becquet gọi lên, bên cạnh bức chân dung, công việc của trường *Providence*, được tóm tắt trong một câu: «Hôm nay, cha nuôi dưỡng khoảng năm mươi đứa trẻ nghèo». Nhà xuất bản Frecon đưa ra lời cầu nguyện đầu tiên và táo bạo, rõ ràng là được xuất bản mà không có sự cho phép nào : «Ôi cha, người an ủi những người đau khổ !» Những hình ảnh này được phân phối ngay lập tức cho hàng ngàn người. Cha xứ nghèo của Ars

đã bước vào kỷ nguyên sẽ không bao giờ kết thúc, của những gì cha sẽ gọi là «lễ hội» của mình.

Sau nỗ lực điên cuồng trốn thoát, cha đã tận hưởng vài ngày nghỉ ngơi vì, như Catherine Lassagne chứng thực, đoàn người hành hương đã tản đi trong thời gian cha vắng mặt. «Cha đã tiếp tục những bồn phận thường ngày của mình giữa chúng tôi, giáo dân lưu ý». Nhưng chẳng bao lâu sau, đám đông lại chạy đến. Về chuyến thám hiểm của cha, chỉ còn lại ký ức về sự trở về của cha : những người phụ nữ tốt bụng, theo bà des Garets, nghĩ rằng tiếng chuông lúc đó tự vang lên : «Không một ai lên tháp chuông cả».

Đối với cha, từ tháng 9, cha đã lo xây dựng một nhà nguyện ở trường *Providence*, nơi cha nuôi dưỡng ý định nghỉ hưu. Vài tháng sau, tiếp tục công việc kiến trúc sư của mình, cha hoàn thành phần đầu hồi nhà thờ với một bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh. Tuy nhiên, cha lại mắc phải một chứng rối loạn không thể khắc phục. Trên thực tế, cha chưa bao giờ gây ra ảnh hưởng như vậy. Vào năm 1845, ước tính có khoảng ba hoặc bốn trăm du khách đến đây mỗi ngày. Tại nhà ga Perrache, nhà ga lớn nhất Lyon, có một văn phòng đặc biệt luôn mở cửa để phân phối vé đi Ars, và những vé này có giá trị trong tám ngày, vì người ta công nhận rằng cần phải có

khoảng thời gian này để tiếp cận cha Vianney. Tôi thứ bảy ngày 3 tháng 5, làng đã đón tiếp cha Lacordaire. Cha đi cùng với một giáo dân hành hương, ông Brac de la Perrière, người mà hai năm trước cha đã yêu cầu đưa cha «đến gặp vị thánh mà ông biết». Sau khi bắt đầu đêm nghỉ tại Château des Garets, nơi cha được mời vào phút chót khi đang có kế hoạch ở lại nhà một người dân địa phương, nhà phục chế người Dominica này thức dậy lúc ba giờ sáng để tham dự buổi lễ đêm và đến nhà thờ nơi cha xứ Ars đã giải tội trong hai giờ đồng hồ. Họ vẫn chưa gặp nhau. Vào lúc năm giờ, khi cha Lacordaire đến phòng thánh để dâng thánh lễ, người chủ nhà thờ cũng bước vào cùng lúc đó. Chính cha Vianney là người đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết, kéo và đẩy các ngăn kéo, mở và đóng tủ «với sự hoạt bát và nhiệt tình.» Nhà thuyết giáo, vốn đã có danh tiếng, đã lắng nghe vị linh mục nghèo khó này ba lần : trong bài giảng của thánh lễ trọng thể có chủ đề là Chúa Thánh Thần, trong bài giáo lý Chúa Nhật về sự sám hối, và vào buổi tối, trước khi cầu nguyện, về Đức Trinh Nữ Maria. Vào buổi chiều, họ đã có một cuộc nói chuyện riêng dài tại nhà xứ, chắc chắn là, Brac de la Perrière nghĩ, về tương lai của các Anh em giảng đạo ¹, lúc đó bị chính quyền Louis-Philippe đe dọa. Lúc đầu, cha Lacordaire

1 Linh mục dòng Đa-minh

có vẻ «kinh ngạc» ; sau đó, cha tỏ ra «rất hài lòng» và cha Vianney, một niềm vui gần như phấn khích : cha đã đi đến mức đưa tiền linh mục dòng Đa Minh một đoạn đường...

Giữa dòng người hành hương siêu nhiên này, một giai đoạn khó khăn kéo dài tám năm đang chuẩn bị cho cuộc đời của vị thánh. Trong vòng bốn tháng, việc này sẽ hoàn thành. Trong một thời gian, cha xứ Savigneux, cha Antoine Raymond, đã nắm giữ một số quyền hạn nhất định trên cha Vianney. Cha Raymond không chỉ giúp đỡ cha trong công việc, thỉnh thoảng giải tội cho cha hoặc đi tìm cha trong khi cha bỏ trốn ; Ars trở thành lãnh thổ của cha Raymond. Ban đầu, ngài là một người con thiêng liêng của cha. «Vì tôi sinh ra ở vùng lân cận Ars (Fareins), cha Raymon giải thích trong một hồi ký dài, tôi đã biết người tôi tớ của Chúa ngay từ lúc cha đến giáo xứ này : cha sẵn lòng quan tâm đến tôi và giúp tôi vào tiểu chủng viện để hoàn thành chương trình học tôn giáo của mình. Khi tôi gặp rắc rối, tôi tâm sự với cha và cha là người an ủi tôi. Cha thậm chí còn trả một phần tiền ăn của tôi. Trong thời gian học, tôi đã gặp cha nhiều lần trong các kỳ nghỉ». Điều này cho thấy mối quan hệ thân thiết giữa vị linh mục ba mươi sáu tuổi này và anh em linh mục già và đau khổ.

Sẽ là không thể và không công bằng khi nói về mối quan hệ của họ, đặc biệt là vào thời điểm phức tạp này, ngoài những bi kịch nội tâm đang xé nát cha Vianney. Bất chấp sự cản trở chính thức, cha quyết định từ bỏ trách nhiệm cha xứ mà cha cảm thấy không thể chịu đựng được về mặt tâm linh. Cuộc khủng hoảng thậm chí còn diễn ra dưới hình thức một dạng suy nhược thần kinh : nếu không thì làm sao người ta có thể lý giải được sự bướng bỉnh mù quáng và không thể cưỡng lại mà cha thể hiện đối với Bề trên của mình ? Vì giáo phận không đồng ý cho cha ra đi nên cha đã yêu cầu một linh mục phụ tá. Hơn thế nữa, cha sẽ trao lại quyền lực. Hơn nữa, xét về mặt cụ thể, cha không thể chờ đợi thêm nữa và điều đó gần như đã hoàn thành. Bề trên giáo phận đã nhanh chóng chẩn đoán được khía cạnh gần như bệnh hoạn của vụ việc. Giám mục Devie bảy mươi chín tuổi hầu như không thay đổi tính cách của cha : ngài có thể thừa nhận rằng mình rất nhạy cảm trước sự thánh thiện của cha Vianney, ngài vẫn là một nhà quản lý có năng lực. Ngài không đánh giá cao, trong những việc khác, những biến chứng tâm lý của cha Vianney. Giám mục hiện tại của Belley, Đức Cha Fourrey, đã tìm thấy trong kho lưu trữ của người tiền nhiệm văn bản một thỏa thuận ít nhiều bí mật được ký kết vào ngày 19 tháng 9 năm 1845 giữa cha Vianney, ông des Garets

thị trưởng, và cha Guillemin, Bề trên địa phận. Đến lượt mình, Giám mục Devie đã ký vào đó. Cha Vianney vẫn giữ «quyền và chức vụ của một cha xứ», còn cha Raymond được bổ nhiệm làm «linh mục phụ tá». Như vậy, cha sẽ thực hiện chức thánh, «cả đối với giáo dân và người lạ», dưới quyền hạn của cha Vianney nói trên. Nhưng - và đây là điều khám phá của Đức cha Fourrey, điều thiết yếu - một điều khoản gần như hủy bỏ các quy định này, điều khoản này bổ sung : «Để xóa bỏ mọi mối lo ngại của cha Vianney liên quan đến việc quản lý tinh thần của giáo xứ Ars, Đức Cha đặt cha dưới trách nhiệm cá nhân của Cha Raymond.» Tình trạng pháp lý do Đức Giám mục Devie tạo ra một nghịch lý vô cùng khó hiểu. Cách chính thức, cha Vianney vẫn là cha xứ Ars. Trên thực tế, cha đã từ chức.

Các giáo dân lại không nghĩ như vậy. Catherine Lassagne thừa nhận rằng cha Vianney đã «mệt mỏi trong một thời gian dài» với trách nhiệm mục vụ của mình; bà nói rõ rằng, ngay khi cha Raymond đến, cha đã muốn trao cho cha «quyền» cha xứ và «khiến mình phụ thuộc». «Điều này kéo dài khoảng hai hoặc ba tuần, bà nói thêm, bà vẫn còn phẫn nộ vì sự phục tùng này. Bề trên của cha không muốn tình trạng này kéo dài thêm nữa. Họ đã khôi phục lại quyền cho cha Vianney». Đây là điều mà cha Raymond xác nhận trong tiểu sử

của mình, với một vài khác biệt : trước cảm xúc của giáo dân, cha Vianney đã phải lùi bước, một lần nữa gánh vác mọi trách nhiệm trước Chúa và trở thành một cha xứ theo đúng nghĩa của từ này. Khi được bổ nhiệm, cha phó buộc phải xua tan sự lo lắng của giáo dân, vẫn tuyên bố cha Vianney là linh mục chánh xứ và chỉ tuyên bố mình là một viên chức cấp dưới.

Trong ít nhất vài năm, có lẽ cha Raymond đã được Giám mục Devie tín nhiệm đặc biệt. Họ hiểu nhau, phán đoán của họ mang tính hình thức : cần phải sửa chữa ngay một số điều kỳ lạ của giáo xứ kỳ diệu này. Cha Vianney, người đã đoán được ý định này một cách hời hợt hoặc thậm chí có thể nghe thấy nó được bày tỏ ở những vị trí cao, sau đó đã tự đặt mình theo học cấp dưới và môn đệ của mình. Sâu thẳm bên trong, niềm đam mê khiêm nhường của cha mạnh mẽ đến nỗi, thay vì coi cách tiếp cận này là điều bất thường, cha lại thấy ở đó sự nhẹ nhõm và lời tuyên bố về niềm vui hoàn hảo - mà Thánh Phanxicô thành Assisi đã rao giảng.

Đức giám mục quan tâm đến công tác chăm sóc mục vụ của cha Vianney. Về phần mình, ngài không thích mọi người có quan điểm khắt khe và tin rằng sự nghiêm khắc của thế kỷ trước đã góp phần khiến nhiều người xa rời tôn giáo. Do đó, có lẽ sau lời phản nản tập thể nổi

tiếng của một số chủ chăn ở Beaujolais, ngài đã ra lệnh cho cha xứ Ars phải trình lên Hội đồng Giám mục một cách ẩn danh những vụ việc gai góc mà cha gặp phải trong tòa giải tội. Chúng tôi không có ghi chép nào cho thấy Giám mục Devie đã bãi bỏ quy tắc này. Chúng ta thậm chí còn có bằng chứng ngược lại. Một lá thư của vị linh mục thánh thiện, từ năm 1849 hoặc 1850, bắt đầu bằng những dòng chữ mơ hồ này : «Thưa Đức Cha, một người chỉ muốn khôi phục một nửa, người đã có đủ, nhưng việc cho anh ta một phần trong số đó có vẻ là điều tốt đối với con, chúng ta có thể ban bí tích cho anh ta không ? Con muốn biết Đức Cha nghĩ gì về điều đó». Ít nhất là trong vài tháng, cha Vianney đã thể hiện sự tôn trọng tương tự đối với người kế nhiệm của Đức Cha Devie, Đức Cha Chalandon. Vào ngày 11 tháng 10 năm 1852, cha đã hỏi : «Người gác cửa các diễn viên có thể nhận được ân sủng của các bí tích, nếu họ hoàn thành nhiệm vụ kitô hữu của mình ?» Do đó, phải diễn giải và đưa vào thời điểm rất muộn những lời của Đức Cha Devie, được lặp đi lặp lại rất nhiều lần, trong số hai trăm trường hợp lương tâm đã được trình lên ngài cho đến lúc đó, ngài chỉ biết có hai trường hợp mà ngài không cùng quan điểm với cha xứ Ars.

Với chúng tôi, một số sáng kiến của cha Raymond khi ông đến dường như xuất phát từ nguồn cảm hứng của

một giám mục, cũng như nhiều biện pháp giám mục sắp được thực hiện khó có thể được giải thích nếu không có cha Raymond. Trong vòng ba tháng, vị linh mục phụ tá đã mua cho học trò mình hai quyển *Thần học Đạo đức* của Thánh Alphonse thành Liguori, do Hồng y Gousset xuất bản : bản sao mà chúng tôi đang cầm trên tay thực tế có ghi năm 1845, dưới chữ ký của cha Vianney.

Trong hơn mười lăm năm, danh tiếng Ars đã lan rộng khắp nơi và những tội nhân đổ xô đến đó từ khắp mọi nơi. Mặc dù Giám mục Devie thừa nhận trước bà de Belvey rằng Chúa Thánh Thần hướng dẫn vị linh mục thánh thiện, nhưng ngài không coi mình được miễn trừ khỏi việc hướng dẫn chính xác cho vị linh mục. Cha Raymond đóng vai trò là người phiên dịch cho ngài. Trích dẫn đoạn văn nổi tiếng của Thánh Gioan Thánh Giá, «Thiên Chúa mong muốn rằng quyền cai trị và hành vi của con người được thực hiện bởi một người khác, và con người được cai trị và điều khiển bởi lý trí tự nhiên, Ngài hoàn toàn mong muốn những điều Ngài truyền đạt cho chúng ta một cách siêu nhiên sẽ được tin tưởng một cách chắc chắn, mạnh mẽ và an toàn, cho đến khi chúng đi qua kênh truyền thông của con người bằng miệng con người.»

Biện pháp nghiêm ngặt này không phải là không có lợi cho cha Vianney : nó tiếp tục công trình của cha Tailhade nhưng theo một phong cách hoàn toàn khác. Suy cho cùng, vị linh mục tội nghiệp này chỉ cầu xin một điều : vâng lời Giáo hội. Tuy nhiên, người ta có thể tưởng tượng được sự tra tấn bên trong đã khơi dậy trong cha cách đối xử này với những điểm yếu của cha, cách kiêu căng, có hệ thống và sống động như ngọn lửa luyện ngục. Điều này chỉ dạy cho cha quá rõ rằng cho đến lúc đó, do thiếu sự chỉ dẫn, cha đã có thể làm hại các linh hồn bằng những yêu cầu phi pháp. Vì vậy, cha Raymond, trong khi hữu ích giúp chỉnh đốn lại tâm trí của một người đàn ông sáu mươi tuổi, sống đời linh mục gần ba mươi năm, đã khiến cha mắc phải căn bệnh khủng khiếp với sự ngờ vực không thể chữa khỏi về bản thân. Cha đã vô tình tước đi khả năng sử dụng các giác quan của mình. Ngày này qua ngày khác, khi cụ già ngoan ngoãn bước vào kỷ luật mới này, ngay cả bên ngoài, người ta cũng thấy cha đang suy sụp. Dưới con mắt không thể lay chuyển này, cha một lần nữa trở thành Bodin nổi tiếng của các cuộc họp tôn giáo.

Vị linh mục trẻ tuổi và nhanh nhẹn đã mạnh dạn tấn công vào mọi thứ mà vị linh mục già đã hình thành, xây dựng và yêu mến. Đã đến lúc trường *Providence* phải bị phán xét và lên án. Trong khi cha Vianney đang tuyển

dụng ba cô gái trẻ để hỗ trợ các giám đốc công việc và sau đó, rất lâu sau đó, để kế nhiệm họ, thì một phe đối lập nhất định - phe chỉ nổi lên khi được ủng hộ - đang ngày càng trở nên ồn ào.

«Catherine Lassagne, người hiểu rõ hơn ai hết, cho biết bên ngoài có vô số lời vu khống. Có vẻ như những đứa trẻ tội nghiệp này không thể được nuôi dưỡng, rằng chúng là gánh nặng cho mọi người, những đứa lớn hơn đặc biệt thu hút sự chỉ trích và lời nói khó nghe của công chúng : ‘Thật đáng xấu hổ, họ nói, khi thấy những cô gái lớn tuổi, những người có thể kiếm được nhiều tiền bằng cách làm việc, lại bận rộn từ sáng đến tối chỉ làm bấm cầu nguyện ?’ Điều này không đúng, cầu nguyện chỉ là cách thư giãn đối với họ ; sự lười biếng, lang thang và những tệ nạn mà họ đã thoát khỏi có tốt hơn không ?... Đúng là, một số cô gái, những người không thực sự hoán cải, thấy yếu đuối và không tiếp tục làm gương tốt ; tuy nhiên, số lượng rất ít... Người ta vẫn nói rằng các cô phụ trách lớp học không hiểu gì cả, rằng họ không được giáo dục. Điều này đúng ở một mức độ nào đó, nhưng để nuôi dạy những người hầu, đầu bếp và trẻ em gái nghèo khổ trong cảnh lao động cực nhọc, liệu chúng ta có cần phải biết nhiều như vậy không ? Dạy chúng đọc, viết một chút và làm việc liệu có đủ không ?»

Sự khôn khở của trại trẻ mồ côi, tình trạng thiếu vệ sinh và tổ chức, và trên hết là sự thiếu thận trọng khi luôn phụ thuộc vào ân sủng của Chúa, thật đáng xấu hổ. Nhưng người ta cũng có thể, để vượt qua nó, sử dụng các lập luận phản đối. Mọi thứ, ngay cả những thành công của doanh nghiệp, đều chống lại nó. «Những người nổi tiếng, thậm chí cả các giáo sĩ, đã phán đoán rằng ngôi nhà này đang trở nên quá đông đúc, không phù hợp để những người giáo dân, những người mà công việc của họ sẽ chết cùng họ, điều hành nó nữa, mà một dòng tu không chết sẽ duy trì nó».

Đây chính xác là ý kiến chắc chắn của cha Raymond: «Tôi là một trong những người thúc giục cha Vianney kêu gọi đến các nữ tu». Vị linh mục tốt bụng đã tự bảo vệ mình. Người ta muốn các nữ tu ? Catherine Lassagne, Marie Filliat và Jeanne-Marie Chanay đều có mặt ở đó: «Chỉ cần nhuộm họ». Nhưng Bề trên giáo phận đã lựa chọn giải pháp ngược lại. Giám mục Devie đã cử bề trên của đại chủng viện mình, cha Perrodin, chính người thành lập trường *Providence* ở Bourg với sự giúp đỡ của các nữ tu dòng Saint-Joseph, để thông báo cho cha Vianney. Sứ giả phải quay lại nhiều lần : vị thánh vẫn chưa tin. Điều cuối cùng bị tấn công, toàn bộ quyết định ăn bánh mì từ tay Chúa nhân lành, chính xác là điều, đối với cha, tạo nên cái giá cho công việc

của cha: «Tôi đã đón sáu mươi đến bảy mươi đứa trẻ trên đường Dombes, sau này cha kể lại với vẻ buồn bã, những bé gái tội nghiệp này không biết gì về những chân lý cơ bản của tôn giáo... Rất nhiều nữ tu đã ra đời từ đó, một số lượng đáng kể, nhiều người giúp việc tuyệt vời, những người mẹ tốt... Mọi thứ đang trở nên tồi tệ. Tôi không có gì để hỗ trợ những điều này ngoại trừ sự Quan phòng. Nhưng tiền cứ đổ về từ mọi phía, tôi có nhiều hơn mức mình cần. Từ lúc người ta muốn sắp xếp mọi thứ theo trật tự...» «Đức cha thấy ý Chúa trong việc này, cha tuyên bố vào thời điểm đó, nhưng tôi thì không thấy vậy.» Có lẽ cha không còn hiểu gì nữa. Tuy nhiên, sau nhiều lần nài nỉ, cha đã nhượng bộ về nguyên tắc.

Việc tiếp quản diễn ra đột ngột. Vào tháng 5 năm 1847, một cảnh tượng được dàn dựng từ xa đã tình cờ đưa cha Guillemin, Bề trên giáo phận Belley, đến ngôi làng, trong khi Bề trên Tổng quyền Dòng Nữ tu Saint-Joseph đang chờ một dấu hiệu cách đó vài cây số, tại Villeneuve, mà Sơ được cho là sẽ đến kiểm tra ngôi nhà. Cha Vianney, không được thông báo về chuyến thăm này, đã rất xúc động : cha hiểu ngay mình đang được dẫn đi đâu. Cha tiến thêm một bước nữa và phục tùng. Nhưng trước sự rắc rối mà quyết định này gây ra cho trường *Providence*, cha đã cứu những gì có thể : sự

miễn phí trong tương lai cho công cuộc. Cha chỉ ký hợp đồng sau sáu tháng.

Catherine Lassagne, Marie Filliat và Jeanne-Marie Chanay rời khỏi ngôi nhà kỳ diệu của họ và chỉ nói: «Cầu xin Chúa ban phước lành cho mọi điều !» Họ không chấp nhận lòng hiếu khách mà các nữ tu dành cho họ và họ có quyền được hưởng, nhưng lại rút lui về một ngôi nhà trong làng để cầu nguyện với Chúa và phục vụ vị linh mục già. Với cha, giấc mơ về sự thịnh vượng ở trường *Providence* đã chết ! Nhà nguyện mà cha dự định xây dựng ở đó sắp hoàn thành : cha sẽ trao tặng nó cho những định mệnh khác...

Trong khi sự thù địch của giáo dân tiếp tục gia tăng đối với vị linh mục phụ tá thống trị, thì vị linh mục, người có tiếng nói to và dễ dàng, lại giành được quyền lực đối với những người lạ. Cha có xu hướng trở thành người thuyết giáo các cuộc hành hương : theo cách này, số lượng đám đông hướng về Ars dần tăng, điều khiến Đức Cha Devie lo lắng, sẽ mang một ý nghĩa khác. Thời kỳ hỗn loạn và vô trách nhiệm dường như đã qua : liệu thời kỳ của thánh nhân có qua rồi không ? Mặc dù những điều kỳ diệu, hiển nhiên hay nội tại, luôn tăng lên dưới bàn tay ánh sáng của dần tăng, nhưng nhà lý luận là dần tăng Raymond, giống như những giáo sĩ khác,

vẫn thảo luận về chúng. Trước hết, những phép lạ đáng chú ý nhất, những phép lạ đã khơi dậy cơn sốt không thể ngăn cản này của quần chúng, ví dụ như phép lạ hóa lúa mì và bột mì vào buổi đầu của trường *Providence*, chưa bao giờ được xác lập «hợp pháp». Trong ít nhất một trường hợp, một lời giải thích thỏa đáng hơn có thể được đưa ra : tại sao cha già Mandy có thể hào phóng chất đầy đồ đạc lên gác xép của nhà xứ mà không cho vị chủ chăn, luôn đáng trí và dễ tin của mình biết ?

Thêm một chút kiên nhẫn và sức nặng của một vài năm tháng gian khổ : người anh em linh mục thiếu thận trọng và hay nghi ngờ sẽ đi khắp nơi và lặp đi lặp lại, theo một nhân chứng không thể chối cãi, «cha Vianney đang trở lại thời thơ ấu».

Hơn nữa, trong suốt thời gian ở đây, bất chấp sự rút lại của Tòa giám mục, cha Raymond vẫn ký các văn bản Công giáo với danh hiệu «cha xứ». Cha tự coi mình là người chủ tàu.

Trong khi quyền lực của cha Raymond đối với giáo xứ ngày càng được củng cố, thì đời sống nội tâm của cha Vianney lại có sự thay đổi. Bất chấp sự bí ẩn của các sinh vật, mối liên kết chung của chúng ta ở trung tâm của cùng một cuộc tranh luận và trước cùng một Chúa là như vậy, đến mức rất hiếm khi chúng ta không có linh cảm về điều gì đang xảy ra với một trong hai sinh vật. Nhưng chúng ta có thể nói gì về một cha già, cha xứ Ars và cha đã trải qua những điều mà chúng ta biết?

Theo Giám mục Trochu, người đầu tiên đưa ra những sự thận trọng thông thường, «vào khoảng năm 1844 hoặc 1845, cha xứ Ars đã đạt đến đỉnh cao của sự thánh thiện». Không còn nghi ngờ gì nữa, sự lột trần có phần khắc nghiệt mà người phụ tá của cha, theo sự đồng ý của giám mục, đã bắt cha phải chịu, khiến cha trở nên trần trụi. Sự nhạy cảm về mặt tâm linh của cha đóng vai trò to lớn trong chức thánh của ngài : khi nó không còn phát triển thành những chồi non tươi tốt như của một chủng sinh nữa, mà đã lớn lên như một cây nhiệt đới dưới ánh mặt trời của Chúa, mọi người đã đến cắt tỉa nó vì nó mọc cong queo ở đây và đó, các cành của nó hơi quá to. Với những cái móc thần học, chúng ta tạo ra một sự thông thoáng, nếu không nó sẽ tự bóp nghẹt chính nó. Có không khí xung quanh cha Vianney, thậm

chỉ là quá nhiều. Tương tự như vậy, công trình trường *Providence* đã phục vụ cha như một loại thiên đường trên trái đất : trường đã sống Phúc Âm mà không tô vẽ, như Thánh Phanxicô thành Assisi đã nói ; đó là một phần của Vương quốc Chúa, nơi mà cha đã chinh phục bằng chính sự liều lĩnh và nguy hiểm của mình với đức tin mạnh mẽ hơn cả một chiến binh thập tự chinh. Mọi thứ bây giờ đã trở lại bình thường. Và không phải là không có lý do. Được giải thoát khỏi trách nhiệm giáo xứ, chắc chắn là như vậy, cha Vianney của chúng ta, và nhiều hơn một chút so với những gì cha tưởng tượng. Một thế giới được tổ chức tốt, giáo xứ của cha, hiện đang hoạt động.

Dù phần đóng góp của cha có hạn chế đến đâu thì cũng đủ để nếu không có cha, Ars sẽ không còn là Ars nữa. Tuy nhiên, rõ ràng là nó không còn tồn tại và phát triển hoàn toàn nhờ vào những đức tính của quá khứ nữa, mà nhờ vào những gì còn lại, hay đúng hơn là những gì còn lại. Đây là lý do tại sao Đức Giám mục Trochu đã chỉ ra một cách chính xác sự nở rộ những ân sủng mà trước đây ít thấy rõ ràng và, trong trật tự tâm linh, là một trong những ân sủng hiếm có nhất. Liệu cha có đạt tới «đỉnh cao của sự thánh thiện»? Chúng ta sẽ dễ dàng hơn khi đồng ý mà không do dự với phán quyết này, đáng hoan nghênh ở nhiều khía cạnh, nếu như nổi

phiền muộn vẫn còn và thậm chí sẽ gia tăng từng ngày, trên khuôn mặt thánh thiện và nghiêm khắc này, không làm chúng ta lo lắng như vậy và dường như không làm bối rối đến cùng những ai cố gắng khám phá bí mật ánh sáng của nó.

May mắn thay, những người tốt thời đó có thể tiếp cận nó dễ dàng hơn chúng ta ! Một giai thoại - dù đơn lẻ - đôi khi đáng giá cả một chuyên luận. Chính người có liên quan đã báo cáo sự việc vào năm 1846, ngay sau khi cha Raymond đến, trong một phút thư giãn, với một người mà cha Monnin không nêu tên, nhưng chúng tôi tin rằng đó là bà des Garets. Mọi thứ đều quan trọng ở đây, và trước hết là giọng điệu của cuộc trao đổi. « Vị linh mục thánh thiện của chúng tôi đã kể cho tôi nghe về tất cả những điều tốt đẹp đang được thực hiện ở Ars, về tất cả những niềm an ủi mà cha cảm thấy. Cha chưa bao giờ mở lòng mình với tôi một cách từ bỏ như vậy, tôi thậm chí có thể nói là ngọt ngào. Cha đảm bảo với tôi mỗi năm cuộc hành hương đã kéo một số lượng vô hạn những tội nhân khỏi nanh vuốt của Satan, cha không ngừng tiếp đón tại tòa giải tội những người đã không xưng tội trong ba mươi hoặc bốn mươi năm. Cha đã nói với tôi rất ngây thơ rằng một buổi tối, một trong những tội nhân già này đang ở trong phòng thánh và không thể tự mình quyết định xưng tội. Đột nhiên, người đàn

ông này bật khóc và bắt đầu xưng tội trong sự hỗn loạn không thể diễn tả được. Vị linh mục hỏi tại sao anh lại khóc và tại sao anh lại buồn bã như vậy. Người tội nhân trả lời rằng khi nhìn lại, ông thấy trên đầu cha được bao quanh bởi một vòng tròn ánh sáng». Vị thánh tốt bụng đã dịch câu này theo cách đơn giản hơn : «Ông ấy nói với tôi rằng ông ấy đã nhìn thấy những ngọn nến nhỏ xung quanh đầu tôi...»

Mọi hoạt động bên ngoài của mục vụ giáo xứ từ năm 1845 đều do cha Raymond đảm nhiệm, ngoại trừ việc thăm viếng người bệnh và dạy giáo lý lúc mười một giờ. Tuy nhiên, nghi lễ sau được chuyển đến nhà thờ : do số lượng người tham dự quá nhiều nên nghi lễ này không thể diễn ra ở trường *Providence* nữa. Cha Vianney đã lắp đặt một bục giảng nhỏ có lỗ hồng, trên đó cha nói chuyện một cách thân mật với các tín hữu. Đôi khi tín hữu tràn ra cả hiên nhà. Một buổi chiều mùa hè, một người lang thang chống nạng xuất hiện giữa buổi hướng dẫn, nhưng đám đông đã ngăn cản anh ta vào. Cha xứ Ars nhìn thấy anh ta, liền đến đón anh ta và vì không có ghế nên đã đặt anh ta vào chỗ của mình với một tiếng «Na» vui vẻ. Sau đó, đứng cạnh người tàn tật, cha tiếp tục cuộc trò chuyện.

Trong số những cuộc đối thoại này, hiện dành cho người lớn, mười lăm năm sau, cha Raymond vẫn tuyên bố một cách khá thiếu tôn trọng rằng chúng thực sự là một «sự thương cảm». Những du khách khác cũng cảm thấy thất vọng như vậy, dù ngược lại, mọi người đều tuyên bố «rất kinh ngạc». Sự khác biệt về quan điểm này chắc chắn phần lớn là do nội dung của giáo lý có tính hiệu quả. Người nghe từ chối đi vào kết cấu này và theo dõi chuyển động của nó đã tự kết án mình, giống như cha Wibaux của Roubaix sau này, khi phải thừa nhận rằng, khi đối mặt với sự hỗn loạn và phi logic của các ý tưởng, «cha Wibaux không hiểu gì về nó».

Trong mọi trường hợp, chúng ta biết rằng Sự Hiện Diện Thật và Rước lễ thường là chủ đề chính. Chắc hẳn vào dịp này, Wibaux Vianney đã kể lại phép lạ - nhanh chóng nổi tiếng - Bí tích Thánh Thể : «Một trong những ngày này, có hai mục sư Tin lành đến. Tôi nói với họ: «Các bạn có tin rằng một miếng bánh có thể tự bong ra và rơi trên lưỡi của một người tiến đến để nhận nó không ? Hãy lắng nghe điều này cách cẩn thận : Tôi không nói rằng điều này đã xảy ra ở đâu đó, tôi đang nói rằng nó đã xảy ra với tôi... Một người nghi ngờ về Sự Hiện Diện Thật. Ông ấy nói : ‘Chúng ta biết gì về điều ấy ? Không chắc chắn. Sự thánh hiến là gì ? Điều gì xảy ra trên bàn thờ vào lúc đó ?’ Nhưng ông ấy muốn

tin và cầu nguyện với Đức Trinh Nữ để xin Đức Mẹ ban đức tin cho ông ấy. Vào lúc người đàn ông này đến để Rước lễ, Bánh Thánh đã rơi khỏi ngón tay tôi khi tôi vẫn còn cách khá xa : Bánh Thánh đã tự động đi xuống và rơi trên lưỡi của ông ấy».

Cha cũng nhấn mạnh rất nhiều vào sự từ bỏ thánh thiện. Vào tháng 9 năm 1845, một nữ tu không hiểu tại sao lại cảm thấy có «khoảng cách nhất định với cha Vianney», và không hề tin vào tất cả những điều kỳ diệu được nói về cha, đã đến Ars như thể không hề muốn vậy. «Khi chúng tôi bước ra khỏi xe, tiếng chuông báo hiệu giờ học giáo lý vang lên. Mẹ Bề trên của tôi muốn đến đó. Khi tôi bước vào nhà thờ, tôi thấy cha xứ bước lên bục giảng nhỏ của mình». Luôn luôn là hiện tượng tương tự, hay đúng hơn là cùng một trình tự : «Mắt tôi chạm mắt cha. Cảm thấy choáng váng, tôi quỳ xuống, hoàn toàn bối rối. Một lát sau, tôi cảm thấy mình bị kéo bởi một người phụ nữ, tôi tin rằng đó là Catherine Lassagne. Bà ấy nắm tay tôi và bảo tôi đến gần hơn, vì tôi sẽ không nghe thấy gì từ chỗ này. Thế là bà ấy dẫn tôi đi qua bục giảng nhỏ. Tôi có thể nghe được một vài từ... gián tiếp chứng minh cho giọng nói yếu ớt và cách diễn đạt khó hiểu của cha Vianney về việc tuân theo ý Chúa và cái giá phải trả cho sự đau khổ. Tôi khóc suốt : tình cảm của tôi đối với vị thánh đã thay đổi».

Theo ghi chép của nhiều thánh giả, trên thực tế, những biểu cảm xúc động vẫn tiếp tục xuất hiện thông qua những lời khiêm nhường của cha. Vì đây là giáo lý nên nó tuân theo kế hoạch truyền thống, cho phép cha Nodet trình bày, bằng cách đặt tiêu đề, một bản suy nghĩ của mình. Sự tự do trong sự ứng biến của cha khiến cha Nodet thoát khỏi. Đây không còn là lời kêu gọi như ở trường *Providence* nữa, mà là lời khuyên răn nghiêm khắc hơn nhưng vẫn quen thuộc, gửi đến những người ở mọi lứa tuổi có mặt ở đó.

Không thiếu những lời tiên tri, độ chính xác khủng khiếp của chúng đã được xác minh ngày nay trên nhiều bầu trời và nhiều vùng khí hậu : «Sẽ đến lúc con người mệt mỏi với nhau đến mức không còn có thể nói với họ về Chúa mà không khiến họ phải khóc.» Lời tố cáo những người Kitô hữu xấu xa, thường xuất hiện trong đám đông, tự nhiên thốt ra từ đôi môi nồng nhiệt của cha : «Những kẻ tội lỗi đáng thương tê liệt như những con rắn trong mùa đông.» Chúng ta cần phải làm sáng tỏ điều này : «Ma quỷ làm chúng ta vui cho đến phút cuối cùng, như người ta làm vui cho một người đàn ông nghèo trong khi chờ cảnh sát đến bắt anh ta đi... Có một số người mất đức tin và chỉ nhìn thấy địa ngục khi họ bước vào đó». Một số quan điểm cực đoan của bài giảng đầu tiên vẫn còn tồn tại : «Những kẻ bị nguyên

rửa sẽ bị bao trùm trong cơn thịnh nộ của Chúa như cá trong nước». Và thậm chí là những sai sót nghiêm trọng, vì trích dẫn năm 1847 dường như không phải là bịa đặt : «Những người đã từ bỏ việc thường xuyên lãnh nhận các bí tích chứng minh rằng họ đã làm ô uế các bí tích mỗi khi họ nhận được». Tuy nhiên, sau trải nghiệm lâu dài của tòa giải tội, sự nhấn mạnh trở nên sống động hơn về triển vọng hòa giải, đến nỗi phép lạ hoán cải xâm chiếm không thể cưỡng lại được lời của người hoán cải : «Không phải Chúa nguyên rửa chúng ta, cha nhắc nhở chúng ta như trước, mà là chúng ta bởi tội lỗi mình». Nhưng đây là điều cha nói thêm : «Không ai từng bị nguyên rửa vì làm quá nhiều điều xấu... Lỗi lầm của chúng ta chỉ như một hạt cát so với lòng thương xót vĩ đại của Chúa...»

Là nơi ẩn náu ân sủng cho cuộc hành trình điên cuồng của chúng ta trong cơn bão, cha ban cho lời giải tội. Luôn luôn có nguyên tắc : «Hãy đến gần Đức Chúa Trời, Ngài sẽ đến gần anh em.» «Những tội lỗi mà chúng ta che giấu sẽ tái hiện. Để che giấu tội lỗi của mình thật tốt, chúng ta phải xưng tội thật tốt». Do đó, cha đan xen vào câu của mình, tại mọi thời điểm, từ nhỏ «tốt» này luôn là thương hiệu của cha : trạng từ mang vô số ý nghĩa, thậm chí đến mức nhượng bộ và mỉa mai cay đắng, nó len lỏi vào mọi hình thức đối

thoại. Nhưng nhà thuyết giáo tiếp tục : «Khi chúng ta đi xưng tội, chúng ta phải hiểu mình làm gì : chúng ta có thể nói rằng chúng ta sẽ tháo đinh Chúa của chúng ta... Chúa của chúng ta đã chịu đau khổ nhiều hơn mức cần thiết để cứu chuộc chúng ta». Từ bây giờ, chúng ta phải cảnh giác: «Tâm trí dẫn chúng ta đến sự ô uế với sự tàn nhẫn của loài thú dữ khi chúng đầu hàng con mồi. Bây giờ, để thuần hóa loài thú dữ, chúng ta nhốt chúng trong lồng, chúng ta rọ mõm, chúng ta xỏ lỗ mũi chúng. Chúng ta phải hành động bằng tâm trí của mình như vậy.» «Trong cuộc sống này, chúng ta phải tưởng tượng rằng chúng ta giống như một người bị buộc phải đi chân trần trong một khu rừng nơi có rất nhiều rắn ẩn dưới bụi rậm». Trong khi vào năm 1842, tại Mauritius, một Baudelaire nào đó đã sáng tác bài Albatross, từ sâu thẳm vùng quê của mình, vị linh mục nhỏ bé đã sử dụng cùng một hình ảnh : «Những Kitô hữu tốt giống như những chú chim có đôi cánh lớn và đôi chân nhỏ và không bao giờ đậu trên mặt đất». Hình ảnh nước và đất gắn bó chặt chẽ với nhau : một Kitô hữu tốt chạy trốn khỏi của cải của đất «như một con chuột chui ra khỏi nước» và : «Đất là cây cầu bắc qua nước : nó chỉ có tác dụng nâng đỡ đôi chân của chúng ta».

Mặc dù với chúng ta có vẻ như vậy, nhưng chính vì cầu nguyện mà chúng ta được sinh ra. «Linh hồn chúng

ta được bao bọc trong cơ thể như một đứa trẻ được quần tã : chúng ta chỉ nhìn thấy khuôn mặt của nó... Chúng ta giống như chuột chũi tám ngày : chúng ta vừa nhìn thấy ánh sáng là đã chìm xuống lòng đất». Để chỉ ra tội nhân vẫn chìm sâu trong sự ô uế của mình như thế nào, cha nói : «Người ta không cầu nguyện... người ta không cầu nguyện bằng tâm hồn... người ta thậm chí không cầu nguyện bằng thân xác... người ta chỉ cầu nguyện bằng xác chết». Sau đó là lời khuyên thực tế : «Chúng ta phải làm như những người chăn chiên ra đồng vào mùa đông. Cuộc sống là một mùa đông rất dài. Họ nhóm lửa, nhưng thỉnh thoảng họ chạy đi gom củi từ mọi phía để giữ cho lửa cháy. Nếu chúng ta biết, giống như những người chăn chiên, cách giữ cho ngọn lửa tình yêu của Chúa cháy trong trái tim chúng ta bằng những lời cầu nguyện và việc làm tốt...» Đây thậm chí còn là một ví dụ, và thật là một ví dụ, ví dụ về «con vật gánh nặng»: một người đàn ông tốt đi cùng Thánh Ignace và, giữa các tu sĩ đang cầu nguyện, vẫn phủ phục trong suốt thời gian cầu nguyện. Những vị khách của ông được khai sáng đến nỗi họ hỏi ông làm thế nào ông có thể duy trì được mức độ suy niệm cao như vậy. «Tôi không làm gì khác, trái tim đơn giản này trả lời trước sự ngạc nhiên của họ, chỉ nói : Những người cầu nguyện sốt sắng như vậy là thánh, tôi là con vật gánh nặng của họ. Lạy Chúa,

con định làm những gì họ làm, con nói với Chúa những điều họ nói với Chúa». Tiếp theo, cha xứ Ars kể lại, «đây là lời cầu nguyện bình thường của cha và cha đã đạt đến mức độ chiêm niệm cao siêu. «Vị thánh suy luận rằng không có ai không thể cầu nguyện». Chẳng phải chính cha, trong những lần canh thức dài, đã thường xuyên trình diện trước Chúa theo cách này cùng với toàn thể Giáo hội sao ?

Từ đó, chúng ta sẽ loại bỏ tội lỗi, đó là sương mù. «Chúng ta thấy rõ rằng đó là ban ngày, vị linh mục quê mùa nhận xét, người trở nên tỉnh táo một cách kỳ lạ, nhưng chúng ta không thể phân biệt được mặt trời». Những thử thách không chỉ được chấp nhận mà còn được yêu thích sẽ trở nên ít gánh nặng hơn : «Bản thân chúng ta được tạo ra theo hình dạng thập giá». Tiếng gọi của Chúa Kitô qua cái chết sẽ lay chuyển sự uể oải của chúng ta : «Chúng ta chỉ ở trên trái đất bằng nhà kho». Chúng ta sẽ cùng với Đức Mẹ và tất cả các thánh, vì sự hỗn loạn của chúng ta, chúng ta sẽ thấy mình ở bên cạnh các ngài : «Chúng ta trao tuổi trẻ của mình cho quý dữ và trao di hài của mình cho Chúa, Đáng tốt lành đến nỗi Ngài vẫn muốn bằng lòng». Nhưng «may mắn thay, không phải ai cũng làm như vậy...» Và người của Chúa đã giải thích một cách tuyệt vời : «Đây chính là điều ngăn cản thế giới kết thúc».

Vào thời điểm đó, những linh cảm bất thường của cha xứ Ars là chuyện thường tình và đã như vậy trong một thời gian dài. Vào khoảng năm 1847, một cô gái trẻ đến từ Blacé, gần Villefranche, tên là Étiennette Poignard, được giao nhiệm vụ mang một lá thư được niêm phong đến cho vị thánh từ di của cô, Bề trên của các nữ tu ở Thizy, ở Rhône. Khi cô trao nó cho cha, có một đám đông vây quanh vị linh mục tội nghiệp đến nỗi cha không có thời gian để đọc hay mở nó ra, nhưng cha đã đưa ra câu trả lời chính xác - như được mong đợi - cho người đưa tin. Vào tháng 7 năm 1848, một chủng sinh đã nhường chỗ ngồi của mình trên xe ngựa cho một nữ du khách mười bảy tuổi đang bị lính nghĩa vụ quấy rối. Bốn năm sau, khi đã kết hôn, bà đến Ars và nghe được, mà không cần mở miệng, về sự cố này : «Con gái yêu mến, chủng sinh này... con sẽ thấy, thầy ấy sẽ trở thành giám mục... Ngài sẽ đến chỗ con, đến Saint-Étienne.» Năm 1875, cha Pierre Cotton được tấn phong làm giám mục của Valence. Được cảnh báo về lời tiên tri ở Ars, ngài muốn nói chuyện về điều đó với người nữ du khách mình đã bảo vệ và đi đến Saint-Étienne. Năm 1850, với một góa phụ hỏi cha về số phận của người chồng đã chết một cách tình cờ, cha đã tuyên bố, bằng ngôn ngữ vừa an ủi vừa khùng khiếp : «Người cha nuôi tội nghiệp ! Ông ấy chỉ cần một vài thánh lễ

là lên thiên đàng. Trong ba năm nữa, ông ấy sẽ ở đó, bà sẽ biết từ một trong những đứa con của bà. Ba năm sau, một trong những đứa trẻ đột ngột qua đời ở nơi xa mẹ mình : cùng đêm đó, bà mơ thấy cậu bé và cha mình cùng nhau lên thiên đàng. Vào tháng 1 năm 1851, ông nói với cô Thérèse Bossan : «Hãy vào Dòng Visitation, nhanh lên, bạn không có năm mươi năm để đội vương miện cho mình». Nữ tu qua đời vào ngày 13 tháng 8 năm 1880, hưởng thọ bốn mươi chín tuổi, một tháng và năm ngày.

Vào tháng 3 năm 1825, cô Clotilde, từ Leigneux, đã nhìn thấy qua song sắt của tòa giải tội «người hầu của Chúa được chiếu sáng từ đầu đến chân, như thể được tắm trong ánh sáng mặt trời». Cô xưng tội. Cha không chuyển động. «Con xong rồi, cô nói. - Xưng tội đi», Cha yếu ớt trả lời. Cô lại bắt đầu lời thú tội. «Xưng tội đi», người đàn ông của Chúa tiếp tục. Cô lặp lại câu chuyện khốn khổ của mình lần thứ ba. Một sự im lặng, rồi thoát ra khỏi trạng thái xuất thần, ngay lập tức : «Con ơi, những việc đền tội của con, con luôn làm tốt sao ?» Thật ngạc nhiên : đó chính xác là tội lỗi bị lãng quên ! «Hãy gọi cô gái trẻ đã đi cùng con vào, ta muốn nói chuyện với cô ấy... Con gái ta, Chúa đã bảo ta nói chuyện với con về lễ đính hôn của con... Người chồng mà con sắp lấy không phải dành cho con... Anh ấy rất

tốt trong mắt thế gian, nhưng không phải dành cho con. Con sẽ, ngay khi đến Lyon, hãy trả lời anh ấy... Con sẽ đợi người mà Chúa đã chọn cho con : anh ấy có tính khí thất thường, nhưng anh ấy sẽ yêu thương con rất nhiều, cũng như các con của con, và sau đó anh ấy sẽ mang đến cho con những niềm an ủi lớn lao... Hãy đi, con gái của ta, và cầu nguyện cho những người không cầu nguyện». Sẽ như vậy. Đôi khi trực giác lại ngắn gọn và khắc nghiệt hơn. Gửi đến người thợ săn François Dorel, người cùng chú chó của mình nhìn cha xứ Ars đi qua quảng trường : «Chào ông, ước gì tâm hồn ông cũng đẹp như chú chó của ông.» Người thanh niên, bị thúc ép, hoán cải, xưng tội và khóc lóc : «Hãy đến La Trappe.» Ông mất tại đó vào ngày 18 tháng 12 năm 1882. Cuộc gặp mặt đã diễn ra vào mùa thu năm 1852.

Cần thiết rằng giữa những ân sủng khó chịu này, có câu chuyện nhỏ về người phụ nữ Canaanite : «Vào mùa đông năm 1850, ngày tôi rời khỏi quê hương mình (để định cư ở Ars), tôi đã bị ngã trên băng và suýt chết. Trong bốn tháng, tôi không nói gì về điều đó với cha xứ. Tôi làm việc một chút vào ban ngày, đêm trôi qua phải chịu đựng... Một đêm nọ, tôi đi xưng tội để được rảnh rỗi vào ban ngày. Lúc đó là hai giờ sáng... Thấy tôi trong nhà nguyện cùng những người ăn năn khác, cha đến gần tôi : «Con bé nhỏ của ta, sao con dậy sớm thế,

con là người đau khổ nhiều ?» Trong tòa giải tội, cha đã lặp lại nhận xét này. «Con thức dậy vì con thấy bớt đau đớn khi ra khỏi giường. Nhưng cha ơi... Cha thức dậy vì sự cứu rỗi của tất cả chúng con.» Cha im lặng... Tôi ở lại cho đến khi thời tiết đẹp mà không nói với cha về sức khỏe của mình. Tôi cảm thấy xấu hổ khi cầu xin sự chữa lành từ một người vẫn đang đau khổ. Sự cần thiết làm cho mọi thứ xảy ra. Vào mùa gặt, tôi đến tòa giải tội tìm cha và nói với cha : «Cha ơi, con muốn đi mót lúa nhưng không được. - Con nhỏ của cha, con phải đi khám bác sĩ ở Lyon. - Cha ơi, con đã đi khám nhiều lần rồi. Cha gửi con đến Lyon để chữa bệnh và những người bệnh ở Lyon đến đây để tìm kiếm sức khỏe. Con sẽ không đến Lyon vì người sẽ chữa bệnh cho con đang ở đây. Con không cầu xin được chữa khỏi hoàn toàn, mà chỉ cầu xin có thể kiếm sống. - Thôi, con nhỏ của cha, cha sẽ suy nghĩ về điều đó.» Sau tám ngày, tôi đi mót lúa.

Những người hành hương, bệnh nhân và tội nhân, không hề biết cha Vianney đã phải trả giá như thế nào khi bước vào cuộc sống của họ và hy sinh thân mình vì họ. Cha thậm chí có ai an ủi không ? Năm 1845, cha giải tội của cha, một vị linh mục già của Jassans, qua đời và được thay thế bởi một vị linh mục ba mươi bảy tuổi, cha Beau, người đã sớm đến thăm cha với thái độ

thân thiện. Cha Raymond tiếp cha Beau tại nhà mình và giữ cha Beau lại ăn trưa. Vào cuối bữa ăn, vị thánh xuất hiện, tỏ ra rất vui mừng, ôm chầm lấy người lạ và bắt tay cha Beau rất lâu. Sau đó, cha Beau dẫn cha Beau đến phòng của mình trong nhà xứ : «Người anh em của tôi, người tiền nhiệm của cha, đủ bác ái để nghe tôi xưng tội. Cha có thể làm điều tương tự với tôi không?» Người anh em linh mục trẻ sắp từ chối thì cha xứ Ars chỉ vào một chiếc ghế ở đó và quỳ xuống trên sàn nhà, bắt đầu thú nhận lỗi lầm của mình.

Như thế, cha đã có một người giải tội được chỉ định. Theo như sự huyền bí trong đời sống tâm linh của cha cho phép chúng ta suy đoán, thì có vẻ như cha chưa từng biết một vị linh hướng nào. Bận bè thì có. Nhưng người dẫn đường mà cha đã chất vấn trong những giờ phút đau khổ và tăm tối của mình đâu rồi ? Hiện tại, cha ta chỉ có cha Raymond.

Với người kế nhiệm Giám mục Devie, Giám mục Chalandon, người sau đó đã chất vấn cha về hành động của cha Raymond đối với cha, cha Vianney, không thể nói dối giám mục của mình, đã trả lời bằng hai từ rất mộc mạc : «Cha ấy chưa bao giờ đánh tôi.»

Giáo dân chịu đựng sự thiếu tế nhị và bạo lực hàng ngày của cha phó đối với cha xứ thánh thiện của họ, còn thiếu kiên nhẫn hơn cả sự hướng dẫn tông đồ. Ví dụ, thỏa thuận được ký tại giáo phận Belley quy định rằng cha Raymond sẽ ở trong một ngôi nhà thuộc sở hữu của cha Vianney và nằm cạnh quảng trường cây óc chó. Vị linh mục xâm lấn này mới vừa được bổ nhiệm được mười tám tháng thì quyết định dọn đến nhà xứ. Cha Vianney nhường cho cha Raymond căn phòng của chính mình và trú ẩn trong một căn phòng ở tầng trệt, «thậm chí rất ẩm ướt», theo lời Catherine. Nhưng toàn thể người dân Ars đều phản đối. Đó chính là cuộc cách mạng. Để ngăn cản cuộc cách mạng, thánh nhân đã ký vào ngày 19 tháng 7 năm 1847, trước mặt một công chứng viên, giấy chứng nhận sau : «Tôi tự nguyện cho phép cha Raymond vào nhà xứ để sống với tôi. Trong thời gian tôi là cha xứ Ars, tôi muốn cha ấy ở cùng tôi. Tôi để cho cha ấy sử dụng khu vườn, tầng hầm và tất cả các căn hộ mà cha ấy cần để có một nơi ở đàng hoàng.»

Vị giám mục Devie đã ngoài tám mươi tuổi, coi sứ mệnh của cha Raymond là việc riêng của mình, đã không ngần ngại lên đường để bảo vệ cuộc đảo chính của môn đệ mình. «Tại sao cha ấy không sống ở nhà xứ?» ngài hỏi cha Vianney.

Vị thánh lại một lần nữa đồng ý, nhưng lần này không che giấu sự tổn thương của mình : «Có thể vậy», cha nói. «Còn tôi, tôi có thể thuê một cái chuồng ngựa, thế là đủ rồi». Qua nỗi buồn này, người ta có thể cảm nhận được cùng một trái tim hẫng đã vô cùng đau buồn khi, mười năm sau, một linh mục khác, một phụ tá khác, cha Toccanier, đã thể hiện sự tôn trọng dành cho một người cha. Tuy nhiên, trong trường hợp này, những người tốt đã đúng : vào cuối chuyến thăm, Giám mục Devie đã từ bỏ quan điểm của mình.

Cha Raymond, như một trong những anh em linh mục của cha chứng thực trong *Quá trình phong thánh*, đã không nhận ra mình có thể gây ra đau khổ như thế nào. Những sự cãi vã của cha với vị linh mục già như với một đứa trẻ. «Tôi rất buồn vì cha ấy lớn tiếng như vậy», cha Vianney tâm sự với cha Toccanier, không hề thiếu sự hài hước, «bởi vì nếu ai đó nghe thấy cha ấy, họ có thể nghĩ rằng chúng tôi đang bị xáo trộn». Tuy nhiên, vị giáo sĩ cáu kỉnh, người vẫn tỏ ra là một linh

mục tuyệt vời, «hoàn thành tốt bốn phận của mình», theo lời Catherine Lassagne, đã không khỏi nhận thấy lòng anh hùng của người bạn mình. Một ngày nọ, cha Raymond còn hỏi : «Làm sao cha có thể giữ được bình tĩnh với tính cách sôi nổi của mình ?»

Cha xứ Ars hoàn toàn tuân theo hướng đi mới của giáo xứ. Mặc dù Catherine Lassagne và những người bạn đồng hành của bà phải rời khỏi trại trẻ mồ côi, cha vẫn hoàn thành Nhà nguyện trường *Providence*. Cha sẽ kiên trì can thiệp với Đức Cha Devie để ngài đến ban phước cho ngôi trường : điều này sẽ được thực hiện ngay sau khi các Nữ tu dòng Saint-Joseph đến vào tháng 11 năm 1848. Đúng với tinh thần của những thay đổi được áp đặt cho mình, vào ngày 1 tháng 3 năm 1849, ngài đã kêu gọi, thậm chí còn nồng nhiệt, các Sư huynh dòng Thánh Gia Belley tiếp quản ngôi trường dành cho nam sinh mà Jean Pertinand đã điều hành trong mười một năm. Đúng lúc đó, Sư huynh Jerome và Sư huynh Athanase đến. Điều ít cảm động nhất không phải là những nỗ lực mà cha Vianney để tìm việc khác cho giáo viên của mình. Trong một lá thư ngày 1 tháng 12 năm 1849, cha đã kêu gọi người bạn trung thành của mình, thương gia Laporte, tìm cho chàng trai trẻ một vị trí nhân viên cửa hàng, và vào ngày 7 tháng 1 năm 1850, cha đã gửi ứng viên đến gặp thương gia này. Cuối cùng, ông trở thành

người quản lý tại mỏ sắt Sevrières-de-Briord ở Ain. Trong khi đó, các nữ tu mới đến đã giặt giũ, sửa chữa, sơn lại và hiện đại hóa ngôi nhà đổ nát từng là nơi ở của trường *Providence* đầu tiên. Vị thánh có chút buồn về điều đó. Không phải cha là kẻ thù của sự sạch sẽ, mà là vấn đề của sự nghèo đói. «Chúa đã thực hiện phép lạ ở đó», cha lầm bầm. Cha cũng đã ngừng dùng bữa tại đó và các cựu giám đốc hiện phải lo bữa ăn cho cha trong phòng riêng.

Lòng ưu ái và lòng nhiệt thành của những người hành hương tiếp tục khiến cha tràn ngập lễ vật. Giám mục Devie, người hiểu rõ điều này và biết rằng cha không còn phải bận tâm đến những lo toan vật chất cho trường *Providence*, đã mời cha hỗ trợ một trung tâm truyền giáo mà ông vừa thành lập ở Pont-d'Ain để truyền bá phúc âm cho vùng nông thôn. Chúng ta không được quên rằng một phần nhờ những sáng kiến như thế này mà nước Pháp vào thế kỷ 18, bất chấp Voltaire và sự vô thần của giới quý tộc, vẫn có được vị trí trong lịch sử như là thế kỷ mà hoạt động tôn giáo của người dân diễn ra mạnh mẽ nhất - mạnh mẽ hơn cả thời Trung cổ. Khi đó, cha Vianney không phát hiện ra các sứ mệnh theo lời kêu gọi của giám mục, vì lý do chính đáng là chính cha đã rao giảng về chúng và từ năm 1841, trong di chúc của mình, cha cũng nghĩ đến việc thành lập một

số sứ mệnh. Nếu chúng ta tin vào lời những người xung quanh cha, thì cha đã tạo ra ấn tượng như thể mình đã có một khám phá : «Ôi, tôi rất tiếc vì đã nghĩ ra tác phẩm tuyệt vời này quá muộn», cha nói với người anh em linh mục của mình, cha Dufour. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là kể từ ngày này, thay vì hào phóng tặng cho giáo xứ của mình và các giáo xứ lân cận các đồ trang trí thiêng liêng, tượng và biểu ngữ, cha lại phải tiết kiệm từng xu một. «Khi cha đã quyên góp đủ tiền để thành lập một phái bộ truyền giáo mới, cha cảm thấy niềm vui của một chủ đất vừa mở rộng thêm điền trang». Vì vậy, bắt chấp sự khắc khổ rõ ràng của mình, chiếc áo tu vớ và đôi ủng dính dầu, bắt chấp bát sữa và khẩu phần bánh mì ít ỏi, cha vẫn có vẻ ngoài khá kỳ lạ của một người ủng hộ tài chính.

Nếu chúng ta chỉ nhớ đến lòng trung thành ồn ào của ngôi làng đối với nhiều truyền thống khác nhau mà nó đã thiết lập - chẳng hạn như lễ Corpus Christi lớn năm 1847, tràn ngập tiếng reo hò, hương khói và pháo nổ, - chúng ta khó có thể ngờ rằng ngôi làng đã trở nên gần như xa lạ với cha. Không ai nhận ra, giống như một người đàn ông đang ẩn mình vào bóng tối, cha bao bọc mình trong sự cô đơn. Có phải lỗi của cha không? Sự căm dỗ, vì đã có sự căm dỗ, còn được cha Raymond củng cố thêm. Không cần thiết phải áp đặt lên cha một

cách tàn bạo, suốt ngày, sự ầm dật bên trong không thể tưởng tượng nổi này ! Cha cắn vào nó như một quả táo báo hiệu toàn bộ vụ thu hoạch của cây táo. Hương vị rất ngon.

«Có một điều khiến chúng tôi vô cùng sợ hãi, Sur huynh Athanase viết, vài tuần sau khi đến, vào ngày 1 tháng 4 năm 1849, cha xứ đã nói với chúng tôi vào thứ năm và thứ bảy tuần trước rằng cha nhất định phải rời khỏi Ars sau lễ Phục sinh.» Sau đây là bình luận của một cộng sự đã làm việc trong hai tuần : «Chúng tôi tin rằng chính sự khắc nghiệt của cha Raymond đối với cha đã khiến cha xứ phải làm như vậy. Tôi cũng tin như vậy. Tôi đã chứng kiến một số ví dụ rất đáng buồn về điều này».

Tuy nhiên, chúng tôi không tin rằng cha Vianney có thể trốn thoát khỏi thử thách này ; đúng hơn thử thách ấy giữ cha lại ; cha sẽ gắn bó với nó, theo lời của Đức Cha Fourrey, «như với kỷ luật và xiềng xích sắt của nó». Nếu thực sự cha đã viết thư hai lần cho giám mục đề yêu cầu cha Raymond rời đi, trong khi ngay lập tức sửa lại lời mình nói, thì đó là vì sự tai tiếng của các tin đồn chứ không phải vì cha cảm thấy bị sỉ nhục. Cha muốn giữ vị linh mục này ở lại đó : với sự hiện diện của cha Raymond, có lẽ cha sẽ có thể dễ dàng rời bỏ giáo

xứ hơn. Trong mọi trường hợp, khi cha thông báo với Sư huynh Athanasius về việc sẽ ra đi vào dịp lễ Phục sinh, hoàn cảnh đã hoàn toàn khác. Trên thực tế, Giám mục Devie đã giải quyết - điều mà cha sẽ không làm, - đó là từ chức : «Thưa Đức Cha, vị linh mục khó dạy của ngài đã viết thư cho ngài ngay lập tức, vì Đức Cha rất vui mừng khi được nghỉ hưu để chỉ nghĩ đến thiên đàng, con cầu xin Đức Cha, Đức Cha, hãy mang lại cho con niềm hạnh phúc tương tự. Con cầu xin Đức Cha trong ân sủng đừng từ chối con ân sủng này. Nếu Đức Cha ra đi mà không ban cho con, con sẽ chết vì đau buồn... Con rất tin tưởng rằng Đức Cha sẽ ban cho con ân sủng mà con cầu xin Đức Cha.» Và luôn luôn cùng một lập luận : «Đức Cha biết rằng con chỉ là một người đàn ông nghèo khổ, ngu dốt, đó là suy nghĩ của mọi người. Đức Cha, trong khi chờ đợi một câu trả lời thỏa đáng...» Cha ký vào bản kiến nghị của mình bằng danh hiệu mà cha đã tự đặt cho mình trong một hoặc hai năm qua : «cha xứ nghèo của Ars», khi không phải là «cha xứ nghèo khổ bất hạnh». Cha cho rằng giám mục đồng ý trong những cuộc trò chuyện thiếu thận trọng mà Sư huynh Athanasius kể lại. Dĩ nhiên sau đó cha bị từ chối. Hơn nữa, khi suy ngẫm lại, bản thân Đức Cha Devie, mặc dù tuổi đã cao, chỉ chấp nhận một giám mục phó.

Cha Vianney không hề muốn tránh mặt cha Raymond. Cha cố gắng che đậy những hiểu lầm, cha ta bào chữa cho cha phó của mình theo một cách gần như tai tiếng. Ngày 27 tháng 9 năm 1847, gửi Đức Cha Devie : «Thưa Đức Cha, đối với cha Raymond, mọi điều mà nhiều người đã báo cáo với ngài đều hoàn toàn sai sự thật. Trên hết, đối với con, cha ấy không có gì ngoài lòng bác ái : cha ấy xoa dịu nỗi buồn của con hết mức có thể... Con tin rằng cha ấy là người mà Chúa đã định sẵn sẽ ở bên con. Con sẽ không đi xa hơn nữa. Những điều tốt đẹp mà cha ấy làm là vô hạn... Con tin rằng nếu ngài thay đổi cha Raymond, mọi thứ sẽ sụp đổ. Khi đó ngài sẽ biết được mình có bị lừa hay không. Với con, con chỉ muốn cha Raymond». Phong cách phẳng lặng này, đầy sự lặp lại, gần như là những lời than vãn, làm sao có thể giải thích được nếu không phải là do sự mệt mỏi tột độ? Điều gì đang giữ cha Vianney mạnh mẽ ? Một loại hoảng loạn. «Nếu cha Raymond rời đi, cha đe dọa bằng giọng điệu mà chúng tôi không nghe cha dùng, hai ngày sau khi cha ấy rời đi, thưa Đức Cha, con sẽ viết thư cho ngài rằng con về nhà cha mẹ, bởi vì con thấy rõ ràng rằng chỉ có ma quỷ mới làm tất cả những điều này... Con hy vọng rằng ngài sẽ có lòng bác ái lớn lao để lại cho cả hai chúng con lại như hiện giờ».

Vào ngày 24 tháng 10 năm 1848, một năm sau đó, thái độ cơ bản vẫn như vậy : «Con không nói gì với Đức Cha về cha Raymond, ngoại trừ việc cha ấy đối xử tử tế với con và làm nhiều việc tốt, cha ấy xứng đáng có một vị trí quan trọng trong trái tim nhân hậu của Đức Cha. Đừng bao giờ trở thành nạn nhân của những lời lẽ độc ác đầy ác ý.»

Vài tháng sau, vào năm 1849, một yêu cầu mới được đưa ra : «Cha Raymond sẽ gửi lời chào trân trọng đến Đức Cha vào thứ Hai. Cha ấy sẽ mang đến ngài hai ngàn quan cho những vị linh mục tốt lành của ngài ở Pont-de-l'Ain. Nếu con dám yêu cầu ngài đối xử tử tế với cha ấy, vì con đảm bảo với ngài rằng những điều tốt đẹp cha ấy làm là vô hạn... Cha ấy rất nhiệt thành. Cha ấy đã rao giảng cho chúng ta về thánh Đức Mẹ Maria. Nhiều người đã hoán cải. Chưa bao giờ những đứa trẻ Rước lễ lần đầu lại kiên trì như thế kể từ khi cha ấy ở Ars. Cha ấy đóng góp rất nhiều vào những việc tốt mà con làm, để tư vấn cho con. Con không nghĩ là cần phải thay đổi bất cứ điều gì trong Ars». Một lời tổng tiền nhỏ theo sau : «Nếu Đức Cha thay đổi điều gì đó, thì đây là điều sẽ xảy ra : bất chấp những ý định rất tốt của ngài, sau hai hoặc ba tháng thay đổi, Ars sẽ không có khách hành hương và Đức Cha, không có thù lao... Ngài sẽ thấy con là một nhà tiên tri tốt». Giám mục chỉ cần coi

đó là điều hiển nhiên.

Nhân tiện, cha Vianney phải rất vất vả để phản bác lại những lời cáo buộc phần nộ của các giáo dân, chẳng hạn người cung cấp thánh tích, Marie Ricotier, không ngần ngại trực tiếp đến gặp Đức Cha. «Marie Ricotier đã đến để kể cho tôi nghe về chuyến đi của bà ấy và cuộc trò chuyện của bà với Đức Cha. Sự thật không phải vậy». Bà ấy buồn thứ gì ? «Việc cha Raymond đuổi một người ra khỏi nhà thờ và tôi đã buộc cha Raymond phải đưa họ trở lại... Điều này hoàn toàn sai sự thật. Cha Raymond không bao giờ làm vậy. - Nhưng tại sao bà lại nói với Đức Cha điều đó ? - Người ta đã nói với tôi như vậy. - Người ta đã nói dối bà.» Và thậm chí tệ hơn : «Cha Raymond không có được sự tin tưởng của tôi. Bà ấy biết gì về chuyện đó ? Tôi không tin là tôi đang nói những gì chúng tôi nói hoặc những gì chúng tôi làm, và tôi tin rằng sự tin tưởng của tôi vào cha Raymond cũng chân thật như sự tin tưởng của con trai Saul vào David. - Cha Raymond chẳng giúp ích gì cho tôi sao ? - Liệu bà ấy có hiểu được điều gì về nó không, một người thường xuyên có đầu óc không bình thường ? Cha Raymond làm nhiều việc tốt hơn người ta nghĩ gấp ngàn lần... Tôi coi cha ấy là một trong những linh mục giỏi nhất trong giáo phận. Tôi nghĩ rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ nhận ra điều đó... Nhưng tôi đã nói

với Marie tại sao bà ấy lại nói nhiều điều dối trá như vậy. Bà ấy nói với tôi rằng một linh mục đã thông báo cho bà. - Nếu là một linh mục, thì đó là một linh mục thấp kém, người chưa bao giờ biết đến công lao của cha Raymond... Thừa Đức Cha, hãy xem mọi điều bà tội nghiệp đó nói với ngài đều sai lầm biết bao. Cuối cùng, tôi chưa tìm được một linh mục nào tốt như cha Raymond, hết lòng tử tế với tôi, làm mọi việc theo ý tôi và không bao giờ nói không».

Ở cấp độ nhân chứng, những lời phủ nhận dứt khoát này có vẻ như là không đúng sự thật. Chúng ta chắc chắn có thể tha thứ cho họ bằng cách viện dẫn lòng bác ái của cha xứ Ars, nhưng điều này chỉ trì hoãn sự khó khăn, vì vẫn còn phải giải thích lòng bác ái đặc biệt khó hiểu này. Càng đọc lại những lời phản đối này, người ta càng thấy lo lắng nghiêm trọng : tất cả đều cho rằng, ít nhiều, có một sự chi phối về mặt tâm lý của cha Raymond đối với vị thánh. Điều này xuất phát từ đâu? Sự chi phối đã lợi dụng một cuộc khủng hoảng nội tâm đen tối, trong đó cha Vianney trở nên đặc biệt dễ bị ảnh hưởng. Nhưng chúng ta không nên dừng lại ở đó. Nếu cha xứ Ars quên đi những hành vi xấu xa và mọi sự tiện của cấp dưới, đó là vì chúng bị xóa nhòa bởi dấu vết của một dịch vụ, một dịch vụ tuyệt vời được thực hiện vào mọi thời điểm. Dịch vụ nào ? Cả Sư huynh

Athanase và Marie Ricotier đều không nghi ngờ điều đó. «Sự tin tưởng» nổi tiếng giữa hai linh mục mà cha Vianney ám chỉ trước giám mục, thực ra nó dựa trên cơ sở nào ?

Nó có nguồn gốc từ cả sức mạnh và sự yếu đuối. Có hiệu lực kể từ khi cha Raymond nhận được một sứ mệnh không chính thức và rõ ràng từ chính quyền giáo phận. Trong sự yếu đuối, vì cha già đã phân nào từ bỏ chính mình để thoát khỏi nỗi lo lắng. Cha không muốn bằng mọi giá quay lại thời điểm cha viết thư cho Giám mục Devie : «Đức Cha, con xin thưa với Đức Cha một số linh mục uyên bác và thông thái nói rằng thật là bất hạnh lớn cho một số giáo phận khi Chúa cho phép con làm chủ chăn... Sau đó, hãy nghĩ xem con phải bình tĩnh đến mức nào». Sự bất lực của cha giờ đã được công nhận ; nó nằm trong tầm nhìn hàng ngày của một người sửa chữa nó ; cha được giải thoát. Từ đó trở đi, cha hướng về sự thịnh lặng đã hứa với tất cả sự dịu dàng của tuổi thơ, sự dịu dàng của người chăn cừu cầu nguyện thoải mái và không bị tổn thương như bây giờ : «Nước suối chỉ cần chảy theo độ dốc của nó».

Cha chìm đắm trong sự bất hạnh của mình. Sự phụ thuộc quá mức của cha vào cha Raymond đồng nghĩa với việc thừa nhận chứng hoảng loạn không thể chữa

khỏi. Cha Vianney ngày càng không thể tự mình thực hiện chức vụ mà cha đã đảm nhiệm theo cách này trong hơn hai mươi lăm năm qua. Bất kể cha thực hiện hoạt động bên ngoài nào, cha đều đảm nhận chúng với tinh thần của một người đã bắt đầu, một cách ngẫm hiểu, sống cuộc sống của mình ở nơi khác. Về người trợ lý của cha, chúng ta đặc biệt nhớ đến câu nói ngây thơ này: «Cha ấy đã nói với tôi những sự thật của tôi». Trừ khi người ta tin rằng cha thích bị đánh đòn, người ta phải hiểu : «Cha ấy đã nói với tôi *sự thật của tôi*». Đây chính xác là điều cha đánh giá cao trong lá thư xúc phạm của cha Borjon. Cha sẽ lặp lại với mọi người cho đến chết : «Bạn tôi ơi, tôi chỉ là một người đàn ông ngu ngốc, tôi chán cừu». Cha tưởng tượng đến mức hiển nhiên rằng cha không bao giờ nên trở thành một linh mục : Cha Raymond kéo cha ra khỏi tình huống khó khăn này; cha Raymond cứu cha ; cầu mong cha Raymond được ban phúc lành !

Vào tháng 4 năm 1852, cha tự trách mình «thiếu thẳng thắn» vì đã tặng 1.400 quan cho trường dành cho nam sinh mà không được sự cho phép của người bảo trợ. Người bảo trợ đe dọa sẽ bỏ đi, thậm chí còn yêu cầu giám mục thay đổi trong khi hy vọng sẽ không được chấp thuận - ông chỉ đảm bảo rằng sẽ «dạy cho cha Vianney một bài học». Cha Vianney đã chịu đựng.

Vào thứ Ba, ngày 24 tháng 9 năm 1850, François Pertinand, người vận chuyển, đã đưa một trong những nhà tiên tri từ La Salette, Maximin Giraud, người đến để tham khảo ý kiến của vị thánh về ơn gọi của mình. Được tiếp đón đầu tiên - tất nhiên - bởi cha Raymond, anh nghe tuyên bố chính linh mục của anh, cha xứ Corps giáo phận Isère, có vị trí tốt hơn cha Vianney để tư vấn cho anh. Cuộc trò chuyện trở nên căng thẳng đến nỗi cậu bé mười lăm tuổi, khi đối mặt với sự nghi ngờ của cha phó về sự hiện ra của Đức Mẹ, đã kêu lên : «Hãy cho là, nếu cha muốn, con đang nói dối và con không thấy gì cả». Cuộc gặp gỡ với cha xứ Ars diễn ra vào ngày hôm sau. Chuyện gì đã xảy ra ? Đêm hôm trước, cha Raymond đã cảnh báo người bạn quá tự tin của mình. Sự hiểu lầm có phải xuất phát từ đó không ? «Tôi không hài lòng về Maximin, cha xứ Ars nói, và anh ấy cũng không hài lòng về tôi.» Cho đến tháng 10 năm 1858, cha vẫn từ chối ban phước cho các ảnh tượng La Salette. Cha Raymond, người đã ngay lập tức nhận thấy chi tiết này, đã làm cho nó trở nên nghiêm trọng và đã ra lệnh chống lại những kẻ mạo danh trẻ em này, thậm chí còn ra lệnh cho một số nữ tu mà cha đi ngang qua phải tháo dỡ một bức tranh gợi lại sự kiện đáng ngờ. Tác động của cuộc «gặp gỡ tại Ars», như tên gọi sau này của nó, về mọi mặt đều đáng chê trách đối

với thông điệp của «Đức Mẹ Đồng Trinh Khóc».

Tuy nhiên, những người ăn năn vẫn tiếp tục chạy đến. Ngày và đêm, họ xếp hàng dài vô tận, nơi mọi người đều phải tìm cách giữ chỗ của mình trong ba mươi, năm mươi, bảy mươi giờ. «Những người mới đến đứng ở nghĩa trang và thậm chí ở những con hẻm lân cận... Họ mua ảnh tượng và tràng hạt để được ban phước hoặc nến để đốt trước bàn thờ Thánh nữ Philomena». «Nhiều người, để giết thời gian, Georges Seigneur sẽ giải thích với chúng ta, dừng lại để chiêm ngưỡng chân dung của vị linh mục thánh thiện và nói về cha mà chưa nhìn thấy cha, giống như những đứa con của cha họ». Những người đàn ông không bao giờ đồng bằng những người phụ nữ, tuy nhiên, Sư huynh Jerome, người phục vụ như ông từ, đã đếm tới bảy mươi hai người cùng một lúc. Các tình nguyện viên đã cung cấp dịch vụ một cách trật tự. Người hầu đứng giữa hai người quỳ gối đóng khung cửa, một thanh sắt chặn lối đi ; mỗi khi một người ăn năn rời đi, một người khác lại được đưa vào. Đàn ông là người giám sát đàn ông, còn phụ nữ là người giám sát phụ nữ tám hoặc mười lần một ngày. Những người phụ nữ này, thậm chí trước khi nhà thờ mở cửa vào ban đêm, đã tụ tập ở tiền sảnh nhỏ đối diện với nhà xứ và tràn vào đó từ mọi phía. Họ không chỉ phải tuân theo hệ thống ra vào giống như nam giới mà điều này còn được

lập lại ở Nhà nguyện Saint Jean-Baptiste, nếu không thì nơi này sẽ bị tấn công. «Như cha Monnin nói, nước tràn được xếp thành hai hàng ngang qua gian giữa nhà thờ». Không phải lúc nào cũng dễ dàng có được sự im lặng. «Một ngày nọ, những lời tuyên bố vô lý của một người lạ, người đã đột ngột đẩy những người hàng xóm của mình ra để được đi trước, đã đưa làm đám đông xung quanh tòa giải tội, lên tiếng thì thầm, phàn nàn, phản đối dữ dội, thậm chí là tấn công, và cha Vianney không thể nghe được lời xưng tội của người sám hối hoặc ngược lại».

Lúc nào họ cũng thấy cùng một vị linh mục, vô cùng chu đáo và không biết mệt mỏi. Từ khi lâm bệnh, cha cảm thấy hối tiếc vì phải giảm bớt phần nào việc tu hành khổ hạnh. «Tôi trở nên tham ăn, cha tuyên bố một cách tò mò, chúng ta đang nhận được ít ân sủng hơn... Tôi không còn thoải mái khi giải tội nữa». Cha đã hơn sáu mươi lăm tuổi và những đau khổ về thể xác đang bắt đầu gặm nhấm cha. «Chúng tôi được kể rằng cha đeo trên cánh tay trái của mình một chiếc dao đốt bốn hạt đậu» : trong trường hợp mừng mủ, thật vậy, người ta thường đặt một hạt đậu khô vào một lỗ nhỏ trên vết thương và băng bó bằng một chiếc lá thường xuân. «Đôi khi, bà des Garets làm chứng, những người hành hương đã ép cha, bóp cha theo cách khiến cha đau đớn khủng

khiếp. Cha nói, «Nhẹ thôi... anh đang làm tôi đau», mà không hề tỏ ra khó chịu». Cha đã mắc phải, do ngủ trong một căn phòng ẩm ướt ở nhà xứ, một chứng thấp khớp gây ra chứng đau đầu dữ dội. «Ôi, tôi đau đớn thế nào nơi đây», cha thường nói với tôi, đưa tay lên trán, cha Raymond chứng thực tại *Phiên tòa*. «Việc thiếu tập thể dục đã khiến cha, cựu phụ tá tiếp tục, chóng mặt và bị chảy máu hàng năm. Trong khi rao giảng, cha đã bị thoát vị kếp và chỉ được điều trị khi đã muộn. Không rõ tại sao khi rời khỏi tòa giải tội, cha lại đi khom lưng. Một bác sĩ đã phải can thiệp và sau đó chúng tôi mới hiểu được nguyên nhân gây ra đau khổ cho cha». Vào mùa đông, cái lạnh khiến cha bị đau bụng khủng khiếp. Vì ngồi trong tòa giải tội quá lâu nên cha bị lở loét.

Có thể hiểu được rằng, khi viết thư lần đầu tiên cho người kế nhiệm Giám mục Devie vào ngày 11 tháng 10 năm 1852, cha đã nói với ngài đó rằng : «Về phần con, thưa Đức Cha, con vẫn đau ốm.»

Cha nhân cơ hội này để tiếp tục yêu cầu một cách bướng bỉnh và không đưa ra bất kỳ đảm bảo nào cho tương lai : «Nếu tình hình này cứ tiếp diễn, con muốn ngài cho con được dành thời gian ở bên bố mẹ con». Cha luôn bảo vệ cấp dưới của mình một cách quyết liệt: «Con sẽ nói với ngài, thưa Đức Cha, con muốn giữ cha

Raymond lại, vì cha ấy làm rất nhiều điều tốt». Nhưng những hạn chế sau đây cho thấy mục đích này đã mất đi trong mắt giáo dân : «Đặc biệt là với người lạ. Vị linh mục tốt bụng này, cha xứ Ars giảm sự tranh chấp thành vấn đề tâm trạng, sẽ trở nên nản lòng ngay khi mọi việc không diễn ra như mong muốn. Tám ngày sau khi yêu cầu chuyển công tác, cha ấy đã tức giận về điều đó. Hãy để cha ấy suy nghĩ cẩn thận trước khi chấp nhận điều cha ấy yêu cầu. Chính cha ấy đã nói với tôi rằng cha ấy vui mừng vì không được đáp ứng điều mình yêu cầu. Tôi thích cha ấy, cha ấy có một trái tim tốt bụng».

Vị giám mục mới, Đức Cha Chalandon, luôn hết lòng yêu mến cha Vianney, luôn bao quanh cha bằng sự cảnh giác của tuổi trẻ. Ngài muốn tôn vinh cha. Để trả lời lá thư vừa nhận được, ngài quyết định bất ngờ đến Ars, hai tuần sau đó, vào một thứ hai, ngày 25 tháng 10. Chỉ có cha Raymond được cảnh báo. Cha Vianney, như thường lệ, giải tội ở phòng thánh. Cha đột nhiên được cảnh báo. Cha bước ra giữa đám đông, tìm nước thánh và vòi phun nước để chào đón Đức Cha dưới hiên nhà, theo nghi thức phụng vụ quy định ; thậm chí cha còn cảm thấy có nghĩa vụ phải có một bài phát biểu chào mừng ngắn gọn... Vị giám mục, với sự thân mật khó đoán, trả lời bằng cách khoác chiếc áo choàng của giáo sĩ lên vai vị thánh. Cha già vùng vẫy, muốn bỏ áo

choàng ra, và Đức Cha Chalandon, mặc dù đã lớn tuổi, vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc choàng áo cho cha. Đây chính là phẩm giá mà cha Raymond mong muốn đạt được và cũng chính là điều mà cha đã kêu gọi Bề trên Tổng quyền của các Sư huynh trong trường can thiệp. «Không, thưa Đức Cha, cha Vianney phản đối. Với cha xứ của con. Cha ấy sẽ mang tốt hơn con». Phải chiều ý cha. «Vị linh mục tội nghiệp của chúng ta, bà des Garets nói, trông giống một người bị tra tấn mà người ta dẫn đến giàn giáo với một sợi dây thừng quấn quanh cổ. Cha ẩn náu trong phòng thánh. Nhưng ông des Garets đã theo cha đến đó và thấy cha đang bận bỏ chiếc áo choàng xấu số trên lưng mình». Thị trưởng chỉ có thể thuyết phục cha giữ nó bằng cách trình bày với cha rằng việc từ bỏ nó sẽ là một sự xúc phạm đối với Đức Cha. Trở về nhà thờ, cha vẫn ở lại trong suốt buổi lễ ở ngưỡng cửa phòng thánh. «Cha đang đứng chỗ gió luân, Sư huynh Athanase nói với cha. - Tôi ổn ở đây, hãy để tôi». Các giáo sĩ trở về trong một đoàn rước lớn đến nhà xứ và «đó là, bà des Garets kết luận, cảnh tượng buồn cười nhất mà tôi có thể tưởng tượng được».

Trong nhiều năm nay, vì danh tiếng của cha Vianney trên toàn thế giới, chính quyền giáo phận đã cân nhắc đến ân huệ này. Bản thân Giám mục Devie luôn phản đối điều này vì các quy định hiện hành không quy định

phẩm giá này cho chủ chăn của một giáo xứ nhỏ như vậy. Đối với Giám mục Chalandon, chỉ cần cha là một vị thánh là đủ. Tuy nhiên, có lẽ vị giám mục không ngờ đến lá thư cảm ơn mà bưu điện mang đến cho ngài vào ngày 11 tháng 11 : «Thưa Đức Cha, áo choàng mà Đức Cha đã rộng lòng ban cho khiến con rất vui mừng, vì không thể hoàn thành phần móng, con đã bán nó với giá năm mươi quan. Con hài lòng với mức giá này». Marie Ricotier cũng có mặt ở đó.

Chuyến viếng thăm của giám mục đã làm dịu đi phần nào vị linh mục phụ tá : vị linh mục tội nghiệp đã nhân cơ hội này để yêu cầu, theo lời của chính cha, «kéo dài thời gian ra đi của cha Raymond». Trong khi đó, việc buôn bán của làng diễn ra sau lưng cha lại khiến cha tức giận. Vào ngày 24 tháng 4 năm 1853, cha Raymond đã tham gia vào và đọc cho cha viết một lá thư trong đó cha Vianney đã yêu cầu Đức Cha Chalandon phản đối tất cả các tờ rơi sai sự thật và phóng đại được phân phát về cha : «Công việc của Chúa, thưa Đức cha, không cần phải được hỗ trợ bởi những bàn tay buôn bán chỉ có động cơ là tiền bạc». Đây là phong cách của người thư ký. Lúc đầu khá kiên nhẫn, vì «lễ hội» của cha đã gián tiếp mang lại một vài sự hoán cải, nhưng giờ đây cha già thánh thiện này lại nổi loạn. Đây không phải là lần đầu tiên. Dưới ảnh hưởng của sự phần nộ tương tự, cha

đã viết thư cho vị giám mục cũ của mình : «Còn về Ars, nó đã hư mất rồi : tiền bạc là toàn bộ tôn giáo của họ. Nếu ngài muốn cứu họ, ngài nhất định phải để con ra đi. Không còn cách nào khác.» Một lời buộc tội ích kỷ, khắc nghiệt, thậm chí là bất công, người ta nghĩ rằng nó đã mang dấu ấn của cha Raymond : nhưng thực ra nó là của chính cha.

Người ta có thể tự hỏi luật sư uy nghiêm của cha sẽ đưa cha đi xa đến đâu. «Tôi không muốn một người khác nữa, cha tuyên bố bằng giọng điệu đơn độc với người đứng đầu giáo phận. Nếu một người khác đến, tôi sẽ đưa chìa khóa cho cha ấy và lên đường đến nhà bố mẹ tôi». Bây giờ, sự chia ly, do cha Raymond yêu cầu, đã trở thành điều không thể tránh khỏi vào năm 1853. Chuyện này sẽ xảy ra thế nào ? Được triệu tập đến dự khóa tĩnh tâm sáu ngày của các linh mục vào thứ hai, ngày 29 tháng 8, tại đó, cha Raymond biết được rằng cha đã được bổ nhiệm làm linh mục chánh xứ Jayat; để đổi lại, Giáo phận đã cử một nhà truyền giáo từ Pont-d'Ain, cha Toccanier, đến Ars với tư cách là tu sĩ phụ tá thường trú. Cha Vianney, người không biết về những sự kết hợp này, cảm thấy rằng cha đã mất đi người anh em linh mục của mình một cách không thể cứu vãn. Vào thứ năm, ngày 1 tháng 9, khi đang ở một mình tại Ars, trong giờ ăn trưa, giữa hai miếng ăn đáng thương, cha

thì thăm với Catherine Lassagne : «Tôi sẽ rời đi trong đêm tối thứ hai».

Ngay từ những bài giảng đầu tiên, cha xứ Ars đã gọi lên, bằng những nét chấm phá kỳ lạ, sự cảm dỗ của thình lạng. Cha nhấn mạnh rằng chính nhu cầu cầu nguyện đã thúc đẩy các vị thánh dành phần đời còn lại của mình trong rừng. Đó vẫn là nỗi sợ mất đi tâm hồn - hoặc nỗi sợ hãi về sự lây lan của thế giới - hoặc trí thông minh của cái chết. Mặt khác, cha nhớ lại cùng với Bonnardel rằng ơn gọi của chúng ta không phải là rời bỏ thế giới. «Không nghi ngờ gì nữa, ngài tiếp tục theo ý mình, điều này rất tốt, đây thực sự là con đường mà nhiều vị thánh đã đi theo, nhưng không phải là điều Chúa yêu cầu ở mọi người... Chúng ta thường thấy một người thế gian trung thành hoàn thành những bổn phận nhỏ bé của mình làm đẹp lòng Chúa hơn những linh hồn cô độc trong sa mạc». Cha còn đi xa hơn nữa : một linh mục tốt có thể «kéo nhiều linh hồn từ luyện ngục hơn là nước mắt và sự sám hối của tất cả những linh hồn cô đơn tụ tập trước tòa án của Chúa». Cuộc chiến tranh luận này phản ánh một cuộc tranh luận về lương tâm, nhưng chiến thắng sau đó nghiêng về «thế kỷ». Đối với cha xứ Ars đã đạt đến điểm mà hai mươi lăm năm sau, khi mà sự cô lập một mình dường như có thể chịu đựng được đối với cha, cha hẳn đã phải chịu đựng rất nhiều. Có điều gì đó đã mòn mỏi trong cha.

Vì vậy, vào thứ năm tuần này, cha đã tâm sự dự án của mình với Catherine Lassagne thân yêu, người mà cha không muốn đối mặt với một sự đã rồi. Phản ứng của cha đối với những lo lắng mà bà nêu ra là mù quáng, cha quá quyết tâm : «Đức cha không bận tâm đến tôi, ngài đã có đủ linh mục rồi». Ba ngày sau trưa thứ bảy, cha tuyên bố cách úp mở cho Sur huynh Jerome : «Có một ngàn quan ở nhà Catherine - một ngàn franc này, cha Monnin nói rõ, đã hoàn thành số vốn dự định thành lập Dòng các Sur huynh Thánh Gia - hãy lấy chúng ngay vì sợ rằng anh quên chúng trong trường hợp tôi không gặp lại anh nữa.» Sur huynh Giám đốc đã nghe nói Catherine đang chuẩn bị một chiếc rương và một ít vải lanh. Sự nghi ngờ đã được xác nhận. Trong khi đó, cha Poncet, Bề trên giáo phận, cha Raymond và vị linh mục mới đã đến Ars. Cha tiếp đón cả ba người một cách tử tế, nhưng cha Toccanier, mà hoàn cảnh lý giải tại sao cha là người chu đáo và nhạy cảm nhất, lại bị ấn tượng bởi sự kín đáo và vẻ lo lắng của cha. Cha Poncet thông báo cho Toccanier về quyết định của giám mục, ngài cũng sẽ hỗ trợ cha nhiều nhất có thể khi cần thiết. Cha không phản đối. Sau đó, cha Raymond giải thích cho cha những điều kiện mà ngày hôm sau cha sẽ giới thiệu người kế nhiệm mình cho giáo dân.

Vào sáng Chủ Nhật, cha Toccanier cử hành thánh lễ và cha Raymond thuyết giảng. Sau bữa trưa, Bê trên giáo phận, tin rằng mình đã chuẩn bị xong mọi thứ, sẽ đến Trévoux để chủ trì lễ bế mạc buổi tĩnh tâm dành cho các nữ tu và cha Raymond sẽ về nghỉ ngơi tại ngôi làng quê hương của mình. Vào khoảng tám giờ tối, sau buổi cầu nguyện buổi tối, Catherine, lúc này đã kiệt sức, xin phép cha Vianney được tâm sự mọi chuyện với Marie Filliat : «Như cô muốn». Họ cầu xin cha ở lại, nhưng cha vẫn kiên trì và thậm chí không được vui. Cha đưa cho Catherine một tờ giấy nhắn gửi Giám mục Chalandon : cô phải gửi nó ngay khi cha lên đường. Đây có lẽ là văn bản có chuyển động nhỏ ở cuối : «Thưa Đức Cha, con ngày càng yếu đi. Con phải dành một phần đêm trên ghế hoặc thức dậy ba bốn lần trong một giờ. Con cảm thấy chóng mặt trong tòa giải tội, nơi con bị lạc mất trong hai hoặc ba phút. Các bác sĩ không thấy biện pháp khắc phục nào khác hơn là nghỉ ngơi. Con nghĩ Đức Cha sẽ thấy tốt hơn nếu con đến nghỉ một thời gian nơi nhà bố mẹ. Nghĩ đến những bệnh tật và tuổi tác của mình, con muốn vĩnh biệt Ars mãi mãi, thưa Đức Cha».

«Chúng tôi đi nghỉ với tâm trạng rất buồn», Catherine lưu ý, và đây là câu chuyện mà cô ấy bắt đầu một cách đầy hình ảnh, nhưng không khỏi bối rối hay ngượng ngùng : «Chúng tôi dừng lại bên ngoài cổng nhà xứ,

bên phía khu vườn, không biết phải nghĩ gì, nên giữ bí mật hay nói ra». Rõ ràng ! Luôn luôn quá hợp lý với chính mình, họ đã sa vào cái bẫy chết người của lòng trắc ẫn : «Chúng tôi kết luận rằng, vì sự yếu đuối của mình, cha không thể đi bộ đến Lyon, rằng điều hoàn toàn cần thiết là phải có một người đàn ông đi cùng cha để tìm xe ngựa nếu cần và hỗ trợ cha. Chúng tôi đang nghĩ xem mình có thể tìm thấy ai thì Sư huynh Jerome tình cờ đi ngang qua ; ông ấy có vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy chúng tôi vào giờ này : Chín giờ tối. Vì vậy, tôi nói với anh ấy : «Chúng tôi rất buồn chán. - Chuyện gì vậy? - Tất cả những gì tôi có thể nói với anh là, nếu anh được gọi tối nay, hãy nhanh chóng thức dậy» (vì chúng tôi đã nghĩ đến anh ấy để bảo anh ấy đi cùng). Anh ấy lại nói với chúng tôi : «Cha xứ sắp đi à ?» Tôi nói, «Chúng tôi sợ điều ấy». Sau đó, anh ấy nói : «Tôi biết đủ rồi. Điều khiến tôi tin đó là sự thật là những điều cha đã nói với tôi những ngày qua. Chúng ta sẽ không đi ngủ». Tôi lại nói với anh ấy : «Hãy kêu gọi con cái của anh cầu nguyện để điều ấy không xảy ra.» Anh ấy trả lời : «Phải cầu nguyện với Thánh nữ Philomena: đó là việc của ngài». Sau đó, mỗi người chúng tôi rút lui về phòng riêng của mình. Người bạn đồng hành của tôi, mà tôi không biết, đã quay lại với các Sư huynh để đảm bảo với họ rằng việc ra đi đã được giải quyết. Sau đó, các

Sư huynh thông báo cho Thị trưởng và cha Toccanier, một nhà truyền giáo, những người đang chờ xem điều gì sẽ xảy ra. Tôi cũng không đi ngủ».

Đoạn phim quay trở lại với cha Vianney :

«Khi đã một giờ sau nửa đêm, cha đến và gõ cửa căn phòng trên lầu để thông báo rằng đã đến lúc phải rời đi. Than ôi ! Vị linh mục tội nghiệp, cha không biết rằng họ đang theo dõi và bí mật của cha đã bị tiết lộ, mặc dù với ý định tốt, vì tôi không nghĩ rằng có ai đó sẽ phản đối việc cha rời đi : đó chỉ đơn giản là để đi cùng với cha. Trái tim tôi tan nát khi thấy cha chạy trốn, nhưng tôi không dám phản đối ý định của cha. Một số đồ dùng đã được chuẩn bị cho cha trong chuyến đi. Cha vào nhà chúng tôi bằng cách đi qua cổng của nhà xứ ở phía sau. Sư huynh Jerome, người đang bí mật theo sau chácùng với cha Toccanier, bước vào ngay sau cha.

Đây là một bi kịch không thể tránh khỏi, một bi kịch mà mọi người đều sợ hãi : «Cha tái mặt. Sư huynh cảm động. Cha Toccanier nói với cha : «Nếu vì tôi mà cha muốn rời đi, tôi sẽ không ở lại. - Không đâu bạn tôi ơi, ngược lại cơ. - Vâng, cha Toccanier nói, tôi nói với cha rằng nếu cha rời đi, tôi sẽ theo cha. - Được rồi, đi thôi», cha nói. Họ ra ngoài và lên đường. Cha Toccanier nói lần nữa : «Chúng ta sẽ rung chuông và toàn thể giáo xứ

sẽ đi theo cha trong đoàn rước.» Khi chúng tôi đi ngang qua gần người quản lý nhà thờ, lệnh rung chuông được đưa ra. Và anh ta đã làm vậy. Không gì có thể ngăn cản người trốn chạy. Vì vậy, người ta đặt ra những thủ đoạn khôn khéo. «Họ tiếp tục lên đường khi người ta nói với cha rằng cha không thể rời đi nếu không có quyền kinh nhật tụng, vì người ta đã lấy mất quyền kinh để chạy khỏi phải mất công mang theo. Chúng tôi đã làm nó biến mất và không để ý, chúng tôi đi theo con đường ngược lại. Người đàn ông tốt bụng này đã cử nhiều người đi lấy sách kinh của mình; cha Toccanier thì thầm với họ: «Đi đi và đừng quay lại» trong khi chính cha đã nói rằng cha không thể rời đi mà không có quyền kinh nhật tụng của mình. Điều đó là để khiến cha quay lại. Cuối cùng, cha đã quay lại nhà xứ để lấy quyền kinh nhật tụng của mình. Khi cha quay lại, người ta lại đổ chuông (lần nữa). Mọi người đều có mặt, một số người tưởng rằng hỏa hoạn, những người khác cho rằng có trộm vào nhà thờ. Họ đã trang bị cho mình những gì họ nghĩ là cần thiết, một số mang theo xô, số khác mang theo chĩa ba, gậy lớn và đèn lồng.

«Cha bước vào nhà xứ sau khi đi vòng qua khu vườn của các Sư huynh. Những người dân, sau khi biết chuyện gì đang xảy ra, đều tụ tập quanh nhà xứ. Khi cha bước vào, những người đàn ông được yêu cầu vào và những

người phụ nữ được đưa đến nhà thờ để cầu nguyện. Cha lên phòng mình để lấy cuốn kinh nhật tụng, mà cha Toccanier đã cẩn thận giữ mà không cho cha biết. Tuy nhiên, cha đã xoay xở để lấy được nó. Sau đó, cha đi xuống sân, nơi các giáo dân của cha đang ở đó với tất cả các nhạc cụ và đèn lồng của họ, mỗi người đều đến gần cha để cầu xin cha đừng rời đi. Cha đến gần cánh cửa để rời đi. Họ từ chối mở cửa. Cha đi đến một cánh cửa khác : vẫn sự từ chối đó. Cha Toccanier đi theo cha, nói đủ thứ lời tử tế để khuyến khích cha ở lại. Cha không nói gì, chỉ nói : «Hãy để tôi đi», và với giọng điệu của cha, tôi có cảm giác như cha đang khóc. Sau nhiều lần đi đi lại lại trong sân này, cha nói: «Hãy mở cửa, để tôi đi qua, tôi muốn đến nhà thờ. Cha đã làm như vậy».

Và bây giờ là đoạn kết : «Cha đi đến tòa giải tội, nơi có một đám đông người đang đợi cha».

Catherine Lassagne không kể hết mọi thứ : nếu trong suốt câu chuyện này cô cầm đèn lồng cho chúng ta, thì cô cũng là người cầm đèn của vị linh mục thánh thiện khi cha rời khỏi nhà bằng cửa sau ; chính cô là người đã bật khóc khi cha, mặt méo mó như một người chết và hoàn toàn bất ngờ, ném vào cô : «Cô đã bán đứng tôi»; trong khi Sư huynh Jerome cầm đèn và dẫn vị linh mục thánh thiện đi qua những con đường phía sau, thì chính

cô là người mà cha Toccanier đưa cho quyển kinh nhật tụng mà cha vừa giật khỏi tay cha Vianney và cô chạy đến nhà xứ mang theo lời cam kết : «Hãy trả tôi cuốn kinh nhật tụng», vị linh mục hét lên với cô ta, thấy nỗ lực của mình thật vô ích, cha ném cho Marie Filliat : «Chúng ta hãy tiếp tục đi. Tôi sẽ nói điều này khi chúng ta tới Lyon. - O ! cái gì, người kia đáp, cha sẽ qua hàng giờ trong ngày mà không đọc kinh sao ?»

Bổn phận và lời kêu gọi cầu nguyện, từ sự việc này đến sự việc khác, đã đưa người trốn chạy trở về nhà, rồi sống giữa người thân mình. Bây giờ cha đã bị mắc kẹt chặt chẽ giữa sáu tấm ván của tòa giải tội, cha sẽ không thoát ra được. Cha Poncet, được đưa đến bằng xe ngựa mặc dù trời đã tối, đã đến vào khoảng bảy giờ ba mươi sáng, cũng như cha giải tội mới, cha Beau, linh mục chánh xứ Jassans, và cha Raymond. Điều này, trong mắt mọi người, vẫn có sức ảnh hưởng không thể chối cãi đối với cha Vianney : «Cha xứ rất yêu mến tôi», cự trợ lý trong *Tiến trình phong thánh* sẽ nhắc lại. Không, không có lý do nào cả, cha cho rằng cuộc phiêu lưu vừa xảy ra là do người thay thế mình gây ra. Trước lời chỉ trích của mọi người, cha già Vianney chỉ trả lời : «Tôi đã hành động như một đứa trẻ».

Vì thế, cha đã nổi lại, và mãi mãi, mối quan hệ bất khả phân ly của mình với người vợ nhỏ bé và đáng sợ này, tức giáo xứ Ars. Cha sẽ phải qua đời ở đó. Hai năm trước, trong lần trốn thoát trước, cha đã thề trước mặt mọi người : «Các con của ta, ta sẽ không bao giờ rời xa các con nữa... Ta sẽ không bao giờ rời xa các con nữa» : một sự giằng xé nội tâm gần như không thể kìm nén đã khiến cha đau khổ tự sửa lại mình. Không quan trọng rằng người bạn của cha, cha Colin, đã chuẩn bị cho cha, với tất cả sự kín đáo của một kẻ đồng lõa, một căn phòng tại Trappe de la Neylière : căn phòng đó sẽ không bao giờ tiếp nhận cha. Cha ta đã tự đầu độc mình bằng loại rượu duy nhất mà cha biết, đó là loại rượu của sự hối hận và những giấc mơ tâm linh sai lầm của cha. Cha ở đó, tỉnh táo: «Nỗ lực cuối cùng của cha», ông des Garets viết, là một tia sáng đối với cha... Cha đã đến nhà thờ còn sớm hơn và ở lại tòa giải tội lâu hơn.» Những kẻ căm dỗ, ngay cả khi hẳn phải mang lấy bộ mặt những người bạn cũ đồng hương từ Dardilly sẽ không còn ảnh hưởng gì đến cha nữa. Một năm sau, vào ban đêm, có hai người đàn ông bước ra từ cỗ xe hai ngựa và đợi cha Vianney rời khỏi nhà xứ vào khoảng nửa đêm, theo thói quen của cha. Họ túm lấy cánh tay cha và cố kéo cha đi : «Tôi không có sự cho phép của giám mục.»

Một cái bầy mới và cuối cùng sẽ được giảng ra đời với cha liên quan đến căn bệnh của François Vianney sau Giáng sinh. Có lẽ không có gì cảm động hơn cuộc đấu tranh của vị thánh. Còn điều gì tự nhiên hơn việc chạy đến bên người anh đang hấp hối của mình ? Nhưng Satan cũng có mặt để làm mọi thứ phức tạp hơn : cha xứ Ars, người cảm thấy mình yếu đuối, không còn có thể hoàn thành bốn phận gia đình khiêm nhường này nữa.

Vào cuối tháng 12, quá xúc động, cha đã viết cho François : «Anh trai yêu dấu của em, em được biết anh bị bệnh và người ta đã giấu em, điều đó khiến em rất buồn. Em cầu xin anh hãy cho em biết anh thế nào. Em đã ra đi nếu không có tuần bát tuần. Hãy trả lời em ngay để em vui đi nỗi đau buồn... Tạm biệt, người anh thân mến của em, em hy vọng sớm được gặp lại anh». Sau đó, cha nghĩ đến Marguerite, người hiện đã «nghèo và góa bụa» : «Xin gửi lời khen ngợi đến chị gái tôi, người mà tôi nghĩ đang rất đau buồn».

Tình trạng của bệnh nhân đang xấu đi. Mất kiên nhẫn gặp em trai là Jean-Marie, ông đã cử con trai mình là Antoine đến đón cha từ Ars vào ngày 25 tháng 1. Người dân Dardilly, khi nghe tin này, đã lên kế hoạch giữ lại người đồng hương của mình trong nhà. Vào ngày 26, cha Vianney đã nhượng bộ lời cầu xin của người cháu

trai, sau khi đã cảnh báo cha Toccanier, người mà trong một khoảnh khắc chán nản, cha đã tuyên bố, vì cha chưa bao giờ kết thúc cuộc đấu tranh với chính mình: «Thật đáng tiếc khi tôi đã không chuẩn bị trước, tôi sẽ không quay lại». Người trợ lý mới của cha và Sư huynh Jerome, người giữ phòng thánh, đã lên xe ngựa cùng cha. Không quen với những phương tiện vận chuyển này và bị suy yếu vì bệnh tật, cha không thể chịu được những cú xóc trên đường. Khi đến Parcieux, cách Ars khoảng mười lăm cây số, trước cầu sông Saône : «Tôi không thể đi xa hơn được nữa, cha nói, tôi cảm thấy choáng váng».

«Cha Toccanier cho biết các con đường đều phủ đầy tuyết và băng. Ngay khi leo lên Grandes Balmes, cha cảm thấy buồn nôn và phải đi bộ leo lên đồi. Sau đó cha bắt đầu run rẩy. Họ muốn chặt một cành cây trong hàng rào : cha phản đối vì «đó là hành vi trộm cắp». Một người đàn ông đi ngang qua, mang theo một cây sào : cha trả cho anh ta bốn mươi xu cho một cây. Cứ thế, cha đi được khoảng ba đến bốn cây số, chậm rãi, lần lượt lên xe và xuống xe.

Có vẻ như không thể tiếp tục được nữa : từ Parcieux, cha lên đường đến Ars cùng tài xế và người từ tốt bụng, trong khi cha Toccanier tiếp tục hành trình thay cha đến

Dardilly.

Người ta lo ngại rằng chuyên trở về cũng khó khăn như chuyên đi. Với sự kinh ngạc, Sư huynh Jerome nhận thấy «cha không còn là người như trước nữa» : cha đã lấy lại được sự vững vàng và cha không còn ra khỏi xe nữa ngoại trừ ở cửa nhà xứ. Vừa đến nơi, cha muốn quay lại tòa giải tội ngay. Buổi tối, cha cầu nguyện như thường lệ.

Sự thất vọng của Francois thật lớn. Khi cha Toccanier hỏi ông có điều gì đặc biệt muốn nói với em trai mình không, ông trả lời : «Không, tôi chỉ muốn gặp em ấy thôi». Khi trở về, vị linh mục trẻ đã trung thành thuật lại những lời này với cha xứ. Cha Toccanier hầu như không có thời gian để nói và cha Vianney để kể trên đường từ Parcieux đến Ars, cha đã gặp một chiếc xe buýt chật cứng người hành hương - trong số họ có những người đã không xưng tội trong bốn mươi năm - cha phó Dardilly đến : «Anh trai của cha thực sự muốn gặp cha. Nếu cha không thể đến bằng ô tô, thì tàu hỏa sẽ đưa cha đi... Anh trai của cha hẳn có điều gì đó nghiêm trọng muốn nói với cha... Nếu không thì tôi đã không ở đây.» Vị thánh xưa tan bùa chú : «Không, bạn của tôi, tôi biết mình phải làm điều gì. Vị Truyền giáo đã thuật lại lời anh trai tôi cho tôi».

Những người đồng hương của cha dường như quyết tâm đánh mất cha. Không phải là cha không bị cám dỗ để đầu hàng họ. Chẳng phải cha có di chúc này ở dưới cùng ngăn kéo sao : «Sau khi chết, tôi muốn cơ thể mình được đưa về Dardilly, quê hương của tôi. Đó có phải là di chúc của tôi không ?» Thật khó khăn cho cha để giải thoát bản thân khỏi những nơi chốn và ràng buộc của tuổi thơ !

François lê lết một cách thảm hại từ tháng này sang tháng khác. Anh ấy đang đấu tranh. «Con gái ơi, hãy an ủi bản thân mình», ông nói với người phụ nữ đang canh gác ông, «Ta chưa muốn chết ngay bây giờ, ta không muốn chết trước Thứ Sáu Tuần Thánh. Vâng, ta sẽ đi cho đến Thứ Sáu Tuần Thánh». Vì vậy, vào thời điểm đó, một ông nông dân già bảy mươi một tuổi đã bước vào màu nhiệm đòi Can-vê. Thật vậy, ông đã mất vào ngày 6 tháng 4, Thứ Sáu Tuần Thánh.

Lễ tang được tổ chức vào thứ Bảy tuần sau. Bị trì hoãn bởi những buổi giải tội Phục sinh mà cha phải nghe trong mười tám giờ, cha không thể dự lễ tang. «Cha đã cam chịu điều đó», Catherine viết. Cha cũng thừa nhận rằng người dân Dardilly sẽ thực hiện một cuộc đảo chính để giữ cha lại.

Chúng ta đã đến thời điểm mà các tài liệu về cha xứ Ars trở nên quá nhiều. Nhà sử học trải chúng ra trên bàn không còn biết nên chọn cái nào nữa. Ví dụ, những sự kiện trực giác được ghi chép cẩn thận bởi người kế nhiệm thứ ba của cha Vianney, cha Ball, thường diễn ra vào thời điểm này. Cha Monnin đã thực hiện chuyên hành hương lần đầu tiên, «vì tò mò», dưới thời trị vì của cha Raymond, vào năm 1848, vào thời điểm mà «nước Pháp hoài nghi năm 1830, kinh hoàng trước hậu quả của một thảm họa mà họ đã chuẩn bị, theo bản năng đã hướng về Nhà thờ». Cha quay lại với thái độ thận trọng như vậy : «Lúc đó tôi đã gặp cha xứ Ars mà không nói chuyện với cha». Từ năm 1855, cha ở lại Ars với tư cách là nhà truyền giáo cho giáo phận Belley, tổng cộng khoảng hai hoặc ba tháng mỗi năm. Cha gặp vị thánh vào buổi trưa và hầu như mỗi buổi tối cha đều đưa vị thánh về phòng mình. Những ghi chép của cha, cũng như của cha Toccanier, đều liên quan đến độ tuổi của cha già này.

Không còn nghi ngờ gì nữa, bầu không khí đã có sự thay đổi đáng kể. Cho đến nay, mặc dù có rất nhiều du khách và người ngưỡng mộ, cha Vianney vẫn cố gắng né tránh và gây hiểu lầm, cha đã cho phép sự hiểu lầm xảy ra : nếu không, sự can thiệp của cha Raymond đã không thể xảy ra. Xung quanh cha thiếu những người

quan sát cũng là bạn bè. Bây giờ chúng ta đã có họ. Trước đây, có lẽ chỉ một mình và trong thời gian ngắn, cha Tailhade đã đảm nhiệm vai trò này.

Hơn nữa, phải thừa nhận rằng tính cách của «Cha» đã được đơn giản hóa, ít nhất là theo nghĩa là bây giờ cha đã bị đánh bại : cha sẽ chết như cha xứ. Giai đoạn nổi loạn và kích động không thể cưỡng lại, nếu ai đó dám nói như vậy, đã qua : cha không còn ngần ngại theo cách tương tự dưới sự thúc giục nữa. Mặc dù vẫn tiếp tục chịu đựng thử thách không thương tiếc, cha vẫn cho thấy sự từ bỏ và dịu dàng mà sự quan tâm hiếu thảo của những người xung quanh cha chắc chắn không xa lạ, nhưng trên hết là bắt nguồn từ sự chấp nhận nhẫn nại của cha đối với ý muốn của Chúa. Thậm chí, cha còn bị tước mất khả năng tự vệ. Bất chấp nỗi kinh hoàng và những gì cha coi là bằng chứng tâm linh, cha không còn cách nào khác ngoài việc cầu xin lòng thương xót của Đấng đã buộc cha phải ở lại đó.

Trên thực tế, nó vẫn ở đó, và không ngừng là những gì mà thiên nhiên và ân sủng đã tạo ra, vừa kỳ diệu vừa đáng kinh ngạc. Không có gì minh họa cho sự nhất quán này tốt hơn bộ sưu tập các hiện tượng phi thường mà ông Ball muốn trở thành công chứng viên siêng năng và Đức Cha Trochu đã xuất bản, bằng cách hoàn thiện

chúng thành ba tập lớn. Đối với những người ngày nay có sự táo bạo khi giải quyết cuộc sống của cha xứ Ars, trong tình trạng lưu trữ hiện tại, có hai giai đoạn khó khăn cần vượt qua : giai đoạn đầu tiên là các bài giảng, với cấu trúc khác thường dường như làm nản lòng mọi nỗ lực tổng hợp ; thứ hai liên quan đến những đặc điểm trực giác nổi tiếng này, sự đa dạng của chúng là cực độ và đồng thời ý nghĩa cũng rất hỗn tạp. Trừ khi có lỗi kế toán, bộ sưu tập của Đức Cha Trochu ghi nhận là ba trăm bốn mươi hai. Tiêu đề phân loại của chúng vẫn khá tóm tắt và không chỉ ra phạm vi tâm linh của chúng: hơn nữa, trong nhiều trường hợp, thoát nhìn chúng ta không thấy chúng có thể là gì. Vậy, khi cha nói với bà Mathon ở Sainte-Euphémie : «Về nhà nhanh đi, bà đã lấy chìa khóa nhà rồi và chồng bà có thể nổi giận đấy», sự sáng suốt này bắt nguồn từ hồng ân nào của Chúa Thánh Thần ? - Cha ngắt lời «đột ngột» cô Gauthier đang trong lúc xưng tội : «Còn lá thư ?» Người ăn năn nhận ra rằng cô đã quên đưa một tờ giấy cho một người bạn khi đi qua Lyon. - «Rời đi ngay hôm nay, cha ra lệnh cho bà Mercier, có một con rắn trong nhà bà». Khi vội vã trở về, người phụ nữ nông dân thấy trang trại của mình ngăn nắp thì đột nhiên, từ một tấm nệm rom đã phơi nắng, một loài bò sát tuyệt đẹp chui ra từ giữa hai chân của ông Mercier. - Cha khẳng khẳng rằng Sơ

Marie-François d'Assise và Bê trên của bà, người mà cha nhìn thấy khi họ sắp rời Ars, phải nhận ba đồng một quan từ cha. Họ phản đối rằng họ có những thứ họ cần cho chuyến đi. Nhưng vô ích. Khi lên đường, họ nhận ra rằng họ đã làm mất ví : chi phí vận chuyển đúng một quan năm mươi cho một người. - Cũng có câu chuyện về Dufour. Ông là một thợ đóng giày nghèo từ Perrache, người đã đến như một vị khách tò mò và hoàn toàn bị sốc khi, giữa một cuộc hành hương, cha Vianney tiết lộ với ông rằng Người chấp hành đang tịch thu cửa hàng của ông. - Cha đã đưa ra lời khuyên kinh doanh : «Không có thỏa thuận nào. Hãy kiên tưng, bà sẽ thắng.» Bà Achard tốt bụng, «ở lại» phố Gentil, ở Lyon, đã tin lời cha : bà đã thắng được bốn trăm quan. - Gửi một góa phụ tốt bụng ở Saint-Bell : «Cẩn thận đừng bán lúc này. Một tuyến đường sắt sẽ được xây dựng và sẽ làm tăng đáng kể giá trị tài sản của bà.» Và bà đã đúng khi vâng lời cha. - Một cô gái trẻ đến từ Montpellier muốn vào Dòng, nhưng cô cảm thấy xấu hổ vì quá giàu có và không biết phải xử lý thế nào. «Tôi biết trường hợp của cô», và thế là xong, mọi việc được giải quyết trong nháy mắt, khiến cho người giải tội của cô gái ngoan đạo, cha Pascalín, vô cùng ngưỡng mộ.

Cụm «kẻ đào ngũ» này dường như có tài năng đặc biệt trong việc dự đoán số lượng lính nghĩa vụ trong tương

lai. Năm 1856, gửi thư cho bà Guilhermet, từ Lyon, người đã lo lắng : «Hãy đi bình an, con trai bà sẽ không trở thành người lính đâu.» - Gửi bà mẹ Cinier, từ Ars, người đã yêu cầu cha dâng lễ cho Antoine «Hãy làm bất cứ điều gì bà muốn. Anh ấy sẽ bắt trúng thần chú.» - Năm 1849, với Sư huynh Athanase, mà người anh trai Jean-Baptiste bị đe dọa sẽ đi chiến đấu ở Áo : «Hãy yên tâm. Anh ấy sẽ không đi đâu». - Năm 1853, cũng người đàn ông đó, sau khi trở thành trung sĩ, dường như được định sẵn sẽ gia nhập quân đội Nga : «Anh ấy sẽ không đến đó». - Khi người anh cả của Sư huynh Maximin đến tuổi nhập ngũ, sự phấn khích lên đến đỉnh điểm trong gia đình có mười hai người con : «Công bằng thôi, công bằng thôi.» Chàng trai rút số 85 : cơ quan tuyển dụng gọi đến số 84.

Mặc dù cha hài hước nói rằng : «Tôi giống như một cuốn lịch. Khi nào nó kết hợp lại với nhau thì nó sẽ kết hợp lại», nhưng sâu thẳm bên trong, cha Vianney không phân biệt được sự nhạy bén này với một ân sủng tiên tri nào đó. Năm 1859, anh trai của Athanase, người đã thoát khỏi hai chiến dịch, được thăng hàm trung úy. Ông muốn «ném thử mùi chiến tranh» : theo yêu cầu của ông, ông đã giao chiến với Áo. Với giọng điệu tương tự : «Gửi cho anh ấy tấm ảnh tượng này. Sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra với anh ấy đâu.» - Năm 1856, cha cấm

bà góa phụ Madame Chamonard bán lò gạch của chồng bà. «Ngôi nhà của bà sẽ trở thành một doanh nghiệp lớn. Các con trai của bà sẽ giúp bà.» Khi bà do dự, cha lặp lại vào ngày hôm sau và giải thích lý do tại sao, nếu không làm bà ngạc nhiên thì ít nhất cũng làm chúng ta ngạc nhiên : «Tôi vừa bước ra khỏi cây thánh giá của mình... Đó là ý muốn của Chúa... Không có gì chống lại ý muốn của Chúa được». Một lời khẳng định như vậy có thực sự chắc chắn không?

Đối với cha xứ Ars, không còn nghi ngờ gì nữa rằng ý muốn của Chúa hiện diện ở khắp mọi nơi, trong sự thịnh vượng của công việc kinh doanh, trong việc loại bỏ nguy hiểm, trong việc điều hành tốt một ngôi nhà cũng như mọi việc khác. Cũng cần lưu ý rằng nhiều lần những lời tiên tri tạm thời này được đưa ra như một sự bảo đảm về thẩm quyền tâm linh của cha. Khi cha hỏi cô Gauthier : «Còn lá thư của cô ?», cha vừa mới giải quyết xong câu hỏi ơn gọi của mình. Trong một số sáng kiến có vẻ không phù hợp, cha làm chứng về sự quan tâm của Chúa đối với người nghèo ; đây là điều mà Dufour và bà Achard hiểu rõ, đây là điều mà những bà mẹ lo lắng của những người lính nghĩa vụ đã đoán ra. Với cha, mọi nỗi đau của con người dường như đều có tiếng vọng trên thiên đường.

Tuy nhiên, sự can thiệp của cha thường có vẻ dựa trên một loại tiên tri thái quá. Suy cho cùng, đó là dấu hiệu của cha. Trong khi cha khó có thể đưa ra bằng chứng về học thuyết của mình chống lại tất cả các giáo sĩ - «cha không lý luận» - ít nhất cha cũng đưa ra bằng chứng rõ ràng về tầm nhìn của mình. Có lẽ một món quà thiên nhiên nào đó cũng không hoàn toàn xa lạ với cha.

Trong cuộc đối thoại riêng tư tại tòa giải tội, giữa những hình ảnh của *Ảnh tượng Phép lạ*, *Ecce Homo*, *Thánh Gioan Tẩy Giả* và *Thánh nữ Philomena*, cái nhìn «sáng ngời» của cha, cái nhìn này phát hiện ra những người đang đau khổ chỉ bằng cách nhìn thấy họ trong nhà thờ hay trên quảng trường - «cha xứ Ars không có đôi mắt bình thường» - cái nhìn này mà chúng ta không còn biết liệu nó đến từ cha xứ Vianney hay từ Chúa, thực hiện những điều kỳ diệu. Việc này diễn ra trước khi xưng tội và đôi khi đền bù lỗi lầm một cách ngây thơ đến nỗi vị linh mục tội nghiệp không có khả năng phân biệt giữa điều mình được bảo và điều mình nhận được nhờ ân sủng đặc biệt. «Thưa cha xứ, cha Toccanier hỏi cha, khi cha có một thị kiến siêu nhiên, có lẽ nó giống như một ký ức ? - Vâng, bạn của tôi. Vì vậy, một lần, tôi đã nói với một người phụ nữ : Vậy là chính bà đã bỏ chồng mình trong bệnh viện và từ chối đi cùng ông ấy ? - Làm sao cha biết điều đó ? bà ấy trả

lời. Tôi không nói với ai cả. - Tôi còn sững sốt hơn cả bà ấy : Tôi nghĩ bà ấy đã kể cho tôi mọi chuyện rồi».

Ngược lại, khi được hỏi lời khuyên, đôi khi người thánh thiện phải suy nghĩ rất lâu. Sau đó, cha nhắm mắt lại, dường như cha đã đi rất xa và đang ngủ. Một số người ăn năn, gần như sợ hãi, ít nhất bối rối, tự hỏi không biết cha bị sao vậy. Đôi khi có vẻ như cha đang trò chuyện với một nhân vật vô hình.

Sự tự tin của cha thật phi thường : người ta cứ ngỡ như đang nghe cha Chevance trong *Imposture*. Đối với một chủng sinh trẻ vào đêm trước khi được thụ phong phó tế, cha đã ngay lập tức tuyên bố : «Cha nhìn thấy rõ tâm hồn con. Cha thấy được khuynh hướng trong lòng con. Con phải là một linh mục và một nhà truyền giáo». - «Cha không biết con ? cha trả lời một cách gay gắt với một cô gái trẻ. Nhưng cha đọc được nội tâm của con như thể cha đã giải tội con cả cuộc đời con !» - Cuộc tranh luận nảy sinh lúc đó đôi khi mạnh mẽ đến mức chúng ta nhớ đến một cuộc đối thoại mà người ăn năn kêu lên : «Không... không... không», trong khi cha lặp lại : «Có... có... có». Hơn nữa, khi ai đó nghi ngờ lời khuyên của cha, cha luôn có một lập luận quyết đoán trong tay áo : «Con gái của ta, ngay cả khi ta không quyết định đúng đắn, Chúa chúng ta sẽ luôn ban phước

cho sự vâng lời của con». Trên thực tế, người ta nghĩ rằng khả năng thấu thị của cha có thể sánh ngang với kẻ thù của cha, tức Satan. Một người phụ nữ bị quỷ ám, người đã hành hương đến Ars, đang nhảy quanh quảng trường, nhảy múa và nói chuyện một cách ngông cuồng. Những người tò mò tụ tập quanh cô. Cô ấy bắt đầu - kinh dị ! - kể lại cuộc sống của mọi người. Cha già tốt bụng đi ngang qua : «Về phần cha, tôi không có gì để trách cha cả... Tuy nhiên, cha đã từng hái một quả nho.» Cha Vianney thừa nhận rằng vào thời điểm bỏ trốn, do bị khát nước, cha đã tình cờ lấy một quả nho. Tuy nhiên, theo sự thận trọng thường có của mình, cha đã nói thêm : «Tôi bỏ vào một xu để trả tiền cho họ». Sau đó, ma quỷ, thông qua người phụ nữ, nói với cha : «Chủ nhân không nhận được tiền đó».

Cha không thích khi ai đó gán cho Ars một đức tính đặc biệt : «Hãy làm một tuần cửu nhật. - Con phải làm điều đó ở đây ? - Không, con ạ. Cầu nguyện ở đâu cũng tốt». Cha không thu thập chứng chỉ. «Con có nên để lại nạng ở nhà nguyện Thánh nữ Philomena không ? một phụ nữ được ơn phép lạ hỏi cha. - Mang chúng về nhà cùng bà». Cha đã đưa lại vào vũ trụ trực giác này tinh thần của các Phước lành, điều mà cha đã rất quan tâm trong trường *Providence*. Năm 1851, Marie-Antoinette Rigollet, một cô nhi mười bốn tuổi đến từ Lyon, đã trốn

khỏi nhà mẹ kế và đi bộ đến nơi sau chặng đường dài ba mươi lăm cây số. Cô ấy kiệt sức, không một xu dính túi và trắng tay. Cô đã dành đêm đầu tiên trên một chiếc ghế dài ở tiền sảnh nhà thờ. Ngày hôm sau, cô ấy đói lã. Vào khoảng trưa, cánh cửa nhà thờ mở ra và cha Vianney xuất hiện. Không xa đó có một người phụ nữ nghèo đang đứng. Cha gọi bà và nhét vào tay bà một ít tiền xu. Sau đó, trước sự tuyệt vọng của đứa trẻ, cha biến mất. Nhưng người phụ nữ ăn xin tiến lại gần: «Cha xức nhấn. Hãy đến khách sạn gần đó, cô sẽ ăn súp và ăn tối ở đó». Marie-Antoinette vùng vẫy, rút tay lại : «Cha bắt tôi hứa phải làm cho cô chấp nhận». Vì vậy, thông qua người nghèo, cha vẫn ngoan cố cho đi như một người nghèo.

Đôi khi cha phải truyền đạt những dự đoán khủng khiếp : «Bạn thân mến, cha nói với một anh em linh mục ở Montpellier, hãy giao cho giáo xứ của bạn một sứ mệnh và sau sứ mệnh này, bạn sẽ chết». - «Bạn sẽ đi tỉnh tâm với các nhà truyền giáo dòng Chartreux ở Lyon», ngài khuyên một người khác, rồi ngài chậm rãi và cân nhắc từng chữ : «như thể bạn phải chết vậy». Ba tháng sau, mọi thứ đã hoàn tất. - Một linh mục trẻ từ Perpignan, đang bị bệnh, lo sợ rằng mình sẽ không hồi phục. Cha Vianney trấn an cha, rồi nói thêm : «Hơn nữa, người ta có thể chết theo cách đột ngột, dữ dội và

bất ngờ như vậy». Ba mươi năm sau, người kia bị sát hại sau một cuộc vật lộn tuyệt vọng và bị đâm tới 29 nhát. - Năm 1855, cô Claudine Latreille, người gốc Lyon, tâm sự những ước mơ về tương lai của mình với cha xứ : «Con ơi, con phải ở lại như con hiện tại. Không đáng đâu». - «Trong ba ngày nữa, con sẽ có một công việc khác», cha tuyên bố với một nhân viên đang nóng lòng muốn từ chức. Chuyện đã xảy ra thế. - Khoảng năm 1857, một chàng trai trẻ đến từ Lyon, sắp cưới, muốn xin lời khuyên từ cha. Cha đã viết thư cho Catherine Lassagne. Đây là câu trả lời : «Hãy bảo quý ông này kiếm bốn tấm ván, đóng ba tấm lại với nhau, tấm thứ tư sẽ được đóng khi ông ta ở trong ba tấm ván kia». - Đây là từng chữ một mà cha lặp lại, nhìn vào mắt, với một phụ nữ hành hương trẻ tuổi : «Cha ơi, con đến để tham khảo ý kiến của cha về một ơn gọi. - Cho ai ? - Cho con, thưa cha. - Cho con?... Hãy lấy bốn tấm ván. - Bốn tấm ván, tôi kêu lên với cảm giác kinh hoàng không thể diễn tả được. - Vâng, bốn tấm ván. - Nhưng, cha ơi, con không hiểu. - Vâng, giống như đã có ba tấm ván và cô lấy tấm thứ tư để che mình. Bây giờ cô đã hiểu chưa? - Tôi la lên». Chính cha Monnin là người đã thu thập câu chuyện từ miệng của người liên quan. Có lẽ chúng ta sẽ khó có thể tha thứ cho cha vì những lời cảnh báo tàn khốc này nếu như chính cha không một ngày nào đó bị

bao trùm bởi lời tiên tri về cái chết của chính mình.

Có vô số trường hợp cha cảnh báo người đối thoại về cái chết của người khác. Năm 1857, cha tâm sự với một phụ nữ trẻ đến từ Pierrelatte, ở Drôme : «Khi cô trở về nhà, đừng bỏ lại người bạn đồng hành của mình, bất hạnh sẽ xảy đến với cô ấy». - Với một người hầu trẻ tuổi từ Villefranche-sur-Saône, Antoine, người đến để hỏi cha về số phận của ông chủ : «Hãy quay về Villefranche ngay lập tức, và chủ nhân của anh sẽ chết trước khi anh quay về». - Gửi một người mẹ ở Dijon : «Con gái của bà sẽ được chữa lành trên thiên đường.» - Gửi bà Ferrière, người có cậu con trai nhỏ sắp trở thành linh mục : «Tốt lắm, nó sẽ là niềm an ủi cho bà trong thời gian góa bụa. - Nhưng thưa cha, chồng con vẫn khỏe. - Tôi nói với bà rằng con trai của bà sẽ là niềm an ủi cho bà trong thời gian góa bụa». Người thanh niên sẽ được thụ phong linh mục vào năm 1854 và cha của anh sẽ qua đời đột ngột vào năm 1858. - Gửi ông Ferrus, từ Nantes : «Bạn của tôi, cha triu mến nói, bạn phải trở về ngay lập tức. Người ta đang đợi bạn ở nhà. Đây là một số ảnh tượng cho con bạn. - Tôi có bốn đứa con, người đàn ông nói một cách mỉa mai, và cha đã tặng tôi ba ảnh tượng». Khi đến nơi, ông thừa nhận rằng mình chỉ còn lại ba đứa con.

Đôi mắt với nỗi kinh hoàng mà chúng ta sẽ cảm thấy khi tiếp cận một vị thánh có hiểu biết khủng khiếp như vậy, có lẽ chúng ta nên nhớ lại những lời mà cha đã khiển trách cô gái trẻ lo lắng về ơn gọi của mình : «Cái gì, cái chết làm con sợ ư ? Đó là sự kết hợp của tâm hồn với Chúa». Vì vậy, đối với cha, mọi thứ đều đơn giản: cha sẽ không còn nhớ đến những lo lắng của riêng mình vào năm 1843 nữa sao ? Cha vẫn ở lại lối vào Thiên đường và Địa ngục, nơi đám đông vô danh và run rẩy lao vào từng giây.

Đôi mắt với Vương quốc Satan, những lời đe dọa mang tính tiên tri, về phần cha, chính là những hành động từ thiện : «Con trai của ta, con bị nguyên rửa rồi», cha nói với François Bourdin vào năm 1856. Mặc dù cha xứ thêm: «Ngày mai hãy quay lại», nhưng chàng trai trẻ vẫn tự nhủ : «Tôi bị nguyên rửa rồi ! Tôi bị nguyên rửa rồi !» Trở lại nhà trọ, anh không thể ăn được : «Cha đã nói điều đó với nhiều người khác rồi», những người tốt bụng khẳng định để trấn an anh. Anh ấy không hề chợp mắt suốt đêm. Bảy ngày liên tiếp, người ăn năn trở lại phòng thánh, không có phản ứng nào khác ngoài nước mắt và một giấc ngủ đáng sợ của người giải tội. «Cha không thực sự ngủ đâu, chủ nhà trấn an anh. Đó là lúc cha đọc được tâm hồn.» Một mối vì phải đấu tranh, cậu bé bất hạnh này đã muốn rước lễ mà không được giải

tội, nếu một trong những người gác nhà thờ, một cách khó hiểu, không ngăn cậu lại : «Anh phải quay lại xưng tội» Sau khi chờ đợi nhiều giờ, Bourdin, trong nỗi sợ hãi, bước vào phòng thánh nhỏ lần thứ tám và bất ngờ gặp vị linh mục xứ Ars đang trò chuyện với một người phụ nữ mặc đồ màu xanh, không «giống như trong ảnh», nhưng không gì sánh được. Anh ấy quỳ xuống và ôm đầu cho đến khoảnh khắc khi cha Vianney, người không để ý đến anh, lay anh : «Hãy đi, bạn của tôi, hãy đi trong bình an, chắc chắn bạn đang được Chúa ban ơn».

Trực giác của cha, vốn tiết lộ một cách sống động những khuynh hướng bí mật của tâm hồn, không bỏ qua việc sửa đổi nghi lễ của các hành vi tôn giáo. Khi đang trao Mình Thánh Chúa, cha đã hai lần bỏ qua một người tốt, người này thấy cha đi ngang qua lần thứ ba đã tự ý chỉ ra cho cha biết : «Thưa cha, cha chưa ban Mình Thánh Chúa cho con. - Không, sáng nay bà đã ăn một ít rồi.» Bà ấy đã nuốt một vài mẩu bánh mì.

Vì những món quà từ Trên cao mà cha nhận được không nhằm mục đích gì hơn là mở ra vực thẳm của sự cứu rỗi, nên người ta có thể ngạc nhiên về ý nghĩa quá mức mà cha dành cho những sự sùng kính nhỏ bé. «Một người phụ nữ ngoan đạo, theo lời của bà de Belvey, đến

tham khảo ý kiến của cha xứ Ars sau cái chết đột ngột của chồng bà. Bà có vẻ rất lo lắng. «Bạn quên mất, vị thánh đã tiết lộ cho bà trong lần gặp đầu tiên, bó hoa mà bạn đã dâng cho Đức Trinh Nữ Maria. «Người đã khuất cùng với vợ mình cầm một bức tượng gia đình nhỏ được trang trí. «Chúa thương xót người đã tôn vinh Mẹ của mình». Sự vĩnh hằng ở mức giá này có vẻ là một đòi hỏi khá rẻ đối với nhiều Kitô hữu. Không còn nghi ngờ gì nữa, cha Vianney gần gũi với những người không tin và những tội nhân lớn hơn chúng ta. Họ biết rằng một cử chỉ khoan dung đơn giản như vậy có thể biểu hiện điều gì trong cuộc sống của họ : nó kết nối với sự huyền bí của trái tim. Cũng với tinh thần tương tự như vậy, vị linh mục già đã nói với cha Torrier trẻ vào tháng 9 năm 1858 : «Con mang gì đó ?» Cha chỉ vào bàn tay trái. Người kia mở ra : bên trong có một tràng hạt nhỏ. «Vị thánh cầm lấy tràng hạt, lắc nó hai hoặc ba lần trên tay, ban phước cho nó và đặt vào tay trái của tôi, cha nắm chặt nó một cách thân thiện». Một tràng hạt trên tay một vị linh mục có đáng phải ngạc nhiên đến thế không ? Đó là một dấu hiệu. Từ sự hiện diện của tràng hạt trong bàn tay này, cha Vianney ngay lập tức nảy sinh một trí thông minh «đầy nhiệt huyết», - nếu người ta dám nói như vậy, bởi vì tính từ tiếng Pháp này có còn giữ lại dấu vết nhỏ nhất nào của nguồn

gốc thiêng liêng của nó không ? Một người có đức tin như cha Vianney vẫn luôn giữ được «lòng nhiệt thành» trong thế giới lạnh giá này.

Trái lại, không chỉ một người ăn năn không chuẩn bị tốt có thể lặp lại lời của một người phụ nữ với cha Monnin : «Tôi cảm thấy rằng tôi làm cho người đàn ông thánh thiện này kinh hãi». Đó là bất chấp sự bí mật, sự lãng quên hoặc sự cầu tha của bên có tội, cha «nhìn thấy», cha «nhìn thấy» thậm chí «tất cả». Mức độ thấu thị của cha trong tòa giải tội là một đặc điểm đáng chú ý trong chức thánh của cha, nhưng xét cho cùng thì khá kỳ lạ. Nó thường gắn liền với việc khơi dậy những lời buộc tội cần thiết để được tha thứ theo bí tích. Nhưng đôi khi cha tìm kiếm trong toàn bộ cuộc sống, phơi bày nó, trước sự ngạc nhiên lớn lao của người có liên quan, để đưa ra ánh sáng những lỗi lầm, nếu không muốn nói là những khiếm khuyết đơn giản. Sự sáng suốt vượt trội này, vốn không hề cần thiết theo kỷ luật sám hối, thường chỉ khơi dậy sự ngưỡng mộ thêm từ những người viết tiểu sử. Có lẽ điều này cũng khiến chúng ta tò mò.

Đây là điều một giáo viên từ Gard đã nói với Sư huynh Jérôme của chúng ta vào năm 1859. Hình thức cũng quan trọng như bản chất. «Là một Kitô hữu tốt - tôi nói điều này vì sự thật - tôi đã chuẩn bị lời xưng tội

của mình rất cẩn thận, muốn nó hoàn chỉnh nhất có thể. Bây giờ, hãy xem điều gì đã xảy ra với tôi. Trong khi tự buộc tội mình, ký ức về một lỗi lầm hiện lên trong đầu, mà tôi cho là quá nhỏ đến nỗi tôi không cho rằng việc buộc tội là đáng giá. Và tôi kết thúc lời thú tội của mình như tôi đã chuẩn bị. «Bạn không còn gì để nói nữa sao ? Sau đó, cha Vianney hỏi tôi. - Không, thưa cha. - Nhưng lỗi này thì sao ?» Và cha rõ ràng chỉ ra tội lỗi của tôi đã được cố tình bỏ qua. «Vâng, thưa cha, con đã phạm phải lỗi này, nhưng cha có nghĩ rằng nó nghiêm trọng? -Ồ ! Không, bạn tôi ơi, nó không nghiêm trọng».

Một lời nhắc nhở sâu sắc như vậy đáng được phân tích. Nếu với một Kitô hữu được đào tạo bài bản thì điều này không gây ra bất tiện, nhưng có lẽ nó lại không giống với những người trẻ tuổi và dễ bị ảnh hưởng. Có lẽ trong một số trường hợp, tiếng xấu của cha Vianney xuất phát từ đó. «Con ơi, con vẫn chưa kể hết mọi lỗi lầm của mình trong cuộc đời này, cha nói với một cô gái trẻ, người sau này trở thành mẹ của một giám mục. Khi còn nhỏ, bạn đã vô tình làm vỡ một bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh». Từ đó đến suy nghĩ rằng cho đến lúc đó, bà chỉ thú tội sai, chỉ có một bước cho bà. Trong trường hợp này, xảy ra sự phi đại gần như không thể tránh khỏi của những lỗi lầm nhỏ, do đó xuất hiện một cách kỳ diệu từ bóng tối. Bản thân người thầy tốt của

chúng ta không thể không hỏi : «Bạn có nghĩ rằng điều này là nghiêm trọng không?» Và ông phải bình tĩnh lại.

Tại sao lại tiến hành nhắc nhở này trong những điều kiện như thế ? Điều này không cần thiết : Giáo hội không bắt buộc chúng ta phải xưng tất cả các tội nhẹ, ngay cả những tội đã biết, vì tất cả đều được tha thứ khi một số ít người xưng tội. Vậy lời nhắc nhở này có thực sự hữu ích không ? Có lẽ, như chúng tôi đã đề xuất, nó có tác dụng xác nhận thẩm quyền của người giải tội hoặc làm nhục người có tội. Chúng tôi có cảm giác rằng cha Vianney đã nhiều lần nhượng bộ trước một bằng chứng không thể cưỡng lại được. Nhưng thừa nhận điều đó chính là chạm đến cốt lõi của vở kịch. Trên thực tế, thần đồng này đã trở nên quá quen thuộc với cha đến nỗi cha thậm chí không còn nhận ra rằng mình «nhìn thấy». Linh hồn được bộc lộ với cha một cách trần trụi, với những vết thương lớn nhỏ ít nhiều đã được chữa lành, thông qua sự hồi sinh quá khứ một cách tàn nhẫn và chói lọi. Và cha nói vậy. Sự mơ hồ chính là để cho người ăn năn biết.

Bởi vì cuối cùng thì đó không phải là bản thể của ký ức, ngay cả khi nó là ánh sáng trên vông mạc của người giải tội như mặt trời lúc giữa trưa, đặt tôi vào trật tự cứu rỗi trước mặt Chúa. Ngược lại, điều định nghĩa tôi chính

là sự tự do của ân sủng mà tôi còn giữ lại hoặc tôi đã tìm lại được và giúp tôi có được tình yêu trong khoảnh khắc hiện tại. Giáo hội, người chủ nội tâm phi thường này, biết rằng điều quan trọng là mỗi người chúng ta phải quên, quên nhiều thứ, để có thể sống chân thật. Do đó, thay vì sự tò mò dai dẳng này, thậm chí liên quan đến những sự vật có vẻ không đáng kể, người ta mong đợi, ở cha xứ Ars, trong nhiều trường hợp, một kiểu che giấu ánh mắt một cách tự nguyện, điều mà người ta hình dung ở những cha giải tội nhỏ hơn và điều mà người ta có thể ngạc nhiên thấy ở những người đương thời như «thánh» P. Lebreton, người rất cẩn thận phân biệt sự can thiệp bí tích của họ với những linh cảm sáng suốt của họ.

Theo như người ta có thể phán đoán từ nơi xa xôi và trong một lãnh địa bí mật như vậy, trong ngôi nhà của cha Vianney, những hình ảnh kỳ lạ đôi khi sẽ làm xáo trộn sự can thiệp quyết đoán nhưng kín đáo của vị linh mục. Chắc chắn cha sẽ bào chữa bằng cách nói rằng cha không phải là tu sĩ dòng Tên hay bậc thầy thần học; không còn nghi ngờ gì nữa, sự sáng tạo của cha đã vượt trội hơn tất cả những người khác. Ngay cả khi học thuyết đạo đức của cha được xác lập rõ ràng hơn, thì nhà tiên tri của những năm sau này vẫn không phải là không liên quan đến nhà thuyết giáo nghiêm khắc

năm 1820 ; có lẽ nó thậm chí còn giúp chúng ta hiểu lại vấn đề. Ngay từ thời kỳ đầu làm chủ chăn, Cha xứ Ars đã được ban cho, nhờ ơn Chúa, một sự khéo léo kỳ diệu, nhưng lại ra lệnh cho linh mục như một người chủ, trong khi cha phải tuân giữ và thử thách bản thân trong phạm vi nhiệm vụ của hệ thống cấp bậc. Mỗi linh hồn dường như được trao ngay lập tức cho người có thị kiến : theo sự thiết lập thiêng liêng trong chức vụ giải tội, linh hồn trước tiên được trao cho linh mục.

Cha cảm thấy xấu hổ trong chức vụ của mình vì những đặc ân siêu nhiên, bởi vì cuối cùng mọi thứ đều xảy ra trong cùng một người. Chúng ta sẽ không thể tha thứ được, xét theo học thuyết hiện hành của Giáo hội, nếu không nhận ra rằng tất cả những đặc ân này là gánh nặng đối với cha. Với lý do là đặc ân cho phép cha vượt qua sự kháng cự của vô số linh hồn, những linh hồn mà đặc ân phục vụ như một lời chứng, - «người ta sẽ chỉ thấy trên thiên đàng tất cả những điều tốt đẹp đã diễn ra ở đây» - chúng ta không thể che giấu khỏi chính mình rằng đặc ân đã tạo ra một mối nguy hiểm mơ hồ. Ngay cả khi người thụ hưởng tin rằng gánh nặng linh mục của mình đã được giảm nhẹ. Vì lương tâm không cần phải nhận thức, để linh hồn được thử thách. Thật sự sẽ hơi tóm tắt khi so sánh sự bùng nổ chói lọi của những trực giác phi thường này với một số pháo hoa huyền bí

được bắn ra từ sâu thẳm vùng nông thôn của mình bởi một linh mục nhỏ bé, gầy gò và mẫn nguyện. Dưới ánh hào quang, khuôn mặt nghèo nàn và to lớn của cha phải hiện ra với chúng ta, ngay cả khi đó là thông qua một nụ cười, trong cảm xúc và sự rắc rối của một cuộc viếng thăm.

Cha sống với người sống và sống với người chết. Người sống của cha hiện diện khắp mọi nơi và người chết của cha tràn ngập thế giới vô hình. Cha nói về luyện ngục theo khái niệm thông tục, như thể đó là một nơi chốn : «Cha của Sơ đã được cứu rồi, cha thông báo với một nữ tu, nhưng ông ấy rất thấp kém». «Mẹ của anh ở vị trí tốt đấy, cha khẳng định với một người khác. - Bà ấy đang ở thiên đường à ? - Tôi không nói với anh điều đó. Tôi chỉ nói với anh rằng bà ấy đang ở vị trí tốt.» : vì vậy cha khẳng định độ chính xác nhất định cho hình ảnh của mình. «Ông ấy đã được cứu, nhưng sẽ phải ở luyện ngục trong một thời gian vô hạn định», cha tâm sự với một cô gái trẻ đến từ Écrivieux về một người thân của mình. Ngược lại, cậu bé tội nghiệp ở Les Garets bị giết ở Malakoff sẽ chỉ ở lại luyện ngục «một thời gian ngắn». Cần phải thừa nhận rằng theo các tài liệu của chúng tôi, cha hầu như luôn truyền đạt lời an ủi và động viên đến các gia đình. Đặc biệt là trong hai trường hợp tự tử. Năm 1856, vị linh mục của

Wildenstein ở Haut-Rhin đã thay mặt góa phụ hỏi rằng «ở thế giới bên kia» ông Krimmer, giáo dân của cha đã cắt cổ mình bằng dao cạo, chuyện gì đã xảy ra : «Được rồi, hãy nói với bà ấy rằng người chồng bất hạnh của bà đã không chết ngay lập tức, rằng Chúa đã ban cho ông ân sủng để ăn năn chân thành và thoát khỏi địa ngục. Chỉ có điều ông ta phải chịu một luyện ngục dài đằng đẳng.» - Một người phụ nữ nghèo khổ, đầy nước mắt đang đợi cha xứ Ars giữa nhà thờ và nhà xứ sau buổi học giáo lý lúc mười một giờ. Cha Vianney bước chậm, dừng lại trước nỗi đau của bà và thì thầm với bà: «Ông ấy đã được cứu rồi». Bà ấy giật mình. «Vâng, ông ấy đã được cứu». Vì bà ấy không tin cha, cha đã cẩn thận đọc lại tất cả những lời của mình : «Tôi nói với bà rằng ông ấy đã được cứu, rằng ông ấy đang ở luyện ngục và chúng ta phải cầu nguyện cho ông ấy... Giữa lan can của cây cầu và mặt nước, ông ấy đã có thời gian để thực hiện một hành động ăn năn». Và một lần nữa, một lời giải thích giống như lời chúng ta biết : «Chính Đức Trinh Nữ thánh thiện nhất đã nhận được ân sủng của mình. Hãy nhớ thánh Đức Mẹ được nuôi dưỡng trong phòng bạn. Người chồng vô thần của bạn không phản đối điều đó... Đôi khi anh ấy còn tham gia cầu nguyện cùng bạn». - Ngược lại, cha cho người mẹ của một bé gái năm tuổi tin tức đáng kinh ngạc này : «Hãy cầu

nguyện cho cô ấy... Cô ấy đang phải chịu đau khổ rất nhiều ở luyện ngục... Tạ ơn Chúa vì đã đưa cô ấy đi khỏi bà, nếu không cô ấy sẽ bị nguyên rửa. Cô ấy quá trẻ để làm điều ác». - Ngược lại, khi một linh hồn đạo đức, cha nhìn thấy linh hồn ấy rõ ràng đến mức cha từ chối dâng lễ cho : «Linh hồn ấy không cần».

Đôi với cha, không có đêm nào khác - ngoài đêm địa ngục. Cha dường như vượt lên trên lịch sử và trái đất. Đến vô tận, những ánh sáng bên trong mà cha dõi theo bằng đôi mắt của mình ! Nhìn từ Montmartre, nơi này đẹp hơn Paris vào buổi tối rất nhiều. Tất cả những ánh đèn sân khấu và đèn đường có giá trị gì khi so sánh với ánh sáng chói lòa của rất nhiều sinh vật ? Một ngày nọ, cha Lebreton nói với tôi rằng trên thế gian này, chúng ta chỉ thấy được bùn lầy và bóng tối của con người, nhưng nếu từ giờ trở đi, chúng ta có một chút ánh nhìn của Chúa, thì khắp nơi sẽ chỉ toàn là những vệt lửa.

Rồi cha cũng sẽ sớm chết thôi. Cha chỉ còn sống được vài năm nữa thôi. «Cha xứ Ars sẽ không trụ được lâu nữa», đó là lời thúc giục của một người bạn vào năm 1857, một giáo sư văn học tại Khoa Nancy, ông Louis Lacroix, về việc không nên hoãn chuyến đi.

Phép lạ lớn nhất của người đàn ông bảy mươi một tuổi này, như cha Raymond đã nói, chính là sự sống. Người ta tự hỏi cha lấy đâu ra sức mạnh để sống sót. Những đêm kinh hoàng luôn khiến cha mất ngủ. Mặc dù cuộc vật lộn này không biểu hiện ra ngoài thông qua tiếng động và tiếng kêu la kể từ năm 1855, nhưng tiếng ho dai dẳng vẫn làm rung chuyển vị linh mục tội nghiệp và đây là một hình thức đàn áp mới. Vào ngày 23 hoặc 24 tháng 2 năm 1857, khoảng bảy giờ sáng, lửa đã tấn công vào rèm giường của cha khi cha đang giải tội. «Người đồ vật không thể bắt được con chim ; hắn đã đốt cháy lồng». Một số người, bao gồm cả Michel Givre, tuyên bố rằng sau khi mang đèn lồng đến nhà thờ, «cha tốt bụng» đã vứt bỏ que diêm chưa dập tắt và ngọn lửa đã âm ỉ trong gần năm giờ...

Trong mọi trường hợp, cha đều kiệt sức mỗi sáng vì mất ngủ : «Tôi phải tự kỷ luật bản thân hai hoặc ba lần, ông nói với Catherine Lassagne, để cơ thể tôi chuyển động. Điều đó đánh thức các sợi cơ». Cha Toccanier làm

chúng cha thường trở về nhà thờ trong tình trạng đói lả, buộc phải ngồi xuống vì chân không chịu nổi. Khi đó, cha vui mừng như người vừa lập được một chiến công lớn. Cha cười một cách sáng khoái; cha nói đùa, mắng xác chết của mình : «Thôi nào, Colon tội nghiệp của tôi, đứng dậy đi !» ám chỉ một kẻ say rượu có tên như thế, khi đã uống quá nhiều đến mức không thể đứng vững được nữa, cha sẽ tự gọi mình theo cách này để tự cho mình đôi chân. Tuy nhiên, cha không hoàn toàn bỏ bê bản thân. «Khuôn mặt và bàn tay của cha luôn sạch sẽ, móng tay được cắt tỉa cẩn thận. Còn về bộ râu, cha hơi vội, thường cắt nó cách sần sùi». «Cái vạt áo của cha, cha Tailhades đã ghi chú, được làm thô sơ và hầu như luôn cong vênh». Jeanne-Marie Chanay, người chăm sóc cha, đã làm chứng rằng cha thường xuyên thay khăn trải giường.

Cha đã có những giây phút kiệt sức nghiêm trọng. «Với tôi, có hai giờ khủng khiếp trong ngày», cha nói, «bảy giờ sáng và bảy giờ tối. Nhưng nếu cha gặp một linh hồn, cha sẽ được giải thoát, thậm chí là về mặt thể chất, khỏi mọi rắc rối của mình. Như Giáo sư Louis Lacroix, cha Monnin chứng thực - điều mà chúng ta thấy khó tin - cha luôn có «khuôn mặt tươi cười và thư thái». Phần còn lại của vị linh mục xứ Ars về cơ bản chính là toàn bộ câu chuyện của cha.

Danh tiếng chẳng làm cha lay động, ngoại trừ nỗi lo lắng. «Trong những chuyến viếng thăm của những nhân vật tên tuổi, Jeanne-Marie Chanay khẳng định, cha thích chuyến viếng thăm của một người phụ nữ nghèo xin bố thí hơn». Cha Monnin tò mò đến mức xem qua sổ đăng ký khách sạn ở Ars và cha ghi nhận những cái tên nổi tiếng nhất từ Pháp, Bỉ, Anh, những người đáng chú ý từ London, Dublin, Edinburgh, Brussels, Cologne, Munich, những du khách rời đi từ bờ sông Mississippi, Ohio và Plata. «Họ là những thể xác và tâm hồn», như cha Vianney đã nói vào tháng 10 năm 1855, khi theo dõi đoàn đại biểu chính thức từ Trévoux rời đi để chúc mừng cha về Huân chương Bắc đẩu Bội tinh.

Huân chương Bắc đẩu Bội tinh được trao tặng cho cha nhân ngày lễ của Đức Vua - thật trớ trêu ! - cho thánh Napoleon. Khi vị linh mục già nghe tin từ miệng của thị trưởng Ars, cha chỉ có một ý tưởng : «Tôi có được hưởng trợ cấp không ?... Vâng, vì người nghèo không được lợi gì từ nó, nên hãy nói với Hoàng đế rằng tôi không muốn hưởng». Tuy nhiên, huy chương vẫn được trao. Chẳng bao lâu sau, cha được yêu cầu mười hai quan cho chi phí của văn phòng thủ tướng : «Nhưng tôi đã từ chối !... Tôi muốn đầu tư số tiền này cho mười hai người nghèo ngày hôm nay». Cha Toccanier đã trả tiền cách bí mật. Vào tháng 11, giám mục Belley đã gửi

cho vị phụ tá chiếc hộp đựng huy chương và vào một buổi trưa, khi người đàn ông thánh thiện ở một mình trong phòng, cha phó, cùng với các Sư huynh, Catherine Lassagne và Jeanne-Marie Chanay, đã xuất hiện để trao nó cho ông.» Vị linh mục tốt bụng đáp, hãy vui mừng nhận nó như tôi vui mừng trao nó cho cha vậy». Điều này không ngăn cản các họa sĩ Gadola và Ramboz sau này thể hiện, ở phía dưới bức chân dung của cha, biểu tượng camail và cây thánh giá Napoleon : «Khi cái chết đến, cha vẫn để vượt mất, và rằng tôi sẽ trình diện trước Chúa với những điều vật vãnh này...

«Cha không coi trọng tất cả mọi thứ đang tồn tại trên thế giới, cha Toccanier đã nói như vậy trong *Phiên tòa*, tất cả những phát minh mới, tất cả những phong trào đang diễn ra xung quanh cha. Cha thậm chí còn không tò mò đi xem tuyến đường sắt chạy qua cách đó một quãng ngắn nhưng vẫn đưa đến cho cha một lượng lớn khách xa lạ mỗi ngày. Cha đã vay mượn rất ít từ sự tiến bộ ngoài một hình ảnh, mà cha đã sử dụng gần như suốt cuộc đời mình khi cha lên án những người xưng tội «cách hơi nước». Cha đã giữ khoảng cách nghiêm ngặt với các sự kiện chính trị, Catherine Lassagne viết, điều này không ngăn cản cha gặp thêm rắc rối với cảnh sát vào năm 1851. Tin đồn đã lan truyền ở Lyon rằng cha đã dự đoán «vụ ám sát Hoàng tử - Tổng thống trong

một cuộc xem xét». Một thanh tra đã đến để điều tra tại chỗ. Sau khi nhận được tất cả các lời trấn an từ thị trưởng của làng, cha đã phải để thăm vấn như nghi phạm. Vì thế, cha bước qua cánh cửa của phòng thánh nổi tiếng. Mười phút sau, cha bước ra trong nước mắt: mọi người nghĩ rằng cha đã thú tội. Tuy nhiên, chúng ta phải công nhận rằng cha Vianney - dưới ảnh hưởng của ấn tượng bản năng hay siêu nhiên nào ? - luôn cảm thấy vô cùng ngờ vực đối với Napoleon III tương lai. Ngay từ năm 1849, khi những biện pháp ngoạn mục có thể khiến người ta tin vào một triều đại có lợi cho người Công giáo, cha đã khuyên ông de Maubou : «Bạn tôi ơi, đừng chấp nhận bất kỳ việc làm nào trong chính phủ mới. Một ngày nào đó Louis-Napoleon sẽ trở thành kẻ thù của Giáo hội».

Vào cuối đời, cha nổi tiếng là một người có tầm nhìn xa đến mức chúng ta có thể kể đến hơn hai mươi nhà sáng lập các dòng tu đã tìm đến cha để xin lời khuyên chỉ sau vài năm. Những thành viên nổi tiếng nhất của giáo phận đã đến thăm cha, chẳng hạn như Hồng y de Bonald, Tổng giám mục Lyon, người sau khi rời khỏi nhà xứ đã tâm sự với cha Toccanier : «Cha nhìn nhận mọi việc từ trên cao». Giám mục Dupanloup cần được an ủi, vì ngài sợ chức giám mục của mình ; ngài thú nhận : «Có nhiều giám mục trong Tử đạo học, vị linh

mục tội nghiệp đau đớn trả lời, và hầu như không có cha xứ nào... Tôi phải run rẩy». Tuy nhiên, vào ngày 16 tháng 2 năm 1857, khi được cha Monnin yêu cầu cử hành Thánh lễ cho một đứa trẻ hấp hối vào ngày hôm trước và đã hứa sẽ làm như vậy, cha đã rút lui vào phút cuối và hoãn lại đến ngày hôm sau : «Bạn của tôi, cha phản đối với cha Monnin, tôi buộc phải cầu nguyện cho quý ông này». Và cha chỉ ra một người hành hương trong số những người khác : «Như chúng tôi được đảm bảo, cha Monnin đưa tin, ông ấy là một giám mục ẩn danh».

Người kế nhiệm Giám mục Devie, Giám mục Chalandon, được thăng chức Tổng giám mục Aix vào đầu năm 1857. Người kế nhiệm ông là Giám mục de Langalerie. Hiếm khi nào sự tôn trọng và tình bạn của các giám mục dành cho một trong những linh mục của họ lại nổi bật đến vậy. Họ chăm sóc cha từng khoảnh khắc tình trạng. Và thậm chí còn nhiều hơn người ta nghĩ. Một trong những sáng kiến của Giám mục Chalandon là yêu cầu cha hủy bỏ di chúc mà cha để lại cơ thể mình cho Dardilly : «Chỉ cần tâm hồn tôi ở cùng Chúa thì nơi nào còn lại cũng không quan trọng». Và cha Vianney đã ký vào ngày 10 tháng 10 năm 1855, một văn bản mới có nội dung như sau : «Tôi để lại cơ thể mình sau khi chết cho Giám mục Belley tùy ý sử dụng.» Sự khẳng khẳng

này của vị giám mục được giải thích bởi sự lo lắng tốt độ mà sự yếu đuối của cha Vianney khiến bạn bè cha phải chịu đựng. Một tháng sau, vào sáng ngày 19 tháng 11, cha Toccanier nhận được bức thư sau : «Người bạn tốt của tôi, tôi vô cùng đau buồn khi biết tin về tình trạng sức khỏe của cha xứ tốt bụng của chúng ta. Tôi cấm cha ấy đọc kinh nhật tụng khi cha không cho phép. Tôi sẽ nói điều đó nhân danh cha ấy như nhân danh tôi, và cha ấy sẽ dâng những đau khổ của mình lên Chúa vì tôi. Tất cả đều của bạn. Georges, Giám mục của Belley»

Giám mục de Langalerie sẽ không làm gì ít hơn. Vừa mới được bổ nhiệm, ngài đã «dành gần một giờ đồng hồ riêng với vị linh mục», theo lời kể của Sư huynh Athanase. Họ cùng nhau cầu nguyện, quỳ trên sàn nhà, trong phòng của vị thánh tốt lành của chúng ta, người mà sau đó ngài phải xin một miếng bánh mì. Sự xấu hổ thật lớn. Tuy nhiên, họ vẫn tìm được một ít và phục vụ cho Đức Cha cùng với sữa, trên chiếc bàn tồi tàn, tro trụi và ọp ẹp của vị linh mục. Đức Cha có vẻ hạnh phúc trong cảnh nghèo khó của mình và, sau khi được xin lỗi, ngài trả lời rằng ngài rất vui khi được chia sẻ cảnh nghèo khó của cha xứ.» Cảnh nghèo khó này tạo nên một loại bí tích. Có lẽ vào ngày hôm đó, khi giải tội vị giám mục của mình, cha Vianney đã đưa ra lời khuyên duy nhất : «Hãy yêu thương các linh mục của mình thật

hiều... Hãy yêu thương các linh mục của mình thật nhiều».

Phần cha, cha chỉ nghĩ đến những linh hồn, cha bị ám ảnh bởi những linh hồn. «Tôi giống, cha tuyên bố, một người hành hương, Georges Seigneur, một con nhím lăn trên mặt đất để hái táo. Tôi lăn trên mặt đất để hái những linh hồn». Cha theo đuổi họ cho đến khi kiệt sức. Không có gì lay động cha bằng đức tin của họ. Cha Monnin, một nhân chứng, kể lại sự kiện gây sốc sau đây: «Vào tháng 2 năm 1857, một người phụ nữ trong dân chúng đã đến Ars, mang trên cổ một đứa trẻ tám tuổi không thể đi được. Trong suốt hai mươi bốn giờ, người phụ nữ này bám chặt với sự ngoan cố tuyệt vọng vào từng bước chân của cha xứ, theo dõi xung quanh tòa giải tội của cha, vội vã chạy đến gặp cha ngay khi cha xuất hiện, và cho cha xem đứa con của mình bằng một cử chỉ và ánh mắt biểu cảm trong năng lượng cầu xin của họ đến nỗi người ta phải xúc động đến tận đáy lòng.

«Cha Vianney đã ban phước cho đứa trẻ này nhiều lần và đã nói những lời an ủi và hy vọng với người mẹ. Sau khi cả hai đã ở trong nơi nghỉ ngơi mà họ đã chọn để nghỉ đêm : «Mẹ ơi, đứa trẻ nói, mẹ sẽ mua cho con đôi guốc, vì cha xứ đã hứa với con rằng ngày mai con

sẽ đi được.» Hoặc cha xứ thánh thiện có thực sự hứa với người đưa bé bất hạnh này, hoặc đứa bé này đã nhầm lẫn, trong sự tự tin ngây thơ của mình, qua những lời nói và ánh mắt khích lệ,... dù trường hợp nào đi nữa, đôi guốc cũng đã được mua theo lời khuyên của những người dân sống cùng cặp đôi bất hạnh này.

«Ngày hôm sau, trước sự ngạc nhiên của mọi người, đứa trẻ bị treo lủng lẳng một cách đau đớn trên cổ mẹ mình đã chạy quanh nhà thờ như một con thỏ và nói với bất kỳ ai chịu lắng nghe : «Con được chữa lành... Con được chữa lành». Người mẹ đáng thương giấu niềm vui, nổi bối rối và nước mắt của mình trong bóng tối của một nhà nguyện.

«Chúng tôi đã nhìn thấy bà ấy, cha Monnin nói rõ, chúng tôi đã thăm vấn bà ấy, chúng tôi muốn giới thiệu bà ấy với vị linh mục thánh thiện, vào lúc cha đang chuẩn bị dâng lễ, - tức là khoảng bảy giờ sáng. Người phụ nữ này cần nhìn thấy cha, để nói chuyện với cha, để quỳ xuống dưới chân cha... Cha Vianney đã tiếp nhận yêu cầu của chúng tôi bằng sự im lặng lạnh lùng và gần như nghiêm khắc, khiến chúng tôi không thể tiếp tục kiên trì. Sau thánh lễ, chúng tôi đã thực hiện một nỗ lực mới và thành công hơn : «Thưa cha, người phụ nữ này xin cha giúp bà ấy tạ ơn Thánh nữ Philomena». Cha

quay lại và lặng lẽ ban phước cho người mẹ và đứa trẻ. «Sau đó, với vẻ mặt vô cùng thất vọng và giọng điệu thực sự bất mãn, cha thốt lên những lời đáng ngưỡng mộ này : Thánh nữ Philomena đáng lẽ phải chữa khỏi bệnh cho đứa trẻ này ở nhà.» Đó là một đứa trẻ đến từ Saint-Romain, tên là Dévoluet.

Cha theo đuổi các linh hồn bằng trái tim linh mục của mình ở khắp mọi nơi trên trái đất. «Ngài nói, Catherine Lassagne kể lại : Tôi không thể không cầu nguyện cho những tội nhân. Cầu nguyện cho các linh hồn trong luyện ngục là điều rất tốt, nhưng họ được đảm bảo về hạnh phúc của mình. Nhưng những tội nhân tội nghiệp đang trên đường xuống địa ngục... Chúng ta phải cầu nguyện cho những tội nhân tội nghiệp». Cha Toccanier khẳng định rằng đây là mối quan tâm suốt đời của cha. Một ngày nọ, tôi nói với cha : «Cha ơi, nếu Chúa nhân từ cho cha lựa chọn hoặc là lên thiên đàng ngay lập tức hoặc tiếp tục làm việc như cha vẫn làm để cải đạo những người tội lỗi, thì cha sẽ làm gì ? - Con sẽ ở lại. - Nhưng trên thiên đàng, không phải các thánh rất hạnh phúc sao ? Không còn đau đớn, không còn cảm dỗ nữa. - Vâng, cha trả lời, các thánh trên thiên đàng rất hạnh phúc, nhưng họ là những người về hưu. Tuy nhiên, họ đã làm việc chăm chỉ, vì Chúa trừng phạt sự lười biếng và chỉ thưởng cho công việc, nhưng họ không còn có

thể, giống như chúng ta, giành được các linh hồn cho Chúa thông qua công việc và đau khổ. - Nếu Chúa để cha ở đây dưới thể này cho đến tận thể, cha sẽ có nhiều thời gian phía trước. Cha sẽ không phải dậy sớm như vậy sao ? - Ồ, bạn của tôi, tôi sẽ luôn thức dậy vào lúc nửa đêm. Không phải sự mệt mỏi làm tôi sợ hãi.» Và luôn luôn là nỗi lo lắng cố hữu : «Tôi sẽ là linh mục hạnh phúc nhất nếu không có suy nghĩ rằng người ta phải ra trước tòa án của Chúa với tư cách là một cha xứ».

Năm nay 1859 sẽ là năm cuối cùng. Theo hăng vận tải François Pertinand, số lượng người hành hương lên tới tám mươi ngàn người, chỉ tính riêng những người đi phương tiện công cộng. «Tôi ước tính, cha nói, tổng số là từ một trăm đến một trăm hai mươi ngàn. «Lễ hội» của vị linh mục ở khắp mọi nơi trong làng, trong các cửa hàng, trong giỏ của những người bán hàng rong, trên bức tường nghĩa trang thấp. Nó được bán với mọi giá, đủ mọi màu sắc và đủ mọi kích cỡ. Những người ăn xin cũng kéo đến. Một giáo dân dũng cảm, cô Berger, để thay thế chủ chăn của mình, đã đưa đồng xu cho một người đàn ông nghèo đang bao vây nhà thờ và muốn đuổi ông ta đi. Nhưng ông ta phản đối : «Không, tôi đang đợi cha xứ vì cha luôn bắt tôi thay áo».

Điều mạnh mẽ nhất là năm này qua năm khác cha đều bán mình cho người nghèo. Marie Ricotier thực tế đã mua chiếc răng cuối cùng của cha theo hợp đồng - một tá. Vào thời điểm đó, cha cảm thấy có nghĩa vụ phải nhờ chúng ra, và khi cha mang chiếc đầu tiên đến cho «chủ nhân» của nó, cô ấy phản đối dữ dội đến mức cha chỉ giao chúng sau khi chúng đã rơi ra. Nhưng sau khi nhờ một cái răng, bác sĩ nha khoa đã đến trả lại năm quan cho giáo dân dùng cảm của mình. Chúng ta hiểu tiếng kêu thoát ra từ cha vào năm 1854, nhân dịp công bố tin điều Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã mang lại cho cha niềm vui lớn lao : «Về phần tôi, nếu tôi có thể bán mình để dâng hiến cho Đức Trinh Nữ Maria, tôi sẽ bán mình».

Cả ngôi làng tràn ngập bầu không khí kỳ diệu. Tuy nhiên, đôi khi vị linh mục thánh thiện ngần ngại can thiệp khi thấy mình phải đối mặt với một tâm hồn quảng đại : «Người ta không nên gỡ bỏ cây thánh giá khỏi vai những người đã biết cách mang nó một cách tốt nhất. Chúng ta phải nhìn thấy mọi thứ ở Chúa.» Vì vậy, cha từ chối mọi cử chỉ nhỏ nhất. Những người hành hương thậm chí còn dùng kéo cắt áo lễ hoặc áo choàng cũ của cha ; một số người còn dám cắt tóc cha. Cha Raymond đã phê phán nghiêm khắc và hạn hẹp tất cả những biểu hiện này. Bằng một loại trả thù của lịch sử, chính cha

Raymond là người giúp chúng ta ngày nay hiểu rõ nhất ngọn lửa thánh thiện mà từ đó tất cả những ngọn lửa rực rỡ này bùng lên. Đầu tiên, cha tố cáo cha Vianney tốt bụng có một điểm yếu nào đó đối với sự kỳ diệu, trong khi thừa nhận rằng cha Raymond đã khiêm nhường tuân theo lời khuyên thận trọng của cha khi còn trẻ. Sau đó, viên thư ký nóng nảy tấn công những «chủ đất quan tâm (bằng cách) phóng đại, theo cách riêng của họ, những điều kỳ diệu đến mức làm kinh ngạc một cách thích thú những người cả tin đã vội vã rao truyền chúng ở mọi nơi họ đến». Mặt khác, dù cha xứ của cha đã nói với cha nhiều lần : «Hãy nghe, hãy nghe tiếng móc câu», nhưng cha Raymond không bao giờ nghe thấy bất cứ điều gì. Cuối cùng, người làm phép lạ luôn từ chối sự xác minh và đánh giá của chuyên gia : «Cần gì phải chứng nhận việc chữa lành ? Chúng ta không có đủ người bệnh sao ? Họ chắc chắn sẽ chạy đến. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến việc yêu một Thiên Chúa tốt lành như vậy». Thật đáng tiếc ! Những lời nguyện cầu dành cho Thánh nữ Philomena không chứng minh được điều gì cả. Sau khi bản cáo trạng này được lập ra, cha xứ mới của Jayat đã buột miệng nói một câu ngắn gọn, gần như là một lời nói bên lề, nhưng với chúng tôi, nó đáng giá bằng tất cả vàng trên thế giới. Cha đồng ý với cha Vianney sự tìm kiếm độc quyền về vinh quang của Chúa và sự từ bỏ

đến mức, ngài nói, trong mọi trường hợp, chúng ta khó có thể dám chứng kiến một sự chữa lành nào trước sự hiện diện của cha, ngay cả khi đó là một phép lạ thực sự.» Những gì cha Raymond chưa từng nhìn thấy bằng mắt hay chạm vào bằng tay, những gì tâm trí cha quyết tâm nghi ngờ, giờ đây cha tiếp cận theo một con đường hoàn toàn khác. Ý chí của riêng cha Vianney rõ ràng đã lạc lõng trong ý chí của Thượng đế đến nỗi việc tách rời chúng - dù chỉ trong một khoảnh khắc, - và thậm chí chỉ vì sự thận trọng đơn thuần, đối với cha dường như là một sự tấn công phạm thánh. Có một phẩm giá không thể thấu hiểu được của các thánh nhân trên thế gian này khiến cho những ai sắp thử thách phương tiện của họ phải run sợ.

Chính sự rạng rỡ bên trong đã tỏa sáng vùng đất kỳ diệu này trong những tháng cuối cùng của một cuộc tồn tại dài lâu ; đây là điều chứng thực sức sống của cha già của Đức Chúa Trời, vẫn đầy ân điển và quyền năng. Những «cộng sự» mới của cha Vianney rõ ràng nhận ra điều này. Trái tim và trí thông minh của họ cuối cùng đã mang lại cho cha sự hỗ trợ mà cho đến bây giờ cha vẫn còn thiếu : «Chúa cho tôi được ăn bánh mì trắng vào cuối đời», cha nói về họ. Cha biết rằng những người già nghèo khổ cần bánh mì». Không phải là lúc để thảo luận về Ars nữa ; bằng chứng đã có rồi : Ars cháy sáng,

ngày và đêm, với tình yêu dành cho Chúa.

Vào thời đó, cha xứ không thể so sánh đã xuất hiện như cha Monnin đã biết và cho chúng ta biết. Không còn như lúc ban đầu nữa. Khi nó kết thúc. Người ta có xu hướng nói như trong chính bản thân mình, bởi vì khó có thể phủ nhận đó là sự xuất hiện mang tính quyết định của nhân cách con người của cha Vianney. Cha chưa bao giờ xuất hiện tốt như vậy trước những người cùng thời, bởi vì cha chưa bao giờ được bao quanh bởi những người như vậy. Tuy nhiên, ở nhiều điểm, phán đoán của họ cần phải được đối chiếu với dữ liệu bên trong, với bí mật ẩn chứa bên trong nó.

Buổi tối, khi vừa từ tòa giải tội trở về nhà, cha thấy các anh em linh mục trẻ tự đứng dậy khi thấy cha đến gần, cha đỏ mặt vì bối rối : «Ngồi xuống... Ngồi xuống.» Điều này không ngăn cản cha, khi cuộc họp trong phòng cha kết thúc, vẫn yêu cầu được đi cùng họ đến cầu thang, mặc dù cha rất mệt mỏi và khó chịu. Không thể nào ngăn cản cha được. Ngay cả đối với người thực tập trong số người «đồng chí» của mình, công thức của cha luôn là : «Tôi xin gửi lời kính trọng đến các bạn». Đối với những người giáo dân, theo ông des Garets, cha nói : «Tôi rất vinh dự được chúc các bạn buổi tối tốt lành».

«Vào cuối những ngày nặng nề, mệt mỏi, vất vả này, cha Monnin kể, đó là khoảnh khắc mà cha xứ Ars thể hiện mình với sự thân thuộc, ấm áp và từ bỏ nhất. Đứng bên cạnh lò sưởi hoặc trước chiếc bàn nhỏ của mình, tùy theo nhu cầu mà cha cảm nhận ngọn lửa của lò sưởi trên đôi chân tê cóng của mình, khuôn mặt rạng rỡ, ánh mắt giãn ra, không khí vui vẻ, sự ngây thơ và niềm vui của tâm hồn cha nở rộ thành ngàn tia sáng lấp lánh, thành ngàn từ ngữ đầy hình ảnh... Mặc dù cha rất thích sự tĩnh lặng, nhưng cha Vianney lại có một tâm hồn cởi mở và sự tuôn trào vô bờ bến. Khi trò chuyện, cha vừa hoang phí vừa kín đáo. Để tránh những lời nhận xét có thể làm tổn hại đến lòng khiêm nhường của mình và theo kinh nghiệm, cha biết mình sẽ phải chịu đựng những lời nhận xét đó, cha cố gắng giữ im lặng hết mức có thể và có vẻ sợ phải trả lời. Nếu cha nói về bản thân mình, điều này hiếm khi xảy ra, thì một phần lý do xuất phát từ sự khiêm nhường của cha chính là nhu cầu mở rộng của cha. Sự tự do mở lòng với một số ít người dường như là sự hỗ trợ cho sự yếu đuối của cha... Hơn nữa, cha không bao giờ bộc lộ hoàn toàn bản thân mình: cha dẫn bạn đến cánh cửa tâm hồn cha và dừng bạn lại ở đó».

Cha có khiếu thẩm mỹ về cảnh đẹp. Với cha Monnin, người đã hỏi cha làm thế nào để đến với Chúa : «Giống như một viên đạn đại bác.» «Cha nói về những điều bí

ần của thế giới bên kia như thể cha đã trở về từ đó và về sự phù phiếm của thế giới này với sự mỉa mai nhẹ nhàng và dễ chịu đến nỗi người ta không thể không bật cười. Khi cha nói, sự thân mật ngày càng lớn hơn...» Cha không thiếu sự chua chát. «Một nữ tu tốt bụng đã tâm sự với cha rằng, thưa cha, người ta thường cho rằng cha là người thiếu hiểu biết. - Người ta không nhầm đâu, con gái ạ, nhưng dù sao thì ta cũng sẽ nói cho con biết nhiều hơn con nghĩ». Một vị khách vui vẻ và béo tròn đã thiếu thận trọng khi nói với cha rằng : «Khi cha lên thiên đàng, tôi sẽ cố gắng giữ chặt chiếc áo thầy tu của cha. - Bạn tôi ơi, hãy cẩn thận nhé. Lối vào thiên đường rất hẹp. Cả hai chúng ta đều ở lại cửa». Nhưng vì sợ làm mất lòng người đối thoại tốt bụng nên cha đã ngay lập tức xin lỗi.

Không thể xóa bỏ được sự kiểm soát nhất định, nếu không muốn nói là sự căng thẳng nhất định, khỏi khuôn mặt cha. «Cha không bao giờ cười, cha Monnin nói, ngoại trừ nụ cười từ tâm hồn hiếm khi nở trên môi cha». Nhà truyền giáo nói thêm : «Thần khí của Thiên Chúa ở trong cha đã ban cho từng lời nói của cha sự chính xác, giản dị và kịp thời không gì so sánh được». Những lời nói vui vẻ xuất phát từ trái tim. Chúng tôi sẽ sưu tầm những lời nói của cha.

Khi cha Toccanier trở về sau một thời gian dài vắng mặt, cha đã kêu lên và ôm chặt cha Toccanier vào lòng: «Ôi ! Bạn tôi ơi, bạn đây rồi ! thật hạnh phúc ! Tôi thường nghĩ rằng những kẻ bị nguyên rửa hẳn phải rất bất hạnh khi phải xa cách Chúa, vì chúng ta đã phải chịu quá nhiều đau khổ khi không có những người mình yêu thương». Cha ấy nhận thấy rằng cha Toccanier cũng bị cúm. «Buổi tối, sau khi cầu nguyện, thật bất ngờ khi thấy vị linh mục đáng kính của tôi, tay cầm đèn lồng, bất chấp thời tiết xấu và đêm tối, đến với tôi : «Bạn của tôi, tôi nhận thấy bạn ho rất nhiều. Tôi không mệt. Nếu bạn muốn, tôi sẽ cử hành thánh lễ đầu tiên thay bạn và tôi sẽ lo giáo lý cho trẻ em.» Một lần khác, người bệnh là một nhà truyền giáo, cha Monnin. «Để bất kỳ nỗ lực chống cự nào cũng trở nên bất khả thi, cha đột nhiên bước ra khỏi tòa giải tội, bất ngờ lên bục giảng và ngồi xuống trước mặt tôi : «Tôi đã cầu xin Thánh nữ Philomen, cha nói khi thấy tôi đau đớn tột cùng, ban cho tôi bệnh của cha». Vì trời mưa và cha Monnin không có ô, nên cha đã gửi xe đi mua một chiếc ô, cụ thể là ở Ville-franche.

Có lẽ cha vẫn luôn như vậy, nhưng cha chưa bao giờ có nhiều cơ hội để thể hiện bản thân đến vậy. Trên thực tế, người ta nói rằng sau cái chết của cô xứ Ars vào năm 1828, cha đã than thở : «Cô gái trẻ tội nghiệp! Thật buồn

khi không còn thấy cô ấy trong nhà thờ với chiếc ghế dài tồi tàn của mình nữa». Bà des Garets, người rất xúc động, đã chứng thực điều này tại *Phiên tòa* : «Cha thích những biểu hiện của tình bạn và thường đáp lại chúng bằng sự nồng nhiệt... Thật khó hiểu làm sao cha có thể tạo ra một tác động mạnh mẽ như vậy đối với trái tim đau khổ». Ngay cả chức vụ trước đó của cha, rất nhiều khía cạnh vẫn còn bị che giấu, cũng phải được xem xét theo góc độ này. Vẫn là bà des Garets. Bà nhớ lại cái chết của một thiếu niên : «Con trai tôi bị bệnh nặng và gần như sợ cha sứ, vì sợ rằng ông sẽ nói với con về cái chết. Tôi nhận thấy cha biết cách tiếp cận gần gũi với con, nói với con về những gì cha muốn nói. Trên hết, cha nhắc nhở con về những lần chữa lành đang diễn ra ở Ars. Bằng cách này, cha đã thấp lại hy vọng trong trái tim của chàng trai trẻ, đồng thời chuẩn bị cho con để nhận các bí tích cuối cùng mà cha đã ban cho con khi đến lúc».

Ở độ tuổi này, cha không chỉ thể hiện sự tự phát tuyệt vời trong cảm xúc mà còn thể hiện sự sáng tạo thực sự của tuổi trẻ. Cha Monnin, sau cha Raymond, nhấn mạnh vào sự hấp dẫn không hề hối hận mà cha đã thể hiện đối với khía cạnh huyền thoại trong cuộc sống của các vị thánh. Cha không quan tâm đến sự vô lý của những sự kiện đang diễn ra. Những câu chuyện này chứng minh

Chúa là Chúa : chúng ta luôn đúng khi làm như vậy.
«Mặt trời không ăn mình vì sợ làm phiền loài cú».

Sự thiếu kỷ luật này trái ngược với tính nghiêm khắc của cha trong những lĩnh vực khác. Cha hiểu Phúc Âm và giáo lý của Giáo hội theo nghĩa đen. Cha nắm chặt nó như thể nó là một tài liệu trong số các tài liệu. Cha tôn trọng từng chút một. Cha đã xem xét kỹ sự thật. Với một cô gái trẻ cười nhạo giáo lý của mình, cha trả lời một cách gay gắt : «Đó không phải là lời của ta, con ạ... Đó là lời của Chúa. Người ta không chế giễu Chúa».

Đây là bức chân dung được vẽ ra bởi cha Monnin, người bạn đồng hành thân thiết, với cha Toccanier, trong thời gian gần đây. Chúng ta cảm thấy, như thể bất chấp bản thân, một sự nhẹ nhõm khi cùng cha chiêm ngưỡng khuôn mặt sống động, di động và đời thường của vị linh mục già, vượt ra ngoài những nếp nhăn và dấu thánh khắc khổ của sự sám hối. Tuy nhiên, liệu có thể thoát khỏi một số nghi ngại : phải chăng cha Vianney của cha Monnin có phần quá khác biệt so với người mà chúng ta biết ? Nhà truyền giáo ở Ars đã dẫn chúng ta đi lạc một chút ?

Sau khi nghe người anh em linh mục tốt bụng của mình trên bục giảng, cha xứ Ars đã nói với cha : «Cha đang dẫn chúng tôi lên thiên đàng trên cây cầu hoa.»

Thật vậy, người tu sĩ Dòng Tên tương lai có khuynh hướng phát triển các giáo điều an ủi và làm sáng tỏ những khía cạnh hạnh phúc của cuộc sống. Khi viết tiểu sử của bậc thầy thánh thiện của mình, cha Monnin đã thu thập những ghi chép hàng ngày của ngài, và người ta khó có thể nói về những ký ức : cha Monnin vẫn đang ở giai đoạn ghi nhớ. Tính xác thực của những sự việc mà cha Monnin tường thuật với tư cách là nhân chứng là không thể chối cãi. Hơn nữa, nhà thuyết giáo hiểu cha già bằng cả tâm hồn và trái tim mình. Theo một cách nào đó, câu chuyện của cha không thiếu điều gì. Chỉ có giọng điệu, trong những đoạn hay nhất là sống động với cuộc chạm trán quyết định và truyền tải tốt sự nghiêm túc của nó, có vẻ hơi mất kiểm soát. Nó giàu tính phần chân và tuổi trẻ gần như thơ mộng : đây chính là nét duyên dáng của nó, nhưng nó không giới hạn phác thảo của sự kiện một cách đơn giản. Không phải là những sự tương phản trong một cuộc phiêu lưu phức tạp như của cha xứ Ars là điều không thể ẩn giấu khỏi chúng ta. Nhưng luôn luôn dưới một sự cường điệu nhất định trong cách diễn đạt, người ta phải tìm thấy ở ông những nét chính xác nhất và những ký hiệu hiếm nhất.

Cha Monnin đã đúng khi kể cho chúng ta về cha Vianney : «Nếu bạn bóp trái tim cha như một miếng bọt biển, thì không một giọt cay đắng nào chảy ra. Tuy

nhiên, chính cha đã nói với chúng ta về «khuôn mặt
 gầy gò và bị hủy hoại này, có thể nói như vậy, nơi mà
 người ta không thể đọc được bất cứ điều gì trần tục
 hay con người». Cha Monnin đã gọi lên cho chúng ta
 cái nhìn của vị linh mục thánh thiện : «Đó là trung tâm
 của sự dịu dàng và lòng thương xót». Nhưng chính cha
 Monnin cũng là người đã dạy chúng ta biểu hiện quen
 thuộc nhất «của khuôn mặt này», khi nó ở trạng thái
 nghỉ ngơi, «là biểu hiện của một nỗi buồn siêu nhiên.»
 Không còn nghi ngờ gì nữa, như cha Toccanier đã
 tường thuật, cha già đã lặp lại : «Thời tiết luôn tốt đẹp
 đối với người công chính. Thời tiết chỉ xấu đối với kẻ
 tội lỗi.» Theo báo cáo của hai người bạn cha, một trong
 những đặc điểm của đời sống tâm linh của cha là «một
 sự hoang vắng sâu thẳm bên trong».

Với cha phó của mình, cha nói : «Khi cha ở đây thì
 vẫn ổn, nhưng khi tôi một mình thì tôi chẳng có giá trị
 gì. Tôi giống như những con số 0 chỉ có giá trị khi đứng
 cạnh những con số khác». Và thật đáng tiếc khi đảo
 ngược những lời lẽ tuyệt vời của một vị thánh đang ở
 ngưỡng cửa vĩnh hằng, cha nói thêm, ám chỉ đến sự «vô
 hiệu» của mình: «Tôi vẫn chưa sống một ngày nào».

«Thật đáng thương cho tôi ! cha rên rỉ, tôi không biết
 ai bất hạnh hơn tôi». Có một giọng nói đã nói với cha :

«Giải cứu một linh hồn khỏi tội lỗi còn đẹp lòng Chúa hơn tất cả», nhưng cha vẫn thấy không thể chịu đựng được việc làm một «linh mục», nghĩa là «cha xứ».

«Ôi, cuộc sống thật buồn !» cha Monnin kể lại cha đã lặp lại điều này nhiều lần, vài tháng trước khi qua đời, với sự nhẹ nhàng ẩn chứa nỗi đau khôn tả. So với những cuộc khủng hoảng trước đây, cha biểu lộ một cảm giác mới, một lý do mới để choáng ngợp. «Tôi chán chết trên mảnh đất khốn khổ này, tâm hồn tôi buồn đến chết. Tại tôi chỉ nghe những điều đau đớn xé nát trái tim tôi... Tôi không có thời gian để cầu nguyện với Chúa. Tôi không thể chịu đựng được nữa. Hãy nói cho tôi biết - cha luôn quay lại vấn đề này - liệu có phải là một tội lỗi lớn khi không vâng lời giám mục của tôi bằng cách bí mật rời khỏi đây không ?» Ngay cả trong giáo lý của mình, cha cũng bày tỏ sự chán nản theo cách riêng : «Không, không, không có gì trên thế gian này bất hạnh hơn một linh mục... Cuộc đời linh mục dành để làm gì ? Nhìn thấy Chúa nhân từ bị xúc phạm... Một linh mục chỉ thấy điều đó, ngài chỉ nghe điều đó, những ngày như Thánh Phêrô trong tòa án của Philatô. Linh mục luôn nhìn thấy trước mắt Chúa chúng ta bị sỉ nhục, chế giễu, khinh miệt, phủ đầy sự sỉ nhục... một số người khắc nhở vào mặt Ngài, những người khác tát Ngài ; những người khác đội cho Ngài một vòng gai ; những người

khác đánh Ngài bằng những đòn rất nặng. Họ đẩy Ngài đi, họ đóng đinh Ngài, họ đâm thủng tim Ngài... À! Nếu tôi biết linh mục là gì thì thay vì đến chủng viện, tôi đã nhanh chóng chạy trốn đến La Trappe».

Cha hẳn đã thực sự bị đẩy đến giới hạn và ra khỏi chính mình, và cũng hẳn đã tìm thấy rất nhiều tình cảm ở bên cạnh để một ngày nào đó dám thốt ra tiếng kêu khủng khiếp này, giống như một sự trả thù khủng khiếp cho ba mươi năm anh hùng sống trong tòa giải tội : «Lạy Chúa, con còn phải ở với tội nhân đến bao giờ ! Khi nào con mới được ở với các thánh ?»

1859: chúng tôi lập lịch và thu thập một số thông tin.

Vào tháng 2, một nhà ngoại cảm 27 tuổi đến từ Lyon, Antoine Saubin, muốn thử nghiệm khả năng bói toán của cha già. Sau thánh lễ, khi đang thay áo lễ, cha thấy anh ta bước vào phòng thánh và nói với anh ta, mà không cần anh ta giải thích trường hợp của mình : «Tất cả những ảo ảnh của anh chỉ là ảo ảnh của ma quỷ để lừa dối anh. Đừng lui tới những ngôi nhà này nữa. Hãy làm một tuần cửu nhật kính Đức Mẹ Fourvière. Mọi thứ sẽ chấm dứt». Hai năm sau, chàng trai trẻ bước vào tu viện Dòng la Trappe.

Vào tháng 3, cha khuyên bà Ladreyt cầu nguyện cho người giải tội trước đây của bà, người đã qua đời ba tháng trước và bà chưa từng nhắc đến : «Kể từ khi cha ấy qua đời ở Ajaccio, cha ấy đã phải chịu đau khổ trong luyện ngục vì đã quá khoan dung với những người ăn năn».

Cùng tháng đó, cha đã gọi cô Ménettrie giữa đám đông, người đang hành hương cùng một người chị gái có phần bất thường, mà cậu con trai nhỏ đang bị bệnh. Cha nói với bà, chỉ vào người mẹ : «Bà phải tha cho cái đầu và trái tim tội nghiệp này. Hãy quay lại. Khi bà đến nơi, bà sẽ thấy đất nghĩa trang mới được lật lên».

Có phải vào khoảng thời gian này mà cặp đôi Janody-Badoux, những người gác cổng tại quận Bourg-en-Bresse, mang theo cô con gái bốn tuổi của họ, Josephine, bị điếc, câm, bất lực và ngu ngốc ? Cha Vianney nhìn đứa trẻ với lòng thương cảm, làm dấu thánh giá trên trán và vuốt ve má đứa trẻ. Ngay lập tức, cô bé trượt khỏi vòng tay mẹ và bắt đầu chạy như một con chồn nhỏ. Bây giờ cô bé có thể nghe được và đã lấy lại được trí thông minh. Chỉ có điều, cô bé không thể nói được. «Cha ơi, người mẹ cầu xin, cha sẽ không trả lại cho con bé khả năng nói sao ? - Tốt hơn cho tâm hồn cô ấy là cô ấy nên im lặng», vị thánh trả lời.

Vào tháng 5, trong một bài giảng buổi tối, cha đã nói với giáo dân của mình : «Trước đây, tôi là người đến nhà anh chị em và anh chị em không bao giờ từ chối tôi bất cứ điều gì. Tôi cảm ơn anh chị em vì điều đó. Ngày nay, chính cha Truyền giáo đã thay thế tôi... Nhưng nhà truyền giáo vẫn là tôi và tôi là nhà truyền giáo trong trái tim mình.» Mọi người đều cảm thấy như mình đang lắng nghe ý muốn của mình.

Ngày 23 tháng 6 là Ngày lễ truyền thống của Chúa Kitô. Cha Vianney yếu đến nỗi không thể mang Mình Thánh Chúa trong suốt cuộc hành trình ; cha sẽ hoàn toàn không thể lặp lại câu nói cũ của mình : «Đáng mà tôi đã cưu mang cũng đã cưu mang tôi.» Có sự tham gia của nhạc cụ của trường Cao đẳng Dòng Tên Montgré. Cha Vianney «vui sướng tốt độ» khi nghe tiếng kèn đồng.

Cùng lúc đó, xảy ra cuộc chiến tranh Ý. Những chiến thắng đẫm máu và nghèo nàn của Pháp tại Magenta vào ngày 4 tháng 6 và tại Solferino vào ngày 24. Người ta đã hát thánh ca *Te Deum* trong các nhà thờ : trong khi hát thánh ca, vị thánh không bao giờ ngừng khóc. Vào đầu tháng 7, «cha, người quá dè dặt trong việc đánh giá các sự kiện thế gian, mà cha không quan tâm», đã thốt lên với cha Monnin : «Điều này còn kéo dài được bao lâu

nữa ?... Thật là điên rồ.» Vào ngày 8, nhà truyền giáo hỏi ông : «Cuộc chiến này sẽ kéo dài bao lâu ? - Chừng nào tội lỗi của chúng ta còn tồn tại.» Ngày hôm sau, vào tuần bát nhật lễ Mình Máu Thánh Chúa, vị linh mục trẻ đã gợi ý với cha : «Thưa cha, cha sẽ sớm được cầm trên tay Thiên Chúa của hòa bình. Vậy hãy xin Ngài ban cho chúng ta sự bình an. - À ! Bạn tôi ơi, trước tiên bạn nên tự làm đi.» Vào ngày 11, cha nhận được chuyến thăm của một người nông dân từ Pélussin, ở Loire, người con trai của ông ta là một người lính. Chúng ta không thấy hồi kết của cuộc chiến. Luôn luôn có câu hỏi nổi tiếng về việc trả tiền thay thế cho người lính. «Cha xứ, chúng ta nên chuộc đứa trẻ tội nghiệp này hay bỏ mặc nó cho số phận ? - Hãy để anh ta ở đó, bạn tôi ơi, không đáng để miễn cho anh ta đâu. Sẽ không có một phát súng nào được bắn ra nữa.» Đây là ngày mà, trước sự ngạc nhiên của mọi người, Napoleon III, người chiến thắng, quyết định yêu cầu đình chiến và ký Hiệp định đình chiến Villafranca. Cha Monnin vui mừng khôn xiết trước mặt vị linh mục của mình. Đột nhiên, cha dừng chúng tôi lại và thở dài nói : «Ồ, bạn của tôi, mọi chuyện vẫn chưa kết thúc đâu».

Trong khi đó, bà Pauze, một bà lão đến từ Saint-Étienne, người hành hương đến La Louvesc hàng năm để cầu nguyện Thánh François Régis, đến để xưng tội.

Bà ấy chào vĩnh biệt cha. «Không đâu, con ạ, cha đáp, chúng ta sẽ gặp lại nhau. Trong ba tuần nữa.» Quá ngạc nhiên, bà kể lại chuyện đó với chồng. Đến ngày đó, cả hai đều sẽ chết.

Vào ngày 18 tháng 7, một người phi thường, người phục vụ như chị gái của cha trong các nhiệm vụ của cha và là người đã khiến cha ngạc nhiên đến ngây ngất trong phòng của cha - có lẽ giống như Catherine Lassagne đã nhìn thấy cha một lần khác, nhưng cô ấy giữ im lặng. Cô Étiennette Durié trở về từ La Louvesc, nơi cô đã tĩnh tâm. «Con không có một buổi tĩnh tâm tốt đẹp, thưa cha. Con nghĩ là cha bị bệnh. - Đúng là hiện tại tôi không bị bệnh, nhưng sự nghiệp của tôi đã kết thúc. Đây là năm cuối cùng của tôi». Và đây là bài phát biểu cuối đời đáng lo ngại mà cha dành cho cô : «Tôi đã nói với cô điều này nhiều lần để đánh lạc hướng sự tò mò vô ích. Nhưng lần này, tôi nói với cô như tôi biết : đây là năm cuối cùng của tôi. Đừng nói về điều đó, con của tôi, tôi chỉ còn vài ngày để sống. Tôi cần thời gian này để chuẩn bị cho bản thân. Nếu cô đã nói ra điều này, người ta sẽ vội vã đi xưng tội : tôi quá choáng ngợp... Tôi chỉ là một tội nhân lớn. Nay, tôi khóc khi nghĩ đến điều này... Tôi sắp rời khỏi thế gian này... Tôi không biết mình có hoàn thành tốt chức năng thừa tác của mình hay không... Những gì cô đang làm không đáng sợ bằng

chức linh mục của tôi... Tôi sợ chết biết bao ! À ! Tôi là một tội nhân lớn... Nếu không phải vào cuối tháng này thì sẽ là vào đầu tháng sau. - Cô Durié hỏi, vậy làm sao tôi biết được ngày đó khi cha không muốn nói cho tôi biết ? - Sẽ có người nói cho con biết. Con sẽ có mặt tại đám tang của ta và sẽ dành đêm cuối cùng bên giường bệnh của ta... Hãy đón nhận, con của ta, lời xá tội cuối cùng từ người cha của linh hồn con. - Xin cha hãy cho con biết ngày nào cha phải chết ! - Không, con ơi, con sẽ không biết được đâu. Con sẽ ở lại đó. Và con sẽ gặp rất nhiều rắc rối. Nhưng con sẽ được báo điều đó vào thời điểm thích hợp». Vào ngày 22 tháng này, cô gái thánh thiện lại lên đường, lo vài việc vặt cuối cùng của cha Vianney.

Cuối tháng 7 được đánh dấu bằng thời tiết rất nóng. «Người ta không thể vào nhà thờ Ars này, cha Monnin kể lại, ngày đêm bị đám đông khổng lồ làm nóng, mà không bị ngạt thở. Những người đang chờ đến lượt xưng tội phải rời đi từng phút để tìm một chút không khí trong lành bên ngoài lò lửa này. Tuy nhiên, cha không rời đi... Cha không nghĩ đến việc rút ngắn thời gian của những buổi họp chết chóc này. Nhưng cha không còn thở nữa, hoặc cha chỉ hít vào một luồng không khí cũ kỹ, cháy bỏng, hôi thối, không thích hợp để duy trì sự sống.»

Nhà truyền giáo tiếp tục : «Chưa có gì cho thấy kết cục của cha, vì mọi người đã quen tin vào phép lạ cha được bảo toàn... Họ chỉ biết rằng khi cha thức dậy vào giữa đêm để trở về với những tội nhân thân yêu của mình, cha đã ngã nhiều lần trong phòng và đọc theo cầu thang vì yếu sức.

Và khi nhận thấy cơn ho chua mà vì yếu đã phải chịu đựng suốt 25 năm nay liên tục và đau đớn, vì yếu chỉ đáp lại bằng một nụ cười : «Thật khó chịu ! Nó chiếm hết thời gian của tôi».

Một buổi trưa, trước đó không lâu, vì yếu đã bước vào ngôi nhà nhỏ của Catherine Lassagne, bên cạnh nhà xứ: «Ôi ! Catherine tội nghiệp của tôi, tôi không thể chịu đựng được nữa. - Ngồi xuống một lát, con sẽ hâm nóng cho cha ít sữa.» Cuối cùng cha cũng uống được một ít và vào buổi tối : «Dù sao đi nữa, Catherine, tôi thực sự tin rằng nếu không có cốc sữa của cô, tôi sẽ không thể vượt qua được ngày hôm nay.» Cựu giám đốc của trường *Providence* nhớ lại những lời anh hùng của cha: «Nếu một linh mục phải chết vì đau đớn và lao động vì vinh quang của Chúa và sự cứu rỗi các linh hồn, thì điều đó cũng không tệ».

Vào thứ sáu ngày 29 tháng 7, cha cảm thấy sức khỏe yếu hơn. Tuy nhiên, với lòng can đảm, cha đã tiếp tục

công việc thường ngày của mình. Đến mười một giờ, cha kiệt sức đến nỗi phải gọi một trong những người hầu cận, Pierre Oriol, đến phòng thánh và chỉ xin một ít rượu. Cha uống vài giọt vào lòng bàn tay và có thể một mình bước lên bục giảng nhỏ để dạy giáo lý. Nhưng chúng tôi không thể nghe thấy cha nữa. Để đoán chủ đề cuộc trò chuyện của cha, người ta phải theo dõi chuyển động của đôi mắt cha liên tục hướng về phía nhà tạm. Bất chấp mọi điều, cha đã dành mười sáu hoặc mười bảy giờ trong tòa giải tội và kết thúc một ngày khó khăn này bằng lời cầu nguyện. Trở về nhà trong tâm trạng tan vỡ và kiệt sức hơn bao giờ hết, cha ngã gục xuống ghế: «Tôi không thể chịu đựng được nữa». Đã bao nhiêu lần cha không ngừng lặp lại : «Ồ ! Những kẻ có tội sẽ giết kẻ có tội » ? Sư huynh Jerome đã đỡ cha lên giường.

Cha Monnin viết : «Điều gì đã xảy ra sau khi (tất cả) rút lui, trong căn phòng mà vị linh mục thánh thiện sẽ không bao giờ xuất hiện khi còn sống, không ai biết». Trên thực tế, người ta đã có quan niệm chung rằng những đêm mất ngủ của cha cũng chính là sự viếng thăm của Chúa. «Người ta không luôn nằm trên nền đất cứng», cha đã thú nhận với cha Toccanier.

Theo cha Monnin, người lúc đó vắng mặt ở Ars, những gì chúng ta biết là vào lúc một giờ sáng, khi cha

muốn thức dậy để đi nhà thờ, cha nhận ra một điểm yếu không thể khắc phục được. «Cha gọi. Catherine, người đã bí mật theo dõi ở phòng bên cạnh, chạy vào trước: «Giờ phút cuối của tôi... Phải đi tìm cha xứ Jassans.» Sư huynh Jerome và sau đó là các nhà truyền giáo đến. «Giờ phút cuối của tôi...» Người giữ phòng thánh gọi ý nên gọi bác sĩ Saunier : «Vô ích thôi. Bác sĩ sẽ không làm gì cả đâu... Đừng làm phiền ai cả. Không đáng đâu». Cha Toccanier cầu xin Thánh nữ Philomena : «Thánh nữ sẽ bắt lặc».

Khi trời sáng, Giờ phút cuối của tôi không nói đến việc cử hành thánh lễ mà bắt đầu chấp nhận những mối lo lắng mà Giờ phút cuối của tôi đã trì hoãn cho đến lúc đó. «Nếu thời tiết tiếp tục nóng bức, bác sĩ Saunier chẩn đoán, chúng ta sẽ mất cha». Sau đó, chúng tôi thấy Hippolyte Pagès dừng cảm trèo lên mái nhà giáo xứ và suốt cả ngày, «dưới cái nắng gay gắt của tháng tám, liên tục tưới nước cho các bức tường và mái nhà». Vào sáng thứ bảy, một tấm nệm được đặt lên tấm nệm rom của cha và cha nói : «Cảm ơn». Cha đã nuốt hết số thuốc cần dùng. Tuy nhiên, cha cấm sử dụng quạt, thứ mà cha cho là xa xỉ, để giúp cha có chút không khí và xua đuổi lũ ruồi : «Hãy để tôi với lũ ruồi tội nghiệp của tôi... Chỉ có tội buồn chán mà thôi».

«Người ta không thể thấy môi cha cử động, cha Beau nói, nhưng mắt cha vẫn nhìn chăm chăm vào bầu trời. Tôi tin rằng có điều gì đó phi thường ở cha khi đó... Với những câu hỏi khác nhau được đặt ra cho cha, cha hầu như luôn chỉ trả lời có hoặc không».

Nếu, vào lúc đó, người ta hỏi những người bạn tâm giao và bạn bè của cha, như người ta đôi khi làm trong phòng của một người bệnh nặng, thì tất cả họ đều sẽ xác nhận lời của Sur huynh Athanasius, rằng «nỗi lo lắng lớn nhất của cha là rơi vào tuyệt vọng trong những giây phút cuối cùng của mình.» Hình ảnh «hấp hối» của cha vào năm 1843 vẫn còn sống động đối với cha. Làm thế nào cha có thể vượt qua giờ phút quyết định này ?

Vào thứ ba, ngày 2 tháng 8, bác sĩ quay lại : «Tôi còn ba mươi sáu quan, người bệnh nói với Sur huynh Athanase. Bảo Catherine đưa cho ông Saunier. Và sau đó, đừng bảo ông ta quay lại nữa, tôi sẽ không thể trả tiền cho ông ta nữa.» Vào khoảng ba giờ chiều, trước sự hiện diện của khoảng hai mươi linh mục, cha đã lãnh nhận các bí tích : «Thật buồn khi được rước lễ lần cuối cùng», cha lầm bầm một cách kỳ lạ khi đang ở lối vào thiên đàng. Các giáo dân chen chúc trên cầu thang và thậm chí vào cả trong phòng. «Một người có quyền tiếp cận người bệnh, cha Monnin kể lại, đã đến với đôi tay

chấp lại để cầu xin cha cầu xin Chúa chữa lành cho anh ta. Cha nhìn cô ấy bằng ánh mắt sáng ngời và sâu thẳm, và không nói một lời, cha lắc đầu từ chối.»

Thứ tư là ngày của luật sư. Luật sư Gilbert Raffin, công chứng viên tại Trévoux, «vào lúc một giờ sáng», đến cùng với bốn nhân chứng. «Cha muốn được chôn cất ở đâu ? - Ở Ars, cha yếu ớt đáp lại... Nhưng cơ thể tôi chẳng là gì cả.» Do đó, một bản di chúc đẹp đã được lập ra, có chữ ký xác nhận của ông des Garets, Pierre Oriol, người vận chuyển Pertinand và Hippolyte Pagès, vì người lập di chúc được cho là đã tuyên bố «không có khả năng ký do sức khỏe yếu do căn bệnh mà cha mắc phải».

Cùng ngày hôm đó, cha Beau đọc - lúc ba giờ chiều, để tưởng nhớ đến đời Canvê - những lời cầu nguyện cầu xin cho linh hồn. «Luôn luôn bình tĩnh, luôn luôn trong trạng thái chiêm nghiệm.» Cha Monnin đến.

Vào khoảng bảy giờ tối, Đức Giám mục de Langalerie xuất hiện, «thở hổn hển, xúc động, cầu nguyện lớn tiếng, chen qua đám đông đang quỳ gối khi đi qua.» Vị giám mục ôm lấy cha và hứa sẽ cầu nguyện cho cha. «Đó là khoảnh khắc duy nhất ngày hôm đó, cha Beau quả quyết, khi cha rời bỏ sự kết hợp với Chúa».

Vào thứ năm, ngày 4 tháng 8, lúc hai giờ sáng, trong khi cha Monnin đang chậm rãi đọc kinh cầu nguyện cho người hấp hối, đúng lúc các thánh của Chúa được yêu cầu đến gặp linh hồn và dẫn linh hồn vào Thành phố sống, thành Giêrusalem trên trời, «không sốc, không đau đớn, không bạo lực», Jean-Baptiste-Marie Vianney đã an nghỉ trong Chúa.

Cha xứ Ars đã bày tỏ mong muốn rằng cha sẽ không bị trần trụi sau khi chết. Những người đã giúp đỡ cha đã ra đi và chứng kiến, như cha Toccanier làm chứng, hình ảnh kiệt sức của con người ở mức độ cuối cùng. Cha mặc áo lễ, áo rochet và khăn choàng mục vụ, và vào khoảng năm giờ sáng, thi thể được hạ xuống một căn phòng ở tầng trệt.

Sau đó, chuông nhà thờ Ars đổ chuông và tất cả chuông của các nhà thờ lân cận, được báo động bởi tiếng gọi, lần lượt rung lên : Savigneux, Mizérieux, Toussieux và thậm chí cả Jassans. Đó chỉ là một nỗi đau chung...

Lúc năm giờ chiều, cô Étiennette Durié đến nơi, cô đã được một tu sĩ từ Roanne thông báo trên đường đi.

Cha đã rời xa chúng ta nhưng chúng ta lại tìm thấy cha. Khi chúng ta khép lại câu chuyện khiêm nhường, anh hùng và kỳ diệu của cha, khi chúng ta cũng phải

từ biệt cha, tại sao, trong số tất cả những lời của cha, câu nói này lại hiện lên trong tâm trí chúng ta, câu mà cha phản đối với cha Monnin, người đang tỏ lòng kính trọng cha : «Một chút tình bạn, đó là tất cả những gì tôi cần ?»

Phần Phụ Chú

Ngoài *phiên tòa xét xử vụ án* mà các cha Rollet và Chamel đã vui lòng cho phép chúng tôi tham khảo, chúng tôi đã rất lưu ý đến việc nghiên cứu tiểu sử của cha Alfred Monnin, *Cha xứ Ars*, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1861 và chúng tôi đang có trong tay phiên bản thứ hai mươi hai năm 1922. Chúng tôi tin rằng chúng tôi đã nắm bắt được tinh thần của Thánh Jean-Baptiste Vianney trong đó. Tác phẩm kinh điển và phổ biến của Đức Cha Trochu, xuất bản dưới cùng tựa đề vào năm 1925, vẫn là danh mục địa lý và lịch sử thiết yếu. Nhiều thông tin không chính xác của cha Monnin đã được sửa lại và các tài liệu chưa công bố đã được thêm vào. Chúng ta nên thường xuyên nhắc đến điều này, đặc biệt là về cuộc sống thời thơ ấu và cái chết của vị thánh. Kể từ đó, trong khi cha Nodet, người có lòng nhiệt thành với sự nghiệp của Ars cũng như sự lịch sự của cha đối với những người hành hương và các nhà nghiên cứu, đã trao cho chúng ta vào năm 1958 một bộ sưu tập quý giá gồm những trích dẫn được phân loại hợp lý, phù hợp để suy ngẫm, thì Giám mục Belley hiện tại, Đức cha Fourrey đã xuất bản một album minh họa tuyệt đẹp, trong đó có những tác phẩm lưu trữ hoàn toàn bị bỏ qua cho đến lúc đó. Lời bạt cũng công bố

những khám phá tuyệt vời, tóm tắt những điều cốt yếu. Chúng tôi đã được hưởng lợi rất nhiều từ nó.

Trong một trong những khoảnh khắc tuôn trào của mình, vốn không phải là hiếm, và trong một trong những câu chuyện cười thậm chí còn ít hơn thế, Đức Cha Baudrillart đã kể với chúng tôi, hai mươi lăm năm trước, khi chúng tôi còn là chủng sinh tại Carmes : «Chúng tôi, những nhà sử học, liên tục sao chép lẫn nhau... Bạn muốn gì ? Chúng tôi không có quyền sáng tạo». Chắc chắn là sự phục tùng này và sự thật là chúng tôi sẵn sàng thừa nhận nó sẽ giúp chúng tôi có được cái cơ để vay mượn nhiều như vậy. Một số trang trong cuốn sách của chúng tôi được biên soạn giống như những bài giảng của vị linh mục nghèo.

Sẽ công bằng khi nêu ra ở đây chính xác tất cả những gì chúng ta biết ơn về nghiên cứu của bà Claude Genêt về chủ đề khó khăn này. Cuộc điều tra của bà được tiến hành bằng một phương pháp vượt xa những cuộc khảo sát ít ỏi hoặc những khái quát vội vàng của quá khứ đến mức chúng ta thấy mình đang đối mặt với một thế giới mới. Chúng tôi xin cảm ơn cựu giáo dân đã hào phóng cung cấp cho chúng tôi tất cả các ghi chép học thuật của bà, trong đó công chúng không may chỉ biết một phần nhỏ. Dưới sự hướng dẫn của bà, chúng tôi đã

ngiên cứu tám mươi lăm bài giảng, xác định và sao chép không chỉ những đoạn mà chúng tôi có thể coi là nguyên bản, mà còn cả những sai sót nhỏ nhất và thậm chí cả những chỉnh sửa nhỏ nhất mà nhà thuyết giáo Ars đã thêm vào văn bản nguồn của cha. Bằng cách thu thập những tài liệu này, với chuyển động, từ vựng và tinh thần trùng khớp một cách đáng ngạc nhiên với rất nhiều từ ngữ đáng kính hoặc đẹp như tranh vẽ được người đương thời ghi lại, chúng tôi đã đi đến những kết luận mà chúng tôi có thể đọc được. Theo chúng tôi, họ đã giải quyết dứt khoát câu hỏi gây tranh cãi về sự thiếu hụt thần học của cha Vianney. Nhiều nhà viết tiểu sử hiện đại dường như không còn tin vào điều đó nữa và xếp nó vào bảo tàng truyền thuyết. Chúng tôi thấy mình phải đối mặt với bằng chứng ngược lại. Hơn nữa, khi chúng tôi phát triển nó, nó làm sáng tỏ nội tâm của vị thánh cũng như sự phản đối của một số anh em linh mục hoặc sự thận trọng của Bề trên. Nhiều lời chứng thực, không thể chối cãi, được truyền bá trong suốt cuộc đời của cha xứ Ars, đã xác nhận điều đó. Những tình tiết hoặc câu nói ít nhiều mơ hồ đã được đánh giá cao hơn. Chúng tôi đã cố tình phá vỡ cả hai bằng cách trình bày giai thoại về cha Vianney và bằng hình thức chủ đề do cha Monnin khởi xướng và được Đức Cha Trochu lặp lại : «Cha xứ Ars và Ác quỷ», «Những mâu

thuần của giáo sĩ», «Cha xứ Ars, Người giải tội», «Cha xứ Ars, người linh hướng», v.v. Chúng tôi đã thực hiện việc lần lại hành trình tâm linh của vị thánh.

Dù người ta nghĩ thế nào thì thực tế, nhiều sự kiện hoặc văn bản đều đã lỗi thời. Chỉ cần thu thập chúng ở khắp mọi nơi và sắp xếp theo thứ tự là có thể tạo thành một dạng lưới về sự tồn tại đáng kinh ngạc này. Một loại tài liệu thứ hai được lập giữa hai ngày, mỗi ngày được cho trước : các khoảng thời gian được điền đầy đủ. Còn lại loại thứ ba, việc đưa vào loại này là vấn đề giả thuyết. Chúng tôi không hoàn toàn không có cách nào để đưa ra giải pháp khả thi cho vấn đề này. Đặc biệt, các di tích thuộc loại thứ nhất và thứ hai không chỉ có vị trí : chúng có nội dung, chúng gọi ra các mối liên hệ, chúng bộc lộ sự tương ứng, chúng gợi ý các nhóm. Chúng tôi tin rằng theo cách này, chúng tôi đã có thể thiết lập được những chuẩn mực của một hành trình nội tâm. Chúng tôi sẽ thảo luận về một trong hai điều đó: chúng tôi chỉ cần hưởng lợi từ một mâu thuẫn có cơ sở và chúng tôi xin cảm ơn trước những người sẽ giúp chúng tôi sửa chữa những lỗi mà chúng tôi đã mắc phải.

Có lẽ chúng tôi sẽ bị thách thức trên con đường chung của cuộc phiêu lưu phi thường này. Để tránh bị coi là khó chịu, chúng tôi sẽ tham khảo hàng trăm sự thật để

chứng minh cho điều đó. Sau đó, chúng tôi sẽ yêu cầu các nhà phê bình trình bày quan điểm chung của họ. Bởi vì, đối với chúng tôi, tiểu sử của một vị thánh bắt đầu bằng nỗ lực nắm bắt sự phát triển.

Nếu chúng tôi thực hiện cuốn sách này, đó là vì ngoài cha Monnin, người được hưởng đặc quyền và lời tiên tri của nhân chứng, chúng tôi chưa nhận ra, trong các tập truyện giai thoại hay trong các tác phẩm chuyên đề, một nỗ lực nào theo kiểu này. Những tác phẩm này cung cấp những yếu tố rất hữu ích cho một cuốn tiểu sử: chúng không cấu thành nên cuốn tiểu sử này.

Chắc chắn là có nguy hiểm khi tuyên bố tiếp cận được chuyển động của tâm hồn. Đây chính là mối nguy hiểm của việc suy nghĩ và viết. Tuy nhiên, khi có đủ tài liệu tham khảo cụ thể, tính tùy tiện sẽ giảm đi đáng kể. Điều này càng đúng hơn vì việc giải thích trước tiên không phải dựa vào trí tưởng tượng hay sự tinh tế về mặt tâm lý, mà dựa vào giáo lý truyền thống của Giáo hội : chúng tôi chưa bao giờ ngừng tham khảo giáo lý này. Tuy nhiên, chúng tôi thực sự vui mừng khi nghe những người kiểm duyệt tiềm năng đưa ra cho chúng tôi cách mô tả sự kiện tốt hơn, vì đồng thời với cái nhìn sâu sắc hơn về giáo lý Công giáo, chúng tôi cũng sẽ hiểu sâu sắc hơn về một trong những vị thánh đáng kính

ngạc nhất mọi thời đại.

Tài Liệu Tham Khảo

Về vị linh mục của Ars, người ta cũng sẽ đọc thấy có ích :

[MONNIN] : *Tinh thần của vị linh mục thánh thiện xứ Ars.*

Đức Cha TROCHU : *Xung quanh cha xứ Ars.* Chúng tôi nợ cuốn sách này nội dung của hầu hết các lá thư được trích dẫn.

Trực giác của cha xứ Ars, 3 tập.

Đức Cha CONVERT : Nhiều tác phẩm khác nhau, bao gồm *Sách Giáo lý của Cha thánh xứ Ars.*

H. GHÉON : *Trò chơi Địa ngục và Thiên đường. Cha thánh xứ Ars.*

J. DE FABREGUES : ... *Vị tông đồ của thế kỷ tuyệt vọng : Jean-Marie Vianney, cha xứ Ars.*

Đức Cha RENÉ FOURREY : *Cha xứ đích thực của Ars, Fayard, 1964, (cung cấp nhiều tài liệu mới, phần lớn xác nhận chứ không thay đổi diện mạo của Cha xứ Ars).*